



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **35+36**

(2794-2795)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

NGÀY 1 - 9 - 2013

KỶ NIỆM 68 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
VÀ QUỐC KHÁNH 2 - 9 (1945 - 2013)

● TÔI YÊU VIỆT NAM

VÕ KHẮC NGHIÊM

● BẠC VĨ NHÂN THẾ KỶ HAI MƯƠI

SƠN ĐỊNH

● VĂN NGHỆ ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

HỮU THỈNH

● BÀN THÊM VỀ MỐI QUAN HỆ VĂN HOÁ VÀ VĂN MINH

BÙI ĐÌNH PHONG

● HY VỌNG HOÀ BÌNH TỪ MEDELLIN

NGUYỄN PHAN QUẾ MAI

Ảnh của HOÀNG ĐÌNH NAM



TRONG cuộc sống hằng ngày ta thường gặp những điều ngang trái, những chuyện bức mình rồi oán trách, chê bai, than vãn... Nhưng hồi ức lại chặng đường mình đã đi qua, đất nước đã vượt qua với biết bao gian khổ, nhọc nhằn và nhìn ra xung quanh, ta bỗng cảm thấy mình thật may mắn với những gì đã đạt được, đã có được. Tôi thường lắng nghe tiếng nói của các bạn Việt kiều và các nhà khoa học ở những nước phát triển. Dù còn những điều họ chưa hài lòng, còn mong muốn cao xa hơn, nhưng những nhận xét của họ về đất nước ta luôn khách quan, đúng đắn với niềm tự hào và sự thừa nhận về bản sắc độc đáo của dân tộc Việt Nam. Một nhà sử học Anh nói: *"Nếu năm 1945, chính phủ Mỹ công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì người Anh không thể cho quân Pháp núp bóng trở lại xâm chiếm Việt Nam, và vị trí của Hoa Kỳ ở Việt Nam và Châu Á đã đặc biệt hơn cả Nga lẫn Tàu, lại không phải hao tốn qua nhiều binh sĩ và tiền bạc sa lầy hàng chục năm để bây giờ Mỹ đang phải vội vàng trở lại giành ảnh hưởng ở Châu Á. Rõ ràng Chủ tịch Hồ Chí Minh không thiếu chữ nghĩa nhưng đã hướng về nước Mỹ bằng cách đưa tinh thần chủ đạo của tuyên ngôn độc lập Hoa Kỳ mở đầu cho bản tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Mới vì ông tin vào sự tốt đẹp của thể chế, tiềm lực và vị thế Hoa Kỳ..."*. Theo tài liệu lưu trữ thì sau ngày 2/9/1945, Bác Hồ chỉ gửi đi 2 bức điện cho Hoa Kỳ và cho Trung Hoa Dân Quốc kèm theo bản Tuyên ngôn Độc Lập, tha thiết để nghị họ công nhận và thiết lập

mặt hàng chất lượng cao mang thương hiệu Việt Nam, tự hào trước vị thế mới của Việt Nam khi gia nhập khối ASEAN, bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, rồi gia nhập WTO, mạnh mẽ vươn lên trong hội nhập toàn cầu, vững vàng vượt qua hai cuộc khủng hoảng kinh tế lớn của cả thế giới.

Bạn tôi tâm sự: Thấy Việt kiều khắp nơi về nước làm ăn, vợ chồng tôi cũng muốn lắm, nhưng cứ ngại ngại... không biết có hiệu quả, có bền vững được không. Nay biết tin Nhà nước sẽ cho Việt kiều có visa trên ba tháng sẽ được mua nhà, vợ tôi vui lắm, giục tôi phải về ngay...

Tôi nói rõ thêm với anh những chủ trương mới của Nhà nước về cải cách hành chính, về cơ cấu lại các doanh nghiệp, điều chỉnh thuế thu nhập, mạnh dạn kích cầu tiêu dùng, nhất là về bất động sản: Hiện đã có trên 3.600 doanh nghiệp Việt kiều đầu tư 8,6 tỷ USD và kiều hối gửi về nước đã trên 10 tỷ USD/năm, chiếm gần 10% GDP của cả nước. Phải chăng đó là những "quả dưa đỏ tượng trưng" của cộng đồng người Việt ở hải ngoại luôn hướng về Tổ quốc. Bỏ con anh bạn nhìn nhau gật gù. Chàng trai nhỏ nhẹ: Lâu nay qua báo chí, truyền hình, châu vẫn biết đất nước mình đã thực sự đổi mới, đang hội nhập toàn cầu, nhưng không thể hình dung nổi chất lượng cuộc sống của toàn dân đã nâng lên vượt bậc như thế này. Quả thật ở Bỉ cũng không nhiều xe sang, nhiều hàng xịn của khắp thế giới như ở Việt Nam...

Trầm ngâm nhấp nhụm trà Tân Cương, bạn tôi nhắc lại gói

TÔI YÊU VIỆT NAM

Tùy bút của VÕ KHẮC NGHIỆM

quan hệ ngoại giao với nước ta... Tiếc thay, phải mất hơn nửa thế kỷ sau Mỹ mới có Đại sứ tại Hà Nội... Người Mỹ đã đánh giá thấp người Việt...

TỪ NHỮNG QUẢ DƯA ĐỎ TƯỢNG TRƯNG

Mùa hè năm nay, bạn tôi, một doanh nhân Việt kiều từ Vương quốc Bỉ về thăm quê hương cùng với cậu con trai vừa tốt nghiệp một trường đại học danh tiếng ở Paris. Chàng trai nói tiếng Việt chưa thật sôi, nhưng lại tỏ ra rất am hiểu văn hóa và tình hình kinh tế nước nhà: "Chuyện cổ tích Việt Nam rất hay, nhiều chuyện sâu sắc, độc đáo. Thích nhất là chuyện *Cây tre trăm đốt* với câu thần chú *xuất - nhập* thật tài tình. Châu tin rồi sẽ có người Việt trồng được cây tre trăm đốt. Còn chuyện *Quả dưa đỏ của An Tiêm* thì có nhiều ý nghĩa sâu xa hơn cả *Robinson giữa hoang đảo*. Cộng đồng người Việt ở đâu cũng cần cù sáng tạo làm ăn, cũng muốn làm ra những *quả dưa đỏ*..."

Anh bạn tôi ngày ấy chạy chốt mãi mới được đi lao động ở Liên Xô. Bán sạch cơ nghiệp mua được mấy chục chiếc đồng hồ điện tử và ít quần áo bỏ mang theo, vậy mà làm nên cơ nghiệp ở Nga, rồi lấy vợ Việt kiều ở Bỉ, trở thành nhà doanh nghiệp giàu có. Vì mặc cảm với cơ quan cũ và chẳng còn ai thân thích ở quê nhà nên anh ít về nước. Thời bao cấp lương không đủ nuôi con, hầu hết công chức nghèo phải làm thêm đủ thứ việc, từ nuôi lợn, nuôi gà đến may đan, chạy chợ bán gạo, bán chè... nhưng chẳng mấy ai dám bỏ cơ quan để trở thành "*con phe*", "*con buôn*". Chỉ riêng việc thay đổi cách gọi là "nhà buôn", "nhà doanh nghiệp", "doanh nhân" nghe sang như bây giờ đã là cả một quá trình chuyển biến lớn trong ý thức hệ người Việt Nam gắn liền với sự thừa nhận giá trị của kinh tế tư nhân trong cơ chế thị trường.

Nhờ sự điều chỉnh mang tính chiến lược trong phát triển kinh tế, trong chính sách đối ngoại mềm mại, mở rộng quan hệ đa phương, Việt Nam đã nhanh chóng tăng trưởng cao trong nhiều năm liền, đưa nhiều mặt hàng xuất khẩu thế mạnh chiếm lĩnh thị trường thế giới. Kiểu bào ta ở hải ngoại vui mừng chào đón những

chè Hồng Đào và bao thuốc Điện Biên tôi tặng dịp Quốc Khánh năm nào... Chàng trai chăm chú lắng nghe chúng tôi hồi ức, không như cô con gái ông hàng nước đầu ngõ chẳng chịu đi xe Chaly của bạn trai mà đòi phải là xe Liberti chính hãng kia. Bà mẹ mắng: Thời chúng tao yêu nhau chỉ mong có chiếc xe đạp đeo nhau lên Hồ Tây đã hạnh phúc lắm rồi. Cô gái xằng giọng: Thời mẹ khác, so sánh thế nào được... Quả là không nên lấy cái sự khổ cực của đời mình mà bắt con cháu phải sống như mình, và cũng chẳng nên lấy sự nghèo khó làm niềm tự hào cho cái sự trong sạch hay biện minh cho sự bất tài vô dụng. Nhưng trong náo nức, đầy đủ, người ta thường có những đòi hỏi, những mong muốn vật chất quá cao; thậm chí lố lằng. Cô gái không thể nào hiểu được với cái ấm chè chén vừa hè mẹ cô đã nuôi ba đứa con tốt nghiệp đại học đã là chuyện phi thường. Rất nhiều người mẹ đã quên cả tuổi xuân, thức khuya dậy sớm bán xôi, bán bún, nuôi lợn nuôi gà, chạy chợ kiếm từng mớ rau vì tương lai con cháu... Có nhớ lại thời xóa bỏ ngăn sông cấm chợ, xóa bỏ tem phiếu khó khăn, lẩn cấn thế nào mới hiểu được giá trị của những phiên chợ sầm uất, những siêu thị ngập hàng hôm nay...

VIỆT NAM ĐÃ CÓ NHIỀU NGƯỜI GIÀU

Vào dịp kỷ niệm Quốc khánh 2/9 năm nay, lượng du khách vào Việt Nam tăng khá cao mặc dù đang mùa mưa bão. Cùng với nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, hội thảo khoa học, hội chợ, lễ vu lan rằm tháng bảy... Chính phủ đang có những quyết sách mới mang tính chiến lược nhằm thu hút đầu tư nước ngoài và kích cầu tiêu dùng nội địa. Nhiều Việt kiều đã xin gia hạn visa để tìm kiếm cơ hội đầu tư. Một nhà báo trẻ theo dõi phiên họp của ủy ban Thường vụ Quốc Hội thảo luận về việc cho phép mở Casino và cá cược bóng đá đã nhận xét rằng đây thực sự là một cuộc cách mạng trong nhận thức của cơ quan Lập pháp và Hành pháp của nước nhà, đồng thời cũng phản ánh nhu cầu chính đáng của

(Xem tiếp trang 4)

Ở tuổi tôi, ông giới cho sống thêm ngày nào là hay ngày ấy. Nghĩ cho cùng cái vui cái buồn một kiếp thế cũng là quá đủ. Nhiều chuyện tưởng động trời vậy mà đến tai lại thấy chưa lấy gì làm lạ. Cái có thể thấy hình như thấy cả rồi, cái không thể thì mong làm gì cho thêm buồn. Một ông nhà văn Pháp đã thốt lên, *không có gì chống cự bằng chính cái mới*. Người đã bảy mươi sống theo mình, thấy thế nào là phải thì cứ thế mà làm. Thời gian đi như bóng câu qua cửa, xuân thu đắp đổi ngoài sông nước trôi, ngoảnh đi ngoảnh lại chóng vánh đời người... Nếu còn gì phải lo nghĩ chính là lo nghĩ về một hướng đi cho đám con trẻ. Tưởng vậy chứ cũng nặng nề lắm, nhiều lúc nó đặt ta vào một tình thế lưỡng nan, lưỡng thiện hay thiếu lưỡng thiện. Đùng tưởng lưỡng thiện là chuyện dễ làm, nhiều khi thiếu lưỡng thiện lại an toàn hơn.

Lúc làm Di chúc, Bác Hồ có lấy một câu của thi hào Đỗ Phủ, *nhân sinh thất thập cổ lai hy*. Muốn văn cái đáng trích dẫn sao Người lại tìm câu này, vậy ở đây ý tứ là sao? Ta thường dặn nhau phải học Bác, nhưng việc tìm cho đến ngọn nguồn câu này xem thử Bác có còn định dặn gì ta thì hình như chưa phải ai cũng đã có dịp làm. Ông Đỗ Phủ có ba bài Giang đầu, câu thơ Bác chọn nằm ở Giang đầu một. *Ngày nào cũng thế, hỡi triều là ôm áo tìm ra đầu sông gán rượu, uống cho tận say mới về, nọ rượu chuyện vật đầu chỏ có, chỉ tuổi bảy mươi của con người ta là hiếm xưa nay, kia chuẩn chuẩn đang đập nước, bướm bướm đang luồn hoa, nghĩ thấu lẽ đời lại lấy làm vui, hà cớ gì phải chạy theo cái danh hào cho bản tâm thân*. Cái ý tứ sâu xa là nằm ở hai câu kết. Nguyên văn thế này, *Tế suy vật lý tu hành lạc, hà dụng phú danh bản thử thân*.

Đạo này tự dung ít muốn ra ngoài, thích ngồi nhà để nhớ lại, để chiêm nghiệm như người ta vẫn thường nói. Loanh quanh tu sửa những gì đã viết, đọc thiên hạ chẳng được là bao, ầu cũng là cách thu vén sớm, đợi một ngày chào anh em lên đường.

Thằng con tôi nó nói, nhà nước trao tặng ông đủ thứ giải thưởng, thế là có ý để nghị ông lùi vào tuyến sau nghỉ ngơi, những gì chưa làm nổi để con cháu chúng nó lo, mình nên chấp tay sau đít đi đi lại lại, thấy trống trải thì vòng ra đường làm một *cuộc* xe ôm nhìn thiên hạ sống ra làm sao. Dấu hiệu của một tài năng còn là ở chỗ biết đến lúc nào thì nên dừng bút. Phàm cái gì đã làm mãi mà vẫn không thành, biết không thành mà vẫn cứ làm mãi đấy là đã sa vào một thảm cảnh.

Tôi quát, thằng này ăn nói phải ý tứ, còn mấy trang trong mớ *Đầy vôi năm tháng* nữa là tao ung dung rồi. Lúc ấy tha hồ chơi thơ chơi họa. Về già con người ta có quyền lẩn, quên những gì mình từng làm, chẳng nhớ mình là ai, cái thú nhất là được làm một anh thi sĩ nghiệp dư, một anh họa sĩ nghiệp dư, hay dở không bàn, xem sự nổi tiếng ở đời như bong bóng trên mặt sân vôi ngày mưa.

Ngày lại ngày tôi lạng lẽ lội vào ngôi đến thơ kia nhặt những câu ai bỏ quên, những câu thơ phảng phất buồn trong góc khuất vẫn tự mình tỏa sáng. *Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa. Áo bào thay chiếu anh về đất. Cổ mắm thơm mãi dấu chân em. Vạc chút bờ cong của mắt quê rau dầy làm lẽ buổi anh về...* Hình như lẩn trong cái buồn ta dễ tìm thấy sự sang trọng.

Và chốt thu tôi bất chợt đầy vôi năm tháng...

Sau làng tôi có một cái ấp, ông anh họ ngoài ấp thuở nhỏ không được đến trường, năm cách mạng đã mười bốn mười lăm mà vẫn không biết đọc biết viết. Có một anh giáo được huyện cử về làng làm chiến sĩ diệt dốt, anh giáo xui mang vôi trắng ra để anh ấy viết chữ lên mõng con trâu đục, mỗi hôm hai chữ, mười hôm hai mươi chữ. Còn chữ cuối cùng trong bảng chữ cái anh chưa kịp học nốt vì anh giáo có lệnh gọi vào bộ đội. Hai năm sau đủ căn đủ lạng anh cũng xung phong tòng quân, vào bộ đội huyện lại gặp anh giáo lúc ấy đã là trung đội trưởng. Gặp nhau anh giáo hỏi luôn, chú thuộc đủ



VÀ CHỢT THU

ĐỖ CHU



hai mốt chữ cái chưa? Anh đáp, báo cáo chỉ huy em đã biết đọc biết viết rồi. Vậy chú lấy gạch viết đại mấy chữ lên tường tao xem. Anh cầm mẫu gạch non viết vào mấy chữ cu tí sờ tí cái tit. Anh giáo gặt đầu, khá, thằng này nhanh trí cho làm liên lạc. Làm liên lạc ngày nào anh cũng phải cầm lệnh chạy tứ tung khắp huyện, mấy lần qua làng bác gái nghe tin choàng ra tìm nhưng đều mất hút nên mẹ con không gặp nhau.

Đời anh tôi là một đời ôm súng đuổi giặc, muốn đuổi giặc phải biết chạy nhanh chạy bền hơn chúng. Chạy ở lòng chảo Điện Biên, chạy dọc Trường Sơn xuống những cồn cát khu năm khu sáu, rồi chạy vào Đồng Tháp, chạy tuốt Mũi Cà Mau, chân đạp lên những ngọn sóng cao lừng lừng, ra biển ra đảo. Đến khi về, đã là ba chục năm có lẽ, vai đeo lon tưởng, vào Quốc hội. Lại gặp anh giáo giờ đã làm gì to lắm ở Trung ương, một hôm nghe anh tôi đứng lên báo cáo gì đó trên diễn đàn, ra uống nước ngoài hành lang hội trường, anh giáo ghé tai bảo, quê mình có cái tật nói ngọng e nờ e lờ, phải chịu khó sửa mới được, như thế vẫn là chưa xong hai mốt chữ cái đầu đấy. Từ đấy anh tôi thường đun đầy để người khác lên nói, còn mình thì ngồi dưới lắng nghe. Một lần anh tôi về thăm quê, tôi kể ngoài Hà Nội không biết nghĩ thế nào mà người ta lại cho hạ bức tượng đồng tưởng niệm ông Alexandre de Rhodes, là người đã có công làm cho dân ta cái chữ Quốc ngữ. Anh tôi lắc đầu lắc bầm. Nói có chú, anh là thằng chạy dọc chạy ngang khắp Đồng Dương, chạy từ lúc tóc còn xanh đến lúc tóc râu bạc trắng, chạy hết đời mới biết hiểu con đường mình vượt qua cũng chưa phải đã dài, dài đến vô cùng phải là con đường học vấn, càng được học hành càng thấy mình dốt, sống làm người sự học là khó trên mọi thứ khó. Nếu như anh được cử làm Chủ tịch thành phố thì cái lệnh đầu tiên sẽ là cho dựng lại tượng đài Alexandre de Rhodes. Bức tượng ấy đặt ở bên hông đến Bà Kiệu anh cũng biết. Có mấy người dắt dân ta đi học đấy là ông ấy, là cụ Nguyễn Văn Tố, là Bác Hồ. Một lần ngồi với anh giáo anh cũng đã nói như thế, anh giáo gặt đầu khen, chú nghĩ phải, biết nhớ ơn là một phẩm hạnh của con người trên khắp thế gian.

Có những bất cập trong xã hội ta, nó làm cho đời sống tinh thần ngày một xuống, người đông thêm nhưng chất lượng nhân phẩm sa sút, thừa thãi ý thức đấu tranh mà lại nghèo tình trung thực, nghèo lòng trắc ẩn. Khổ vậy đấy. Bao giờ ngất được căn bệnh này thì xã hội lại phát triển lành mạnh. Trẻ sẽ bớt nóng nảy, già sẽ bớt nóng cạn. Giấc ngủ thường đêm ít mê thấy quỉ nhập miếu.

Cách mạng Tháng Tám là bước ngoặt trọng đại trong tiến trình lịch sử nước nhà.

Một chân trời mới mở ra với nền Cộng hòa non trẻ. Đứng đầu nhà nước này là một vị Chủ tịch giàu cốt cách gánh vác, đường như ở đây đã có sự chuẩn bị mang ý nghĩa cơ trời vận đất.

Đây là những ngày tháng đẹp nhất trong những ngày tháng đẹp, để hôm nay ngẫm lại mỗi người trong chúng ta còn chưa hết rung rung. Hãy hình dung, từ vũng bùn nô lệ một đám đông khổng lồ bắt đầu với hai bàn tay trắng và quả tim nóng, gọi nhau đứng quanh Người, gọi nhau làm một cuộc lên đường rất dài và rất nhiều chông gai, dăm sống và dăm chết cho nền tự do, độc lập của dân tộc, trong đó có chính mình. Từ buổi đầu Bác đã trang trọng nói trước toàn thể đồng bào, "Tự do cho một dân tộc mà không có tự do cho mỗi người thì cái tự do ấy liệu để làm gì!"

Thân phận mỗi người dân nước Việt đã được Người nhìn nhận bằng một tầm nhìn mang khát vọng nhân quyền ở một xã hội có đẳng cấp. Người trở về Tổ quốc như một huyền thoại, như một giấc mơ mà lại cũng hết sức gần gũi. Người ra đồng ruộng cùng bà con tát nước chống hạn, cùng các cụ già trồng cây, bón cơm mớm cháo cho trẻ thơ và làm thơ gửi cả nước mỗi bận xuân về.

Đầu tháng chín năm ấy Người đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại quảng trường Ba Đình. Bản tuyên ngôn tự tay Người thảo bằng nội lực giống nòi, bằng hồn thiêng núi sông, bằng khí phách toàn dân tộc.

Vài hôm sau Người cho gọi mấy đồng chí phụ trách Nha Công an Bắc Việt lên làm việc, lúc chia tay Người dặn dò, sinh ra các chú là phải có bắt bố, vậy Bác tặng các chú mấy câu để mang theo trên đường công tác lâu dài, "Hay bắt không bằng bắt hay, bắt hay không bằng không hay bắt".

Phương Tây có câu người mạnh là người biết nói đùa. Lại có câu mọi việc nghiêm chỉnh đều giấu dưới nụ cười. Càng đau càng phải biết cười, cho nên Bác mới hay cười. Thiết nghĩ sau nụ cười hôm ấy của Bác còn có mệnh mông một tình yêu thương con người. Nhà văn Xôviết Mendênxtam từng nói: nụ cười Nguyễn Ái Quốc có mang ánh sáng văn hóa của một nhân loại tương lai.

Khoan hóa mà lắm liệt, Người đã thực hiện một cuộc lên đường đầy tinh thần mình triết giữa một nhân loại đang vỡ ra biết bao biến cố khôn lường. Đó là một chuyến đi dài ba chục năm, mỗi chặng đường một cái tên. Những cái tên khiến đồng chí đồng bào ngóng đợi mà kẻ thù thì ngán ngại. Con người nhân ái là thế lại có thể cũng là một nỗi ám ảnh khiếp hãi đối với các thế lực

thực dân cũ và mới.

Là kẻ hành khất rách rưới không quê hương Tổ quốc? Vâng, quả có thế. Là kẻ bị săn đuổi, ruộng bỏ? Vâng, quả có thế... Nhưng thưa, không hẳn chỉ có thế. Đây còn là người một mai sẽ nhảy xuống sông mở đập, áo vải phong phanh mà trí lự nuốt ngu, là người lĩnh xướng, người chỉ huy, nhà kiến tạo, nhà tổ chức xuất sắc của một nhân dân xuất sắc.

Người ấy đã từng khóc thầm trong đêm vắng Paris ngồi đọc Luận cương Lênin bàn về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, đã từng kể trong những năm tháng bốn ba, chỉ thấy có đạo ở Mỹ nghe chúng dễ chịu hơn cả, bước ra đường người ta còn muốn chuyện trò với mình. Đã từng ghi vào tâm khảm câu nói hay của thổ dân da đỏ, "một người vì mọi người, mọi người vì một người" và đọc Tuyên ngôn Độc lập Mỹ 1776, say mê luôn Thomas Jefferson, một chính khách lỗi lạc, cha đẻ của bản tuyên ngôn đó, khen ông này có nhân cách liêm chính, tầm mắt rộng, yêu con người.

Suốt bốn mươi năm hoạt động Thomas Jefferson đã từng ở các cương vị Chủ tịch Đảng Dân chủ, Thống đốc bang, Ngoại trưởng rồi Tổng thống. Ông từng để lại những câu nói nổi tiếng: mình triết cần phải lớn lên cùng quyền lực của chúng ta. Mình triết dạy chúng ta càng ít sử dụng quyền lực thì quyền lực càng lớn!

Hồ Chí Minh ra đời sau Thomas Jefferson gần hai thế kỷ, ở hai miền xa lạ vậy mà cả hai đã cùng yêu, và đều là hiện thân của mình triết. Họ đã gặp nhau trong cách tiếp cận xem xét sự vật, lắng nghe được cả những tiếng gọi xa vời của thực tiễn, và cả hai đều nhún vai trước tất cả những gì gọi là giáo điều thô bạo, với đủ mọi biểu hiện thâm hiểm của nó và tất nhiên, sẵn sàng giẫm lên nó mà đi tới.

Còn có một điểm chung giữa họ nghĩ thật rất lạ lùng, cả hai người ấy sinh khác ngày nhưng lại đều biết chọn ngày Quốc khánh nước mình để qua đời.

Thomas Jefferson mất ngày 4 tháng 7 năm 1815 còn Hồ Chí Minh mất ngày 2 tháng 9 năm 1969. Một trùng hợp ngẫu nhiên không thể giải thích, chỉ có một điều không hề ngẫu nhiên, đấy là Tuyên ngôn Độc lập Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tràn trọng dẫn những lời hào sảng mang tinh thần nhân quyền cao mà Thomas Jefferson đã đưa vào Tuyên ngôn Độc lập Mỹ như một thông điệp gửi đến nhân loại.

Một lần tôi tạt vào làng Đường Lâm thăm nhà người bạn văn làm việc ở báo Văn nghệ, anh tên là Hà Nguyên Huyền. Hôm ấy anh Huyền đi đầu vắng, chỉ có người vợ

nguyên là bà giáo giờ kiêm luôn cả công việc làm tương là đang ở nhà. Đường Lâm có hai sản phẩm nức tiếng đấy là bánh tẻ và tương. Trong căn nhà cổ năm gian treo bức hoành phi chữ đẹp, tôi ngắm chữ và hỏi, phải đọc thế nào đây? Chủ nhà mau mắn trả lời, đấy là ba chữ các cụ nhà em để lại, *Cửu tắc trung*, nghĩa là *chìm tất nổi*.

Ngồi nhà anh Huyền hồi lâu tôi lại theo anh Phan Kế Hoàng, cháu nội cụ Phan Kế Toại, sang thăm ngôi nhà thờ của gia đình anh. Một nếp nhà nhỏ đồ đạc chẳng có gì đáng kể nhưng trên bức tường thanh bạch lại có treo một bức ảnh quý, cụ Hồ đứng với cụ Phan tay cầm tay cười vui lắm. Cả hai cùng mặc đại cán, tóc bạc phơ. Râu mép cụ Phan rậm, râu cụ Hồ ba chòm phơ phất. Nghe kể hai cụ đánh bạn với nhau từ thuở thơ ấu trong kinh thành Huế. Tiếng cùng là con nhà quan mà lớn lên mỗi người một phận. Người làm đến Kinh lược xứ Bắc kỳ, người lại lang bạt phong trần, tứ cố vô thân, gia đình tan nát. Ngoài hai mươi tuổi cụ Phan đậu cử nhân Hán học, người Pháp đến nhà bảo anh tội gì vội ra làm quan, nên qua Paris học thêm mấy năm Cao đẳng hành chính rồi về cũng chưa muộn. Chuyến ấy cụ Phan cùng với cụ Phó bảng Bùi Kỳ ngồi trong khoang VIP con tàu khách lênh đênh trên biển, vừa ngắm trời ngắm nước vừa làm thơ. Còn chuyến đi của cụ Hồ qua bên đó là một con tàu cũ nát sắp đưa về cảng làm đồng sắt bảo tàng, trên tàu cụ giữ chân phụ bếp, bỏ than. Một sáng kéo sọt khoai trên sàn tàu suýt bị sóng lôi xuống biển.

Vào mùa đông đầu tiên lên Việt Bắc kháng chiến, trên đường lội rừng đi họp Chính phủ, cụ Phan ốm khừ khừ trong tay một gói bọc giấy báo bên trong là cái chân giò sống được ngâm vào chum tương đủ một năm. Sau buổi họp cụ Phan mang cái bọc đó tới đặt nhẹ vào tay cụ Hồ nói khẽ bằng một câu tiếng Pháp, thưa cụ đây là quà năm mới bà nhà tôi làm nhờ tôi chuyển lên. Năm sau lại cuối đông, họp Chính phủ xong cụ Hồ đến bên cụ Phan ân cần hỏi, cũng bằng một câu tiếng Pháp, bà nhà dạo này có khỏe không thưa cụ, nhờ cụ nhân giùm là cũng lại sắp Tết rồi, tôi vẫn có ý đợi quà của bà ấy.

Mới hiểu thế nào là *Cửu tắc trung*. Hình như quy luật ấy đúng với mỗi người trong chúng ta chứ chẳng riêng gì ai.

Chìm nổi vốn là chuyện thường thấy với mỗi người cũng như với cả một dân tộc. Điều đáng nói là cần phải biết hy vọng, vững vàng niềm tin, vững vàng nghị lực để vượt lên, chìm mãi rồi có lúc cũng phải nổi. ■

Hà Nội, tháng 8/2013

TÔI YÊU VIỆT NAM

(Tiếp theo trang 2)

đồng đảo công chúng khi đã thực sự được ăn ngon mặc đẹp, tìm niềm vui trong những trò chơi tốn kém. Thực ra thì xổ số cũng là trò chơi cờ bạc hợp pháp đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách. Lâu nay dù ngăn cấm thì vẫn không cấm nổi những người máu mê lô đề, cờ bạc, cá độ cả ra nước ngoài, để mất những khoản ngoại tệ khổng lồ. Khi chấp nhận cơ chế thị trường quốc gia nào cũng nhận thức được những mặt trái của hội nhập, cạnh tranh. Với Việt Nam, sự thận trọng quá mức đã để lỡ nhiều cơ hội phát triển nhanh hơn. Thay cho những lời hoa mỹ sáo rỗng, nhân dân đang nóng lòng đón đợi những quyết sách đột phá cho mục tiêu *Dân giàu - nước mạnh, xã hội dân chủ - công bằng - văn minh*. Cùng với những biện pháp quyết liệt chống tham nhũng, việc cho hình thành những Đặc khu kinh tế như Vân Đồn, Phú Quốc, thí điểm tổ chức Thành phố Đô thị, bỏ Hội đồng nhân dân các cấp Quận, Huyện, Xã, Phường và tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà Nước theo hướng cổ phần hóa nhanh và những điều chỉnh về thuế... báo hiệu Việt Nam đang thực sự đổi mới toàn diện hơn. Dịp này, Quỹ Tiền tệ Thế giới (IMF) cũng đã có cuộc khảo sát thận trọng và thay đổi nhận định về Việt Nam rằng: *Kinh tế vĩ mô của Việt Nam đang phát triển ổn định, giảm lạm phát đáng kể, xuất khẩu tăng cao, năm 2013 có thể đạt tăng trưởng 5,5%..*

Nhiều phóng viên nước ngoài thừa nhận: Dù thu nhập bình quân của người Việt còn thấp, nhưng mức sống khá cao nhờ giá lương thực, thực phẩm, điện, nước rẻ. Phần lớn các gia đình ở các đô thị đều đã sắm được đủ tiện nghi sinh hoạt cao cấp không kém gì các nước phát triển. Đường như hàng điện tử, điện lạnh, xe đạp, xe máy đang quá dư thừa. Hàng may mặc Việt Nam ngày càng có uy tín, xuất khẩu đã vượt mốc 10 tỷ USD/năm. Cùng với gạo, cà phê, hồ tiêu... các mặt hàng thủy sản, da giày, đồ gỗ Việt Nam đang chiếm lĩnh nhiều thị trường quan trọng. Cùng với sự tăng tốc nhanh sản lượng Than, Điện lên hơn 10 lần trong 20 năm qua, Việt Nam đã rất thành công trong thăm dò, khai thác dầu khí và công nghiệp hóa dầu, phát triển nhanh các hải cảng. Việt Nam đã thực sự làm chủ an ninh lương thực và an ninh năng lượng, không chỉ bảo đảm cho dân chúng đủ tiêu dùng với giá hợp lý mà còn xuất khẩu khá nhiều. Từ vài trăm triệu đã nhanh chóng vượt lên 60-70 tỷ USD, góp phần chủ lực đưa GDP Việt Nam vượt lên gần 130 tỷ USD/năm... Tuy nhiên cũng có những cây bút nước ngoài thích bôi lông tìm vết, thích xia xối, mới đây, một trang mạng "phát hiện" rằng đồng tiền Việt Nam có giá trị thấp nhất, 33.000 VNĐ mới đổi được 1 Bảng Anh. Bạn Việt kiểu cười to: Nhưng một Bảng ở London chỉ mua được ba quả ớt thôi, còn ở Việt Nam thì 33 ngàn đồng đã là một bữa cơm bình dân có cả bia hơi của một sinh viên đấy. Chính Bảng Anh là đồng tiền mất giá nhất so với các ngoại tệ mạnh, từ 1 Bảng được 2 USD nay chỉ còn 1,54 USD. Tuy đồng tiền nước ta có bị mất giá do lạm phát nhiều năm, nhưng xem ra lại vẫn còn dễ chi tiêu và phù hợp với mọi đối tượng...

Mấy anh bạn Việt kiểu tỏ ra rất ngạc nhiên khi chứng kiến việc Ngân hàng Nhà nước đã bán ra 54 tấn vàng trong có vài tháng với 52 lần đấu giá. Sức mua lẻ vàng của người Việt đã tăng nhanh trong vài năm gần đây dù giá cao hơn giá thế giới có lúc đến 10%. Họ coi đó là thước đo quan trọng đánh giá nội lực của sức dân, cùng với số lượng người đi du lịch, đi chùa cúng bái. "*Phú quý sinh lễ nghĩa*" mà. Tôi bỗng nhớ năm 1975, khi tìm hiểu về 16 tấn vàng dự trữ của ngân khố Việt Nam Cộng Hòa để viết kịch bản phim và tiểu thuyết, mới nghe 16 tấn vàng thì thấy ngợp quá, nhưng quy ra tiền lúc ấy có 220 triệu USD, chỉ bằng một phần tư viện trợ Mỹ dành cho Sài Gòn năm 1974 (năm 1975 giảm xuống còn 750 triệu USD, nhưng chỉ mới chỉ trên 200 triệu). Trong tâm linh người Việt Nam, vàng là thứ để dành cho con cháu và phòng thân. Không chỉ người giàu có mà người nghèo cũng muốn tích góp chút vàng. Chưa ai thống kê chính xác được số lượng vàng trong dân chúng, nhưng chỉ cần thống kê số lượng vàng đã nhập, đã xuất (kể cả vàng chế tác trang sức) thì có thể đã lên đến cả nghìn tấn. Xin đừng quá bận tâm đến việc ngân hàng Nhà nước có nên kinh doanh vàng không, mà hãy nhìn vào nhu cầu tiêu dùng của dân.

Quả là đời sống của nông dân vùng sâu vùng xa còn nhiều khó khăn, nhưng từ 40% hộ nghèo, nay chỉ còn trên 10% theo chuẩn nghèo mới của Liên Hợp Quốc, thì đó thực sự là một kỳ tích, một bước phát triển quan trọng, được thế giới ca ngợi.

Dân có giàu nước mới mạnh. Điều đó ai cũng biết, nhưng làm thế nào để dân giàu lên nhanh chóng thì quả là vô cùng gian nan, mà những nôn nóng đòi "*đi tắt, đột phá giai đoạn - duy ý chí*..." đều phải trả giá đắt. Nhưng cũng thật tai hại khi lưỡng lự trong hoạch định phát triển kinh tế để mất những cơ hội tăng trưởng thuận lợi. Vậy nên cần có cái nhìn khách quan để trân trọng hơn trước tất cả những gì đã đạt được và nhìn thấu những việc cần làm trước mắt. Từ một đất nước nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, luật pháp chưa hoàn chỉnh, việc chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường thực chất là chuyển đổi ý thức hệ, đòi hỏi phải thay đổi từ cách nghĩ đến cách làm, từ tổ chức quản lý đến hệ thống điều hành luật pháp... Khi gia nhập WTO, chúng ta phải vội vàng xây dựng hàng loạt bộ luật mà đến nay vẫn phải tiếp tục hoàn thiện và xây dựng thêm nhiều bộ luật mới. Vậy mà vẫn còn khá nhiều lệ gây không ít phiền hà.

Công cuộc đổi mới đã giúp cho một nhiều người Việt giàu lên. Đành rằng có những kẻ giàu lên bằng tham nhũng, buôn lậu... Đó là những con sâu trong nền kinh tế. Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều doanh nhân tài năng đã giàu lên nhờ năng động làm ăn chân chính, đã rất sáng tạo, mạnh bạo trong sản xuất kinh doanh, tạo dựng những thương hiệu Việt nổi tiếng, thu hút hàng triệu lao động. Tuy khoảng cách giàu nghèo đã gia tăng, nhưng so với các nước phát triển thì chưa lớn. Người Việt hôm nay đã nhận thức được giá trị của làm giàu chân chính. Người giàu phải có trách nhiệm với người nghèo và người nghèo cần tôn trọng người giàu để họ giúp mình thoát nghèo. Đường như đã có thêm những bản sắc mới mẽ trong cách sống, cách nhìn nhận của người Việt ta... Thối đồ kị, ghen ăn tức ở giảm rất nhiều. Cả làng mừng vui khi có cô bé thi đậu thủ khoa, cả huyện tung bùng đón doanh nhân nhận được cúp vàng thương hiệu uy tín nhất ASEAN... Mới đây cả nước xúc động chia sẻ với gia đình chàng trai đã nhường áo phao cho đồng đội, tự nguyện chấp nhận hy sinh trong biển lạnh. Giữa sự xô bồ cạnh tranh vẫn lấp lánh những vẻ đẹp cao quý, sang trọng được tôn vinh xứng đáng. Sức mạnh đoàn kết cùng lòng yêu nước nồng nàn chính là nguồn năng lượng vô giá của BÀN SẮC VIỆT NAM.

TÔI YÊU VIỆT NAM

Sáu mươi tám năm trước Bác Hồ đặt ra ba mục tiêu quan trọng: *Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm*. Cả ba mục tiêu đó nhân dân ta đã thực hiện xuất sắc. Chiến tranh đã lùi xa nhưng những dư chấn vẫn còn khá nặng nề, không chỉ còn bom mìn, chất độc màu da cam mà còn nhiều hệ lụy khác giày vò nhiều gia đình cho dù không còn mấy ai bị đói hay mù chữ... Ngày nay với gần 90 triệu dân, mỗi năm có trên một triệu sinh viên đại học, cao đẳng ra trường, dù khó tìm việc làm thì ít ra những thanh niên được học hành cũng có thể đủ kiến thức để lập nghiệp. Rất nhiều cử nhân đã trở thành những tỷ phú, những chủ doanh nghiệp, chủ trang trại, chủ biệt bao công ăn việc làm cho bà con xóm làng. Sự lo lắng về chất lượng giáo dục rất đáng được quan tâm đặc biệt cùng với những đòi hỏi cao hơn về y tế, văn hóa. Nhưng không ai có thể phủ nhận những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước đã nâng tầm vóc Việt Nam, nâng giá trị con người Việt Nam. Trong chương trình "*Gặp gỡ Việt Nam lần thứ 9*" với sự tham dự của hàng trăm nhà khoa học nổi tiếng thế giới, trong đó có 5 người từng đoạt giải Nobel, với 4 cuộc hội thảo quan trọng, nền khoa học của Việt Nam được bạn bè Thế giới ca ngợi, đặc biệt nhất là việc chăm chú cho những tài năng trẻ và coi trọng khoa học cơ bản... trong thời gian tới, trước những biến động phức tạp của tình hình kinh tế, chính trị toàn cầu và biến đổi khí hậu, Việt Nam cần phải tìm ra những giải pháp hữu hiệu từ nguồn năng lực tiềm tàng của chính mình với tầm nhìn khoa học thông minh.

Để vượt tới một *nền kinh tế tri thức thông minh*, đưa đất nước tiến nhanh trên con đường công nghiệp hiện đại, muốn cho dân giàu, nước mạnh cần phải vỗ về sức dân, mở rộng dân chủ hơn nữa, phải thực sự công bằng trong mọi lĩnh vực. Đặc biệt là công bằng với mọi doanh nghiệp, mọi tầng lớp nhân dân, công bằng trong đãi ngộ mới tận dụng được nhân tài mới huy động được sức lực toàn dân, mới chiếm được niềm tin của nhân dân. Hãy mạnh mẽ cải cách chế độ tiền lương đã quá lỗi thời, không thể kéo dài tình trạng tăng lương nhỏ giọt hàng năm chỉ xấp xỉ với mức lạm phát, thực chất chẳng tăng được gì. Cùng với việc chấn hưng đạo đức, kiện toàn bộ máy công chức Nhà nước cần dừng cầm, kiền quyết chống đặc quyền đặc lợi, coi đó là *quả đắng thép* chống tham nhũng... Đó là những ý kiến tâm huyết, chân thành của nhiều nhà khoa học, nhiều chuyên gia kinh tế rất đáng trân trọng, rất cần được đưa vào những chương trình hành động thay cho những lời hoa mỹ sáo rỗng. Lịch sử đang bước sang những trang mới, thời cơ mới rồi...!

Tết Độc Lập, gặp lại chàng cử nhân Việt kiều Bỉ, thấy anh say sưa kể về chuyến hành hương xuyên Việt cùng nhiều sinh viên tình nguyện của Pháp, Mỹ, Úc, Nhật, Singapore, rồi tự bỏ tiền xây nhiều nhà tình nghĩa ở miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long, tôi hỏi cảm xúc thế nào? Chàng trai nhanh nhẩu đáp: Cháu xin mượn câu trả lời của một bạn gái Singapore, rằng: Tôi yêu Việt Nam, một đất nước giàu đẹp, nhiều sông núi, hoa quả, nhiều món ăn ngon và rẻ, con người hiền hậu, chất phác và hiếu khách.... Chắc chắn tôi sẽ trở lại Việt Nam nhiều lần nữa...

"*Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời*...". Chàng trai ngẩng cao đầu hát vang bản *Tinh ca* bắt hủ của cố nhạc sĩ Phạm Duy. Nắng đầu thu đang dát vàng loang loáng mặt hồ Tây. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe... tiếng thì thầm của núi sông, tiếng thì thầm của lòng dân.■

BÁC đi xa đã bốn mươi tư năm, nhưng đến nay chúng ta vẫn không ngừng việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ". Như vậy cũng đủ nói lên: lòng mọi người trên mọi miền đất nước không gợn một cảm giác vắng Bác! Hình ảnh Bác, giọng Bác nói, lời Bác dạy còn sáng mãi trong đất trời, còn ấm áp mãi trong tâm hồn con cháu...Và, những ngày vui lớn, Tết độc lập ngày 2/9..hoặc khi đất nước có biến cố thì nỗi nhớ Bác càng khắc khoải trong lòng ta.

Đón ngày Quốc khánh 2/9 năm nay, tôi càng bồi hồi nhớ về những tháng ngày các bạn Chiếu văn của ba tôi còn tương đối đông đủ trên ba mươi người, ngoài ra còn có nhiều người khác không sinh hoạt trong Chiếu văn cũng rủ nhau về nhà tôi để làm lễ dâng hương tưởng nhớ ngày Bác ra đi cũng vào ngày này, tháng này.

Tôi nhớ, lần giỗ Bác vào năm cuối cùng của thế kỷ hai mươi. Hôm đó, trời mưa lất phất bay, trước bàn thờ Bác có hương trầm xứ Nghệ thơm ngát, lọ hoa huệ thanh khiết, hai be rượu cổ đựng đầy rượu nếp cái hoa vàng, ấm trà ướp hương sen thơm nồng và hai đĩa to đựng đầy trái cây... Các bạn văn của ba tôi lặng lẽ đứng xếp hàng hành lễ Bác, rồi cùng nhau ngồi quây quần trên manh chiếu trải giữa nhà đàm luận văn chương thế sự và lắng nghe ba tôi kể lại câu chuyện, ông đi tìm hiểu về những giây phút cuối cùng của Người như thế nào. Trước khi đi vào câu chuyện, ba tôi nâng chén rượu ngang mặt mời mọi người, rồi mới nhấp một chút. Sau đó, ông ử chén rượu vào lòng bàn tay thương tật, thông thả trình bày:

Những năm, tháng Bác qua đời, tôi (Sơn Tùng) đang ở Trung ương Cục - rừng Tân Biên, Tây Ninh, ngày đó tôi phụ trách tòa soạn báo Thanh niên miền Nam. Qua theo dõi Đài tiếng nói Việt Nam, đến sáng ngày 4/9 chúng tôi mới chính thức nghe được tin báo: Bác qua đời lúc 9 giờ 47 phút, ngày 3 tháng 9 năm 1969. Sau này được xác định lại: Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời ngày 2/9/1969 (Thông báo số 151 BT/TƯ ngày 19/8/1989).

Năm 1971 tôi bị thương nặng, được anh em đồng đội cáng ra Bắc điều trị. Năm 1975 miền Nam hoàn toàn giải phóng, nước nhà thống nhất, tôi lại trở vào Nam để tiếp tục tra cứu, thu thập thêm tư liệu về Bác... Trước khi bắt tay vào việc viết về Bác Hồ, tôi còn một điều băn khoăn, trăn trở: Bác Hồ của chúng ta là bậc vĩ nhân của thế kỷ hai mươi, tôi không hiểu những giây phút cuối cùng khi Bác còn nằm trên giường bệnh, liệu Bác có giữ được sự minh mẫn sáng suốt, sự linh hiển trong cái quy luật "sinh, bệnh, lão, tử", hay Bác cũng ra đi như những người bình thường khác?

Để giải đáp điều trăn trở trên, tôi đi tìm và gặp được anh Vũ Kỳ - Thư ký riêng của Bác. Rất tiếc, do mới gặp nhau lần đầu, chưa được thân thiết như sau này, nên anh Vũ Kỳ còn e ngại. Bởi vậy, anh chỉ kể với tôi mấy điều tóm tắt như sau:

- Từ hôm bệnh nặng, Bác rời khỏi ngôi nhà sàn xuống ngôi nhà ngang, cấp 4 gần đó nằm chênh chênh hướng đông nam. Giường Bác nằm cũng theo hướng nhà, sát đầu giường là chiếc tủ con, trên mặt tủ để chiếc đồng hồ bàn, cây đèn bàn. Trên tường phía chân giường Bác treo cổ lịch, tấm bản đồ Việt Nam. Hằng ngày, có các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ngày đêm ở bên cạnh Bác săn sóc và báo cáo tình hình. Và có một tập thể giáo sư, bác sĩ y khoa giỏi với những phương tiện hiện đại thời bấy giờ hết lòng chạy chữa cho Bác. Trong thời gian đó Bác vẫn chỉ đạo, sắp xếp mọi việc...

Sau buổi trò chuyện với anh Vũ Kỳ, tôi thấy vẫn chưa đạt được điều mình mong muốn. Tôi quyết định đi tìm những người trong tổ cán bộ, bác sĩ đặc biệt của Viện Quân Y108 trực tiếp chăm sóc Bác những ngày Bác lâm chung.

Người tôi gặp đầu tiên trong tổ bác sĩ "đặc biệt" là giáo sư bác sĩ Nguyễn Thế Khánh, đại tá viện trưởng Viện Quân y 108. Bác sĩ Khánh cho biết:

BẠC VĨ NHÂN THỂ KỶ HAI MƯƠI

SƠN ĐỊNH

- Do yêu cầu bí mật trong việc chữa trị cho Bác, tôi chỉ là người đứng tên trong các đơn thuốc phục vụ Bác, gọi là *đơn thuốc Nguyễn Thế Khánh*. Đồng thời tôi cũng chỉ là người kiểm tra và ký vào các đơn thuốc điều trị đó. Nếu anh muốn biết chi tiết cụ thể thì phải gặp cô Ngô Thị Oanh, người Vĩnh Phúc, ý tá trực tiếp săn sóc Bác ngày ấy.

Ngày tôi gặp được cô y tá Ngô Thị Oanh thuở ấy, thì cô đã là bác sĩ Viện quân y 108. Cô chia sẻ niềm hạnh phúc với tôi là cô có may mắn được cử vào săn sóc Bác Hồ đến giây phút cuối cùng.

Trước khi đi vào câu chuyện, cô Oanh cho tôi xem ba kỷ vật và nói:

- Mỗi lần cắt móng tay cho Bác em giữ lại đựng vào phong bì này - Nói rồi cô đặt bàn tay như ấp lên chiếc phong bì, bên trong đựng những mẫu móng tay của Bác.

- Hằng ngày em lấy khăn mềm lau nhẹ chòm râu Bác. Mỗi sợi râu dài rồi khỏi chòm râu Bác dính vào khăn, em gỡ sợi râu, vuốt thẳng gói lại và cứ thế. Nói xong, cô Oanh trải gói giấy ra, tôi đếm được bảy sợi râu của Bác được phết keo dính chặt vào mảnh giấy trắng tinh.

Cuối cùng, cô Oanh lấy bông huệ đã ướp khô chia ra cho tôi xem rồi nói tiếp:

- Đây là bông hoa huệ cuối cùng Bác tặng cho em.

Sau khi giới thiệu các kỷ vật, cô Ngô Thị Oanh chia sẻ với tôi câu chuyện:

Bác thường nhắc chúng em như: Hôm nào đã đến trưa mà chưa bóc lịch, Bác lại nhắc: "Cháu Oanh, bóc lịch cho Bác". Hôm sau ca khác trực lại quên, Bác nhắc nhẹ: "Cháu Quý bóc lịch, 10 giờ rồi cháu ơi!". Bác còn nói: "Ngoài vườn có sẵn hoa, các cháu hái một ít để trong phòng cho đẹp. Hoa làm cho tâm hồn con người ta thêm yêu đời"... Về bệnh tình của Bác, khi nào cơn đau dồn lên, tập trung các anh chị em thấy thuốc săn sóc, còn Bác tự ghim nén chịu đựng, không một tiếng rên la, mặt đỏ căng như sắp rĩ máu.

Có một điều, suốt thời gian Bác ốm nặng, nhiều hôm tiết trời nóng bức, vậy mà Bác hầu như không dùng quạt máy - Cô Oanh nói giọng bần khoăn với tôi: Cứ mỗi lần em bẻ quạt máy ra bật số nhỏ quạt nhẹ cho Bác, Bác liền bảo:

- Cháu hãy cất đi, ở chỗ Ba Đình này không khí cũng mát rồi. Cháu biết không, ngoài kia bộ đội ta đang trực chiến, nông dân đang cày cấy ngoài đồng, trên nắng dưới nắng làm gì có quạt hả cháu. Bác nằm đây cũng mát rồi cháu ơi!

Em đưa quạt giấy cho Bác thì Bác quạt. Em nói: - Thưa Bác, để cháu quạt cho Bác ạ. Bác liền bảo:

- Thôi! cháu để Bác tự quạt. Cái gì Bác cũng nhờ các cháu làm giúp thì cái chết đến nhanh. Bác tự quạt là để vận động tay chân đẩy lùi cái chết. Dầu nằm đây, sống thêm được ngày nào là Bác còn được gần gũi với nhân dân, gần gũi chiến sĩ cả nước trên mặt trận chống Mỹ.

Buổi sáng hôm đó Bác hỏi em:

- Cháu Oanh xem hôm nay là ngày bao nhiêu? - Em nhìn tấm lịch treo trên tường phía chân giường Bác nằm rồi nói:



Bác Hồ là bậc thánh nhân "Lưỡng mục trùng đồng đích thị thánh nhân". Trước ngày ra đi, Bác như thân tâm rút ruột để lại sợi tơ vàng di chúc cho dân tộc Việt Nam: Lời căn dặn cuối cùng về tư tưởng, đạo đức... Điều mà hầu như trước đó và cả sau này, cũng như nhiều lãnh tụ khác trên thế giới chưa ai từng nghĩ đến.

- Thưa Bác! Hôm nay là ngày mồng 1 tháng 9 ạ. - Bác liền bảo:

- Chiều nay, cháu lo cho Bác bát cháo kha kha và thêm thêm thuốc trợ lực để Bác đỡ sức ngày mai ra khán đài, Bác dự buổi lễ Quốc khánh ngày 2-9. Bác nói đôi lời với đồng bào, chiến sĩ và kiều bào ta ở nước ngoài.

- Vào khoảng gần trưa hôm ấy - Cô Oanh kể tiếp - Em thấy Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Đại tướng Võ Nguyên Giáp vào ngồi bên cạnh Bác, hỏi han ân cần. Bác Hồ liền hỏi:

- Ngày mai là ngày Quốc khánh, các đồng chí chuẩn bị đến đâu rồi? Quốc khánh năm nay chính phủ nên tổ chức bắn pháo hoa cho đồng bào thủ đô và đồng bào cả nước thêm vui vẻ.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng liền nói:

- Thưa Bác, Chính phủ và Trung ương thấy Bác đang bệnh trọng, Lễ Quốc khánh...

Thủ tướng Phạm Văn Đồng chưa nói hết câu, thì Bác Hồ đã hiểu ý nói ngay:

- Không được! Bác ốm là việc của Bác! Quốc khánh là ngày vui của toàn dân tộc, mọi người không thể vì Bác ốm mà bỏ đi ngày vui, ngày Quốc khánh từ lâu đã trở thành ngày truyền thống, ngày Tết độc lập của dân tộc ta.

- Sáng mai - Bác nói tiếp: "Các chú chuẩn bị thêm cho Bác chiếc ghế trên chủ tịch đoàn để các thầy thuốc giúp Bác ra hội trường Ba Đình, Bác dự buổi mít tinh lần cuối cùng, để Bác nói vài lời cuối cùng với đồng bào, chiến sĩ và kiều bào ta ở nước ngoài". Dừng một lát Bác mới nói tiếp:

- Phen này, Bác thấy khó qua khỏi!

Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngập ngừng trình bày tiếp:

- Thưa...a.. Bác! Mọi người thấy Bác đang bệnh trọng, Chính phủ và Trung ương đã quyết định tổ chức đơn giản lễ Quốc khánh ở Hội trường Ba Đình sáng nay rồi ạ.

Khi nghe hai người báo cáo "tổ chức lễ Quốc khánh sáng nay rồi", Bác lặng đi. Hai giọt nước mắt đọng lại nơi khóe mắt Bác. Một phút sau Bác nói với một giọng tiếc nuối:

- Tôi cố gắng chống đỡ bệnh tật chờ cho đến ngày mồng 2 tháng 9 - kỷ niệm ngày khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, để được dự buổi mít tinh lần cuối cùng và nói đôi lời cuối cùng với đồng bào và chiến sĩ cả nước... Thế mà các đồng chí đã tổ chức mất rồi!

Sau khi mọi người ra về, Bác nói khe khẽ:

- Có cháu nào biết hát ru em không? Cháu nào biết thì hát cho Bác nghe một bài (Bác hỏi em và y tá Trần Thị Quý)

Em liền nói:

- Thưa Bác! Chúng cháu không biết hát ru em ạ.

Bác nói như một lời căn dặn:

- Rồi đây các cháu sẽ làm mẹ, nên phải biết hát ru em để rồi ru con, nuôi dưỡng con khôn lớn bằng nguồn sữa mẹ và cả tiếng ru của người mẹ, các cháu ạ.

Bác lại nói hỏi tiếp:

- Không biết hát ru em, thế có cháu nào biết hát Quan họ không?

- Thưa Bác, chúng cháu không ạ!

- Các cháu có biết hát dân ca Nghệ Tĩnh không?

- Thưa Bác, không ạ!

- Thế dân ca Huế có biết không?

- Thưa Bác, cháu chỉ biết hát bài mới thôi ạ - Cô Oanh trả lời. Bác gật đầu: Cũng tốt.

Em hát cho Bác nghe bài "Đón thư Bác", bài hát này do đồng chí Đỗ Niệm, cán bộ Viện quân y 108 sáng tác, nhân dịp Bác gửi thư cho ngành Quân Y ngày 31/7/1967.

Cô Oanh nói với tôi:

- Em hát cho Bác nghe hết được phần lời thứ nhất: "Mừng - vui - sao - chúng ta - là - những - người - Quân Y. Đón - thư - Bác - khen. Bao - vinh - dự - ngành - ta. Lòng - vui - như - nở - hoa - đọc - thư - Bác Hồ".

Bác xúc động, hai giọt lệ chạy dài xuống má. Em nghẹn ngào, nước mắt trào ra nên vội ngoảnh sang phía anh Vũ Kỳ để Bác không nhìn thấy. Anh Vũ Kỳ ra hiệu cho em, thôi không hát nữa. Bác nâng hai cánh tay lên để vỗ hoan hô cháu Oanh nhưng không cất lên nổi. Bác nói rất khẽ với anh Vũ Kỳ:

- Chú Kỳ, chú rút cho Bác một bông hoa huệ trong lọ hoa để trên bàn, mà sáng qua cô Hà và chú Giáp mang đến, chú hãy thay Bác trao cho cháu Oanh. Bác thường cho cháu hát hay và bài ca cũng hay. Em vô cùng xúc động, hai tay đón lấy bông huệ thanh khiết...

Đêm, Bác bị một cơn đau rất nặng, các bác sĩ phải cấp cứu đến tận khuya.

Sáng ngày mồng 2-9. Cô Oanh kể tiếp:

- Giáo sư bác sĩ Nguyễn Thế Khánh đến thay ca trực. Một lúc sau anh Vũ Kỳ vừa sang, Bác nói với hai người:

- Các chú kéo rèm lại và bảo các cháu gái ra ngoài, rồi thay quần áo cho Bác.

Sau khi hai người đàn ông thay xong quần áo cho Bác, anh Vũ Kỳ đi ra nói với y tá Trần Thị Quý:

- Cô Quý chạy xuống nhà dưới nói với chú Cẩn (người nấu ăn của Bác) mang cháo lên để chúng tôi đỡ Bác ngồi dậy ăn chút cháo cho mát ruột, rồi để Bác nằm nghỉ.

Khi anh Cẩn bê bát cháo lên, em đón bát cháo từ tay anh Cẩn đi vào đến thành giường Bác... Cửa màn lay động, anh Vũ Kỳ vén tấm rèm, trông thấy Bác nhìn ra... Anh Vũ Kỳ tưởng Bác muốn căn dặn điều gì, bèn phủ phục xuống. Bác nghiêng đầu hôn lên trán anh Vũ Kỳ - người Tiểu Đổng của Bác, cái hôn cuối cùng... và Bác tắt nghỉ trên tay anh Vũ Kỳ, trên tay giáo sư bác sĩ Nguyễn Thế Khánh, bác sĩ Nguyễn Xuân Bích, bác sĩ Lê Đình Mẫn... Hôm đó là buổi sáng ngày mồng 2 tháng 9 năm 1969, đúng vào ngày 21 tháng 7 năm Kỷ Dậu.

Ngoài kia, trời còn mưa. Nhà văn Sơn Tùng nhìn những giọt mưa như giọt nước mắt của trời rơi trước hiên nhà ngày giỗ Bác, ông nói với các bạn Chiều văn điệu mình suy ngẫm:

- Người xưa đã đúc kết một điều: "Sinh có hên, tử bất kỳ". Nhưng Bác Hồ của chúng ta thật minh mẫn và thông tuệ đến phút giây cuối cùng! Người đã chủ động sắp đặt mọi việc và tự chọn cho mình ngày, giờ ra đi. Và Bác "đã cố gắng chống đỡ bệnh tật chờ cho đến ngày mồng 2 tháng 9 - Kỷ niệm ngày khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, để được dự buổi mít tinh lần cuối cùng và nói đôi lời cuối cùng với đồng bào và chiến sĩ cả nước"... Tiếc thay! Điều mong muốn cuối cùng ấy của Người đã không toại lòng.

Bác Hồ là bậc thánh nhân "Lưỡng mục trùng đồng đích thị thánh nhân"! Trước ngày ra đi, Bác như thân tâm rút ruột để lại sợi tơ vàng di chúc cho dân tộc Việt Nam: Lời căn dặn cuối cùng về tư tưởng, đạo đức... Điều mà hầu như trước đó và cả sau này, cũng như nhiều lãnh tụ khác trên thế giới chưa ai từng nghĩ đến.

Bác đi như một đài hoa tung bay trong gió sớm để lại cây đời trái ngọt. Cả thế gian bật lên tiếng khóc: Bác Hồ ơi! ■

Vào cuối tháng 7 năm 2013 vừa qua tại Hà Nội, lễ kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam, tiền thân của Liên hiệp các Hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam ngày nay, đã diễn ra trong không khí trang trọng và xúc động.

Với nền tảng tinh thần từ bản Đề cương văn hóa Việt Nam và khởi nguồn bằng phong trào Văn hóa Cứu quốc, giới văn nghệ sĩ cả nước tiến hành một cuộc dẫn thân triệt để và từ đó đã khẳng định mình. 65 năm từ một dòng văn nghệ cách mạng đã trở thành một nền văn nghệ mới, một nền văn nghệ dân tộc, dân chủ, đầy bản lĩnh, đầy sức sống và triển vọng tốt đẹp.

Trong bài phát biểu cô đọng và đầy tâm huyết với tên gọi **65 NĂM NỀN VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT CÁCH MẠNG VÌ ĐẤT NƯỚC, VÌ NHÂN DÂN**, một biên niên sử thu gọn của đời sống văn học nghệ thuật trong dòng chảy của lịch sử cách mạng, nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Liên hiệp Các Hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam đã điểm lại những nét chính của các hoạt động văn học, nghệ thuật cũng như của giới văn nghệ sĩ trong suốt quá trình đồng hành cùng nhân dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhiệt thành, mạnh mẽ và đầy sáng tạo; đồng thời cũng chỉ ra những nhiệm vụ và đòi hỏi mới mà lịch sử, nhân dân và xã hội đang đặt ra cho các văn nghệ sĩ. Đó là yêu cầu về một sự đổi mới mạnh mẽ và toàn diện hơn nữa, phải thực sự đắm mình trong cuộc sống vĩ đại của nhân dân, đồng thời cũng phải mở rộng không gian sáng tạo và đầu tư thích đáng cho lao động sáng tạo, để văn nghệ sớm kết tinh những giá trị sâu sắc về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần hình thành hệ giá trị mới của dân tộc và đóng góp xứng đáng cho văn hoá nhân loại.

Nhân dịp này, Văn nghệ xin giới thiệu toàn văn bài phát biểu nói trên.

VĂN NGHỆ

ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

HỮU THỈNH

CÁCH nay 67 năm về trước, ngày 24 tháng 11 năm 1946, tại nhà hát lịch sử này đã diễn ra sự kiện văn hoá đặc biệt đầu tiên của chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hoà: "Đại hội Văn hoá toàn quốc lần thứ nhất" với gần 200 đại biểu Bắc Trung Nam. Đại hội khai mạc vào lúc thực dân Pháp nổ súng tấn công Hải Phòng, bộc lộ dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Trong điều kiện vô cùng khắt khe và căng thẳng, Bác Hồ vẫn dành thời gian đến dự Đại hội và nói chuyện với các đại biểu văn hoá. Câu nói bất hủ của Người: "Văn hoá soi đường cho quốc dân đi..." đã đi vào lịch sử.

Gần một tháng sau, tiếng súng kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Đội quân văn hoá, trong đó chủ yếu là các văn nghệ sĩ từ Thủ đô Hà Nội đã toả về các địa phương, lập các chiến lũy tinh thần trong thế trận toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến.

Sau chiến thắng thu đông 1947, phá tan hai gọng kìm của quân Pháp hòng "cắt vó" cơ quan đầu não kháng chiến của ta, Trung ương tổ chức *Hội nghị Văn hoá toàn quốc lần thứ hai* vào tháng 7/1948 tại Đào Dã, huyện Hạ Hoà, Phú Thọ. Các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương chủ trì Hội nghị. Tại Hội nghị này đồng chí Trường Chinh trình bày bản báo cáo quan trọng "Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam". Kết quả của *Hội nghị Văn hoá toàn quốc lần thứ hai* tạo tiền đề về chính trị, tư tưởng, nhận thức để thành lập một tổ chức mới làm nòng cốt cho Mặt trận văn hoá kháng chiến. Với chủ trương đó, trong ba ngày 25, 26, 27 tháng 7 năm 1948 tại làng Độc Phát, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ, *Hội nghị Văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất* được tổ chức với sự có mặt của trên 80 đại biểu trong cả nước. Hội nghị quyết định thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam (tiền thân của Liên hiệp các Hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam ngày nay) thông qua Điều lệ Hội và bầu cơ quan lãnh đạo gồm 17 người, đại diện cho phong trào văn nghệ kháng chiến cả nước, do nhà văn Nguyễn Tuân làm Tổng thư ký, nhà thơ Tố Hữu làm Phó Tổng thư ký. Với các quyết định lịch sử, *Hội nghị Văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất* được xem như một Đại hội. Hội nghị cũng quyết định thành lập Đoàn Âm nhạc Việt Nam, Đoàn Sân khấu Việt Nam, và cùng với Đoàn Kiến trúc sư đã được thành lập từ trước, đặt cơ sở cho các Hội chuyên ngành về sau này.

Sau Hội nghị, các Liên khu lần lượt thành lập các chi hội văn nghệ:

- Chi Hội Việt Bắc do nhà văn Ngô Tất Tố làm Chi hội trưởng
- Chi hội Liên khu III do họa sĩ Lương Xuân Nhị làm Chi hội trưởng
- Chi hội Liên khu IV do nhà thơ Lưu Trọng Lư làm Chi hội trưởng
- Chi hội văn nghệ Liên khu V do nhà văn Phan Thao làm Chi hội trưởng, nhà văn Nguyễn Văn Bổng làm Chi hội phó
- Chi hội Văn nghệ Nam Bộ do nhà văn Lưu Quý Kỳ làm Chi hội trưởng, nhà thơ Bảo Định Giang làm Chi hội phó

Tạp chí *Văn nghệ*, do nhà thơ Tố Hữu làm Thư ký toà soạn đã được thành lập từ trước, nay có thêm Nhà xuất bản Văn nghệ do nhà văn Nguyễn Đình Thi làm Giám đốc, hoạt động rất có hiệu quả.

Như vậy là, sau 5 năm Văn hoá Cứu quốc 1943 - tổ chức văn hoá cách mạng đầu tiên ra đời từ trong bí mật, một tổ chức văn nghệ thống nhất trong cả nước đã được thành lập, lãnh trách nhiệm là một mặt trận văn học, nghệ thuật đoàn kết, sáng tạo, phụng sự Tổ quốc, phụng sự kháng chiến, phụng sự nhân dân. Trong mặt trận ấy, mỗi văn nghệ sĩ tự đứng vào một vị trí, tự gánh lấy một trách nhiệm, tự làm đầy một lễ sống. Với khẩu hiệu "Văn hoá hoá kháng chiến, kháng chiến hoá văn hoá; cách mạng hoá tư tưởng, quần chúng hoá sinh hoạt", văn nghệ sĩ cả nước tiến hành một cuộc dẫn thân triệt để. Lớp thi tòng quân, lớp thi luồn sâu vào các vùng sau lưng địch, bộ đội bám địch, văn công bám bộ đội, dâng lên cả một cao trào sáng tác và biểu diễn, huấn luyện đội ngũ và mở các cuộc tranh luận văn nghệ, vừa đưa đến cho chiến sĩ, đồng bào những sáng tác mới nhất, vừa tổ chức dịch thuật những tinh hoa của các nền văn nghệ tiên tiến và náo nức tham gia các cuộc Liên hoan thanh niên - sinh viên dân chủ quốc tế. Từ một *dòng* văn nghệ cách mạng đã trở thành một *nền văn nghệ mới*: dân tộc, dân chủ, đầy sức sống và triển vọng tốt đẹp.

Giải thưởng văn nghệ 1951-1952, đặc biệt là Giải thưởng văn nghệ 1954-1955 phản ánh và chứng minh điều đó.

Trong kháng chiến, chúng ta đã giải quyết một bước mối quan hệ giữa sáng tác và lý luận, phê bình; văn nghệ chuyên nghiệp và văn nghệ quần chúng, khi hoà bình lập lại, tiến trình này càng được đẩy mạnh hơn nữa. Nhiều văn nghệ sĩ được cử đi học tập ở nước ngoài. Cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động nghệ nghiệp được trang bị mới. Nhiều thiết chế văn hoá như các viện nghiên cứu, cơ quan phát hành, rạp chiếu phim, báo chí, nhà xuất bản, nhà hát, bảo tàng được thành lập, giao lưu văn hoá được mở rộng.

Năm 1957, do sự phát triển nội tại và yêu cầu khách quan của nhiệm vụ phát triển văn nghệ, bốn hội chuyên ngành văn học, nghệ thuật Trung ương đã được thành lập. Đó là Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Âm nhạc Việt Nam và Hội Mỹ thuật Việt Nam. Đồng thời, một số Hội văn nghệ các tỉnh được thành lập thay thế các Chi hội Liên khu trước đây. Một hình thái văn nghệ mới đã xuất hiện, thích ứng với tình hình mới của đất nước. Và một mùa bội thu mới, đưa văn nghệ nước nhà lên một tầm vóc mới. Đó là sự xuất hiện một loạt tiểu thuyết tầm cỡ có giá trị sử thi và hiện thực rộng lớn, là sự ra đời của các bản giao hưởng và nhạc kịch, các cuộc triển lãm mỹ thuật toàn quốc có tiếng vang lớn, là các vở kịch múa được dàn dựng công phu, và đặc biệt là sự ra đời bộ phim truyện đầu tiên của Điện ảnh Việt Nam. Đây cũng là thời kỳ hoàng kim của nghệ thuật sân khấu với một hệ thống kịch mục bề thế, phong phú cả trong nước và nước ngoài. Các bộ môn nghệ thuật dân tộc tuồng, chèo, cải lương cũng xuất hiện nhiều vở diễn xuất sắc. Hội Kiến trúc sư Việt Nam tham

gia quy hoạch các khu công nghiệp Việt Trì, Thái Nguyên, thành phố Vinh và các công trình Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, Học viện Thủy lợi, Tổng cục Thống kê. Sau bao nhiêu năm nhìn lại, người ta vẫn thấy đây là giai đoạn nền văn nghệ nước nhà đạt được những giá trị xuất sắc, tiêu biểu trong tất cả các ngành nghệ thuật.

Nhưng, khi những khán giả đang khoan khoái thưởng thức nghệ thuật trong ánh đèn sân khấu thì cũng là lúc những văn nghệ sĩ đầu tiên bí mật vượt Trường Sơn vào chi viện cho cách mạng Miền Nam. Và cho đến ngày 5/8/1964, khi đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại ra toàn Miền Bắc thì cả nước bước vào cuộc sống thời chiến vô cùng khắt khe và quyết liệt. Đây sẽ là một cuộc chiến tranh quy mô và mức độ ác liệt không ai có thể hình dung trước được. Một nhà văn phương Tây đã nói: "Sẽ không có sự nghiệp lớn nếu không có thử thách lớn". Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã phải vượt qua những thử thách lớn lao nhất trong lịch sử dân tộc. Nhưng đất nước ta không những không bị đẩy lùi về thời kỳ đồ đá như kẻ thù hăm dọa và mong đợi, mà ngược lại, chúng đã phải tháo chạy và kinh hoàng tự hỏi: *Tại sao, Việt Nam?* Trong lửa đạn, hiểm nghèo, những gì là phẩm giá, là tinh hoa, là cốt cách Việt Nam đã được phát huy đến đỉnh cao chói lọi. Trong sự nghiệp vĩ đại đó, văn học - nghệ thuật được huy động tổng lực để góp phần xứng đáng vào toàn thắng của dân tộc.

Ở Miền Nam, Hội Văn nghệ Giải phóng được thành lập, do nhà soạn kịch Trần Hữu Trang làm Chủ tịch, nhà văn Lý Văn Sâm làm Tổng thư ký. Hội Văn nghệ Giải phóng Miền Nam thành lập Tạp chí *Văn nghệ Giải phóng* và *Đoàn Văn công Giải phóng*, mở các lớp huấn luyện cho văn nghệ sĩ, tổ chức cho văn nghệ sĩ tham gia các chiến dịch, luồn sâu vào các vùng ven đô, bám sát các binh đoàn chủ lực. Trong các cuộc hành quân, người ta không thể phân biệt được ai là văn nghệ sĩ, ai là những người lính thực thụ. Bởi văn nghệ sĩ đã thực sự là những người lính. Các Chi hội văn nghệ Trung Trung Bộ, Thừa Thiên- Huế, phong trào văn nghệ yêu nước, dân tộc trong các đô thị tạm chiếm hoạt động mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, có ảnh hưởng lớn. Nhiều tác phẩm "từ miền Nam gửi ra" làm nức lòng nhân dân Miền Bắc và bạn bè quốc tế. Đặc biệt, cuộc triển lãm mỹ thuật của các họa sĩ Miền Nam gửi ra được tổ chức tại Hà Nội đã được đón Bác đến xem và khen ngợi. Năm 1965, Hội Văn nghệ Giải phóng tổ chức giải thưởng lớn về văn học, nghệ thuật mang tên Nguyễn Đình Chiểu, do nhà văn Trần Bạch Đằng làm Chủ tịch Hội đồng giám khảo. Đã có 54 tác phẩm đủ các ngành nghệ thuật được trao giải, đánh dấu bước trưởng thành của văn nghệ cách mạng Miền Nam.

Ở Miền Bắc, có thêm ba hội chuyên ngành được thành lập: Đó là *Hội Nhiếp ảnh Việt Nam*, *Hội Dân gian Việt Nam*, *Hội Điện ảnh Việt Nam*. Nhiều Hội văn nghệ địa phương được thành lập, cùng với các lực lượng vũ trang trở thành vườn ươm các tài năng trẻ. Các cuộc thi văn học của Tuần báo *Văn nghệ* và Lớp bồi dưỡng Viết

văn Quảng Bá của Hội Nhà văn phát hiện, bồi dưỡng nhiều cây bút trẻ cho khắp các chiến trường. Cảm hứng sáng tạo và tính tích cực xã hội của các nhạc sĩ được thể hiện nổi bật qua hàng loạt ca khúc đi vào trái tim hàng triệu con người. Những bức ảnh ghi lại kịp thời các máy bay Mỹ bị bắn cháy, kể cả pháo đài bay B52 và những phi công Mỹ to béo cúi đầu dưới mũi súng dân quân, đem đến biết bao nhiêu tin tưởng, nức lòng cho đồng bào chiến sĩ. Các trận địa phòng không đồng thời cũng trở thành sân khấu của các đoàn nghệ thuật xung kích. Rồi thơ, bút ký, phóng sự, truyện ngắn, tiểu thuyết mang hơi thở và sức vóc của cuộc chiến đấu đến bạn đọc cả nước. Qua các tác phẩm đó, người ta nhận thấy một dân tộc dám đương đầu với kẻ thù hung hãn và tàn bạo nhất thế kỷ, dân tộc đó có đủ bản lĩnh, tài trí và nghị lực phi thường để đưa cuộc chiến đấu đến toàn thắng.

Qua hai cuộc chiến tranh vĩ đại ấy, nền văn học, nghệ thuật cách mạng với những tác phẩm tiêu biểu về truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng đã trở thành kho lưu trữ tinh thần vô giá của nhân dân ta, mãi mãi đi cùng năm tháng, có tác dụng nuôi dưỡng tâm hồn, khí phách cho các thế hệ Việt Nam.

Từ những tổ chức Văn hoá Cứu quốc 1943, đến nay vừa tròn 70 năm. Đội ngũ văn nghệ cách mạng từ những hạt nhân ban đầu, đến nay đã có gần 40.000 văn nghệ sĩ ở Trung ương và địa phương. Xưa kia, Đỗ Phủ đã từng ngửa mặt lên trời mà than rằng "Cổ lai tài đại nan vi dụng" (Xưa nay những người tài lớn đều khó dùng). Thực tiễn đã chứng tỏ rằng, cuộc sống và sự nghiệp vĩ đại của dân tộc ta đã xoá đi cái bi kịch đó. Đã có biết bao nhiêu tài năng lớn, những tinh hoa của đất nước, trên tất cả các lĩnh vực, đã đến với cách mạng, kháng chiến và xây dựng đất nước. Đã có biết bao nhiêu văn nghệ sĩ tên tuổi thuộc nhiều thế hệ đã cùng đứng dưới mái nhà chung là Hội Văn nghệ Việt Nam trước đây, nay là Liên hiệp các Hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam. Công tác vận động trí thức đã kết trái. Đó là thắng lợi của thắng lợi, thành công của thành công. Chúng ta đã có 101 văn nghệ sĩ được trao Giải thưởng Hồ Chí Minh, 458 văn nghệ sĩ được trao Giải thưởng Nhà nước, 266 văn nghệ sĩ được phong tặng Nghệ sĩ Nhân dân, 1.602 văn nghệ sĩ được tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú, 6 văn nghệ sĩ được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang và Anh hùng lao động thời kỳ Đổi mới. Đã có 4 Hội chuyên ngành được tặng Huân chương Sao Vàng, các Hội khác được tặng Huân chương Độc lập. Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam hai lần được tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

Trong văn học - nghệ thuật, cái đáng sợ nhất và dễ làm cùn mòn tài năng nhất là sự kiêu ngạo, tự mãn. Chúng ta biết rõ điều đó. Nhưng với sự khiêm tốn của những người sáng tạo, chúng ta hoàn toàn có quyền tự hào và kiêu hãnh về tất cả những gì mà bao thế hệ văn nghệ sĩ đã cống hiến cho nhân dân, cho đất nước trong 65 năm qua.

Trong sự nghiệp vẻ vang đó, đã có biết bao văn nghệ sĩ ngã xuống. Đất nước, nhân dân đời đời ghi tạc công ơn của họ.

Trong sự nghiệp đó, có máu, nước mắt và tuổi trẻ của tất cả chúng ta. Chúng ta quên sao được những ngày gian khổ, hiểm nghèo, ác liệt chưa từng có, cả một thế hệ văn nghệ sĩ cách mạng đã lịm qua cái chết để về gặp nhau hôm nay, khi mái đầu đã ngả bạc. Tất cả vì một điều thật giản dị mà vô cùng vĩ đại: Độc lập, tự do cho Tổ quốc và phẩm giá con người.

Trong ngày truyền thống vẻ vang này, chúng ta tưởng nhớ và biết ơn các thế hệ văn nghệ sĩ đã ra đi, để lại những tấm gương cao đẹp về cuộc đời và sự nghiệp cho các thế hệ đời sau. Chúng ta tưởng nhớ nhà thơ Tố Hữu, người được Đảng phân công nhiều năm phụ trách văn nghệ. Tưởng nhớ nhà văn Nguyễn Tuân, giáo sư Đặng Thai Mai, nhà thơ Huy Cận, nhà văn Nguyễn Đình Thi, nhạc sĩ Trần Hoàn, họa sĩ Vũ Giáng Hương, các vị Chủ tịch Liên hiệp tài năng, toàn tâm toàn ý vì phong trào văn nghệ cả nước.

Trong những năm tháng hào hùng đó, Bác Hồ vẫn thường đến với chúng ta. Người căn dặn: "Phải viết cho hay, cho chân thật, hùng hồn" về cuộc sống của nhân dân và sự nghiệp cách mạng. Trung ương Đảng thường xuyên gửi thư đến các kỳ Đại hội văn nghệ. Trong một lần gặp gỡ thân tình, Đồng chí Lê Duẩn nói: "Văn học, nghệ thuật nói cho cùng là lẽ phải, và tình thương". Đồng chí Trường Chinh phân tích ba yếu tố thành công của Văn nghệ: "Vốn sống; vốn chính trị; vốn văn hoá". Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ rõ, văn học, nghệ thuật là "hiếu biết, khám phá, sáng tạo phục vụ nhân dân và chủ nghĩa xã hội". Xem thế đủ biết, trong bất luận hoàn cảnh nào, Đảng ta cũng luôn luôn đặt văn nghệ ở tầm chiến

lược, vĩ mô. Nghị quyết 05 của Ban chấp hành Trung ương khoá VIII năm 1998 xác định các Hội văn học, nghệ thuật là một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp. Và Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị khoá X năm 2008 coi văn học, nghệ thuật là lĩnh vực tinh tế và quan trọng nhất của văn hoá, chính là tiếp tục tư duy chiến lược đó.

Sau chiến tranh, đặc biệt là trong Đổi mới, với độ lùi về thời gian để tích lũy và trải nghiệm, đã có thêm nhiều tác phẩm thành công khi trở về với đề tài lịch sử dân tộc và hai cuộc kháng chiến vĩ đại. Chủ thể sáng tạo được mở rộng. Bức tranh văn nghệ trở nên đa dạng, phong phú chưa từng thấy. Chủ đề nổi bật nhất và có ảnh hưởng lớn là các vấn đề đạo đức xã hội. Văn nghệ, với sứ mệnh là lương tâm của nhân dân, đã dũng cảm phê phán, cảnh báo về những hiểm họa của cái xấu, cái ác, cái phi nhân tính đang bào mòn niềm tin và những tập quán tốt đẹp. Đồng thời, văn nghệ cũng đã thổi một luồng gió nhẹ nhõm, phấn chấn cho con người, với biết bao vẻ đẹp không ngừng nảy nở trên tất cả các lĩnh vực của đời sống.



Các nhạc sĩ tham gia biểu diễn phục vụ bộ đội và nhân dân trong Kháng chiến chống Pháp



Hàng đầu, từ phải qua: Tổng bí thư Trường Chinh, cùng các đ/c Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ 2 (diễn ra tại Phú Thọ - Việt Bắc) từ ngày 16 đến 20/7/1948.

Trong bối cảnh Đổi mới, Hội Múa Việt Nam (thành lập tháng 11/1990), Hội Văn nghệ các dân tộc thiểu số Việt Nam ra đời (1995) làm nổi bật tính chất thống nhất trong đa dạng, phong phú của nền văn học, nghệ thuật nước nhà.

Ngày nay, rõ ràng cuộc sống đã có nhiều thay đổi và đang có những đòi hỏi mới cao hơn. Thuận lợi có nhiều, nhưng cũng nhiều khó khăn, thậm chí còn gay gắt hơn trước. Nhưng, dù thị trường đầy đủ hay chưa đầy đủ thì văn nghệ cũng không bao giờ tự hạ mình làm món hàng trao tay. Dù nhu cầu giải trí có chính đáng đến đâu chăng nữa, văn nghệ cũng không thể biến thành thứ trò chơi có thưởng. Văn nghệ cần tìm mọi kênh để mở rộng quyền hưởng thụ của công chúng, nhưng nó không thể biến thành thứ dịch vụ tầm thường, nhạt nhẽo.

Những gì mà văn nghệ đem đến cho nhân dân trong 65 năm qua là một thành tố không thể thiếu của một con người. Vì nó chính là con người. Vì vậy, vì con người mà quan tâm, chăm sóc phát triển tài năng văn nghệ. Vì con người mà không thể để thói quen đọc sách của nhân dân ta mai một hơn nữa. Vì con người mà không

thể để sân khấu, điện ảnh, tụt hậu hơn nữa. Quan tâm đến văn nghệ là chỉ số của tình yêu con người. Đến lượt nó, con người lại trở thành chỉ số của sự phát triển và thịnh vượng của đất nước.

Trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hoá, chúng ta hiểu rõ phải làm gì để văn nghệ nước nhà vươn lên các giá trị mới. Chúng ta hiểu rõ cần phải đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, thực sự đắm mình trong cuộc sống vĩ đại của nhân dân, mở rộng không gian sáng tạo, đầu tư thích đáng cho lao động sáng tạo, để văn nghệ sớm kết tinh những giá trị sâu sắc về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần hình thành hệ giá trị mới của dân tộc. Chúng ta hiểu rất rõ, một nền văn nghệ càng mang đậm truyền thống, bản sắc dân tộc bao nhiêu càng đóng góp quý giá cho văn hoá nhân loại bấy nhiêu. Toàn cầu hoá không phải là thay thế văn hoá, không phải là đồng phục văn hoá mà là tiếp biến và bổ sung văn hoá. Những nhiệm vụ nghiêm trang và hệ trọng đó cần được tiến hành đồng bộ và cấp bách. Nhưng, dù đồng bộ và cấp bách đến đâu nó cũng không thể diễn ra trong bối

trối và mất gốc. Mà phải là bình yên, say mê, hiếu biết. Chỉ có hiếu biết, say mê, bình yên, chúng ta mới đủ tỉnh táo để nhận ra bản chất và dòng mạch chính của đời sống ngày hôm nay, mới đủ sáng suốt phân biệt rõ cái thật và cái giả, cái đúng và cái sai, cái mới đích thực và cái sao chép sống sít từ bên ngoài. Và để cho con tàu văn nghệ cập bến những giá trị mới, chúng ta kiên quyết phản đối mọi mưu toan đòi giải thiêng lịch sử, giải thiêng các giá trị của dân tộc, đòi thay thế trung tâm văn hoá nghìn đời của dân tộc bằng những thứ ngoại vi băng hoại bất kể từ đâu tới...

Trước mắt chúng ta là biết bao lo âu về những việc phải làm. Và còn có ý nghĩa nào hơn thành tựu 65 năm qua sẽ trở thành bộ phận cho mọi giá trị mới sinh thành trong những tháng năm đang tới - Những giá trị có sức bồi đắp tâm hồn, cổ vũ, khích lệ nhân dân ta trong xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, góp phần chuẩn bị cho nhân dân ta bước vào xã hội công nghiệp vững chắc, tự tin, may mắn và ít rủi ro nhất. ■

SINH nhật lần thứ 26 đến trong bom rơi, đạn nổ, trong không khí khét lẹt... mùi thuốc súng và trong sự rình rập của tử thần. Cả tuần nay, từ mờ sáng, mấy chiếc tàu rà (máy bay trinh sát hai thân OV10) đã xuất hiện, quần rất ngật trên bầu trời xã Điện Thái. Chắc do trung đoàn chủ lực E36 đang đóng quân tại đây. Phần tôi, sau khi thoát khỏi vòng vây của 7.000 quân Mỹ, nguy và chực hầu trong một trận càn ác liệt dài ngày, tới công tác tại Quận đội quận 2 - Đà Nẵng cũng đứng chân tại xã Điện Thái gần tuần nay. Nằm ngay mép nước sông Thu Bồn, Điện Thái giờ tan hoang, điêu tàn sau hàng chục cuộc càn, sau bom giội và pháo bầy. Cả xã không còn một bụi tre, một cái hầm, một ngôi nhà nào nguyên vẹn. Những con đường mòn tôi đã qua lại hàng chục lần, giờ không còn nhận ra được nữa. Dân đã chạy gần hết. Xóm thôn trở thành các làng bộ đội và cán bộ. Thằng hoặc mới gặp một quán hàng vật bày bán vài gói đậu phụng, lon thịt, gói

truyện ngắn 1970-1971). Thư gửi về gia đình tôi cũng đã viết xong. Tiếng rít của động cơ máy bay, tiếng rốc- két, tiếng bom và đạn pháo giội xuống xóm làng Điện Thái theo chỉ điểm của tàu rà làm tôi sực tỉnh. Mặt trời đã lên cao. Sa mù dày đặc - dấu hiệu của những ngày nắng đã tan. Những giọt sương sớm cuối cùng trong vạt đọng trên cây lá điển thanh rơi xuống cổ áo tôi, rơi xuống trang thư tôi viết. Tôi bỗng thấy sợ cái chết. Là bởi vì, trên cánh đồng chết chóc của chiến tranh chỉ còn mình tôi thu lu trong bụi điển thanh cô độc. Tôi không thể chạy về làng để vào hầm tránh pháo được nữa. Kỷ luật không cho phép, và cũng vì nếu tôi xuất hiện và di chuyển trên cánh đồng trống hoang trống hoác này sẽ lập tức bị phát hiện, và mấy chiếc tàu rà lao xuống săn đuổi sẽ không sao thoát được. Nghe tiếng động cơ trực thăng vũ trang HU 1A ở vùng trời khá xa, tôi bỗng lạnh người. Nếu như trực thăng quần thấp sân người trên cánh đồng Điện Thái, nhiều khi chúng hạ hẳn xuống bắt người như đã

cái gì chứ? Một người thiếu nữ có thể cất tiếng hát trước mỗi tình đầu tan vỡ, còn người con trai thì khác hẳn. Ở anh, anh đã buồn đi với cả tấm lòng mình. Nhưng có ai dại gì chết đuối trong những kỷ niệm, dù là kỷ niệm đẹp của mỗi tình đầu đầu em.

Anh đã tự trách mình rất nhiều, trách tác phong hiếu thắng, sĩ diện, ngồng cuồng, bất cần trước tình yêu khi lòng tự trọng bị tổn thương. Gia đình em kiên quyết phản đối anh, không chấp nhận anh, vì sao thì em đã biết. Nhưng cái chính là em. Với là thư viết từ nơi sơ tán, anh hiểu em đã gửi lời khước từ và cảm một tấm biển chắn đường trước mặt anh. Một chàng trai nghèo tỉnh lẻ, hành trang chỉ có trái tim mơ mộng và sự thông minh chán vạn người có trong học hành, làm sao mà bước vào làm rể trong gia đình quyền quý em đang sống được. Ngoài bì thư gửi anh vừa rồi em để: Văn 4 - Đại học Tổng hợp Mỹ Trì, Hà Nội là gửi đến một địa chỉ lẽ ra phải như thế nhưng tương lai không chọn lựa Hoa ạ.

nghe trong đó có cả buồn. Anh thật quả không dám nghĩ đến những hạnh phúc đã qua, nghĩ đến anh thấy như giập nát những điều đang tấy lên sừng mộng trong lòng mình.

Vĩnh biệt mỗi tình đầu, vĩnh biệt đời sinh viên, khoác ba lô lên đường anh thấy quãng đường mình đi dài quá, trống trải quá. Phải chăng vì đã mất em?

Anh nói hết rồi đấy. Đêm đã rất khuya rồi. Ai đi qua đây sao chẳng nói to lên một tiếng. Ở mãi tận xa xôi không gì thân thiết, một ngôi sao vụt tắt. Sao đèn ở đầu còn sáng thế. Có ai tắt giùm ai ngọn đèn không?

Ngày cuối của đời sinh viên.

Đọc lại bức thư cuối cùng gửi Hoa ngày ấy, tôi bỗng nhớ đời sinh viên, nhớ kỷ niệm mỗi tình đầu. Trong tiếng rít của động cơ máy bay, của đạn pháo và cái chết rình rập trên cánh đồng chết chóc hoang vắng đến lạnh người của chiến tranh, giờ này còn nhưng lát nữa chưa biết sống chết thế nào, tự dưng tôi muốn viết ít chữ cho Hoa. Những người bạn của

DẤU GIỌT SƯƠNG RƠI

Truyện ký của TRẦN MAI HẠNH

thuốc; tất cả để trong cái hòm đạn đại liên, đựng càn là xách chạy ngay. Chấp chóa tối là phải rúc xuống hầm chìm vì pháo cối nã cấm canh, có hồi tập kích cả bấy. Đi công tác từ đơn vị này tới đơn vị khác đều diễn ra trong đêm, vừa đi vừa chạy vừa nghe ngóng tiếng rít của đạn pháo để kịp nằm xuống tránh mìn. Sáng dậy từ 5 giờ, ăn sáng thật nhanh rồi mỗi người lĩnh một vát cơm trưa. Xong bộ phận nào về bộ phận ấy, nguy trang cho kỹ, báo động thì rúc xuống hầm mặc cho tàu rà quần lượn, soi quét trên đầu. Kỷ luật của Ban chỉ huy là nếu hầm bị phát hiện cũng cứ ngồi đợi bom đến cùng, vì nếu tuôn chạy sẽ lộ chỗ trú quân, chạy tới đâu bom bĩ, bom xăng và pháo bầy sẽ giập theo tới đấy...

Ngày sinh nhật, cũng là ngày đầu của một năm mới ở chiến trường. Từ đêm qua, sau khi thăm anh Hải Học ở báo Quảng Đà về, biết tin hai hôm nữa có người ra Bắc, ý nghĩ viết lách thôi thúc tôi. Vừa cần chép lại truyện ngắn *Anh Đầu* mới hoàn thành để gửi ra Hà Nội đăng báo, vừa viết thư về gia đình. Vì vậy, ăn sáng và nhận vát cơm trưa xong, thay vì vào hầm tránh pháo tôi quyết định rúc vào bụi điển thanh giữa cánh đồng trước mặt, bên cạnh một bầu nước mà chiều qua tôi đã quan sát kỹ. Tôi mang theo ít cảnh lã cấm thêm để nghỉ trang, đồng thời thay bộ đồ bà ba màu rêu cho hòa vào màu xanh cây lá. Vậy là ba bốn chiếc tàu rà thay nhau quần đảo trên trời, giám sát chặt chẽ xã Điện Thái, vừa thoảng bóng người chúng bỏ nhào xuống bắn pháo hiệu chỉ điểm cho phản lực phóng rốc- két, giội bom, tôi vẫn bình yên trong bụi điển thanh giữa cánh đồng. Tôi ngồi bệt xuống đất, lấy chiếc gùi làm bàn viết. Vừa ra khỏi vòng vây, trong gùi chỉ có một bộ quần áo, vài vật dụng sinh hoạt thiết yếu, cuốn nhật ký *Trên những nẻo đường chiến tranh*. Truyện ngắn *Anh Đầu* gửi báo *Văn Nghệ* tôi đã chép xong. (Như một cơ duyên, truyện ngắn đầu tay này tôi gửi từ chiến trường ra được báo *Văn nghệ* chọn đăng và quyết định trao tặng thưởng đặc biệt trong cuộc thi

từng xảy ra thì làm sao tôi sống sót. Thật may, mới tuần trước 2 chiếc HU 1A sà xuống định bắt người và bắn trâu trên cánh đồng Điện Thái thì bị bộ đội E36 bắn tan xác nên bữa nay chúng không dám bén mảng. Như gạo đã thành cơm, tôi đành chờ tới chiều tối mới ra khỏi bụi điển thanh. Để giết thời gian và khỏi phập phồng vì cái chết rình rập, tôi lục tất cả những thứ trong gùi ra xem. Trong không khí khét lẹt mùi thuốc súng, giữa cô đơn trên cánh đồng chết chóc, kỷ niệm mỗi tình đầu sống dậy trong tôi với những suy nghĩ rất khác lạ. Có cả sự nuối tiếc và sự tự trách mình. Bị gia đình có phần quyền quý của người yêu gạt đi vì hành trang chẳng có gì của một chàng trai nghèo tỉnh lẻ, rồi người yêu cũng ngã nghiêng dao động nói lời chia tay, vậy mà thật đáng nguyên rủa làm sao, lúc ấy tôi vẫn cứ cố biện bạch cho người mình yêu. Tôi có thói quen chép lại tất cả những bức thư tình vào nhật ký trước khi gửi đi. Ngồi thu lu trong bụi điển thanh, tôi đọc lại bức thư cuối cùng gửi Thủy Hoa mà tôi đã chép lại trong tập *Những bức thư lưu* ngày ấy. Bức thư đó tôi viết đêm cuối cùng ở ký túc xá Mỹ Trì, khi đột ngột nhận quyết định ra trường sớm một năm, không được học năm thứ tư, đồng nghĩa với việc không lên Khoa Xã hội trường Đại học Tổng hợp đang sơ tán ở Đại Từ - Thái Nguyên để gặp lại Thủy Hoa nữa. Những lời lẽ chưa cay được tư duy văn học của tôi hình tượng hóa lên ngày ấy, thật chẳng khác gì những giọt cường toan nhỏ xuống trái tim của Hoa khi đó mới hai mươi tuổi. Làm sao Hoa chịu nổi. Làm sao mỗi tình đầu còn khả năng cứu vãn.

Ký túc xá Mỹ Trì 30/9/1965

Hoa em!

Đêm đã rất khuya. Đèn ký túc xá đã tắt hết. Mọi người say trong giấc ngủ, còn thức có chăng chỉ mình anh. Trên trời cũng chỉ còn những vì sao quá thì, nhạt nhẽo.

Thư gửi về từ nơi sơ tán, em viết: "Mọi việc rồi sẽ trôi qua hết thôi, theo ngày giờ và năm tháng, phải không anh?". Mọi người đều nói như vậy. Nhưng anh nghĩ, trong lòng thằng con trai phải còn lại một

chiều ấy nhìn Hoa ra ga lòng anh buồn vô hạn. Hoa lên khu sơ tán trên Thái Nguyên để học tiếp. Tình yêu cũng khoác áo lên tàu với giả vờ hạnh phúc trong một buổi chiều nắng vàng rười rượi. Người ta đối xử với nó thế ư? Nắng chiều nay sao nhạt màu thế? Sao những tia nắng cuối ngày lại được ẩn nấp dưới tà áo của em? Một luồng ánh sáng yếu ớt nổi nơi anh đến nơi em. Một con chim nhỏ bay qua dải đất chúng ta ở. Nó bay về đâu, cô nghiêng đôi cánh lại không, ai biết? Chiều ấy mấy chị cùng lớp Hoa qua rủ anh ra ga tiễn nhưng anh từ chối. Hoa im lặng, hành động như thế và tình yêu ở chính tự lòng anh đã tắt. Bây giờ thì mọi sự cũng lờ làng cả rồi, phải không Hoa? Nguyễn Du nói "gương cũ", "bình tan" là vì vậy. Dĩ vãng xa xưa đã tan đi như một lớp sương mờ, "cây đa", "bến cũ", "con đò"... tất cả, tất cả bị bao phủ bởi một tấm màn đen đầy đặc của quá khứ. Một con số không to, tròn như cái vòng càn khôn của vũ trụ phủ kín lấy là số tử vì của những ngày đã qua. Còn lại cái gì thì đó chỉ là những kinh nghiệm về lòng người, càng quý giá vì giá mua rất đắt. Trên đời này, cái gì vui sướng thì người ta hay quên, cái gì khổ đau thì nhớ mãi, ở anh khoảng cách đó có thể là suốt đời.

Hoa em,

Với anh, thời gian đã chẳng thể là phương thuốc mầu nhiệm chữa lành mọi vết thương lòng. Mỗi tình đầu tan vỡ để lại trong anh những nỗi chua xót. Dĩ vãng nhiều đêm thức dậy trong anh hằn nét như cuốn sách mở sẵn trên bàn ở trang "65" nào đó. Trước mắt anh bỗng hiện ra cảnh đổ vỡ, tan hoang khủng khiếp. Con thuyền yêu đương đã chìm mất tăm trên mặt biển của hy vọng mệnh mông. Anh đã cố gắng hết sức nhưng tình yêu đã khoác áo ra đi ngay bên cạnh những lời thề thốt. Cánh cửa lòng anh đã mở cho tới những hy vọng cuối cùng sau đó mới vĩnh viễn đóng lại. Anh thấy mình nghèo quá, và cuộc đời này anh thấy nó cũng nghèo quá. Hạnh phúc ra đi ngay chính tự lòng mình. Hạnh phúc là gì, đôi hồi cái gì, anh cũng không biết nữa nhưng anh

tôi, Trọng Định chết, mộ chôn trên Gò Bà Dưa ở cuối cánh đồng này. Anh Trần Văn Anh cách đây hai ngày cũng nằm lại trong lòng đất Điện Thái. Còn tôi chắc gì đã an toàn trong bụi điển thanh này. Chỉ cần ngựa mất phóng vào bụi điển thanh một quả rốc- két thì tên lính Mỹ lác lác đang lái chiếc OV 10 quần đảo rất thấp kia sẽ cho tôi sang thế giới khác. Tôi ra đi có gì gửi lại? Thư gửi gia đình đã viết. Tôi nghĩ nên viết ít chữ gửi Hoa. Thế rồi cảm đến bút tôi như bị "ma ám", chìm đắm trong suy tư của mình. Là thư gửi Hoa tôi viết một mạch, viết xong bối rối đọc lại rồi cho vào phong bì để mai có người về Hà Nội sẽ mang tận Bưu điện Bờ Hồ gửi cho chắc và cho nhanh. Mới bốn giờ chiều, tàu rà còn quần lượn trên đầu. Tôi mở chiếc radio bán dẫn, tình cờ đúng buổi phát thanh ca nhạc nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam. Buổi phát thanh thường lệ chiều chủ nhật hằng tuần, nhưng hôm nay vẫn phát vì là ngày nghỉ đầu năm mới. Những dòng suối âm thanh thánh thót tuôn trào mới thanh bình và khát khao làm sao, nó đối lập với cánh đồng chết chóc của chiến tranh mà tôi đang phập phồng lo sợ. Bỗng khúc *Tiếng hát nàng Solvey* vang lên: *Mùa đông dù trôi qua/ Mang bóng dáng đông qua xuân về/ Mang nỗi nhớ anh đi chưa về...* Tôi như bị điện giật. Bài này tôi đã nghe Hoa hát trong đêm văn nghệ ngày nào. Thế nhưng tiếng piano thánh thót đã phá hỏng tất cả. Nó làm tôi điên tiết. Trong tâm trí không thấy bóng dáng kỷ niệm đẹp của mỗi tình đầu hiện lên, mà thay vào đó là cảnh bề bàng tôi đến thăm Hoa tại nhà riêng vào đêm cuối cùng ở Hà Nội trước lúc lên đường vào chiến trường. Hoa đón tôi lạnh nhạt, xin lỗi tôi vì đang tập dờ bản đàn. Tôi ngồi như xác ướp trong căn phòng màu ô liu chan hoà ánh điện, đôi dép cao su được phát vào chiến trường tôi mang trên chân tương phản với sàn gỗ bóng loáng và chiếc đàn piano đen nhánh sang trọng cùng những âm thanh đáng ghét vang lên dưới các ngón tay của Hoa trong sự đờm đả trí thức của anh chàng dạy đàn cho Hoa. Thế là

tiêu tan ý định gửi thư. Bức thư đã viết tôi giữ lại, chưa một ai đọc. Bốn mươi năm năm đã qua, giờ công bố cũng chẳng phải dành cho riêng ai, và cũng chẳng để làm gì, có chăng chỉ là góp thêm một bức thư tình vào một thời bom đạn đã xa...

Bắc Thu Bốn 1/1/1969

Hoa em!

Thế là một năm lại qua đi, qua đi trong quan hệ "không kèn không trống" giữa chúng ta, qua đi trong những tháng ngày đầy thử thách gian nan của anh trên cái chiến trường Quảng Đà ác liệt này. Chiến tranh tàn khốc khiến người ta, vì sự sinh tồn trong từng giờ từng phút của mình, mà rất ít có điều kiện để nghĩ tới những kỷ niệm quá khứ, nhưng đã nghĩ thì nghĩ giời lên - nghĩ đến nhức nhối, đau buốt. Vì như hôm nay...

Hôm nay sinh nhật anh và cũng là ngày đầu năm mới trên chiến trường, và hơn thế nữa là một trong những ngày anh mới thoát khỏi vòng vây của một trận càn ác liệt dài ngày. Mọi người nghĩ rằng anh đã chết. Nhưng như bao lần đã qua anh lại thoát và giờ đây đang ngồi thu lu trong bụi điển thanh trên cánh đồng chết chóc của chiến tranh để viết cho em. Kỷ niệm những ngày ở Láng, ở Mễ Trì đầy mơ mộng, trong sáng của đời sinh viên, của mỗi tình đầu lại sống dậy mãnh liệt trong anh. Em ạ, dấu giọt sương rơi còn ướt áo, huống gì những năm tháng xa xôi trĩu nặng trong lòng. Chiến tranh hơn lúc nào hết làm con người ta thấy quý và thấy hết giá trị những ngày đã sống. Ở anh thì có cả những xót xa, ân hận vì những lỗi lầm đã mắc phải..., dấu cho tất cả chỉ tại thời ấu trĩ, ngông cuồng và những lầm lạc thật đáng nguyên rủa của tuổi trẻ.

Suốt 21 ngày đêm trong vòng vây của 7.000 quân Mỹ, nguy và chực hầu, như một người lính thực thụ, anh hành quân và chiến đấu với các chiến sĩ. Cả tiểu đoàn đã hy sinh gần hết, trong số rất ít cán bộ, chiến sĩ thoát khỏi vòng vây có anh. Anh đã bao lần thoát khỏi cái chết tưởng đã cầm chắc. Ở vòng vây ra, đó đặc, quần áo anh mất sạch, chỉ còn duy nhất chiếc gùi trong đó có quyển sổ ghi chép "Trên những nẻo đường chiến tranh" và tập thư của em và anh viết trong những tháng ngày yêu nhau. Thế mà đêm trước ngày vào chiến trường anh đến thăm, em đã tiếp anh thật lạnh nhạt. Anh ngồi trong phòng như một chiếc xác ướp, trước mặt là em, bên trái là chiếc đàn piano đen bóng... Và thế là anh đứng dậy lặng lẽ ra đi. Em không thêm tiễn anh lấy một bước. Lúc ấy anh nghĩ đến một câu nói của Ban Zắc: "Phụ nữ một khi lòng tự trọng của họ bị tổn thương dường như họ muốn dùng một chiếc khăn mùi xoa lau đi hết thấy". Thế là tạm biệt Hà Nội, tạm biệt em, tạm biệt tất cả những năm tháng đầy thơ mộng của tuổi trẻ dịu dàng êm ái. Mặt trận và những trận chiến đấu khốc liệt đã đón anh ngay từ những ngày đầu. Anh đi chiến dịch, lăn lộn với các chiến sĩ, lấy tài liệu, suy nghĩ, viết lách được rất nhiều và trong lòng lúc nào cũng cháy bỏng những khát vọng về cuộc sống, sự nghiệp và cả những con đường đi. Anh thấy mình trưởng thành lên rất nhiều. Một cuộc sống thật nghiêm khắc, rèn rũa con người chẳng khác gì một cuộc lột xác. Thuở ấu thơ và cả những tháng ngày sinh viên nữa, đọc truyện ngắn của Tô Hoài, anh từng ao ước được như Phương - nhận vật chinh của chuyện - lên đường tìm đến một chân trời chín mộng sự sống, ở đó có những trận bão và mưa rào cực lớn cuốn phăng đi tất cả những rác rưởi của cuộc sống tù túng, mốc lên... Ngày hôm nay, cái chân trời không phải là chín mộng mà là đống lửa ấy đã đến với anh, và anh đã đi, đã dốc hết sức mình trên con đường ấy. Anh đi

với những suy nghĩ đã cắt đứt một tấm môi, đầu còn phảng phất cái nét lãng mạn của những ngày thơ ấu xa xưa...

Hoa em! Thế là em chưa và anh có linh cảm rằng em sẽ chẳng bao giờ về Hải Dương quê anh và chẳng bao giờ gặp mẹ. Em là người con gái đầu tiên mà anh nói với mẹ, mẹ rất muốn gặp em (hồi đó là để xem mặt con dâu tương lai). Hoa ạ, đã bao lâu rồi xa quê mẹ, nhưng có bao giờ đâu anh quên được những dãy phố nghèo mà mình đã sống. Tiếng nói đùa và tiếng ru hời của mẹ. Tiếng trống trường mùa thu gọi đó, mai kia lại mùa phượng đỏ ngập trời... Anh nhớ đến Láng, đến đêm đầu đi nói chuyện với nhau và ngỏ lời. Anh nhớ đến hội trường mà lần đầu gặp mặt, mở lời làm quen mà ngượng chín cả người. Anh nhớ đến trận bóng bàn giao hữu với đội tuyển Hà Nội, lần đầu anh xuất hiện làm ngỡ ngàng em và ngỡ ngàng cả trường vì sao một chàng trai tính lễ lại có thể chơi bóng bàn hay đến thế. Anh nhớ nhà thờ Mễ Trì đêm nào hai đứa vào cầu chúa ban phúc lành cho tình yêu. Anh nhớ đến tiếng cười, giọng nói và cả tiếng quát mắng của em như riu lại trên bãi sỏi kỷ túc xá trước phòng anh... Những âm thanh đã từng làm thức dậy trong anh biết bao suy nghĩ, khát khao đối với cuộc sống này...

Hoa em, anh nhắc nhiều đến những kỷ niệm quá chẳng. Những kỷ niệm đã gắn với mỗi tình trong sáng, ngại ngùng chưa một lần đi xem, chưa một buổi tiễn đưa, chưa một lần đi dạo giữa chúng ta. Những kỷ niệm ấy đã gắn chặt với đời sống tâm hồn anh, đã theo anh trên khắp các nẻo đường chiến tranh mà anh từng đặt bước. Hoa ạ, anh nghĩ mình ra đi làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng của một người dân, chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc, để cho những kỷ niệm khỏi bị chà

đạp, giấy xéo và nếu có không may ngã xuống thì cũng là ngã xuống cho những lứa đôi sau này vĩnh viễn không phải chia ly, cho người phụ nữ không phải sống dang dở trong những tháng năm đợi chờ dài như cả một kiếp người. Anh đã từng đi bộ hàng tháng trời trên những đỉnh núi cao nhất của dãy Trường Sơn, từng sống với mảnh rừng chiến khu sao động, với đồng bằng đỏ lửa, từng hành quân trên bãi cát trắng xóa ven sông Thu Bốn bốn mùa thắm xanh màu nước. Anh đã từng tham dự những trận đánh ác liệt, chiến đấu như một người lính thực thụ, từng cùng với các chiến sĩ mở đường máu thoát vây, từng ngủ hầm bí mật, nhịn đói nhịn khát, từng đội bom B52 và pháo bảy ề ầm... Gian khổ, ác liệt nhiều lắm Hoa ạ, nhưng thực ra chưa thấm gì với những hy sinh vô bờ bến của đồng bào, chiến sĩ miền Nam. Nhiều gia đình đã hy sinh tới người cuối cùng. Nhiều vùng rộng lớn bị B52, chất độc hóa học và xe ủi biến thành vùng trắng. Không còn một cái nhà, một tấm tranh nào không bị đốt cháy. Tất cả mọi sinh hoạt ăn ở, nấu nướng, hội họp, yêu nhau đều ở dưới hầm. Một cuộc sống đi sâu vào lòng đất, từ lòng đất và lúc nào cũng sôi nổi đến mức mãnh liệt, phi thường. Những thôn xóm anh đi qua, những làng mạc anh đã sống, những vùng đất anh đã chiến đấu... đâu đâu cũng ngời ngời một sức sống mới, đâu đâu cũng xanh lên, vang lên tiếng gọi thật thiết tha đối với cuộc sống của Tổ quốc chúng ta...

Một ngày mai đây khi hòa bình trở lại, chiến tranh chấm dứt, và nếu như em chưa xây dựng gia đình và sẵn lòng tha thứ cho những lỗi lầm ấu trĩ trong tình yêu của anh, thì anh sẽ đón em về Hải Dương thăm mẹ, xin phép mẹ và chúng ta sẽ sống với nhau. Ngày anh rời quê hương

lên đường vào chiến trường mẹ có dặn anh rằng: "Con đi mẹ không dám cấm đoán. Con đi bao năm cũng được, nhưng còn sống thì nhất định phải trở ra ngoài này xây dựng gia đình, mà người con gái đó phải do mẹ chọn". Lời mẹ trước lúc lên đường thật thiêng liêng và anh nghĩ rằng anh không bao giờ được làm trái ý mẹ. Mẹ đã già rồi, đã chịu nhiều đau khổ trong những năm tháng chiến tranh mà anh xa vắng. Anh đi, trên tất cả những chặng đường chồng gai, những tháng ngày gian khổ, chiến đấu với kẻ thù, với đói khát, bệnh tật lúc nào cũng nặng sâu bóng mẹ già, trong tim lúc nào cũng ăm ắp lời mẹ dặn...

Hoa em, ẩn mình trong bụi điển thanh trên cánh đồng chết chóc của chiến tranh - nơi mà cái chết có thể đến với anh bất cứ lúc nào, anh viết với những dòng này cho em. Anh đã và sẽ vẫn giữ - giữ mãi mãi trong cuộc đời này những ấn tượng tốt đẹp nhất về em. Từ mặt trận đang ầm vang tiếng súng, anh gửi đến em những lời cầu chúc tốt đẹp nhất - lời cầu chúc về mùa xuân và lời cầu chúc cho hạnh phúc của em.

Anh đón ngày sinh nhật của mình, đón chào năm mới với trái tim của một người lính và niềm tin trước ngưỡng cửa của chiến thắng cuối cùng.

Nhớ viết cho anh.

Sẽ sớm gặp lại

Đêm ấy, trong căn hầm chìm tránh pháo dưới gốc một bụi tre đục ngay mép sông Thu Bốn, tôi cẩn thận gói ghém bản thảo, thư từ nhờ anh Hy chuyển tới người của Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy được lệnh sáng mai theo đường giao liên trở ra Hà Nội. Thật bất ngờ, lúc tạt qua lấy thư anh Hy đưa tôi lon sữa, bao thuốc lá Ruby quân tiếp vụ và mấy gói cà phê bột. "Hạnh sinh nhật vui vẻ nhé!" - Anh nói rồi vội vã đi ngay. Ngoài trời, thôn xóm sáng trưng dưới ánh đèn dù và tiếng nổ cầm canh của đạn pháo từ các căn cứ lính Mỹ bắn tới. Đêm đó, các anh ở Ban chính trị Quận đội quận 2 mừng sinh nhật cùng tôi trong thơm lừng khói thuốc và mùi cà phê gọi nhớ hương vị Hà Nội. Thật ý nghĩa, buổi phát thanh Quân đội Nhân dân của Đài Tiếng nói Việt Nam 9 giờ đêm hôm ấy lại trang trọng đọc tiếp loạt bài tôi viết về tiểu đoàn 3 anh hùng trong cuộc phá vây, phản kích đập tan cuộc bình định cấp tốc của 7.000 quân Mỹ, nguy và chực hầu ở huyện Điện Bàn - mảnh đất mà chúng tôi đang đứng chân. Đêm ấy chỉ có tiếng pháo bắn cầm canh. Đó là một trong những đêm yên tĩnh hiếm hoi ở chiến trường. Nhưng tôi không sao chợp mắt. Suốt một ngày cặm cụi hoàn thành bản thảo, viết thư về gia đình, viết thư cho người yêu rồi điền tiết không gửi, tôi bị xao động mạnh. Thời gian lạnh lùng chụp chiếc mũ màu tím lên những kỷ niệm trước sự nuối tiếc của con người trong vô vọng của muộn mằn...

"Tình yêu như chiếc cốc vỡ tan / Mỗi mảnh nhỏ nhoi đau lòng có gái". Và tôi thiếp đi trong chột hiện của những câu thơ tình rất hay từ thời sinh viên tôi thích:

"... Trong tình yêu có cả bùn lầy
và tuyết trắng

Vì phải sống bên nhau suốt cả
cuộc đời

Tình yêu là một bài ca tuyệt diệu
Mà một bài ca đâu phải dễ làm..."

Tôi nghe trong đó tiếng thở dài và cả lời trách cứ của cuộc đời.

Nhưng đầu sao cũng biết ơn những giây phút thanh bình hiếm hoi mà đáng tối cao đã dành cho tôi trong sinh nhật đầu tiên trên chiến trường. Chỉ sớm mai thôi, gương mặt góm ghềnh của chiến tranh với chết chóc đã lại chực chờ tôi.



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

BÀN THÊM VỀ MỐI QUAN HỆ VĂN HÓA VÀ VĂN MINH

PGS.TS. BÙI ĐÌNH PHONG

Ở phương Đông, từ "văn hóa" đã có trong đời sống ngôn ngữ khá sớm. Người sử dụng từ "văn hóa" sớm nhất có lẽ là Lưu Hưởng (năm 776 tr. CN), thời Tây Hán với nghĩa như một phương thức giáo hóa con người, đối lập với vũ lực. Phương Đông bàn về văn hóa nghiêng về cái đẹp, cái giá trị (văn là về đẹp, hóa là trở thành): những gì trở thành cái đẹp, cái giá trị, cái nhân bản là văn hóa. Còn từ "văn minh" được hiểu văn là cái đẹp, minh là sáng, chỉ tia sáng của đạo đức, biểu hiện ở chính trị, pháp luật, văn học, nghệ thuật.

Ở phương Tây, từ "văn hóa" xuất phát từ gốc latin là chữ *cultus animi* là trồng trọt tinh thần (tiếng Anh, Pháp là *culture*). Theo đó, văn hóa được hiểu với hai khía cạnh: thích ứng, khai thác tự nhiên và giáo dục, đào tạo cá nhân hay cộng đồng để họ xa rời trạng thái nguyên sơ, không còn là con vật tự nhiên và có được những phẩm chất tốt đẹp. Còn từ "văn minh" có từ căn gốc la tinh là *civitas* (tiếng Anh, Pháp là *civilisation*) với nghĩa gốc là đô thị, thành phố và các nghĩa phái sinh là thị dân, công dân. Nói chung khái niệm văn minh có nhiều cách hiểu, chẳng hạn để chỉ sự sáng tạo văn hóa hoặc theo nghĩa tổ chức xã hội bởi các biện pháp kỹ thuật cải thiện, xếp đặt hợp lý tiện lợi cho cuộc sống của con người. Theo F. Ăngghen, văn minh là chính trị khoan văn hóa lại và sợi dây liên kết văn minh là Nhà nước.

Tuy vậy, việc xác định và sử dụng các khái niệm văn hóa, văn minh không đơn giản. Vẫn còn sự lẫn lộn hoặc sử dụng đồng nghĩa hai thuật ngữ để chỉ toàn bộ sự sáng tạo và các tập quán tinh thần và vật chất riêng cho các tập đoàn người. Riêng thuật ngữ văn hóa, các nhà nhân loại học thế kỷ XIX sử dụng gần như khái niệm văn minh, theo đó văn hóa được hiểu theo tiêu chuẩn trí lực, có văn hóa từ trình độ thấp nhất đến cao nhất. Ở thế kỷ XX, văn hóa không xét ở mức độ thấp cao mà ở góc độ khác biệt. Cũng có quan điểm cho rằng "văn hóa là một quan hệ. Nó là mối quan hệ giữa thế giới biểu tượng và thế giới thực tại. Quan hệ ấy biểu hiện thành một kiểu lựa chọn riêng của một tộc người, một cá nhân so với một tộc người khác, một cá nhân khác".

Vì vậy, phân biệt văn minh với văn hóa chỉ là tương đối, vì đây là những khái niệm, tuy không đồng nhất, nhưng gần gũi, có liên quan mật thiết với nhau. Ngày nay người ta còn nói tới văn minh vật chất và văn minh tinh thần. Cách hiểu thông thường, theo như tác giả Trần Ngọc Thêm trong công trình *Cơ sở văn hóa Việt Nam* thì văn minh khác văn hóa ở ba điểm: Thứ nhất, trong khi văn hóa có bề dày của quá khứ thì văn minh chỉ là một lát cắt của đồng đại. Thứ hai, trong khi văn hóa bao gồm cả văn hóa vật chất lẫn tinh thần thì văn minh chỉ thiên về khía cạnh vật chất, kỹ thuật. Thứ

Sự phát triển của một quốc gia ở bất kỳ thời đại nào đều có dấu ấn khai sáng của văn hóa. Không phải văn minh, mà chính văn hóa mới thật sự là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội; là sức mạnh nội sinh, nguồn lực xã hội to lớn. Văn hóa thấm sâu vào quá trình phát triển, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.



Các nhà hàng, khách sạn luôn luôn kín chỗ. Những cuộc liên hoan mừng lên chức, lên sao diễn ra đều đều.... Nhiều khi sự thừa thãi của một cuộc nhậu lên chức có thể nuôi sống nhiều gia đình nghèo ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhiều năm. Cái nhân bản của văn hóa đang thiếu vắng ở những nơi này.

ba, trong khi văn hóa mang tính dân tộc rõ rệt thì văn minh thường mang tính quốc tế.

Điểm chung giữa văn hóa và văn minh là đều do con người sáng tạo ra, nhưng "phương thức sử dụng các công cụ sinh hoạt hằng ngày như mặc, ăn, ở, v.v.. thì lại là văn hóa". Cách hiểu văn hóa là "phương thức sử dụng các công cụ sinh hoạt hằng ngày" là cách tiếp cận độc đáo của Hồ Chí Minh, mở ra cho ta một hướng nghiên cứu đầy triển vọng về mối quan hệ giữa văn hóa và văn minh. Phải đặt văn hóa cạnh văn minh, trong văn minh để hiểu sự vận động của đời sống kinh tế - xã hội nước ta hôm nay. Phải khám phá cả văn hóa vật chất lẫn văn hóa tinh thần, đặc biệt là văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội, tức là những vấn đề thuộc về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống để thấy rằng - tiếp cận dưới góc độ giá trị - không phải lúc nào văn hóa và văn minh cũng song hành, càng không phải cứ có trình độ văn minh cao thì văn hóa tiên tiến và đậm đà, thậm chí ngược lại, văn minh cao nhưng văn hóa lùn, không có văn hóa.

Cái ăn, cái mặc là vật chất (được hiểu là văn minh), nhưng ăn như thế nào, mặc làm sao lại là văn hóa. Tiệc nghi vật chất như điện thoại, xe cộ, nhà ở, hạ tầng giao thông (được hiểu là vật chất) nhưng dùng điện thoại, đi lại như thế nào, ở ra làm sao lại là văn hóa. Quyền lực là một bước phát triển của văn minh chính trị, bởi vì đến một giai đoạn nhất định của lịch sử, đảng mới có quyền lực. Nhưng sử dụng quyền lực đó ra sao lại thuộc phạm trù văn hóa chính trị, mà biểu hiện cụ thể là văn hóa lãnh đạo - quản lý, văn hóa cầm quyền. V.v..

Phải chăng chúng ta đang chứng kiến một nghịch lý "thừa" văn minh, thiếu văn hóa trên đất nước ta? Thử xem xét mối quan hệ giữa văn hóa và văn minh

trên một vài lĩnh vực cụ thể để tìm câu trả lời cho câu hỏi đó.

1. NHẬU VÀ VĂN HÓA NHẬU

Đại hội XI khẳng định tiềm lực kinh tế nước ta được nâng cao, đất nước đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển. Tuy mức độ tăng trưởng kinh tế các năm có khác nhau, nhưng bình quân 5 năm 2006 - 2010 đạt khoảng 7%/năm và 10 năm 2001 - 2010 tăng trưởng 7,26%/năm, đạt mục tiêu chiến lược đã đề ra. Như vậy, Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá nhanh so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 theo giá thực tế đạt trên 101,6 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt 1,168 USD. Như vậy, Việt Nam bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Thu nhập thực tế của người dân năm 2008 so với năm 2000 tăng 2,3 lần; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 26% năm 2000 xuống còn khoảng 10% năm 2010.

Đó là tổng kết bằng con số. Thực tế, chúng ta cũng có thể thấy cái ăn, cái mặc của người dân, đặc biệt là cán bộ công chức, viên chức đã khá hơn nhiều so với trước đây. Các nhà hàng, khách sạn luôn luôn kín chỗ. Những cuộc liên hoan mừng lên chức, lên sao diễn ra đều đều. Những người có mặt ở các nơi này chủ yếu là cán bộ công chức, người có chức quyền. Những cuộc ăn nhậu lãng phí vô cùng, có khi thừa một phần ba. Trong không khí "đô" đó, hầu như ít ai nghĩ đến những thân phận nghèo, cận nghèo. Nhiều khi sự thừa thãi của vài ba cuộc nhậu lên chức có thể nuôi sống nhiều gia đình nghèo ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhiều năm. Cái nhân bản của văn hóa đang thiếu vắng ở những nơi này.

2. GIAO THÔNG VÀ VĂN HÓA GIAO THÔNG

Sau hơn 25 năm đổi mới, kết cấu hạ tầng có bước phát triển quan trọng, nhiều công trình mới mọc lên và đã phát huy tác dụng. Tỷ lệ đô thị hóa tăng từ 24,2% năm 2000 lên trên 30% năm 2010. Diện tích nhà ở tăng từ 8 mét vuông/người lên 12,5 mét vuông/người. Đại lộ, đường giao thông ở Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và nhiều thành phố, thị xã khác trên phạm vi cả nước mọc lên từng quý, từng năm. Nhiều đại lộ trước đây chỉ có thể thấy trong mơ như Đại lộ Thăng Long ở Hà Nội đẹp nhất nước, Đại lộ đông - tây ở Thành phố Hồ Chí Minh, thì nay trở thành sự thật. Sự phát triển hệ thống giao thông là một kỳ tích trong đổi mới.

Nhưng, càng tự hào với nhiều đường giao thông bao nhiêu thì càng đau lòng với văn hóa giao thông bấy nhiêu. Trước hết phải nói đến văn hóa quản lý giao thông mà cốt tủy là thái độ tinh thần trách nhiệm của những cán bộ lãnh đạo, chủ chốt, chủ đầu tư, giám sát công trình rất thấp. Họ chạy theo thành tích, làm đường cho xong, kịp ngày kỷ niệm, báo cáo thành tích, giải ngân để rồi sau đó đường thành ao, thành sông và rồi tai nạn giao thông liên tục xảy ra. Không thể chấp nhận một kiểu làm giao thông đào hê lên, lấp xuống, lại đào lên, lấp xuống. Vì sao con đường gốm sứ Hà Nội đẹp nhất nước lại có hiện tượng phóng uế bừa bãi? Một trong những nguyên nhân vì thiếu công trình vệ sinh (vì vậy có ý kiến cho rằng kỷ niệm ngàn năm Thăng Long, bên cạnh những công trình lớn, nên làm một nghìn công trình vệ sinh để bảo đảm môi trường, một trong những yếu tố của phát triển bền vững).

Tiếp đến là văn hóa của những người tham gia giao thông. Theo thông tin của báo chí, mỗi ngày bình quân có từ 30 đến 40 vụ tai nạn giao thông, làm chết 30 đến 40 người. Mỗi năm trung bình có khoảng 11000 người chết do tai nạn giao thông. Nếu tính từ sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc đến nay và gần hơn là sau hơn 25 năm đổi mới thì số người chết do tai nạn giao thông không thua kém số người hy sinh trong chiến tranh giữ nước. Chiến tranh đã chấm dứt, còn sự nghiệp đổi mới đang lâu dài. Số người chết do tai nạn giao thông cứ đều đều theo thời gian, cùng sự đi lên của công cuộc đổi mới, của phát triển đường giao thông. Văn hóa giao thông đang ở tình trạng bảo động đờ.

3. DOANH NGHIỆP VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta có nhiều doanh nghiệp, lực lượng doanh nhân dồi dào. Chỉ trong đổi mới, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta mới khôi phục được hình ảnh và danh

tiếng cho doanh nghiệp và doanh nhân. Và rõ ràng, sự trưởng thành, lớn mạnh của doanh nghiệp, doanh nhân đã góp phần quan trọng, to lớn cho sự phát triển của đất nước. Ba mươi doanh nhân trong Quốc hội là một tín hiệu đáng mừng.

Tuy nhiên, văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân đang có vấn đề. Điều này không phổ biến nhưng tính chất nghiêm trọng trong văn hóa quản lý kiểu Vinasin, Vinaline, nợ xấu của ngân hàng khiến người dân thiếu niềm tin vào kinh tế nhà nước. Xu hướng lợi ích nhóm đang hình thành, từng bước vững chắc, làm xói mòn, giảm lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đất nước mà doanh nghiệp, doanh nhân không thể không có trách nhiệm. Những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh, bất chấp nhân phẩm, vẫn còn tồn tại ở những độ đậm nhạt khác nhau. Tập đoàn kinh tế không phát huy cú đấm thép của mình mà lại san sẻ sức mạnh đó vào các lĩnh vực khác vì lợi ích cá nhân. Sự lừa đảo, giả dối, buôn gian, bán lậu, bất chấp tính mạng con người và sự trường tồn của nòi giống dân tộc chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Không ít những người quản lý thiếu văn hóa, thiếu tinh thần trách nhiệm, nói nhiều làm ít, nói một đằng làm một nẻo, không dám công khai, vạch mặt chỉ tên những doanh nghiệp làm ăn gian dối, lừa đảo. Chúng ta chưa có nhiều doanh nghiệp, doanh nhân, nhưng điều quan trọng hơn là nhiều nhưng phải liên với tốt. Phải sàng lọc để có văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp theo tinh thần "thà ít mà tốt".

4. GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA GIÁO DỤC

Chúng ta có nhiều trường đại học, nhiều cơ sở giáo dục, đào tạo, nhưng thiếu văn hóa giáo dục. Giáo dục là văn hóa nhưng lại thiếu văn hóa giáo dục thì không thể chấp nhận được. Tư duy và quản lý giáo dục có vấn đề. Có những điều Bác Hồ dạy từ lâu nhưng những người quản lý giáo dục không học và làm theo Bác, lại làm ngược. Ví dụ: Bác dạy thi đua "Hai tốt" tức là thi đua "dạy tốt và học tốt". Bác dạy như vậy là đúng quy luật, phản ánh một khía cạnh của triết lý giáo dục, bao giờ cũng hướng tới xây. Xây là nhiệm vụ chủ yếu và lâu dài. Bây giờ ta lại dạy "chống". Chống mà không xây thì vô nghĩa. Một hội chứng nói "không", trong khi đó đáng lý phải nói "có" mới khoa học, đúng quy luật. Nguy hiểm hơn là trong tư duy của văn hóa quản lý giáo dục vẫn còn nặng về thi cử và thành tích, cho nên mới có chuyện "chống tiêu cực trong thi cử và chống bệnh thành tích". Một nền giáo dục mà vẫn làm cho người học "trần trở" với hai chữ thi cử thì đó là một nền giáo dục bằng không và số phận đã an bài. Học thì phải thi, nhưng nếu người dạy và người học quan niệm dạy và học chỉ để thi, xong thì là hết, không còn đầu đầu với số phận đất nước, sự trường tồn của dân tộc, thì lấy đâu ra nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ đất nước. Thiếu văn hóa trong quản lý giáo dục thì không thể có văn hóa giáo dục được, càng không thể đưa đất nước sánh vai với các cường quốc năm châu như lúc sinh thời Bác Hồ hằng mong muốn.

Một biểu hiện khác trong thiếu văn hóa giáo dục là thiếu tư duy khoa học về giáo dục. Chúng ta xây dựng một nền

giáo dục, đào tạo những người đi giáo dục chứ không phải tạo ra những người đi dạy học. Giáo dục rộng hơn dạy học. Trong giáo dục phải cho người học hiểu, bên cạnh những mặt tốt, còn phải chỉ ra những mặt xấu, hạn chế. Nếu chúng ta chỉ tuyên truyền cái tốt (theo kiểu tư duy đánh giặc chỉ có thắng, không bao giờ thua) thì phản giáo dục, lợi bất cập hại. Giáo dục truyền thống dân tộc mà chỉ nói tới cái tốt, không chỉ ra, phân tích những hạn chế của truyền thống (Bác Hồ gọi những thói quen, truyền thống lạc hậu là một loại giặc) thì rất nguy hiểm. Người Việt, bên cạnh nhiều ưu điểm cũng không thiếu những thói hư, tật xấu. Xưa nay, với kiểu tư duy giáo dục một chiều, nên người học có khi chỉ biết "ta thắng địch thua"; người Việt chỉ có tốt không có gì xấu; Đảng ta chỉ có mặt mạnh, không có mặt yếu; đảng viên tốt hơn người ngoài Đảng... Những kiểu tư duy thiếu văn hóa đó là những trở lực trên con đường phát triển bền vững mà ta không lường hết được.

5. VĂN MINH CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền. Từ đó đến nay, Đảng ta và cán bộ, đảng viên có quyền lực chính trị, tức là quyền lãnh đạo đất nước, xã hội. Có được thành quả đó là nhờ sự hy sinh xương máu của bao chiến sĩ yêu nước, cách mạng và đồng bào, đồng chí. Chúng ta cần trân trọng và tự hào với sự cầm quyền của Đảng, vì đó là một bước phát triển của văn minh chính trị, tạo ra sức mạnh quản lý đất nước.

Nhưng thật đáng buồn, đáng lên án là văn hóa chính trị, văn hóa cầm quyền, văn hóa lãnh đạo - quản lý của một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ cao cấp quá thấp kém. Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh: "Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp, cùng với sự phân hóa giàu nghèo và sự yếu kém trong quản lý, điều hành của nhiều

cấp, nhiều ngành làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước"¹. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI đánh giá: "Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc". Những biểu hiện đó thực chất là sự suy thoái, tha hóa về văn hóa.

Chúng ta có đầy đủ và thừa các chức vụ và những người làm công tác quản lý nhưng lại thiếu văn hóa quản lý. Tham nhũng là gì? Là những lạm (cách gọi chính danh tham nhũng của Bác Hồ). Những lạm là lợi dụng quyền lực để tham ô và những nhiễu dân. Những người như vậy là thừa quyền lực nhưng thiếu văn hóa cầm quyền. Sự đổ vỡ của Vinasin và nhiều hạn chế, yếu kém trong các trường hợp tương tự là gì? Là thiếu văn hóa chính trị, văn hóa lãnh đạo - quản lý. Những người có trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp ở đó thiếu, yếu kém cả đạo đức và trình độ quản lý. Có khuyết điểm trong quản lý ngành mình, bộ mình, địa phương mình mà không dám nhận lỗi là thiếu văn hóa phê và tự phê. Có những lỗi lầm nặng nề mà không dám xin lỗi, từ chức là thiếu văn hóa từ chức. Đảng viên, cán bộ của một Đảng chân chính, cách mạng, đạo đức, văn minh theo tấm gương Hồ Chí Minh là phải có văn hóa xin lỗi, văn hóa phê bình, tự phê bình và văn hóa từ chức khi có khuyết điểm, làm mất lòng tin của nhân dân. Tại sao một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên khi có chút quyền hành trong tay lại lạm quyền, thích dùng mệnh lệnh, vô cảm trước đời sống của nhân dân, thiếu trách nhiệm với dân? Là do thiếu văn hóa chính trị. Tại sao một bộ phận không nhỏ cán bộ có khuynh hướng sai lệch về quyền lực như quan liêu, cậy thế cậy quyền, lợi dụng quyền lực, lạm dụng quyền lực, say mê quyền lực, chạy theo quyền lực, tranh giành quyền lực, tham quyền cố vị..., những tệ nạn có nguy cơ làm sụp đổ chế độ, liên

quan đến sự tồn vong của đất nước của Đảng? Vì thiếu văn hóa chính trị, văn hóa cầm quyền, văn hóa quản lý. Thói thường những người dốt nát lại thích, say mê quyền lực và lạm quyền. Họ không rèn đức, luyện tài mà rèn công nghệ tìm kiếm, săn, mua quyền lực. Có quyền rồi thì đục khoét dân, ăn của đút. Đối với anh em, đồng chí thì dìm người giỏi để giữ địa vị và danh tiếng của mình (Bác Hồ gọi là "đạo vị"). Đó là sự tha hóa về nhân cách cần được dư luận lên án và loại bỏ khỏi đời sống xã hội.

6. KẾT VÀ MỞ

Thế giới trong vài năm trở lại đây có mấy sự kiện liên quan đến chủ đề bài viết. Một là, trận động đất hiếm có trong lịch sử đã làm cho nhân dân Nhật Bản chịu nhiều tổn thất quá nặng nề về người và tài sản. Nhưng nước Nhật nhanh chóng phục hồi và đứng dậy. Một sức mạnh phi thường nhờ nội sinh văn hóa đã thấm sâu vào từng tế bào của xã hội, thấm vào máu thịt của từng con người Nhật Bản khi còn trong trứng nước. Vì vậy, dù sóng to, gió lớn, trở lực khó khăn, người Nhật Bản vẫn ngẩng cao đầu, xứng đáng để cả thế giới ngưỡng mộ và khâm phục. Hai là, nước Anh có cuộc bạo loạn tối tệ nhất trong 25 năm qua. Ngày 15-8-2011 Thủ tướng Anh David Cameron nói rằng, "nước Anh đang phải đối mặt một nền văn hóa lười biếng, vô trách nhiệm và ích kỷ - nguyên nhân chính làm bùng lên cuộc bạo loạn kéo dài 4 ngày qua khiến 5 người chết, hàng ngàn người bị truy tố tội hình sự, thiệt hại hàng trăm triệu USD". Ông cho rằng "vụ bạo loạn vừa qua làm thức tỉnh cả nước, các vấn đề xã hội vốn âm ỷ hình thành nhiều thập kỷ qua đã bùng nổ ngay trước mắt mọi người. Chúng kiến cảnh bạo loạn trên đường phố, ai cũng muốn những vấn đề xã hội này được giải quyết và sự xuống cấp đạo đức bị đẩy lùi". Thủ tướng Cameron hứa sẽ chấm dứt một nền văn hóa e dè, sợ hãi trong việc thảo luận trường hợp gia đình tan vỡ, cha mẹ nghèo đói, hoặc trong việc chỉ trích những phụ huynh không nêu gương tốt cho con em họ cũng như cộng đồng".

Sự kiện nước Nhật khẳng định sức mạnh trường tồn của văn hóa và sự nuôi dưỡng văn hóa. Sự kiện nước Anh cho thấy sự phát triển của văn minh không đi cùng sự phát triển của văn hóa thì sự đổ vỡ là điều khó tránh khỏi.

Vấn đề đặt ra hiện nay là trong khi chú trọng sáng tạo, phát minh những giá trị vật chất (văn minh) thì phải đặc biệt chú ý nuôi dưỡng, đắp bồi những giá trị tinh thần (văn hóa). Say sưa về vật chất, quyền lực mà xem nhẹ giá trị nhân bản, nhân cách làm người là đổ vỡ tất cả. Thiếu "vốn kinh tế", chưa có kỹ thuật, khoa học công nghệ, vật chất thì 30 năm, 50 năm, sẽ có. Nhưng suy giảm "vốn xã hội", thiếu, xuống cấp, suy đồi về văn hóa, tha hóa về văn hóa thì một thế kỷ rất khó phục hồi, thậm chí mất cả thiên niên kỷ. Nhưng điều nguy hiểm hơn là trong hàng trăm năm đó chúng ta mất nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, mất sức mạnh nội sinh, nguồn lực xã hội to lớn, không có động lực của phát triển và phát triển không có mục tiêu.■

B.Đ.P

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.173.



Càng tự hào với nhiều đường giao thông bao nhiêu thì càng đau lòng với văn hóa giao thông bấy nhiêu... Theo thông tin của báo chí, mỗi ngày bình quân từ 30 đến 40 vụ tai nạn giao thông và làm từ 30 đến 40 người chết. Mỗi năm trung bình có khoảng 11.000 người chết do tai nạn giao thông... Số người chết do tai nạn giao thông cứ đều đều theo thời gian, cùng sự đi lên của công cuộc đổi mới, của phát triển đường giao thông. Văn hóa giao thông đang ở tình trạng báo động đỏ.

1. Trong kí ức của Đạt, Hoạt là một người lính trẻ kì dị, ngang bướng. Hoạt mới có 17 tuổi 6 tháng nhưng đã cao 1m 8, đi đứng lênh khênh như một cây sào. Người hần gầy đã đành, bộ mặt xương xẩu trông càng khó coi. Hoạt chỉ được cái sức khỏe. Ở vào thời bình, giá như gặp một anh huấn luyện viên bóng rổ, hoặc bóng chuyền, những tạng người có ngoại hình cao to như Hoạt, hần hần đã được lựa chọn chơi thể thao cho quân đội. Cuộc sống đã không cho Hoạt chọn nghề, bỏ mặc hần lặn theo năm tháng. Thật tiếc cho Hoạt, giá như được chơi thể thao Hoạt có sẵn năng khiếu bẩm sinh. Ví như chùm trái xoài treo lúc lỉu trên ngọn lá xanh om, giữa những trái to, trái nhỏ, trái xanh, trái ửng ửng chín...Hần chỉ cần cầm một hai miếng mảnh sành trên tay ngắm nghía một lát, chắc chắn có vài trái xoài đã rơi lộp bộp xuống đất, đủ để cho cả tiểu đội có một đĩa nhậu xoài xanh trộn với mực khô, cá khô ngồi lai rai cả chiều.

Còn cú đập bóng chuyền của Hoạt thì thật khủng khiếp. Vào mỗi buổi chiều, ngày đơn vị còn đóng quân ở Châu Đốc. Bộ đội sau giờ tập luyện lại vào nhà dân, xuống ấp, xuống xã đi làm công tác dân vận. Đồng bào ở đây đa phần là người Khơ Me. Đám thanh thiếu niên ham thể thao, múa hát. Trên khoảng đất trống trước cửa văn phòng ủy ban nhân dân xã, bộ đội đã dựng một sân bóng chuyền, kêu gọi thanh thiếu niên đến chơi. Chiều nào cũng vậy, khoảng sân đất ỏn ào như vỡ chợ vì những cuộc đấu bóng chuyền, bóng đá mini 7 người giữa thanh niên trong các ấp và bộ đội. Để cho cân bằng lực lượng, phát huy tối đa tinh thần đoàn kết quân dân, những trận đấu bóng không chia phe giữa quân với dân mà bộ đội và thanh niên hợp nhau lại làm một chia đều quân. Bên nào cũng có người giỏi, người kém. Mấy chục anh thanh niên trai tráng bất kể là bộ đội hay thanh niên ở làng chỉ mặc quần đùi, áo may ô, cời trần chẳng còn nhận ra đâu là dân, đâu là lính nữa. Nhưng hể Hoạt đứng ở phía bên nào dứt khoát bên ấy sẽ thắng, nên anh nào cũng mong được ở phe của hần. Thế là đành phải "oản tù tì" để chia quân. Luật chơi đã định bên thắng ở lại, thua ra. Thua liền ba ván mất độ phải đi bia lúc kết thúc cuộc chơi. Hoạt cao lênh khênh hơn đám thanh niên cả cái đầu. Đôi tay của hần dài như tay vượn. Mỗi khi đập bóng chỉ hơi nhón chân đã vọt qua mép lưới. Cánh tay của hần giáng vào trái bóng mạnh như đánh búa tạ. Trái banh cắm xuống đất văng ra tận cánh ruộng mạ. Có lần trái bóng chuyền bật mũi chỉ, ruột bóng lòi ra ngoài căng to như bụng bà có bầu 8 tháng. Sức đập mạnh quá, trái bóng nổ tung. Đánh bóng chuyền như thế ai chả khiếp! Còn chơi bóng đá muốn cản phá đường bóng của Hoạt đang rê đất, định sút vào lưới, cách duy nhất có hiệu quả là 2, 3 thanh niên trẻ khỏe lao vào cái chân trái của hần "chém". Trọng tài thổi thẻ đỏ cũng chơi, nếu không sẽ thủng lưới, mất độ. Độ cho một trận bóng đá cũng rẻ, bên thua phải chịu cho bên thắng mỗi người một ca bia rượu cỏ, chừng hơn lít. Chỉ có vậy mà làm náo loạn cả làng.

Hoạt có sức khỏe nhất trong trung đội và cả đại đội. Chỉ có điều hần chẳng giúp ai bao giờ. Chỉ tiêu giao cho mỗi người một ngày chặt đủ 3 khúc gỗ về lát hầm kèo chữ A. Hần chặt đúng 3 khúc gỗ, mỗi khúc dài 1m8, nộp cho tiểu đội trưởng xong lính đi tắm và chuẩn vào chơi trong xóm tán gái. Giao thông hào tiểu đội yêu cầu mỗi người phải đào 2m. Người khác phải đào cả ngày. Hoạt đào trong một buổi sáng nửa cuộc xẽng sạch sẽ rồi biến. Hần có cái xẽng Mỹ nhật được ngày còn đóng quân ở Bến Lức, đi hành quân đến đâu cũng mang theo chiếc xẽng được lau chùi sạch sẽ như một vật thiêng, bó trong tấm vải đeo ở ba lô. Đã có lần trong cuộc họp tiểu đội, anh tiểu đội trưởng mang Hoạt ra phê bình thói ích kỷ, không biết tương trợ bạn. Hần cũng cổ cãi. "- Các anh thông cảm! Thấy bu tôi là dân thợ, chẳng được học nhiều. Từ nhỏ các cụ mỗi bữa ăn chia đều cho anh em chúng tôi từng bát cơm, củ lạc. Của ai người ấy ăn, việc ai người ấy làm..."

Dưới con mắt và cách suy nghĩ của anh Huyện – chính trị viên đại đội, những người lính như Hoạt luôn là một kẻ bất trị, ngang bướng, phải dè chừng. Đạt vẫn còn nhớ trong cuốn sổ tay ghi chép của anh Huyện chẳng có một lời nào ưu điểm dành cho Hoạt. Chân dung Hoạt được anh Huyện tóm tắt như sau: "Thành phần con cái công nhân. Cha là thợ lò, mẹ là thợ gốm. Tư tưởng tự do vô kỉ luật, tính ương ngạnh. Đi họp không bao giờ đúng giờ. Bên mẹ có người là Việt kiều Thái Lan. Cần cảnh giác khi lâm trận để bỏ trốn theo địch..."

Nhưng với anh em trong tiểu đội, nhất là những anh bộ đội tân binh nhập ngũ sau ngày giải phóng 1975,

NGƯỜI VỀ HOA VĂN TRÊN GỐM

Truyện ngắn của ĐỖ KIM CUÔNG

Đại bộ phận trong số ấy là thanh niên Nam bộ, thua kém Hoạt một vài tuổi lại rất khoái hần. Có Hoạt ở đâu, vui ở đấy, chuyện tাম phào nổ rộ như pháo rang. Gặp lúc nhậu có Hoạt mới vui, hay kể chuyện tếu táo. Những người lính tân binh nghĩ đơn giản, Hoạt có tuổi quân hơn họ. Anh ta đã từng ném mìn bom đạn ở phòng tuyến Thành Sơn, ở vịnh đại Xuân Lộc. Ngày 30/4 Sài Gòn giải phóng, Hoạt đã có mặt. Thế là lính chiến rồi. Nhất loạt đám lính tân binh gọi Hoạt bằng anh hai dù hần chẳng hơn họ bao nhiêu tuổi và cũng chỉ mang lon binh nhất. Chỉ riêng cái việc Hoạt không được phong hạ sĩ cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Hoạt nói toang toác trong tiểu đội. "- Chà sao! Tao binh bét càng hay. Nay mai trên cho giải ngũ, tao về quê nhanh, lấy vợ!". Có người hỏi. "Mai mốt ra quân anh định làm gì mà sống?" Hoạt đáp tỉnh bơ. "- Tổ về làng đi về tranh! Đây sợ địch gì".

Từ năm 10 tuổi, Hoạt đã đi theo mẹ vẽ tranh cho các làng gốm ngoài Đồng Triều. Hần có hoa tay chỉ vài cái vẩy bút đã ra một bông hoa, nhành lá. Nguệch ngoạc vài nét đã kí họa xong một bức tranh cho người đang ngồi làm mẫu, bất kể họ là ai. Mỗi khi đơn vị đóng quân ở đâu, gặp lúc rảnh rỗi, cao hứng Hoạt lôi giấy ra ngồi hí hoáy kí họa lúc thì cô gái Khơ Me con ông bà chủ, khi thì kí họa ông thầy chùa, rồi vẽ những ngôi chùa Khơ Me. Đám con nít trong ấp rất khoái chơi với chủ Hoạt cao kều. Còn các cô gái Khơ Me nhìn hần vừa ngại, vừa muốn làm quen để được hần vẽ hình.

Nhưng số lính không cho Hoạt giải ngũ sớm. Vì hần mới nhập ngũ chưa được một năm nên trở thành nòng cốt để xây dựng đơn vị và rèn rũa đám tân binh. Hoạt phải mất thêm nhiều năm nữa để gắn bó với cuộc đời quân ngũ. Bắt đầu là những ngày tháng đi rà gỡ mìn. Các bãi mìn sau chiến tranh sao mà nhiều vậy? Đi đến vùng nào cũng có mìn! Đi rà gỡ mìn chưa xong đơn vị lại được điều động đi quy tập mộ liệt sĩ. Thêm vài ba tháng huấn luyện cho lính, vậy là hết năm.

Thống nhất đất nước chưa được bao lâu, bát cơm ngày vui chưa tàn, giặc dã vùng biển, nạn Phunrô quấy

phá ở Tây Nguyên. Những người lính lại ba lô súng đạn lên đường.

Cho đến một ngày, đơn vị của Hoạt dừng chân ở đất An Giang. Châu Đốc chỉ viện cho các đơn vị bộ đội tấn công quân Pôn Pốt sang quấy phá biên giới. Đã có nhiều toán quân Pôn Pốt vượt qua biên giới vào đốt nhà, giết hại dân lành gây nên tội ác khủng khiếp cho nhân dân trong vùng.

2. Đơn vị của Đạt đến được Bẫy Núi thì quân Pôn Pốt chiếm đóng Ba Chúc đã bị bộ đội đẩy lui về phía bên kia biên giới.

Đứng từ đỉnh Ngọa Long Sơn nhìn chưa hết tầm mắt qua những vườn dứa, vườn thốt nốt và cánh đồng cỏ lau, cỏ lác đã có thể thấy những xóm ấp của người Campuchia.

Xã Ba Chúc có năm ấp là An Hòa, An Định, An Bình, Núi Nước và Thanh Lương. Ấp nào cũng bị quân Pôn Pốt đột nhập vào triệt hạ nhà cửa, sát hại bà con bất kể họ là người Kinh, người Hoa hay người Khơ Me. Hơn nửa tháng trời đơn vị của Đạt phối hợp cùng với các đơn vị công binh, bộ đội địa phương, dân quân du kích đi thu gom các xác người chết, xác thú vật bị thối rửa nằm rải rác khắp nơi, dọn dẹp tu sửa lại những ngôi nhà dân bị giặc đốt cháy, cướp phá. Lịch sử của Ba Chúc sẽ không bao giờ quên được chỉ trong 11 ngày giặc Pôn Pốt chiếm đóng đã sát hại 3157 mạng người. Bất kể họ là đàn ông, đàn bà, người già, con trẻ. Có người phụ nữ mới mang thai 7, 8 tháng cũng bị quân Pôn Pốt giết hại. Chúng giết người không chỉ bằng súng, lửa dân ra bãi bắn tập thể mà còn nhẩn tâm dùng dao búa đánh vào đầu, vào gáy, cắt cổ, xé xác, đập đầu vào gốc cây... Đi quanh các xóm ấp đâu đâu cũng gặp cảnh nhà cháy, máu đọng thành từng vũng trên mặt đất, máu khô cứng kết trên những bức tường trát xi măng. Những xác người, xác súc vật bị vất xuống giếng, vũng nước sâu, ném vào trong các hang đá bốc mùi hôi thối tanh nồng...

Vào một buổi chiều khi đại đội điểm duyệt quân số, trung đội 1 báo cáo lên không tìm thấy Hoạt. Cả trung đội, tiểu đội chia nhau đi tìm, coi thử có chuyện gì xảy ra với Hoạt. Họ quay trở lại từng căn nhà, từng góc vườn nhưng không thấy Hoạt đâu cả. Những ngày này quân Pôn Pốt dù đã bị đuổi về phía bên kia biên giới, nhưng từng toán nhỏ lẻ vẫn bí mật luồn sang các xóm ấp, ẩn nấp đâu đó trong các hang động, tìm cách bắn tỉa, bắt cóc thủ tiêu bộ đội, cán bộ du kích địa phương...Tìm cho đến tận chiều tối vẫn không thấy Hoạt, nhiều người cho rằng Hoạt đã bị địch bắt sống và bí mật đưa đi. Cho đến trưa hôm sau trong lúc cả đại đội đang tập trung ở sân chùa Tam Bửu ăn cơm vớt, bất ngờ mọi người nhìn thấy Hoạt đi ra từ trong một vạt rừng dứa. Không còn ai nhận ra Hoạt nữa. Áo quần bê bết bùn đất và cả máu. Người Hoạt vốn cao to, lêu đêu như một cây sào, chỉ mặc trên người mỗi chiếc quần đùi với chiếc áo bộ đội vải Tô Châu bị rách nhiều chỗ. Trên vai Hoạt vác một khẩu B40, tay còn lại cầm thêm khẩu AK. Sau lưng hần đeo một chiếc gùi tre, như thể có đựng vật gì bên trong. Lúc Hoạt hạ chiếc gùi tre xuống bất ngờ từ trong chiếc gùi nhảy ra một con chó con với màu lông đen tuyền, trên trán chú chó mực có một chấm lông trắng. Mọi người hỏi ra mới biết vào lúc chiều tối hôm qua, mãi bám theo con chó mực, Hoạt đã đi lạc đường sang vùng núi Tượng. Đây là một ấp trù phú có những vườn xoài, vú sữa và mít rộng hàng chục hécta xen kẽ với những ngọn núi thấp có nhiều hang động. Con chó mực tinh khôn đã dẫn đường cho Hoạt đến một địa điểm mà khi lần đầu nhìn thấy Hoạt không khỏi kinh hãi. Trong một hang đá nhỏ giặc Pôn Pốt đã giết hại hàng chục người, chúng vất những xác người chết chồng chất lên nhau. Đi loang quanh vùng núi Tượng một lúc Hoạt tìm được đơn vị bộ đội địa phương đang đóng quân ở gần đấy. Hoạt và con chó mực đã dẫn bộ đội đến hang đá lấy xác của đồng bào đưa về nơi quy tập tử sĩ. Công việc làm xong thì đêm đã khuya. Theo lời khuyên của mấy anh bộ đội địa phương, Hoạt nghe cũng bùi tai đành ngồi lại với họ ăn cơm và uống rượu, đến sáng mới tìm về lại được đơn vị.

Từ lúc con chó mực được Hoạt cứu sống, nó không rời hần một bước. Hoạt đi tới đâu con chó mực cứ lẳng nhẳng bám theo, như thể hần là chủ của nó. Nhìn con chó nhỏ nhắn, tinh khôn, Hoạt quyết định đem con chó về nuôi. Một chân sau của con chó bước hơi khập khiễng. Hần bế con chó lên coi thử, mới biết con chó cũng bị thương.

Hần con chó mực bị đói lâu ngày, lúc Hoạt đưa cho

nó một bát cơm to trộn thêm ít nước thịt hộp đựng trong chiếc bát B52 của bộ đội, chỉ một loáng con chó đã đá xong. Hoạt tắm rửa cho con chó, cưng nựng nó như là một đứa trẻ nhỏ. Nhìn kĩ mới thấy con chó có vóc dáng đẹp. Con chó giống lai của Thái có một màu lông đen tuyền, nhưng bốn chân lại là màu lông trắng trông chẳng khác nào một đứa trẻ con đang đi tất. Ngay giữa trán con chó có một chùm lông trắng ăn loang ra hai mí mắt. Nhìn con chó ăn, tung tăng chạy nhảy quẩn quít bên Hoạt và những người lính, cả tiểu đội đều thích. Ai có gì ngon đều dành phần cho con chó. Lúc tiểu đội phải chuyển nhà, con chó mực lùn cùn chạy theo. Con chó mực khoang trắng trở thành tài sản chung của cả tiểu đội. Ai cũng có thể cho con chó ăn, tắm tấp và hôn nựng nó. Lúc đi chốt gác ở ngoài bia vườn, con chó lững thững theo người lính gác. Chỉ duy nhất lúc đi ngủ con chó không chịu gần ai cả mà rúc đầu vào chân Hoạt hoặc nằm phủ phục ngay dưới chiếc võng, vừa ngủ vừa canh chừng. Một tiếng động nhỏ cũng làm cho con chó mực mở bừng mắt, nghiêng tai nghe ngóng. Khi phát hiện ra kẻ lạ con chó gầm gừ trong cổ họng, có ý dọa. Và một khi nó đã cất tiếng sủa, lao ra khỏi chỗ nằm thì kẻ gian có chạy đằng trời cũng không thoát.

Con chó mực khoang trắng trở thành người bạn đồng hành của Hoạt và tiểu đội trong chuyến hành quân ngược đường ra Bắc đánh giặc. Đạo ấy biên giới Tây Nam đã tạm yên, nhưng khói lửa lại mịt mù nơi ải Bắc.

Trong một trận đánh giữ chốt ở Trảng Định, Đạt bị thương. Vết thương nặng buộc lòng phải đưa anh về tuyến sau điều trị. Lúc đưa Đạt xuống chỗ xe cứu thương, Hoạt đi theo khiêng cáng. Con chó mực bám theo sủa ăng ăng. Chiếc xe chuyển bánh, Đạt còn nghe rõ Hoạt nói. " -Anh Đạt đi khỏe nhé!"

Những ngày nằm ở viện quân khu, hàng ngày Đạt vẫn cố gắng theo dõi tin tức đơn vị đang trụ bám ở Lạng Sơn. Một lần Đạt nhận được tin trong trận đánh giữ chốt, đơn vị của Hoạt nhận được Huân chương chiến công hạng 3 sau khi chặn đứng một tiểu đoàn địch. Ít ngày sau lại có người bị thương về nằm viện đưa tin cả trung đội của Hoạt đã bị xóa sổ bởi trận pháo của địch bắn trả. Lại có người nói thằng Hoạt cao kều ở trung đội 1 chỉ bị thương, rồi bị địch bắt sống đưa về bên kia biên giới.

Sau gần 8 tháng nằm viện điều trị vết thương, Đạt được xuất ngũ chuyển ngành về quê. Từ đạo ấy anh không còn hay biết gì về Hoạt nữa.

3. Mùa xuân 2005, Đạt được nghỉ hưu.

Để thưởng công cho nhiều năm làm một anh công chức, công đoàn tổ chức cho Đạt đi tham quan vào dịp lễ hội ở Yên Tử. Lúc đi hào hứng, thích thú bao nhiêu, nhưng đến khi tới cổng chùa nhìn con đường nhộp nháp lấy lại sau những ngày mưa xuân rả rích và nhìn dòng người tấp nập, xô đẩy, chen lấn, tiếng người nói, tiếng chào mời mua quà bánh nhộn nhạo... Đạt thấy ngợp, sợ. Vài năm trở lại đây sức khỏe yếu đi, bệnh tình như nặng hơn, nhìn chỗ đông người, ồn ào, nhằng nhối, Đạt thấy hãi.

Lúc đoàn tham quan lên được đến chùa Hoa Hiên,

Đạt thấy mệt và choáng váng đầu óc. Anh nói với chị chủ tịch công đoàn cho riêng mình dừng lại ngồi chờ mọi người ở đây. Đoàn đi tham quan đồng ý ngay, họ bớt phải đeo thêm một anh ốm yếu, không leo được dốc đá. Còn Đạt thì cảm thấy sung sướng khi tách ra được khỏi đoàn người rầm rập đang bám đuôi nhau leo lên núi. Anh sẽ có vài ba tiếng được tự do, thư thái một mình, tránh xa sự ồn ào náo nhiệt của đám người đi hội đang xô đẩy, chen lấn nhau để leo lên cửa Phật. Đạt khoác chiếc túi nhỏ đi sâu vào phía sau chùa tìm cho mình một chỗ yên tĩnh dưới tán cây, ở đấy đã có sẵn một chiếc ghế đá ngồi hít thở không khí trong lành của núi rừng Yên Tử.

Hình như Đạt chớp mắt được một lúc. Chợt anh giật mình, như thể có một vật đang liếm nhẹ vào gan bàn chân. Anh mở bừng mắt ra. Kinh ngạc nhận ra ngay dưới chân mình có một con chó to, đen tuyền ngồi chồm chồm. Nửa đầu con chó có chùm lông trắng. Con chó gương đôi mắt nhìn Đạt thè cái lưỡi đỏ hồng và bộ răng trắng nhon nhưng không có ý đe dọa. Đạt trấn tĩnh, ngồi ngắm nghía con chó một lát. Anh nghĩ ngay tới chú chó mực có khoang trắng của Hoạt ngày nào nhạt được ở Ba Chúc. Chỉ có điều con chó mực này không có được 4 chân trắng như con chó mực ngày trước.

- Tao trông chú mày quen quá...Đừng cần nhè...Ngoan nào! Có ổ bánh mì lát nữa tao sẽ chia cho một miếng.

Đạt chưa kịp mở chiếc túi vải đeo bên mình để lấy ra ổ mì ăn trưa chia phần cho con chó, anh lại giật mình một lần nữa bởi nghe phía sau có tiếng người.

- Bác nhận ra con chó này là bác còn nhớ tới em...! Em hỏi khí không phải, bác có phải tên là Đạt không? Bác ngày trước ở đại đội 3, đoàn Thất Sơn?

Đạt ngơ ngàng nhìn người đàn ông đang đứng trước mặt, mặc bộ quần áo nâu sòng, cao lêu đêu như một cây sào. Người đàn ông có một bộ mặt thật đáng sợ, da sạm đen có một vết sẹo dài trên má. Râu tóc dài bờm sòm phủ quá vai trông chẳng khác nào nhân vật Robinson sống trong rừng.

- Bác là ai mà biết tên tôi? Đạt vẫn còn lưỡng lự không nghĩ chẳng lẽ đây là Hoạt?

- Thế là đúng rồi! Em là thằng Hoạt ngang ngạnh đây...! Thủ trưởng không nhận ra em sao?

Đạt ôm lấy người lính cũ nhìn kĩ gương mặt già nua qua bao năm tháng, lông mày cũng có nhiều sợi bạc. Chỉ có ánh mắt của Hoạt là không khác mấy, vẫn linh lợi ánh lên chút láu lỉnh... " - Hoạt à...Đúng là cậu rồi...Bao năm nay tôi cứ tưởng cậu đã hi sinh ở Trảng Định. Ngày tôi nằm viện có người nói với tôi như vậy."

Đạt nhìn rõ những giọt nước mắt ứa ra ngân ngấn trong tròng mắt Hoạt. Hắn nói mà như khóc.

- Cũng tưởng chết thật bác ă! Giờ còn cho em sống...Hoạt nói và chỉ tay vào con chó mực - cũng nhờ có nó...Không, nhờ có mẹ của con chó này mà em còn sống đến ngày hôm nay, may mắn sao lại còn được gặp bác.

- Sao bây giờ Hoạt lại ở đây? Đạt hỏi.

- Dạ em đi làm công quả cho chùa. Các thầy trong

chùa có việc nhờ em giúp sửa chữa tu bổ lại cho mấy bức hoành phi và dặm lại mấy viên ngói sau chùa bị vỡ. Hoạt cầm chặt tay Đạt. " -Em không biết bác đi với ai, bây giờ bác làm gì em cũng kệ, đêm nay bác phải ở lại đây với em...Anh em ta hàn huyên uống rượu."

Căn nhà nơi Hoạt trú ngụ, gọi là lều cũng được, không nằm trong xóm dân cư dưới chân núi mà lui sâu vào mé chân rừng. Một gia đình nông dân có rầy rộ, thương ông thầy chùa nửa vời, không nhà, không vợ con cho cất tạm một mái lều ở nhờ. Nhà trát vách đất, lợp tôn chỉ đủ kê một cái sạp nữa. Ngay cạnh đầu sạp là một chiếc thùng gỗ thông đựng mấy chiếc xoong, bát ăn cơm lẫn với ống đựng giấy vẽ bút lông, mực. Có lẽ sang nhất là chiếc bếp ga cá nhân để ở góc nhà. Ba bốn khúc gỗ tròn dùng làm ghế ngồi dành cho những vị khách đi chùa ghé qua xin thấy chữ, hoặc kí họa chân dung. Hôm nào gặp khách sang, có tiền họ mua một vài bức tranh của Hoạt vẽ theo lối thủy mạc.

Hóa ra, Hoạt đã không chết cùng với cả tiểu đội trong đêm giữ chốt ở Trảng Định. Chuyện Hoạt và tổ chốt bộ binh của hắn được nhận Huân chương chiến công hạng 3 là có thật. Cả một tiểu đoàn địch xông lên chiếm chốt của đại đội 3 nhưng không nổi. Chúng bị bộ đội ta bắn trả quyết liệt, bị tiêu hao nặng phải dạt xuống chân núi và gọi pháo bắn hủy diệt. Sang ngày hôm sau các mũi tấn công của địch chuyển hướng không đánh vào tổ chốt của Hoạt nữa. Tưởng mọi chuyện đã yên, bất ngờ sang ngày thứ 4 một đại đội thám báo của địch bí mật bò vào chốt đánh lên. Trước đó pháo 130 li đã bắn vào trận địa suốt cả một ngày trời. Bộ đội phải bị thương bởi pháo, sập hầm. Lúc đại đội thám báo mò lên chốt quân ta không còn đủ sức đánh trả. Tiểu đội của Hoạt người bị thương, người hi sinh bị bắt về tuyến sau. Hoạt ngã xuống một hẻm núi đá nằm kẹt giữa những bụi tre gai, cây rừng, bất tỉnh tưởng chết. Con chó mực, chiến lợi phẩm duy nhất ở Ba Chúc đã không bỏ rơi ông chủ. Lúc Hoạt ngã xuống chân núi, con chó liểu chết bám theo. Suốt một ngày trời nó quẩn quanh bên Hoạt tha tới cho hắn chiếc khăn mặt bông sũng nước. Nhờ những giọt nước từ chiếc khăn bông ấy mà Hoạt dần dần hồi tỉnh.

Hơn một ngày sau bộ đội ta chiếm lại được chốt mới phát hiện ra Hoạt và con chó mực đang nấp ở dưới lòng khe đá tránh pháo.

- Con chó mực mẹ ấy đâu rồi? Đạt hỏi.

- Nó chết rồi anh ă! Hoạt đáp buồn bã. Hắn nói câu này nhiều năm sau Đạt vẫn còn nhớ mỗi khi nghĩ về người lính cũ.

- Con chó cùng với em thoát chết bom đạn bao phen. Em có được thưởng tấm huân chương chiến công thì phần con chó cũng một nửa. Ấy vậy mà khi hòa bình rồi hai thầy trò em tưởng yên hàn, con mực của em lại chết về tay mấy thằng buôn lậu anh ă...Thật khốn nạn!

Chuyện là như thế này. Sau lần Hoạt bị thương, hắn được đưa về viện quân khu để điều trị. Sức khỏe yếu, Hoạt được giải ngũ, thương binh hạng 2 trên 4. Những

(Xem tiếp trang 19)



Minh họa của THÀNH CHƯƠNG

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

BÁC HỒ ĐI VÀO TỪNG GIẤC MƠ CỦA TÔI

GEETESH SHARMA (Ấn Độ)

VIỆT Nam và Hồ Chí Minh là hai cái tên nước ngoài nổi tiếng và phổ biến nhất trong cộng đồng các dân tộc Ấn Độ, những người luôn khát khao những giá trị chính trị và trí thức suốt cả nửa cuối thế kỷ vừa rồi, đặc biệt giai đoạn 1950-1970. Đây là thời kỳ đặc biệt, khi mà có quá nhiều điều được viết bằng đủ mọi thứ ngôn ngữ Ấn Độ, về Hồ Chí Minh, đặc biệt ở bang Tây Bengal, nơi những văn thơ, những bài luận ca ngợi Người phổ biến như những chuyện thời sự của chính vùng đất này vậy. Các tác phẩm của Hồ Chí Minh và cuốn **Nhật ký trong tù** của Người được dịch ra tất cả mọi thứ ngôn ngữ trên Tiểu lục địa, và được những người dân nơi đây vô cùng thích thú. Trong thực tế, Việt Nam và Hồ Chí Minh đã trở thành những từ đồng nghĩa, đều cùng có nghĩa là kiên cường và cao quý nhất mực.

Sẽ thật khó mà tìm thấy một ai đó ở Ấn Độ không nghe, không biết về vị lãnh tụ huyền thoại của nhân dân Việt Nam – Hồ Chí Minh, hay cũng thật khó có ai trong cả tỷ người trên xứ sở sông Hằng không biết về tinh thần bất khuất và chủ nghĩa yêu nước của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, đánh bại những thế lực như Pháp, Nhật, Mỹ... Kỳ lạ là người Việt Nam không chỉ đánh bại những thế lực kia, mà họ còn kiên quyết trục xuất bằng hết mọi bóng dáng ngoại xâm ra khỏi bờ cõi, kiên quyết thống nhất non sông toàn vẹn thân yêu của mình bằng mọi giá. Họ làm những điều đó bằng cách nào? Bằng một thứ chiến lược quân sự tuyệt hảo, mẫu mực, và xuyên suốt.

Hiển nhiên, một sự nghiệp khổng lồ như vậy sẽ không thể được hoàn thành nếu thiếu một nhà lãnh đạo có tư tưởng và tư cách cá nhân kỳ diệu như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dưới sự dẫn dắt sáng suốt nhất của Người, nhân dân Việt Nam không chỉ giải phóng đất nước khỏi ách đô hộ của những kẻ thực dân, những tên phát xít, những thế lực ngoại bang sừng sỏ, mà cùng lúc đó, họ còn đánh đổ cả một hệ thống cấu trúc phong kiến hủ lậu, giải phóng cho những người lao động khỏi ách áp bức cường quyền từ bao đời. Tất cả chỉ diễn ra trong một giai đoạn thực sự ngắn ngủi, chưa hề thấy trong lịch sử nhân loại.

Nhân dân luôn là đích đến tuyệt đối của quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi quan tâm của Người dành cho nhân dân, tuy thế, lại không chỉ giới hạn trong biên giới địa lý của chỉ một Việt Nam. Mục đích của Người không chỉ là giải phóng đất nước khỏi sự cai trị của những kẻ ngoại bang, mà còn sâu sắc hơn nhiều. Người mang lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc mình, nhưng Người cũng muốn mang lại cả công bằng, bác ái, thịnh vượng cho mọi tầng lớp dân nghèo khác trên quả đất. Chính vì lý do này mà Người đấu tranh không mệt mỏi nhằm không những đánh đuổi mọi bè lũ cướp nước, mà còn nhằm xóa bỏ chế độ nô lệ, chế độ phong kiến, những mẫu hình tiêu biểu đè nén con người.

Như nhiều nhà nghiên cứu đã nói,

Đương kim Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Ấn Độ - Việt Nam, vốn xuất thân là một phóng viên, từng là chủ bút của nhiều tờ báo tại Ấn Độ. Ông luôn có một tình yêu đặc biệt đối với Việt Nam, từng viết nhiều tập sách chuyên khảo về Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từng nói một câu nổi tiếng: "Tôi không phải là bạn của Việt Nam, tôi là người nhà của các bạn".

Nhân lần đến Hà Nội giới thiệu tập sách mới, cuốn Hồ Chí Minh - Vị cứu tinh của Hòa bình, Độc lập và Hạnh phúc (Hochiminh - A Messiah of Peace, Independence and Happiness), Geetesh Sharma đã có đôi lời tâm sự về chủ đề ông hằng yêu thích.

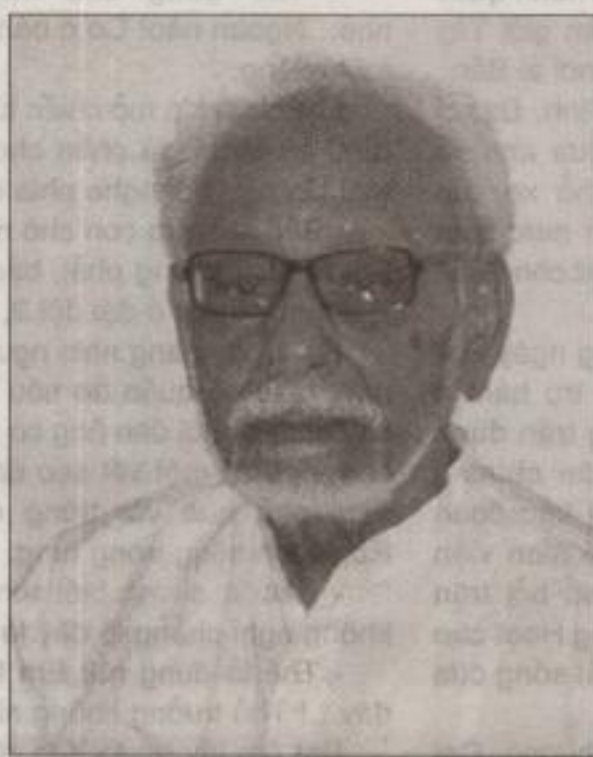
Văn nghệ xin trích đăng một phần tác phẩm này, cùng những lời chia sẻ của tác giả.

nhân dân nằm ở đáy sâu nhất của trái tim và khối óc Hồ Chí Minh. Mọi lời nói, việc làm của Người đều nhằm biểu thị một quyết tâm không gì lay chuyển được: **Độc lập cho dân tộc và Lợi quyền cho nhân dân.** Chính vì thế mà Người có khả năng đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, mọi lứa tuổi, đảng phái, tôn giáo trong xã hội Việt Nam (tất nhiên trừ một số rất ít ỏi những kẻ ích kỷ, không thích bị chia sẻ quyền lợi). Mà không chỉ những người thông minh, khỏe mạnh. Cả những người già, trẻ em, phụ nữ chân yếu tay mềm, những bộ tộc heo hút lạc hậu, hay bà con lưu lạc nơi chân trời góc biển... tất cả đều phần khởi, tin tưởng, tự nguyện đi theo tiếng gọi của Người, để hình thành nên một thế trận rộng lớn, nhiều tầng lớp, đủ sức chiến thắng mọi đội quân dù thiện chiến hay xảo quyết nhất.

Trong lúc khói lửa bom đạn trùm lên khắp mọi nẻo đường trên dải đất Việt Nam, từ nông thôn đến thành thị, thì thật kỳ lạ là vẫn có những đội quân cần mẫn, tiến hành những chiến dịch dạy chữ cho những người nghèo, những kẻ tử tế chưa biết mặt cái chữ là gì. Trẻ nhỏ thì được học, được chơi, được tổ chức thành những đội quân lính động đi thu thập tin tức, hay chuyển tải những công văn, sách báo, những tin hiệu cách mạng. Đã ở đâu trên trái đất này từng tồn tại một cuộc chiến tranh giải phóng rộng lớn và nhuần nhuyễn như thế chưa? Câu trả lời chắc chắn là: Chưa!

Đó chính là nhờ tài lãnh đạo lỗi cuốn và đầy sức hấp dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ảnh hưởng kỳ lạ của Người thực sự nằm ở quy mô toàn dân tộc Việt Nam, một dân tộc lúc nào cũng sẵn sàng tử chiến cho niềm tin và hy vọng độc lập, tự do của mình, những giá trị sẽ đem lại cơm no áo ấm, phẩm giá và công bằng cho mọi kiếp người. Yếu tố đó còn mãi, kể cả sau khi chiến tranh chấm dứt, để cảm hứng đổi đời của những người dân Việt Nam vẫn luôn được duy trì, không bao giờ phai mờ. Thành tựu lớn nhất của quá trình đó là ở chỗ, tầm quan trọng của sức lao động sáng tạo không chỉ luôn được khơi dậy, mà còn được đánh giá cao nhất trong xã hội, và những cấu trúc phong kiến, nô dịch sẽ bị triệt tiêu hoàn toàn, tận gốc rễ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhà lý thuyết, là kiến trúc sư, mà Người còn là một nhà thực hành cách mạng một cách toàn diện, cụ thể, và thiết thực nhất. Chính nhờ thế mà Người thuyết phục và khơi dậy được niềm cảm hứng bất tận trong nhân dân, để họ chủ động vận hành cuộc biến cải theo con đường Người đã chỉ.



Ông Geetesh Sharma

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người mơ mộng đích thực, và ngay từ thuở thiếu thời, Người đã mơ về những điều tốt đẹp nhất cho đất nước và nhân dân của Người. Tuy vậy, Người cũng là một tấm gương thực tiễn và tinh táo hết mực, để chèo chống con thuyền cách mạng Việt Nam tránh hết được mọi phong ba ghềnh thác, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Quá trình tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và triết học chính trị định hướng nhân dân của Người không bao giờ dính dáng gì đến miền hoang tưởng, xét ở mọi khía cạnh. Viển kiến của Người, tư tưởng và triết học của Người có thể nói là không lệ thuộc vào bất cứ chủ nghĩa phức tạp nào. Người là một nhà Mác-xít, học tập Lênin, và chịu ảnh hưởng của Hệ thống Xã hội chủ nghĩa. Nhưng Người chỉ học những giá trị hay nhất, tinh túy nhất, chứ không áp dụng một cách dập khuôn, máy móc. Điều đó giúp sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam luôn tươi mới, đầy tính sáng tạo, và có khả năng đi tới thắng lợi một cách thuyết phục.

Nói về Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ Jawaharlal Nehru của nhân dân Ấn Độ từng ghi nhận: *"Hồ Chí Minh không chỉ là một người yêu hòa bình, mà còn là một nhân cách đặc biệt nhã nhặn và ấm áp, không bao giờ nghĩ cho riêng mình, nên vô cùng giản dị và trung thực. Là Chủ tịch của nước Việt Nam mới, Người đã không tự giam mình trong tháp ngà. Người thực sự là một phần của quần chúng, một lãnh tụ biết cách liên hợp mọi nguồn lực, theo cách vừa rộng lượng vừa xác quyết hiếm thấy. Dù đánh giá theo bất cứ tiêu chuẩn nào, Hồ Chí Minh cũng là một trong những nhân vật chói sáng nhất trong thời*

đại chúng ta".

G.S

P.V: Thưa Nhà văn Geetesh Sharma, tình yêu và lòng kính trọng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh đã là nguồn cảm hứng cho ông viết quyển sách. Nhưng sự kiện cụ thể nào đã thúc đẩy ông viết quyển sách giá trị này?

GEETESH SHARMA: Quyển sách này đi vào từng giấc mơ của tôi. Tôi yêu Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, và đã từng xuống đường biểu tình phản đối đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, từng hiến máu giúp đỡ nhân dân Việt nam. Nhưng mãi đến năm 1984, tôi mới có dịp sang Việt Nam lần đầu tiên.

Đến Việt Nam, được gặp gỡ những con dân của Bác Hồ, được nghe kể nhiều câu chuyện cảm động về Người, tôi càng thêm kính trọng vị lãnh tụ kiệt xuất này. Năm 1994, tôi được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Ấn Độ - Việt Nam. Tôi tìm đọc nhiều tài liệu lịch sử, và nhận thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhân vật vừa vĩ đại vừa đặc biệt. Chính sự nghiệp của Người, của nhân dân Việt nam do Người chỉ lối, đã thôi thúc tôi viết cuốn sách này.

PV: Ông đã viết quyển sách trong bao lâu?

GEETESH SHARMA: Tôi viết không lâu, nhưng phải sưu tầm tài liệu trong cả chục năm.

Đây không phải là sách biên khảo về Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà là công trình ghi lại những cảm nhận sâu sắc nhất của tôi về Người. Đó là cuốn sách vì lòng yêu thương, thể hiện lòng kính trọng của tôi đối với Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam cũng như của mọi tầng lớp người nghèo Ấn Độ và thế giới.

PV: Ông từng tham dự Hội nghị Quảng bá Văn học Việt Nam hồi đầu năm 2010, ông nghĩ gì về sự giao lưu giữa hai nền văn học Việt Nam và Ấn Độ?

GEETESH SHARMA: Người Ấn Độ ít biết về công cuộc đổi mới và những thành tựu kinh tế gần đây của Việt Nam. Những tác phẩm văn học trong thời kỳ đấu tranh cách mạng của Việt Nam được rất nhiều người Ấn Độ biết đến. Nhưng vẫn ít tác phẩm văn học đương đại được phổ biến ở Ấn Độ trong những năm gần đây. Người Ấn Độ cũng ít biết đến hàng hóa của Việt Nam. Đó là điều đáng tiếc.

Tôi còn nhớ, lần đầu tiên Việt Nam tham gia hội chợ quốc tế Kolkata, có 70.000 người đến thăm gian hàng các bạn và mua rất nhiều sản phẩm. Các nhà văn, nhà thơ Việt Nam sang giao lưu ở Ấn Độ cũng rất được yêu quý. Nhưng rất tiếc là mới chỉ dừng ở mức bề mặt.

PV: Theo ông, làm thế nào để tiến xa hơn?

GEETESH SHARMA: Chúng ta phải lao động nhiều hơn, nghiêm túc hơn nữa, mà thôi. Mà đặc biệt là sự nghiệp của các dịch giả văn học.

PV: Xin cảm ơn Nhà văn Geetesh Sharma.■

P.V

Dịch và giới thiệu

CÁCH mạng Tháng Tám thành công, ngày 2-9-1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, mở đầu cho nền âm nhạc cách mạng hình thành và phát triển mạnh mẽ. Ngay từ buổi sơ khai của nền tân nhạc Việt Nam, bên cạnh những bài hát lãng mạn, xoay quanh chuyện tình yêu đôi lứa của dòng nhạc lãng mạn mà người ta vẫn quen gọi là *Tiến chiến*, đã xuất hiện những ca khúc Cách mạng với tình cảm bức xúc nhất là lòng yêu Tổ quốc, khát vọng giải phóng dân tộc khỏi ách cai trị của ngoại xâm. Có thể nói, *Cùng nhau đi hồng binh* của Đinh Nhu là một trong những bài hát đầu tiên nổi rõ chủ đề Tổ quốc được lan truyền khá nhanh. Tiếp đến là những ca khúc của Văn Cao, Lưu Hữu Phước, Đỗ Nhuận luôn hào sảng âm hưởng cách mạng, thôi thúc lớp lớp người lên đường hành động vì Tổ quốc. *Xếp bút nghiên, Lên đường, Bạch Đằng Giang, Tiếng gọi thanh niên* (Lưu Hữu Phước); *Hận Sơn La, Côn Đảo, Du kích ca* (Đỗ Nhuận); *Diệt phát xít* (Nguyễn Đình Thi); đặc biệt đỉnh cao là *Tiến quân ca* của Văn Cao- hùng hực khí thế cách mạng, sôi sục bầu máu nóng chiến đấu vì độc lập, tự do cho Tổ quốc- đã có sức cổ vũ mạnh mẽ hàng triệu người dân bước vào đội ngũ tranh đấu. Lịch sử mãi ghi nhận, tôn vinh giá trị lịch sử những tác phẩm kể trên, những tác phẩm thể hiện trách nhiệm công dân rất lớn của tác

bản hợp xướng giá trị, giàu sức thuyết phục đã tạo dựng được hai bức tranh khá hoành tráng về Tổ quốc, trong đó cảnh sắc thiên nhiên và tầm vóc lịch sử đã được các tác giả thể hiện rất hài hoà, nhuần nhuyễn. Đó là *Ca ngợi Tổ quốc* của Hồ Bắc và *Tổ quốc* của Hoàng Vân. Nếu hợp xướng của Hồ Bắc trang trọng, đỉnh đặc nhưng không kém phần mượt mà, uyển chuyển, thì tác phẩm của Hoàng Vân lại sinh động gợi nhiều suy tư. Đặc biệt màn hát của các em nhỏ xuất hiện trong hợp xướng đã gây hiệu quả đột xuất bởi một thể hệ măng non của đất nước đã làm tươi xanh, tràn đầy hy vọng thêm cho khái niệm Tổ quốc. Ngoài hai tác phẩm nổi tiếng này, không thể không nhắc đến *Tiếng hát người chiến sĩ biên thuý* (Tô Hải), *Sóng vỗ Cửa Tùng* (Doãn Nho), *Miền Nam anh dũng và bất khuất* (Phạm Tuyên) cũng là những hợp xướng có giá trị, được lưu truyền một thời.

Những cảm hứng về chủ đề Tổ quốc đã được giới nhạc sĩ khai thác ở rất nhiều khía cạnh đa dạng, phong phú, thể hiện tài năng sáng tạo không ngừng. Một trong những khía cạnh ấy là sự ra đời rất nhiều bài hát hay về các vùng quê hương, đất nước. Đó chính là những chân dung cụ thể của Tổ quốc. Ngay từ những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, người dân vùng tự do đã quen biết và ưa thích bài *Quê em* (Nguyễn Đức Toàn). Tuy viết về một miền quê cụ thể, vùng trung du Bắc Bộ,

Thanh), *Quảng Bình quê ta ơi* (Hoàng Vân), *Về Hà Tiên* (Nguyễn Đình San). Đặc biệt nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý được coi là người rất có duyên sáng tác "tình ca" với những bài hát nổi tiếng, rất được nhân dân địa phương mến mộ: *Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh, Dáng đứng Bến Tre, Bài ca năm tấn* (viết về Thái Bình), *Chim hót trên đồng đay* (viết về Hưng Yên).

Tổ quốc luôn gắn liền với nghĩa vụ công dân. Điều này đã được thể hiện rất rõ ở những bài hát hay nhất trong mấy chục năm qua. Dù chủ thể cảm xúc là ta hay là tôi, mọi tình cảm biểu hiện dù có riêng tư đến đâu cũng đều được gắn liền với cộng đồng, hướng tới những điều cao đẹp. Chủ đề Tổ quốc không chỉ có ở những tác phẩm nói trực tiếp về Tổ quốc hay quê hương xứ sở, mà còn được nổi rõ ngay cả những bài chỉ nói đến tình yêu đôi lứa, mà tiêu biểu là những ca khúc đặc sắc, quen thuộc: *Tình ca* (Hoàng Việt), *Tình em* (Huy Du), *Nhớ* (Hoàng Vân), *Anh ở đâu sông em cuối sông* (Phan Huỳnh Điểu), *Gửi nắng cho em* (Phạm Tuyên), *Hoa sữa* (Hồng Đăng), *Chiều trên bến cảng* (Nguyễn Đức Toàn)... Ở đây, những rung động trái tim, tiếng lòng của đôi lứa đã được bắt nguồn từ những sự đồng cảm của những người có chung hoàn cảnh. Đó chính là hiện trạng của Tổ quốc, hoặc những vấn đề khiến số đông người cùng quan tâm. Ở những ca khúc này, không thể

SỨC SỐNG CỦA NHỮNG CA KHÚC VỚI CHỦ ĐỀ TỔ QUỐC

TỔ TRẦN

giả trước vận mạng Tổ quốc. Thành công của Cách mạng Tháng Tám 1945, dẫn đến việc ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, có công đóng góp của bốn nhạc sĩ trên. Đó cũng là những nhạc sĩ hàng đầu trong đội ngũ nhạc sĩ Việt Nam, luôn đặt Tổ quốc lên trên hết trong mọi sáng tác, coi đó là chủ đề bao trùm lên toàn bộ sự nghiệp sáng tác của mình. Sau này, Nguyễn Đình Thi tiếp tục với *Người Hà Nội*, Lưu Hữu Phước với hàng loạt ca khúc ra đời trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bằng các bút danh Huỳnh Minh Siêng, Lưu Nguyễn, Long Hưng (các bài *Giải phóng miền Nam, Bài ca giải phóng quân, Hành khúc giải phóng, Giờ hành động*). Ngay khi cuộc chiến tranh leo thang của Mỹ tiến hành ở miền Bắc, ông đã có ngay mấy bài hát giàu tình hiệu triệu thôi thúc quân dân ta hành động (*Thanh niên ba sẵn sàng, Sẵn sàng chiến đấu*). Nếu Lưu Hữu Phước trở lại miền Nam hoạt động, thì Đỗ Nhuận lại có mặt ở tất cả các mũi nhọn sản xuất, chiến đấu ở miền Bắc để vừa làm công tác lãnh đạo Hội Nhạc sĩ Việt Nam, vừa sáng tác. Tổ quốc lại tiếp tục được diễn tả trong một khối lượng đồ sộ bài hát của ông để cập đến mọi bình diện của cuộc sống. Giai đoạn hòa bình sau năm 1954, Đỗ Nhuận có *Việt Nam quê hương tôi* như một bức tranh sơn thuỷ rất đẹp, đầy sức quyến rũ về Tổ quốc Việt Nam, và một Tổ quốc kiêu hùng, đầy quả cảm với một dân tộc kiên trung lại hiện ra thật đậm nét trong rất nhiều sáng tác trong giai đoạn chống Mỹ *Giặc đến nhà là đánh, Vui mở đường, Trai anh hùng gái đảm đang, Hát mừng các cụ dân quân, Quê ta từ đất dấy lên, Trống hội tồng quân*...

Ngoài những sáng tác rất có giá trị của bốn nhạc sĩ tiêu biểu thuộc lớp cựu trào trên, một đội ngũ hùng hậu các tác giả góp sức tô đậm chủ đề Tổ quốc trong nhiều tác phẩm xuất sắc của mình như Văn Chung, Lê Yên, Lê Lôi, Nguyễn Văn Tý, Nguyễn Văn Thương, Nguyễn Đức Toàn, Huy Du, Xuân Oanh, Hoàng Vân, Văn Ký, Hồ Bắc, Phạm Tuyên, Xuân Hồng, Hoàng Hiệp, Phan Huỳnh Điểu, Văn An, Trọng Loan, Nguyễn Đình Phúc, Lương Ngọc Trác... và các lớp nhạc sĩ kế cận nối tiếp khá hùng hậu, đông đảo. Có những tác giả trực tiếp nói đến Tổ quốc với ý nghĩa khái quát đã đạt được độ sâu sắc và phong phú. Đó là các tác phẩm *Tổ quốc ta trên mười năm đã lớn* (Hồng Đăng), *Tổ quốc ta chưa đẹp thế bao giờ* (Nguyễn Văn Thương), *Hát về Tổ quốc tôi* (Hữu Xuân), *Đất nước* (Phạm Minh Tuấn), *Việt Nam trên đường chúng ta đi* (Huy Du), *Đây là Tổ quốc tôi* (Nguyễn Nhung), *Đất nước tôi* (Trần Chung)... Đặc biệt có hai



Một album ca nhạc phát hành nhân dịp kỷ niệm 38 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2013), bao gồm những ca khúc Cách mạng và những ca khúc ra đời trong thời bình về non sông gấm vóc Việt Nam

nhưng bài hát này đã mang được tất cả những nét tiêu biểu nhất của quê hương Việt Nam trong những ngày khói lửa chiến tranh: trung dũng và quyết cường, gian khổ nhưng lạc quan tin vào chiến thắng cuối cùng, dạt dào âm hưởng lãng mạn, đầy tình thương đồng đội quân dân. Cũng như thế, còn có *Nhạc rừng* nói về cuộc sống chiến đấu ở "Miền Đông gian lao mà anh dũng" của Hoàng Việt. Cùng chất hồn nhiên, vui tươi, dạt dào âm hưởng chiến thắng đầy lãng mạn, giàu chất thơ, nhưng bài hát của Hoàng Việt đã nổi rõ tính chất một miền quê ở miền Đông Nam Bộ, mặc dù tác giả không dùng một chất liệu nào của dân ca vùng này.

Bức tranh các miền quê của Tổ quốc ta càng thêm phong phú, sinh động với *Hà Tây quê lụa* (Nhật Lai), *Thành phố hoa phượng đỏ* (Lương Vinh), *Hà Giang quê tôi* (Thanh Phúc), *Nha Trang mùa thu lại về* (Văn Ký), *Tiếng hát trên thành phố dệt* (Trần Chung), *Về Đồng Nai* (Xuân Hồng), *Những bông sen và những mái chèo* (Nguyễn An), *Về An Giang* (Trần Chương), *Huế tình yêu của tôi* (Trương Tuyết Mai), *Vùng Tàu biển hát* (Vũ

tim thấy những tình cảm vụn vặt, ủy mị của những người chỉ biết tìm đến tình yêu đôi lứa nhỏ hẹp để hưởng thụ, đến khi không toại nguyện thì yếm thế hận đời, mà là những xúc cảm cao thượng có sức nâng con người lên, chấp cánh cho con người bay cao. Những tình cảm ấy luôn gắn liền với cội nguồn quê hương xứ sở Tổ quốc: *"Anh đi xa bao núi, tình em như khe suối lưu luyến và nhớ thương chảy theo anh khắp rừng..."* (*Tình em* - Huy Du và Ngọc Sơn). Lời bài hát đã thực sự gây cho người nghe xúc động. Quả là tình yêu lớn lao, thiêng liêng của hai con người có chung những buồn vui cao cả. Rõ ràng có hình ảnh của Tổ quốc thấm đượm trong tình cảm rất tự nhiên của những lứa đôi.

Chủ đề Tổ quốc thấm đượm trong rất nhiều bài hát tới mức nhuần nhuyễn, khiến người nghe không thể phân biệt được đâu là cái tôi cá nhân, và đâu là cái ta đồng điệu, bởi mọi tình cảm và số phận riêng tư đã được hòa quyện với số phận của cả dân tộc. Có lẽ đây chính là một đặc điểm của nền văn nghệ nói chung, âm nhạc nói riêng của Việt Nam ta. Thể hiện chủ đề Tổ quốc, dĩ nhiên các bài hát không thể thoát ly ngôn ngữ âm nhạc truyền thống, cho nên những bài có giá trị nhất đã thấm đậm hồn dân tộc, trong đó một tỉ lệ đáng kể đã nổi rõ chất liệu dân ca. Dù viết cho đơn ca hay để hát tập thể, dù là ca khúc trữ tình hay hành khúc, dù một bài ngắn hay hợp xướng hoành tráng, các tác giả đều có khuynh hướng tìm tòi những hình tượng âm nhạc giàu sức thuyết phục nhất, trong đó tính dân tộc đã kết hợp rất nhuần nhuyễn với những yếu tố hiện đại khiến bài hát vừa mới mẻ lại vừa truyền thống. Đây là một thành công đáng kể, đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ âm nhạc Việt Nam hiện đại.

Chủ đề Tổ quốc đã tạo nên một giá trị lớn lao của nền ca khúc Việt Nam. Đây là một chủ đề vĩnh hằng của bất cứ nền âm nhạc chân chính nào. Rất đáng lo ngại là hiện nay, sự ra đời quá dễ dãi nhiều bài hát của những tác giả không phải là nhạc sĩ đích thực, không có vốn văn hoá và nhận thức cần thiết về xã hội, lịch sử và nghề nghiệp đã khiến họ xao nhãng hoặc hoàn toàn không có ý niệm gì về việc tiếp tục thực hiện chủ đề Tổ quốc. Thay vào đó là những nội dung vụn vặt, những tình cảm tầm thường của dòng âm nhạc chỉ có thể nhằm mục đích giải trí. Chính điều đó đã giải thích tại sao số đông công chúng hôm nay vẫn luôn nhớ về những bài hát có giá trị mà họ đã ưa thích trong quá khứ, nay ít thấy tiếp tục được ra đời. Và đó cũng chính là để khẳng định sức sống của những ca khúc với chủ đề Tổ quốc!■

NGƯỜI VỀ TỪ BÊN KIA NÚI

KHUẤT BÌNH NGUYỄN



NGUỖYỄN Đình Thi không có cái may mắn của Tô Hoài, đến lúc cuối đời có đủ thời gian tâm sự cởi mở một đời văn chương, một đời nghệ sĩ, lại chiêu tuyết cho không ít người lẫn lộn cả đời trong chốn bút nghiên. Người nghệ sĩ vào loại tài danh bậc nhất thế kỷ 20 này có bao nhiêu tâm sự đường đời, đường văn, nếu viết ra thì cũng nhiều khúc đoạn trường lắm đây. Ở ông, tôi thấy có hai điều trăn trở lớn nhất đã day dứt sau nhiều năm cầm bút, những điều thôi thúc sự nghiệp văn nghệ của ông. Điểm xuất phát của sự trăn trở ấy không phải từ bản thân mình, mặc dù ông là một tài năng lớn. Nguyễn Đình Thi xuất phát điểm từ lịch sử đất nước mình, từ truyền thống dân tộc mình. Ông nói: "Dân tộc Việt Nam ngoài lịch sử chống ngoại xâm, dân mình còn nhạy cảm với bi kịch làm người". Trong dòng chảy của hưng vong đất nước, nền văn nghệ Việt Nam không thiếu tài năng. Nhưng "không có nhà văn dẫn dắt cho loài người sống". "Ta là ai đây. Ta có cái gì. Ta có thể đóng góp cho nhân loại cái gì". Điều thứ hai này, tôi cho rằng, thế kỷ XX là sự kiểm chứng gần nhất. Và đó là hai điều trăn trở ẩn phủ một khoảng sáng mệnh mông đầy ám ảnh toàn bộ thế giới tinh thần Nguyễn Đình Thi trên các lĩnh vực nghệ thuật, trong đó có thi ca.

Lịch sử thi ca 2000 năm sau công nguyên, người Việt mất hẳn đi 1000 năm đầu tiên không có thi ca của riêng mình bằng chữ viết. 1000 năm tiếp theo đã có 900 năm thi ca Việt được viết bằng chữ Hán theo niêm luật của người phương Bắc và viết bằng chữ nôm. Thứ chữ được xác âm định nghĩa trên tiết tấu của chữ Hán. Mặc dù vậy, 9 thế kỷ ấy, Thi ca là khúc ca bi tráng chủ yếu được viết trên mình ngựa chiến chống xâm lược, bảo vệ non sông và ấp ủ, hy vọng những nỗi niềm trăn trở về bi kịch làm người, thấm đẫm chủ nghĩa anh hùng và chủ nghĩa nhân văn. Thiên niên kỷ thứ hai chỉ còn 100 năm mà cũng đã đủ mở ra và hoàn thiện một cuộc cách mạng thi ca mau lẹ - Thơ ca viết bằng chữ quốc ngữ, chuyển tải sâu sắc và đầy nhạy cảm cốt cách và tinh thần Việt Nam thời hiện đại. Nguyễn Đình Thi là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của nền thơ ấy.

Nguyễn Đình Thi tiêu biểu cho thế hệ trí thức trẻ giàu hoài bão lý tưởng đi cùng Cách mạng, mang theo cả nền học vấn uyên bác và hiện đại vào những năm sục sôi lửa đạn giữa lòng thế kỷ trước. Họ giống như những người khổng lồ của thời đại phục hưng. Khát khao vì độc lập tự do của Tổ quốc. Vì vậy, ý kiến bảo Nguyễn Đình Thi là người khách sang trọng của cuộc đời này chưa hẳn đã đúng. Ông đã dấn thân vào cuộc Cách mạng của dân tộc với một lòng tin vào sự chiến thắng của chính nghĩa. Và trước sau ông tự nguyện là người lính bình nhĩ của lịch sử.

Có lần Nguyễn Đình Thi nói: "Tôi không phải nhà văn viết sau Cách mạng". Ở lĩnh vực thi ca thì đúng là ông chỉ viết sau Cách mạng tháng 8 thành công và những năm đầu kháng chiến chống Pháp trở đi. Vào thời điểm sau Cách mạng tháng 8, hầu hết các nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ Mới đều trải qua một sự nhận đường mau lẹ về mặt tư tưởng như bất kỳ người Việt Nam nào. Từ thân phận nô lệ của một đất nước chịu sự cai trị trực tiếp của ngoại bang trở thành công dân tự do của nước nhà độc lập. Mặc dù vậy, các nhà thơ của phong trào Thơ Mới, không dễ dàng thực hiện ngay những biến đổi trong sáng tạo thi ca. Trên phương diện này, Nguyễn Đình Thi có thuận lợi hơn họ. Ông

tham gia văn hóa cứu quốc từ năm 1943; Từng nghiên cứu triết học và những tư tưởng mới của Cách mạng trước khi có cuộc Cách mạng. Nguyễn Đình Thi cùng Khuất Duy Tiến tham gia Quốc dân đại hội tại Tân Trào tháng 7 năm 1945. Ông là đại biểu quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1946. Tôi thật bất ngờ khi biết chính con người có khuôn mặt chữ điền điển trai như trang nam tử trong thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử lại đã từng giao súng ngắn cho nhạc sĩ Văn Cao đi diệt ác trừ gian thời tiền khởi nghĩa. Nguyễn Đình Thi đã sớm đến với chính trị theo cách của người nghệ sĩ. Cuối năm 1947, ông đã viết tiểu luận *Nhận đường* như một định hướng chung cho anh em văn nghệ: "Tiếng súng kháng chiến nổ. Đường chúng ta thật rõ ràng, tất cả cho kháng chiến, tất cả cho dân tộc". Vì vậy những năm đầu kháng chiến, trong khi các thi sĩ còn đang tìm đường cho sự đổi mới thi ca; Có một số người đã tìm về với thơ ca dân gian. Nguyễn Đình Thi bằng bản lĩnh và tài năng, trên đà thành tựu của thi ca thế kỷ XX, đã chủ trương và sáng tác thơ không vần. Bây giờ, câu chuyện về thơ tự do không vẫn tưởng như xa xôi, lung linh sương khói như hình ảnh chiếc áo trấn thủ của anh vệ quốc đoàn thời ấy. Thế nhưng vào năm 1949, còn là quá sớm để thảo luận thơ không vần, thơ Nguyễn Đình Thi. Bởi lẽ những thi phẩm của ông theo hướng này lúc đó chưa phải là nhiều và theo cách nói của các nhà kinh viện, những sáng tác đó còn trong giai đoạn thử nghiệm và chưa đến giai đoạn "chín" theo phương thức trái cây và mùa vụ. Xét trên phương diện ấy, Thơ tự do không vần của Nguyễn Đình Thi làm nổi sóng thì đàn mà không phải là "khoảng lặng của sự chuyển tiếp giữa hai nền thơ mà giai điệu chính là cái tôi và cái ta". Các bài thơ không vần đem ra thảo luận lúc đó như *Đường núi*, *Không nói*, *Sáng mát trong* in trên Văn Nghệ chưa phải là những bài thơ hay nhất... Phải đợi đến từ 1950 trở đi khi có *Quê hương Việt Bắc*... thì cuộc thảo luận đã đi qua mất rồi. Vì vậy, không ít những nhà thơ nổi tiếng và kể cả một số người làm công tác lãnh đạo văn nghệ không thích thơ không vần đến mức muốn đuổi cổ nó ra khỏi thơ ca kháng chiến. Thì cũng phải thôi. Truyền thống của thơ Việt Nam là thơ có vần. Vần là một thể mạnh để xâm nhập vào số đông của người đọc Việt Nam vào thời điểm đó. Nhưng lịch sử thi ca hơn nửa thế kỷ qua đã chứng minh điều Nguyễn Đình Thi làm là đúng. Thơ không vần không phải văn xuôi. Càng không phải là lối văn biến ngẫu cổ điển. Thơ không vần không bị ràng buộc lối bắt vần trong thơ ca cổ điển hay dân gian, không theo vần theo kiểu thơ của phong trào Thơ Mới 1930-1945. Thơ không vần của Nguyễn Đình Thi là những cảm xúc trữ tình cuốn theo nhịp điệu của cuộc sống, tạo nên một giọng thơ với nhịp đi đồng dục và hào sảng không lẫn với ai được, nhất là khi ông dùng thể thơ 6 chữ xen lẫn những câu 7 chữ hoặc ngắn hơn.

*Lặng Sơn những đôi lộng gió
Những đêm vang tiếng cạp găm
Sông Kỳ Cùng ào ào sông đỏ
Những ngày mãi miết hành quân.*

Đến những năm cuối của thế kỷ XX, thơ không vần không phải là vấn đề tranh luận nữa. Đó là thể thơ tự do, không bắt vần theo các thể thơ truyền thống mà xuất phát từ mạch đập của đời sống, nhịp điệu thơ được hình thành một cách tự nhiên theo sự thăng hoa của nội

dung cảm xúc, đa dạng mà biến hóa, không hình thành vần thơ theo kiểu cặp đôi 6-8 hay cách bắt vần trong thơ 7 chữ, 8 chữ v.v...

Nguyễn Đình Thi đã xuất bản 6 tập thơ. *Người chiến sỹ*. *Bài thơ Hắc Hải*. *Dòng sông trong xanh*. *Tia nắng*. *Trong cát bụi*. *Sóng reo*. Đời thơ của ông để lại cho thế kỷ 20 những bài thơ vào loại hay nhất và số đó không phải là nhiều. Đó là các bài: *Quê hương Việt Bắc* - 1950. *Bài thơ viết cạnh đồn Tây* - 1951. *Nhớ* - 1954. *Đất nước* - 1948 - 1955. *Em bảo anh* (không ghi năm sáng tác). *Chia tay trong đêm Hà Nội* - 1967. *Tia nắng* (không ghi năm sáng tác). *Lá đỏ* - 1974. và *Vào mùa thu*. (không ghi năm sáng tác).

Đất nước, tình yêu và những nẻo đường thêu nắng là những cảm xúc và hình tượng đẹp nhất trong thơ Nguyễn Đình Thi.

Với Nguyễn Đình Thi, đất nước hiện lên lung linh màu sắc trong tiếng ca hát của tình người.

*Lòng ta không ngừng ca hát
Ôi những núi chàm sáng ngời
Ta yêu những rừng Việt Bắc
Nơi ta khôn lớn nên người.*

Đất nước chịu bao gian khó. Thương đau, vất vả in trên mặt quê hương và trên mặt mỗi con người.

*Quê hương biết mấy thân yêu
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau
Mặt người vất vả in sâu
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn.*

Đất nước là một trong số những bài thơ hay nhất của Nguyễn Đình Thi và của thi ca Việt Nam hiện đại về chủ đề này. Đất nước với những hình ảnh tươi sáng và rạng rỡ, lòng tự hào về núi sông tươi đẹp, về truyền thống lịch sử của những ngày xưa vọng nói về, đêm đêm vẫn rì rầm trong tiếng đất; đất nước của những truyền thống quật khởi trong đau thương chiến đấu vẫn ngời lên nét mặt quê hương. Sự đứng dậy của nước Việt Nam mới là hình tượng đẹp nhất về tổ quốc trong thi ca Việt Nam hiện đại.

*Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.*

Một đặc điểm nổi bật thơ Nguyễn Đình Thi viết về đất nước là cảm hứng bi tráng lịch sử luôn hòa quyện với sự tha thiết của tình yêu con người và hạnh phúc lứa đôi. Sự gắn bó tự nhiên của hai luồng cảm xúc ấy làm cho thơ ông vừa hào hùng vừa thân thương gần gũi. Và cũng chỉ những cây bút tài năng như Nguyễn Đình Thi mới làm nên sự giao hòa một cách tự nhiên hai tình cảm xuất phát từ niềm trăn trở của ông về vinh quang với nhạy cảm của bi kịch làm người như là cõi rã nhân văn làm nên sự hài hòa ấy. Ở đất nước *khô cam tuyến mở* *mật thức* máy gần hết thế kỷ, hàng triệu người đi ra chiến trường mà nhiều người trong số họ không trở về nữa thì vinh quang và khổ đau ngấm vào từng thớ thịt, bờ cây ngọn cỏ, vào từng thân phận của mỗi một con người, vào từng mái nhà, bếp lửa. Không có một ai ở ngoài cuộc cả. Và do đó không ai có quyền quên lãng. "Ta không quên từng đêm lặng ánh đèn. Giọt nước mắt người rơi xa vắng. Những nẻo đường khuya sớm. Bấy nhiêu năm gió bụi chiến trường. Mưa nắng làn mình trong lửa", để tất cả vì Tổ quốc bình yên.

Gió ào ào nghìn nỗi nhớ

Khóm cúc bên đường nghiêng ngả
Dòng sông cuộn mãi hiền từ.

Đã có một lúc trong kháng chiến chống Pháp, người ta "dị nghị" với ông về việc viết thơ tình! Mặc dù thơ tình của ông viết ra không phải là nhiều. Nhưng bốn bài thơ tình đặc sắc của Nguyễn Đình Thi đã sống trong sổ tay của nhiều thế hệ người đọc Việt Nam thời hiện đại. Nhớ (gửi M), Em bảo anh, Chia tay trong đêm Hà Nội và Lá đổ. Thơ tình yêu của Nguyễn Đình Thi trở nên gần gũi với mọi người vì gắn bó cái riêng vào cái chung muôn thuở của cuộc đời. Soi cái tình riêng vào cái tình chung của đất nước quê hương. Gửi M:

Anh yêu em như anh yêu đất nước
Vất vả đau thương tươi tắn vô ngần
Anh nhớ em mỗi bước đường

anh bước

Mỗi tối anh nằm mỗi miếng anh ăn.

Từ đất nước, tình yêu đến những dải đường thêu nắng như những gì đẹp nhất, thiêng liêng nhất để thi sỹ bày tỏ tâm tình. Nắng trong thơ Nguyễn Đình Thi như có hồn người phát sáng. Nắng là màu sắc của tình yêu đất nước và sự thủy chung của mỗi cuộc đời.

Việt Nam đất nắng chan hòa
Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh
Mắt đen cô gái long lanh
Yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung.

Đó là tình yêu thanh khiết nhẹ nhàng như nắng của người con gái làm cho cuộc đời này trở nên tươi sáng hơn.

Em đẩy ư, tia nắng đến khê
trong căn nhà nghèo nàn của anh
Mỗi hạt bụi bay thành hạt vàng.

Và nắng như một khối huyền của mùa Thu bất tử, tiềm ẩn những giấc mơ về hạnh phúc đời người.

Như có vàng bay trong nắng
Những hàng cây sáng trên cao.

Những năm cuối đời. Đoạn đường ngắn mà cũng thường dài nhất của các thi nhân. Nguyễn Đình Thi thấy gì? nghĩ gì? - không có gì khác. Tình yêu thương và nắng ấm. Ông tự đặt câu hỏi cho mình trong Niềm nhớ: "Hỡi người sắp đi xa, người có muốn đem theo gì nữa không?". Và ông tự trả lời: "Tôi chỉ mong được một vài ánh mắt nhìn quyến luyến". Tiếp theo là câu hỏi cuối cùng: "Người có muốn gửi lại gì không?". Tôi chờ đợi câu trả lời này của Nguyễn Đình Thi cái gì đó thật triết học, thật lớn lao của người nghệ sỹ đa tài ấy? Nhưng không. Đó chỉ là một điều giản dị mà bất kỳ ai sống trên thế gian này đều có. Đó là xuất phát điểm cũng là lâu đài ánh sáng cuối cùng trên dương thế của một đời người: "chút nắng ấm cho người tôi yêu thương". Và từ đây tôi mới hiểu tại sao những năm cuối đời Nguyễn Đình Thi còn nghe được tiếng ấm i của "Núi gấm vào mùa Thu"; Còn nhìn thấy được ánh lửa xa xôi của tình yêu tha thiết "mùa thu vàng hoe đôi mắt xa, anh ngồi giữa đây buổi chiều, lúa ào vào mặt"; Còn cảm thấy được đêm mưa ở bài thơ cuối cùng đứng trong toàn tập chân dung người nghệ sỹ bạc trắng mái đầu mà tình yêu cuộc đời vẫn ướt đầm nhánh lan tím trên bàn tay mưa... Vào năm 1990, ông đã gửi lời chào tạm biệt cuộc đời, khi đứng dậy đi theo cái bóng của mình đến hẹn đã lên. Bao nhiêu bể bộn, ngồn ngang của cuộc đời còn để lại "Mong anh em hiểu đừng cười. Tôi gửi lại đây chìa khóa. Tất cả cửa nhà tôi đó. Ngồn ngang qua tạm cuộc đời".

Không thể không nói những bài thơ không hay của một thi tài. Nói ra để thấu hiểu trong cõi thơ mệnh mông của cuộc đời này, còn lại ít lắm những vần thơ để lại cho đời sau; càng ít hơn những vần thơ dẫn dắt cho loài người sống như trần trở của Nguyễn Đình Thi. Để hiểu thời đại mà ông đã sống. Nghệ thuật nói chung và thơ ca nói riêng không chấp nhận tồn tại lâu dài của cái trung bình. Sự sàng lọc tàn nhẫn của lịch sử và thời đại không để cho những trường ca và thi sỹ trung bình trên giá sách của thời gian. Nhưng sẵn sàng để lại, dù chỉ một câu thơ thôi, nếu đó là trác tuyệt.

Vào những năm đầu của thơ ca kháng chiến chống Pháp và kể cả sau này trong thời chống Mỹ, không ít nhà thơ, thậm chí là những nhà thơ nổi tiếng, trên con đường tìm tòi khám phá đầy gian khó và vật vã, đã để lại những sản phẩm, những đứa con tinh thần mà chính những cha đẻ của nó sau một thời gian cũng không muốn nhìn nhận nữa. Đến giữa tháng 8-1995, sau gần

GIANG NAM

Tôi về tìm lại mùa thu

Tôi về tìm lại mùa thu
Giữa bộn bề cuộc sống
Giữa xuôi ngược thời gian
Lá xanh và lá rụng
Bạn bè còn, mất mát rung rung

Tôi về nghe gió thổi qua rừng
Nghe ai hát mà tưởng rừng đang hát
Những bước chân trần dẫm lên bờ cát
Sông Dinh năm ấy đỏ cờ

Tôi về tìm lại mùa thu
Vời lá vàng rơi với cô bạn nhỏ
Cả một thời tuổi trẻ
Chúng tôi dành cho Quê hương

Tôi đi dọc những con đường
Mang tên đất tên rừng và bạn bè, đồng đội
Có tiếng chim ca mừng người bạn cũ
Nghe tiếng hát của em qua kỷ ức sương mù

Con đường mang tên mùa thu.

TRẦN ANH TRANG

Tiếng chuông

Sớm tiếng chuông nhà thờ
Bảo hiệu một ngày mới
Chiều vắng tiếng chuông chùa
Bảo một ngày đã cạn.

Tiếng chuông thì vẫn thế
Nhấn nha giữa thình không
Mà nổi đời dâu bể
Qua những ngày bão giông.

NGÔ MINH BẮC

Thu bất chợt

Nơi ấy phía bờ xanh
Nón nghiêng chiều thấp thoáng
Người xa tiếng hát gần
Nức hương vườn ổi chín

Trời mỗi mùa thu đến
Thêm một lần bằng khuâng
Chập chờn như cánh buồn
Tuổi thơ đi xa dần

Sao không là mùa xuân
Để mơ về nắng hạ
Một vắng trắng sáng ngần
Giữa đôi bờ quen lạ

Sao không là chiếc lá
Xanh mãi màu thời gian
Đâu rồi câu thơ cũ
Thoảng đưa trong gió ngàn

Mùa thu về mệnh mang
Vàng lên từng tia nắng
Ta với mùa thu sang
Tóc thêm vài sợi trắng...

VŨ TÚ NAM

Chợt thức

Chợt thức nằm tay em
Ngoài trời chim riu rít
Giấy trắng đợi trên bàn
Sự sống đang thúc giục

Quý đời quên tháng năm
Yêu em như trẻ lại
Thoảng chốc gần tám lăm
Tuổi già chiều ta mãi

Chim riu ran ngoài vườn
Một ngày đầy đang tới.



15 năm đổi mới, Nguyễn Đình Thi tâm sự: "T. C nói: bây giờ đến củ khoai còn thiếu, còn thơ anh Thi thì như kem nước đá"... Sau đó tôi đi cải cách và viết Mẹ con đồng chí Chanh được in nhiều lần, tái bản 6 lần và đem bán lẫn với hàng ở cửa hàng xén. Khương Hữu Dụng bảo: "ông Thi mà phải làm thế này thì liệu mà viết". Đọc lại Mẹ con đồng chí Chanh và một số bài thơ không hay khác vào lúc thế kỷ XXI đã đi được hơn 10 năm rồi mà vẫn thấy một số bài thơ ông viết theo phong trào quả là không hay thật. Nó không có trên giá sách của thời gian. Bài Về du kích viết năm 1949. Thơ về quá hóa về thật. Bài thơ dài Mẹ con đồng chí Chanh. Tư tưởng rất sáng. Nhưng tiếc thay tác giả tập Kiểu nôm na quá, quên mất cảm xúc và hình tượng thơ. Nôm na đến mức ông đã làm người đọc cứ tưởng già Lê, một ông lão khi ẩn khi hiện trong bài thơ ấy là vãi Giác Duyên của Truyện Kiều... Một số bài thơ sáng tác những năm 1970 như Đồng đội. 1972. Bay đêm. 1972. Chị huyện ủy đến thăm sân bay. 6-1972... dường như cũng viết theo phong trào. Lúc đó ông đã tạm quên niềm trầm ẩn và bản lĩnh

của một nhà thơ lớn?

Hàng triệu độc giả mê Nguyễn Đình Thi không chỉ ở văn nghiệp mà cả cái chất nghệ sỹ hào hoa phong nhã của ông. Mùa hè năm 1970, Nguyễn Đình Thi đến Văn khoa Đại học tổng hợp Hà Nội nói chuyện văn chương. Ông diện chiếc áo sơ mi cộc tay màu xanh da trời, có hai túi nắp trên ngực. Vừa trẻ trung vừa thanh lịch. Cái miệng cười rộng rãi, để lại ấn tượng mãi không quên. Hàng trăm sinh viên dán mắt nghe ông diễn thuyết. Giữa lúc cao trào, Nguyễn Đình Thi tay đang cầm điếu thuốc lá hút dở, vô tình đưa nhầm phía đầu thuốc than đen đã tắt lửa vào đầu môi. Hút... Hội trường nổ một hồi vỗ tay dài... Sinh viên mà lại, chúng tôi cho đấy là dấu hiệu đăng trí của thiên tài... Từ dạo ấy, mỗi khi đọc Nguyễn Đình Thi, Văn Xuôi, Kịch, Thơ, Lý luận - phê bình, tôi có cảm giác quên đi con người cụ thể của ông. Chỉ thấy rặng núi chàm sáng ngời trước mặt. Thế hệ ông như những người từ bên kia núi ấy trở về. Theo tiếng gọi rầm rì của Đất. Và lịch sử không có sự lặp lại y nguyên như thế nữa. ■

HOÀI bước chân vào nhà rồi đóng xấp cửa lại. Đây là nhà của cô. Cô mới mua. Căn hộ rộng 3 x 5 đồng dạng với cái hộp diêm. Có một cái hộp như thế chung tường với cái hộp của cô, nhưng lại quay sang một tuyến phố khác. Mới đầu mua được cái nhà này, Hoài sướng thít cả người. Hai ông bà giáo cùng họ là Đỗ Thanh và Đỗ Thuý, đồng nghiệp của cô, biết cô có ý định mua nhà liền rủ rê: "Hay là cô lấy nhà của chúng tôi đi. Tuy bé một tí nhưng chỉ có một mình cô ở thì rộng quá. Sau này có chồng con lên thêm tầng ba nữa, ở cũng chả hết". Rồi bà giáo còn bảo: tôi với ông ấy chỉ còn vài tháng nữa là nghỉ hưu.

tin ai? Thế là cãi nhau. Chồng mua chiếc tủ lạnh, nhưng tủ gì lại không biết làm đá. Vợ hỏi mua ở đâu? Hàng giảm giá nhờ người quen mua hộ - "Càng quen càng lên cho đâu". Hoài nằm bên này còn nghe rõ tiếng thở dài và cái giọng kim của cô vợ. Anh chồng rút điện thoại ra gọi: alô! chị Minh à, chị mua giúp cho em chiếc tủ lạnh ở đâu vậy? Lúc sau nghe tiếng cô vợ: người quen anh bảo sao? Bà ấy bảo nhờ cô bạn thân bên công ty đầu tư mạo hiểm mua cho. Tiếng cô vợ giãy lên như bị chọc tiết: tôi đã bảo mà, thời buổi này bạn bè tin làm sao được? Thế không tin bạn thì tin ai? Lại cãi nhau...cãi nhau cả những việc tận

có khoảng trống là chen vào, cố nhồi lên trên người khác. Tối nào cũng được nghe hài kịch niềm tin. Nhưng mà đây là nhà cô cơ mà? Tiến mua nhà do cô kiếm được từ những công ty thuê bên ngoài làm. Thế thì việc gì cô phải đi đâu? Vợ chồng ông bà giáo sống gần hết cả đời người đến tận lúc về hưu, về quê còn được. Sống chung với lũ thì đã sao, sau này có tiền đập ra xây lại không khéo lại thêm nghe tiếng cãi nhau. Nhưng mà tạng người như cô tính trầm, lối sống 1 + 1 = 2 cứ hể nghĩ đến chuyện lấy chồng không khác gì cầm tờ giấy đi thụ án. Nhưng hiện tại cô chưa quen vậy nên cứ phải nút hai tai bằng chiếc máy nghe

đốt vĩa: "Diên à! Về quê thì có mà diên à? Thế ai nói với cô như vậy, đều thế?". Cô lí nhí chào bà giáo rồi phóng rất nhanh như đi cướp xe máy. Nếu ở lại cô sợ mình sẽ rắc cát vào mồm bà giáo mất. Hoài nhớ ra cái một triệu đồng bà giáo rút ruột bớt cho cô hoá ra nó là tiền thế mạng. Lần tôi bàn chuyện mua nhà bà giáo với Thơ, giáo viên cùng bộ môn. Không cần ngần ngại gì nhiều, Thơ nói luôn: "Chị phải cảnh giác với hai con chim già này, một lăm! Lối sất lăm! Thế chị có biết Đỗ Nhị Tinh là ai không?" - Không - Là hai nhà giáo họ Đỗ trường ta đấy! Chết, chị mà dây vào họ là rách túi đấy. Của thì ít mà suýt ra nhiều. Em nghe nói có hàng tá người đến hỏi mua nhà đều lắt đắt, lè luồi. Đây này, chả nói đâu xa. Tuần trước bà giáo đem cái com pa gỗ của ông giáo ra khoe bảo đấy là chiếc com pa do Bộ trưởng Bộ Y tế tặng. Giờ chuẩn bị về hưu chả còn biết dùng làm gì nữa. Tôi bàn với ông ấy đem tặng bộ môn làm kỷ niệm. May mà hôm ấy chị đi vắng chứ không có chị em mình sẽ là đối thủ cạnh tranh mất. Nghe nói đến kỷ vật nên ai cũng muốn có, thế là mọi người quyết định lập sân đấu giá. Em ra giá cao nhất, trả cái com pa ấy 200.000đ. Sau hỏi ra mới biết trước đây ông giáo cứ lấy giải dút để vẽ đường tròn. Trong một lần dự giờ, Giám đốc Sở ra lệnh từ nay nếu thấy ông giáo còn lấy dây dút vẽ đường tròn thì sẽ ra quyết định mất dạy! Thế ông giáo mới chịu bỏ tiền ra mua chiếc com pa này đấy, cút sất lăm! Hoài tự an ủi: thôi của đi thay người vậy, nhưng thấy số bảo hai năm nữa cô mới chịu hạn. Hay mới là tạm ứng hạn đấy? Làm cho cô lại phải thêm một mối lo. Thôi thế thì lại tìm cách bán quách cái tổ chim yến này đi. Giờ cô thấy ghét cái nhà của mình quá! Đã đến giờ đeo tai nghe vào tai thì có tiếng gõ cửa. Tuyệt, một cô giáo mới ra trường và mới nhập môn chưa lâu. Hoài vừa mở cửa, Tuyết đã ào vào ríu rít như con chim - Tuổi trẻ có khác! Cô vừa đi vừa ngắm căn hộ, mồm nói, mắt nói, lại biết cả nói ngọng: "Ồi, chị ôi! Chị sướng thật đấy! Các chị trong bộ môn ai cũng khen chị quá *giỏi giang*, ai cũng bảo không thể tin được một cô *Ráo* độc thân làm giàu không phải bằng nghề của mình, chả thêm thậm thụt dạy thêm dạy *lēm*, coi quy định của bộ chả khác *láo* như một đứa trẻ con! Chị nhỉ?" Rồi cô vòng quanh bên trong cái hộp 3 x 5 một lượt, liên tục phải tránh các chướng ngại vật nào là giường cá nhân Hàn Quốc, tủ quần áo Ja Pan, bàn trang điểm Đài Bắc, bàn máy tính Hoà Phát, bộ Minh Đào mi ni... gấp vật gì lại quệt tay một cái lấy khước. Người Tuyết lướt tránh các đồ vật mềm như cái lạt: "Chị ôi! Em ước được như chị quá! Đến kiếp nào em mới được như chị. Chị thông cảm cho em nhá, em vừa mới đi học luyện âm mất một tháng nên không đến thăm nhà chị được. Nhưng mà chị có tin không, thấy giáo dạy chúng em không ngờ phát âm thì chuẩn nhưng viết thì lại sai chính tả choe choét ra. Cuối cùng thấy trò chúng em quay sang học đối công đấy chị ạ. Hí hí... Thôi hôm nay đến thăm chị, mai em phải vào trận ngay! Em xác định rồi, phải ép xác, phải cày như điên, phải đảo tung cái trật tự *láy* lên". Tuyết sực nhớ ra: "Chị *láy*. Ngày hôm qua em đến nhà chị Thơ. Chị biết không, thật không thể tin nổi! Hai anh chị ấy dạy như điên! Chị có nhớ cái nhà hai tầng ở mặt phố Khai Trí không? Không phải thuê như rêu rao đâu, mua rồi đấy! Chị có tin không? Anh dạy trên tầng, hai phòng - Hai *mām*. Chị tầng trệt cũng hai *mām*, dọn cái bếp làm thêm một *mām* nữa là ba. Chị mà nhìn thấy cũng sướng

NẮNG VỖ

Truyện ngắn của LÊ THANH KỶ



Minh họa của ĐỖ DŨNG

Ông giáo nhà tôi lại là người độc đĩnh trong họ. Gớm, vừa mới nghe tin chúng tôi về quê ở, cả họ mừng. Hoài cũng thấy hợp lý. Lúc giao tiền bà giáo ra vốn hẳn cho cô một triệu, điều này khác hẳn với tính cách của bà - Đứng là trí thức có khác, rộng rãi quá! Ban đầu lúc dọn nhà, Hoài thật sự hài lòng, đi đâu cũng chỉ mong sao cho chóng về đến nhà mình là nơi cất giữ cái hài nhi đã 35 tuổi, bảo hiểm chắc chắn trong cái hộp bê tông - Cảm giác thật thoải mái và an toàn. Mấy ngày đầu có không hề để ý gì đến căn hộ chung vách phía bên kia. Cứ đi làm về là họ lại cãi nhau, xem ra cãi nhau mới là nguồn sống chính chứ không phải cơm gạo. Mà chuyện gì họ cũng cãi nhau được. Từ chuyện vật chất nhỏ như cái kim, đến chuyện xã hội to lớn như ngày tận thế của loài người. Cô vợ chắc đi chợ về, chồng hỏi mua rau ở đâu? Rằng mua rau sạch Siêu thị - Tin làm sao được cái Siêu thị - Thế không tin thì

đầu tận đâu. Anh chồng đem chuyện một ông tổng thống đưa vợ đi đẻ, mà đẻ sinh bốn nhó! Tiếng cô vợ: khiếp! Đẻ như chó đẻ. À mà tin ấy ở đâu vậy? Thì báo đưa tin chứ ai. Ôi giờ! Nhà báo chỉ có nói phét thế mà cũng tin. Thế không tin báo thì tin ai? Thế là lại lẩn xả vào nhau. Chuyện chả có gì liên quan đến gia đình bỗng chốc trở nên to chuyện... Ngày nào cũng thế, cứ hể hở ra là cãi nhau nhưng đến đêm Hoài lại nghe thấy tiếng rúc rích êm ái làm cô giận sôi cả tiết. Thật không tài nào tin nổi! Đến phường chèo cũng không đến lượt ngữ ấy. Cô muốn chạy lên tầng thượng, lẩn sang mái bên kia, lật tẩm tòn lên rồi thả một quả lựu đạn chày vào trong ấy. Cô bắt đầu ngán đến tận cổ. Đầu tiên cô trách vợ chồng ông bà giáo, sau trách cái tên kỹ sư xây dựng thiết kế những ngôi nhà quái gở chung tường chung móng. Hàng ngày đi làm cô phát chán những khuôn mặt hời hả, chạy xe như chó dại, hể cứ

nhạc. Nấu cơm, vệ sinh, chấm bài, làm báo cáo thuế, quét nhà, rửa bát, uống nước, xĩa răng, đứng, ngồi, nằm, thức, ngủ, kể cả lén đi ngủ đều phải nghe nhạc. Có nghĩa chiếc tai nghe không được phép rời khỏi tai lúc cô về nhà như đầu không được rời khỏi cổ, tim không được ra khỏi lồng ngực, tay không thể rời thân, ruột thừa không được rời khỏi đại tràng bên phải...

Hoài là giáo viên dạy toán, lại có văn bằng kế toán doanh nghiệp. Có hàng chục công ty thuê cô làm kế toán. Một lần cô đi đến công ty Bình Minh lấy chứng từ kê khai thuế thì bắt gặp vợ chồng ông giáo. Cô thật ngạc nhiên thấy bà giáo đang chỉ huy đám nhân viên của một cửa hàng ăn đặc sản, khách ra vào đông như kiến. Tưởng cô là khách, bà giáo đơn đá chạy ra. May mà bà còn nhận ra cô. Hoài hỏi thăm: "Em tưởng thấy cô chuyển về quê ở?". Bà giáo trợn mắt lên, tay quay quay như kiểu người ta

▷ mê". Mồm Tuyết không cười nữa nhưng mắt vẫn cười: "Chị ơi, thời buổi này thật khó tin chị nhỉ? Chẳng biết Quốc học có đập chết học bụi hay không? Nhưng mà em vừa thấy buồn lại vừa thấy vui, chị có tin không? Đáo lộn hết cả, chị nhỉ? Thôi kệ nó đi! Cả bộ môn mình, cả trường mình, cả cái Bộ mình đánh mất mình rồi. Buồn mà vui, chị nhỉ? Thôi, kệ nó đi!" Vừa vận lộn hết một vòng quanh cái hộp diêm, đến cửa ra vào là Tuyết rút lui: "Thôi chị nhà! Đến thăm chị một lát thôi em về đây kéo tắc đường. Đường với xá thật không thể tin nổi!" Hoài nhìn theo Tuyết nhí nhảnh nhảy nhót trên từng bậc thang. Cô giống như con chim non đang tập chuyển, chuyển từ đoạn ngắn đến đoạn dài. Rồi đến một ngày nào đó Tuyết vụt bay cao, bay xa. Nhưng nhớ ra trong lúc tập chuyển...nhớ ra...nhớ ra. Thật không thể tin nổi! Hoài chẳng dám nghĩ nữa. Cô đeo chặt tai nghe rồi bật máy tính, vào email và giở thư ra xem. Người bạn mới quen, hôm nay gửi kèm theo ảnh. Trông tự tin. Đẹp trai. Miệng cười ấm. Hai hàm răng trắng muốt, góc chụp tốt, ánh sáng tốt. Nâng đầu trên răng phản chiếu toé ra trông như ảnh nghệ thuật. Đỉnh theo bài thơ *Nếu tin anh tặng cô*, kèm mấy câu để tặng vụng về. Hoài mỉm cười. Niềm vui đến râm ran như rôm rã. Đạo này cái hộp bên hàng xóm của cô tự nhiên vắng lặng như cảnh tạm đình chiến rồi bỗng chốc lại ồn lên tiếng đập phá. Thì ra bên ấy họ đang làm nhà. Ôi Chúa ơi, lạy Chúa từ bi!!! Ông bà Giáo nhân nài cả đời mà chẳng được hưởng phúc. Minh thật là may mắn. Trong giấy tờ nhà đất, hồ sơ trích lục kèm theo có dấu công chứng nhà nước hẳn hoi "một hoặc cả hai bên đều có quyền xây dựng nhà mình mà không phải hỏi ý kiến người liên quan. Nhưng phần tường chung sẽ

thuộc về người xây sau". Hoài mừng rỡ, mình vớ bở rồi, đôi vợ chồng phưởng phều hào phóng quá. Minh thế là được lời mấy phân tường rồi. Tắc đất tắc vàng, chỉ cần to bằng hạt đỗ cũng bao nhiêu là tiền. Thật không thể tin được! Sao giờ vẫn còn có người rộng rãi, sỏi sỏi thế không biết! Cô sửa lại tai nghe, rung đùi gõ nhịp theo từng giai điệu bài hát từ chiếc máy nghe nhạc. Cô ngắm mãi người đàn ông trên màn hình. Người mà bấy lâu nay luôn đem lại niềm tin cho cô. Anh ấy nói mình yếu nắng, tin nắng thảo nào chụp ảnh để nắng đậu trên răng. Thật là lãng mạn. Anh ấy đây à? Được đấy chứ! Nhóm bạn học của cô lập ra một Bloc để hàng ngày tin tức cùng chia sẻ với nhau. Rồi đột nhiên anh chàng xuất hiện mang nhiều điều mới mẻ đến cho các cô. Hoài thích cái suy nghĩ của anh ta, nó cứ na ná giống cô như từ trong cổ đi ra vậy. Còn Loan, cô bạn kỹ sư Địa chất thì đầy ngờ vực. Cô hỏi anh ta: "Anh là ai? Có phải thợ săn không?" - "Không! Tôi chỉ là ngọn gió lang thang." - "Ngọn gió ấy từ đâu tới?" - "Nó ở khắp mọi nơi". Loan khuyến cáo các bạn lập trang khác đi. Mọi người phản đối: "Cứ để xem anh ta làm được gì". Loan công khai trên Bloc: "Tớ xin rút lui. Nhà toàn bà cô, có một ông mãnh tất nhiên được chiều rồi. Cần thận đấy! Kẻo lại đem "cáo cho gà". Hoài cũng bèn: "Anh ta là nhà thơ đấy! Vừa văn học lại vừa khoa học, lãng mạn kinh điển. Cứ để ngọn gió lang thang làm khách nhà mình thì đã sao?". Hoài đọc thơ: anh chẳng thể tin ai/ Chỉ biết tin vào Nắng/ Giọt Nắng vô tình/ Đậu vào mắt/ Em/ Thơ ngây. *Ngọn gió lang thang* lấy địa chỉ từ Bloc rồi gửi riêng cho Hoài, kèm theo mấy dòng: anh như ngọn gió muốn vào rừng cây. Thêm mấy dòng nổi bút: Lũ bạn em như Tào A Man. Anh cũng xin liêu

mạng làm quen với em. Chỉ có mấy vần thơ làm quà (Thơ anh làm là thơ xịn đấy, anh đừng hời hợt đấy! Anh tin và quý mến em thật đấy!). Hoài mỉm cười. Cô xét thấy anh cũng thơ ngây đấy chứ! Cũng tâm trạng đấy chứ! Tâm tình cũng như ngọn gió lang thang chẳng biết đi đâu, về đâu. Đầu cũng muốn đến mà bước chân bối rối, dấy sợ hãi. Minh là gì trên thế gian này? Một cái xác đang dần đổ bóng. Cả cái trần gian này đang tả tơi trong vội vã, trong tìm kiếm. Trong cơn tuyệt cùng vẫn không thể nhận ra đang ở đâu trong hiện tại? Cứ bảo sống cho mình mà như sống cho ai, cứ thực thực hư hư dùng cái giả để che đậy cái thật, lấy cái đẹp đẽ đùm cái xấu bên trong. Không dám nói thật, không dám sống thật. Thật là thứ xa xỉ nhất trên thế gian này.

Một ngày chủ nhật Hoài bị đánh thức bởi tiếng gõ công cốc. Cô dậy và đi ra mở cửa. Một người đàn ông chừng 60 tuổi trông tựa tựa như một công chức đã về hưu. Ông ta giới thiệu: "Tôi là Quyển. Tổ trưởng dân phố tổ 12A" Thấy Hoài ngần ngại, ông tổ trưởng giải thích: "Chắc cô không biết tổ 12A ở đâu? Xin giới thiệu là tổ 12A nằm song song với đường phố bên này, dính lưng vào với nhau nên cô không biết cũng chẳng sao". Cô gật đầu. Ông tổ trưởng mỉm cười: "Gớm, gặp được cô còn khó hơn gặp thủ tướng" - "Bác có chuyện gì?" - "Vợ chồng nhà anh Sĩ Thiện ở bên kia, có chung bức tường với nhà cô. Cái bức tường lịch sử để lại ấy mà! Vợ chồng nhà anh Sĩ Thiện vừa qua có làm đơn đề nghị xin xây dựng lại căn nhà cho nó khang trang. Xây ba bề đã xong rồi nhưng vì còn vướng đường biên giới chung giữa hai nước (à, hai hộ) nên anh chị Sĩ Thiện nhờ bên chính quyền sang xin phép cô ký nhận vào cái đơn của

người ta". Có tiếng rúc rích phía bên kia tường vọng sang: ông bà Sĩ Thiện thuê chính quyền thì có, chứ làm sao mà nhờ được chính quyền. Chính quyền thì làm gì có hộ ai cái gì". Hoài cố nghe giải thích. Cô nhìn bên dưới cầu thang còn có một người đàn ông nữa đang nghiêng đầu nghe điện thoại. Cô bảo với ông tổ trưởng dân phố: "Trong hồ sơ đất đã ghi rõ hộ nào làm trước thì cứ việc xây nhưng phải để lại bức tường cũ cho hàng xóm mà" - "Ấy chết! Giấy thi ghi như thế nhưng mà quyết định kia có từ thời bao cấp. Lâu quá rồi, tin làm sao được. Ông Sĩ Thiện sang bàn thống nhất với cô sau khi phá bức tường này ra, ông bà Sĩ Thiện lấy đủ phần đất của mình. Ngoài ra ông bà ấy chịu thiệt thòi là bỏ tiền ra xây trả lại bức tường cho cô". Hoài ngần ngại, rồi mặt cô bỗng đỏ bừng cả lên: "Tuỳ các ông, các ông muốn xây cái gì thì xây, không cần phải bàn, tôi không thắc mắc gì cả" - "Thì cô cứ cho tôi xin một chữ vào đây chứ cô nói thế tin làm sao được!". Hoài vô cùng bức bối, cô mượn cái bút của ông tổ trưởng định ký một nhát cho xong. Ông tổ trưởng vẫy tay gọi người đàn ông bên dưới: "Anh Sĩ Thiện, Sĩ Thiện nhanh lên. Cả đôi cùng ký có sự chứng kiến ở giữa. Nhanh!". Hoài vừa ký vừa nghe tiếng giày kim kít chạy lên. Cô ngẩng mặt lên nhìn, há hốc miệng, đánh rơi cây bút xuống chân. Không thể tin nổi người đàn ông đang đứng trước mặt cô, đang nở nụ cười ngoại giao. Nâng bàn mai đầu vào hàm răng trắng tinh, đều tăm tắp. Anh ta chính là *Ngọn gió lang thang* - Đêm đêm vẫn thường chít chát với cô. Cô quay mặt đi và nhận ra những giọt nắng vỡ vụn trên cái hàm răng trắng muốt.■

NGƯỜI VẼ HOA VĂN TRÊN GỐM

(Tiếp theo trang 13)

năm 1980 giặc giã vùng biên ải đã tan, cơ quan nào cũng thiếu người. Hoạt là thương binh, bộ đội phục viên, hẳn được ưu tiên nhận vào làm việc ở đội quản lý thị trường của một huyện miền núi. Ngày đó biên giới cửa khẩu chưa thông. Cuộc sống vất vả thiếu thốn trăm đường. Người dân vùng giáp biên sống nhờ vào hàng buôn lậu. Chỉ cần đưa được hàng qua biên giới là có tiền. Các cán bộ quản lý nhà nước, công an, bộ đội biên phòng, thuế vụ, quản lý thị trường là đối tượng không được ưa chuộng của những kẻ buôn lậu, của những tay đâm thuê chém mướn. Chúng không từ một thủ đoạn nào, tìm mọi cách để mua chuộc, tìm các ngã đường trong rừng để đưa hàng lọt qua biên giới.

Bọn buôn lậu thù ghét chúng em đã đành, chúng oán hận luôn cả con chó mực. Con chó tinh khôn thỉnh thoảng phát hiện ra tụi buôn lậu đi trên những con đường xuyên rừng, hàng lậu giấu ở chỗ nào, nó tìm ra được cả. Có lần nó còn đánh hơi được cả hàng quốc cấm. Tụi buôn lậu tìm mọi cách giết con chó. Chỉ một mối thuốc bả con chó mực lăn ra chết. Vài tháng tiếp theo đến lượt Hoạt và những người đồng đội của hắn trong tổ quản lý thị trường. Trong một đêm mưa gió, Hoạt bị những kẻ xấu đột nhập vào nhà trùm chân, bịt mắt, trói gô đánh cho thừa sống thiếu chết. Chúng tổ chức cướp hàng, đánh lại cán bộ.

Sau trận chiến kinh tế ấy, Hoạt không còn đủ sức khỏe và cả nhiệt huyết để bám trụ vùng biên. Hắn xin nghỉ việc về quê nối lại nghề cũ của bà mẹ già truyền lại là đi vẽ thuê cho các lò gốm trong vùng.

Hoạt ép Đạt phải uống với hắn một chén rượu.

- Số em đứng chân ở cửa Phật, anh ạ! Em nhớ đầu năm "chín bảy" hay năm "chín tám" gì đó... Đạo ấy đang vào mùa đông. Trời rét như cắt ruột. Em đang loanh quanh dưới chân núi bỗng gặp một đoàn nhà sư đang

tìm đường lên thăm chùa. Đoàn nhà sư nhìn thấy em nhanh nhẹn nhờ em dẫn đường. Ai ngờ hôm ấy em được vị sư già hỏi chuyện. Anh có biết vị sư già ấy là ai không? Hòa thượng Thích Thanh Từ đấy! Cụ hòa thượng nói giọng Nam, nghe bảo từ Thiền viện Trúc lâm Đà Lạt ra đang xin với Trung ương xây cất lại chùa Yên Tử. Cụ hòa thượng ở lại chùa nửa tháng trời, bới đất vạch cỏ đi xem lại từng vị trí các ngôi chùa cũ như tìm về chốn xưa. Sau chuyến đi ấy cụ Hòa Thượng cho em theo về Đà Lạt. Em hầu cụ được hơn một năm. Một ngày thấy nhớ quê, nhớ núi...Đến khi các ngôi chùa ở vùng Yên Tử này được xây dựng lại, em xin với cụ cho về quê...

- Sao cậu không lấy vợ, cho có người đỡ đần tuổi già?

Đạt nhìn Hoạt mà thấy thương.

Hoạt ôm con chó mực vào lòng xoa đầu nó. Con chó liếm láp bàn tay đen đúa, chai sần của hắn. Hoạt cho con chó miếng thịt gà.

- Em có con chó bầu bạn là vui rồi! Vợ con chi nữa? Ở tuổi này thương tật đầy người. Còn sống được ngày nào em nương cửa Phật ngày ấy. Anh Đạt có biết sao em có lại được con chó này không?...

Hoạt kể cho Đạt nghe ngày trở về thăm lại Ba Chúc. Hắn tìm được gia đình người Khơ Me chủ nhân của giống chó lai có màu lông mực đen tuyền.

Con chó mực bầu bạn với Hoạt bây giờ là thế hệ thứ 3. Trong những ngày quân Pôn Pốt tràn sang giết hại người dân Ba Chúc con chó mẹ đang mang bầu, nghe tiếng pháo, tiếng súng hoảng loạn, con chó chạy vào trong khe núi không kịp mang theo đàn chó con. Đàn chó lai 4 con, 3 con chết cháy trong nhà. Con thứ 4 sống sót đi theo Hoạt. Nghe Hoạt kể chuyện chiến công anh hùng của con chó mực khoang trắng gia đình người Khơ

Me rất cảm động, tặng cho hắn con chó mực thế hệ F4. Hơn 10 năm nay con chó mực tinh khôn bầu bạn với Hoạt đến bây giờ.

4. Một đôi lần vào kỳ hội Xuân, rảnh rỗi Đạt tìm cách đi Yên Tử. Vui hội thì ít, Đạt hi vọng được gặp lại Hoạt. Chỉ vài năm vùng rừng Đông Bắc đã đổi khác. Đường đến cửa Phật bây giờ ít vất vả, cheo leo. Cáp treo đã đưa người đi hội vượt qua những dốc đá, những cánh rừng hiểm trở lên tới gần đỉnh chùa Đồng.

Đạt tìm vào xóm trại sát chân núi hỏi thăm tìm người vẽ tranh. Khu đối hoang ngày trước trống vắng, trống mìa nơi có căn lều của Hoạt trú ngụ bây giờ đã được sang nhượng cho cánh buôn bắt động sản ở Hà Nội, Hải Phòng. Họ đã cho máy ủi san phẳng cả một vùng rộng, cạo trọc đối hoang, san suối, lấp khe để chuẩn bị xây nhà hàng, khách sạn. Người tứ phương tập trung về đây đông đúc. Có hỏi cũng không còn ai nhớ tới ông thầy chùa nửa mùa cao lênh khênh như một cây sào luôn dất theo một con chó mực ngồi vẽ tranh trước cổng chùa.

Hoạt như một hạt bụi biến vào trong không trung. Đạt hỏi một vài vị thầy chùa cũng không còn mấy ai nhớ đến Hoạt. Có người lại nói, Hoạt đã đi theo các thầy về chùa Tây Phương, lúc đi vô Đà Lạt...

Có một chị chuyên bán hương hoa cho khách đi cúng chùa quả quyết.

"- Cái ông thầy vẽ đã dất theo con chó mực vào núi ở ẩn."

Đạt ngờ ngác chẳng biết tin ai, hỏi ai?

Anh ngược lên chỉ thấy trập trùng những ngọn núi giữa đại ngàn Yên Tử, về chiều mây mù đang che phủ. Và tiếng cáp treo đưa người rít kèn kẹt trên cao.■

Đ.K.C

GẶP LẠI ANH HÙNG LAO ĐỘNG LÊ VĂN TAM

Bút ký của LÊ NGỌC MINH

NĂM 1991, tôi cùng đoàn làm phim của hãng phim Truyện Việt Nam về Thanh Hóa làm bộ phim tài liệu *Ở nơi đê đất, đê nước*. Đây là phim sử thi khái quát lịch sử xứ Thanh từ văn minh Núi Đọ - Đông Sơn cho đến thời nay. Bộ phim được chia làm 2 phần. Phần 1, nói về lịch sử và phần 2 nói về trần trở đổi mới của một tỉnh thuần nông, có rừng có biển, có trung du, đồng bằng, có những hào kiệt trứ danh lỗi lạc. Phần 1 của kịch bản được duyệt khá trôi chảy, còn phần sau thì qua vài phiên họp nhưng không xong vì quan điểm của đoàn làm phim và của tỉnh có khác nhau. Theo đoàn làm phim, để bộ phim có sức nặng hiện thực và cảnh báo cần phải nhấn mạnh thêm mặt trái. Cụ thể là phải nêu được những hiện tượng trộm cướp, mại dâm, ma túy... Các hiện thực mặt trái nói trên phần lớn đã có vụ việc để quay thành phim, nhất là hồi đó ở Thanh Hóa đang có vụ án Hiến Bạ, gọi tắt là Hiến Bạ, khá ám ỉ. Hiến Bạ là sinh viên năm thứ 3 trở thành kẻ ăn cướp. Y tập hợp lâu la chiếm một cái hang ở huyện Bá Thước cố thủ, tổ chức phòng vệ, chống trả khá bài bản. Tuy nhiên, Hiến Bạ đã bị công an Thanh Hóa tóm gọn cùng đồng bọn. Để có hình ảnh cập nhật, tỉnh đã giúp các nhà làm phim vào tận trại giam Cầu Cao gặp trực tiếp tên Hiến Bạ. Còn vấn đề mại dâm thì gặp khó khăn. Phía công an không có tư liệu và nơi nào đang có tụ điểm hành nghề thì cũng không xác định được. Đến phiên họp thứ ba thì có một phát biểu khá xúc động của ông Mai Xuân Minh, chủ tịch tỉnh. Bằng chất giọng ấm áp và tử tốn, ông nói nhiều về lịch sử, về cả tính thuận và nghịch của người xứ Thanh rồi ông kết luận: "Thanh Hóa là một tỉnh nghèo nhưng đóng góp cho chiến tranh cách mạng nhiều lắm. Riêng số thương vong để giúp Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng nhiều gấp 3 lần số thương vong hồi chống Mỹ của địa phương. Thanh Hóa là một tỉnh phong kiến, mại dâm có thể có nhưng không phải là hiện tượng điển hình. Vì vậy, đề nghị các nhà làm phim cân nhắc sao cho hợp lý thì thôi". Trước lời phát biểu như tâm sự của ông chủ tịch tỉnh, đoàn làm phim cam kết bỏ hẳn *mặt xích* tệ mại dâm. Cũng trong buổi họp này, ông Mai Xuân Minh rồi ông Lê Huy Ngọc bí thư tỉnh ủy gợi ý nên tăng thêm dung lượng phim cho vùng mía đường Lam Sơn. Theo hai ông, ở đó, đang thực sự có một chuyển động rất lớn và rất mới ở tỉnh Thanh từ trước đến nay.

Để bộ phim tài liệu được chân thực, thậm chí phải thực hơn sự thực, đoàn làm phim không báo trước cho các chủ thể ở địa điểm đoàn sẽ đến quay, sợ rằng các chủ thể đó sẽ bài binh bố trận trước, kiểu *tốt đẹp phô ra, xấu xa dấy lại*. Dọc đường đến nhà máy đường Lam Sơn, thấy mía vụ mới đã mọc cao độ nửa mét và xanh như niễng, trái rọng trập trùng hết đối nọ đến đối kia, trông ngút cả tầm mắt, các nghệ sỹ dừng xe *sân bắt nghệ thuật* đến hơn hai tiếng đồng hồ, nên khi đoàn đến nhà máy đường thì đã gần 10 giờ. Ông giám đốc Lê Văn Tam đi xuống vùng mía từ sáng sớm. Mọi người quay ra trách nhóm quay phim quá mãi mê *sân bắt nghệ thuật* nên nhỡ việc. Ông chủ nhiệm thì trách khéo đạo diễn về việc không cho báo trước với chủ thể. Đạo diễn cười, nói vui kiểu cơm không ăn gạo còn đó và ông yêu cầu đoàn đi quay cảnh di tích Lam Kinh cách nhà máy gần 3 km. Trên xe, người dẫn đường do tính bố trí bỗng nói ra một câu khiến mọi người giật mình hoài nghi: "Các nghệ sỹ thần tượng ông Tam hơi bị quá đấy. Ông này cũng chỉ tay chơi đốt tiền thôi". Tôi vội hỏi người dẫn đường: "Ông Tam tay chơi đốt tiền như thế nào?". Người này bĩu môi, nói tiếp: "Vừa rồi ông ta có một chuyến đi Úc rất hoành tráng nghe đâu tiêu tốn đến 10 ngàn đô, tương đương với hơn 50 cây vàng đấy!". Mọi người chỉ nghe và không bình luận gì. Người dẫn đường thấy không được hưởng ứng bèn thôi nhưng ông ta vẫn kết thúc bằng câu khẳng định: "Làm ăn kiểu đốt tiền như thế chắc chỉ được ba bảy hai một ngày sẽ toi đặc!".

Tối hôm đó cũng đã muộn, đoàn làm phim mới trở lại nhà máy đường Lam Sơn. Mất điện lưới. Ông Tam cho chạy máy nổ để tiếp các nghệ sỹ làm phim. Chúng tôi nói

câu xã giao, xin cho được chịu cảnh mất điện với giám đốc để hiểu thêm cái nực nội của vùng đồng đất bán sơn địa đêm hè không có gió này. Ông Tam cứ một hai đề nghị cho được đón nghệ sỹ một cách trọng thị và ông còn muốn có *giáo cụ trực quan* để phục vụ đoàn làm phim nữa. Máy nổ chạy. Điện bùng sáng. Trước mắt chúng tôi là một người ngoài 50 tuổi, vóc dáng vừa phải, tóc bạc trắng, giọng nói nhỏ nhẹ thủ thỉ và khoẻ miệng luôn có nét cười tươi. Ông cho chiếu cái băng video, cảnh người Úc trồng mía, làm đường từ mía. Bộ phim trong băng được dựng theo dạng giới thiệu quảng cáo nhưng tính nghệ thuật khá cao, các ngôn ngữ quay phim và dựng phim khúc triết, gợi cảm đến thần tình.

Bên chai rượu quê nút lá chuối và đĩa lạc luộc, vẫn bằng cái giọng thủ thỉ ông kể chuyện đi Úc vừa rồi của ông, ông đã đến nhà máy đường của họ, đã đến xem người nông dân trang trại của nước Úc chọn giống làm đất, chăm sóc cây mía như thế nào. Ông cũng đã vào dự thỉnh buổi thảo luận chính sách đối với cây mía của hạ nghị viện Úc. Cuối cùng thì ông phần nào hiểu được các tác nhân quan trọng để người Úc có thể làm ra 5 triệu tấn đường đạt chuẩn quốc tế trong một năm, ông cũng đã *nap* được một số kiến thức về cách làm mía kiểu mới, ôm được mấy chục quyển sách tiếng Anh dạy cách trồng mía làm đường và cái băng video mà chúng tôi vừa được xem.

Nhà quay phim Phạm Ngọc Lan đột ngột hỏi: "Anh đi Úc xa xôi và lâu như vậy, chắc tốn kém lắm?". Ông Tam khẳng định: "Rất tốn kém. Riêng tiền vé và đi lại, tá túc ở nước sở tại đã mất đứt ngót 5 ngàn đô". Mọi người đều "ồ" lên một tiếng. 5 ngàn đô hồi năm 1991 là to lắm. Nghe đâu một chiếc Dream mua ở Thái Lan chỉ có khoảng 400 đô, ở Úc còn rẻ hơn. 5 ngàn đô tương đương với 12 - 13 chiếc Dream. Ông Tam kể, tốn kém là như vậy nhưng vẫn phải đi để tầm sư học đạo, để tìm ra cách làm ăn mới. Năm 1988, rời vị trí phó giám đốc kiêm trưởng ban Mía của sở Nông nghiệp Thanh Hóa lên Lam Sơn nhận chức giám đốc nhà máy, ông Lê Văn Tam đã xác định số phận mình sẽ gắn bó hết đời với cây mía ở vùng bán sơn địa này rồi. Nhưng khi đến nơi thì thấy nhà máy chỉ chạy được 10% công suất vì không có mía nguyên liệu. Đường làm ra thì mới đạt độ trắng màu *hoa mơ*, không đưa vào thị trường lưu thông được. Người trồng mía hai sương một nắng làm ra được cây mía, chống kéo vợ đẩy xe mía đến nhà máy thì phải xếp hàng; mía được mua, cũng chỉ có cái biên lai ghi lại số lượng và số tiền nhưng nhà máy chịu nợ, bao giờ bán được đường *hoa mơ* thì sẽ trả. Giải quyết vấn đề nghịch lý này mọi việc phải được bắt đầu từ nguyên liệu và người trồng nguyên liệu.

Ông Tam đã lặn lội đi đến hầu hết các nhà máy đường trong Nam ngoài Bắc. Phần lớn họ cũng đang gặp tình cảnh như ông. Có những nơi được gọi là khởi sắc thì vẫn luôn trong tình trạng *đói* nguyên liệu và nguyên liệu ít đạt tiêu chuẩn chính phẩm, nói như ngôn ngữ của giới mía đường là *chữ đường* không cao.

Qua những chuyến đi tầm sư học đạo nội địa, ông Tam thấy rõ ở những nơi ông đến không nơi nào có được bài giải nhằm thoát được cái hoạ thiếu nguyên liệu luôn chập chờn bất định này. Ông nhớ lại một hội thảo khoa học quốc tế về mía cách đó đã lâu, bài thuyết trình của một chuyên gia mía đường người Úc có băng phim chiếu minh họa khá được chú ý. Ông thấy đồng đất của người ta cũng giống mình sao mà cây mía ở đó tốt thế, sao mà người nông dân trang trại đi làm mía sướng thế? Người nông dân cười xe máy phân khối cao đi làm. Nông dân ngồi máy cày làm đất, nông dân ngồi ô tô đi rải ngọn mía khi trồng; nước tưới cho loại cây hảo nước này thì được dẫn đến từng thửa mía bằng hệ thống tưới tự động. Vậy là ông đi Úc. Đi Úc bằng tiền do Bộ Nông nghiệp hỗ trợ một phần, bằng tiền tiết kiệm của hai vợ chồng dành dụm sau gần 30 năm làm việc và cả bằng tiền vay mượn bạn bè, chứ nhà máy đang nợ nông dân như chúa Chôm thì lấy đâu ra tiền? Mà số tiền tiêu tốn cho chuyến đi chủ yếu là vé máy bay, là thuê phương



Anh hùng lao động Lê Văn Tam.

tiện đi lại ở Úc, chứ về khoản ăn thì bà vợ đã chuẩn bị cho ông một bịch to hơn 3 cân gạo lúc rang vàng, nửa cân thịt nạc rang muối đậm, một gói mè đen, hai cân rau dưa phơi khô, đảm bảo đủ vitamin, đạm và chất xơ cho một chuyến xuất ngoại dài ngày.

Ông Tam thủ thỉ kết luận: Tốn kém đấy nhưng biết thêm được nhiều điều lắm và cái biết có tính cốt tử là quyền lợi của người làm nguyên liệu. Ông nói vậy và mới chúng tôi đi nghỉ để 4 giờ sáng hôm sau có thể dậy sớm, đi quay một cảnh xa nhà máy mà ông bảo, chắc chắn các nhà làm phim sẽ ưng ý. Người dẫn đường cẩn thận hỏi ông đã báo cho cơ sở đó chưa. Ông đáp, nông dân người ta ngày nào mà chả ra đồng từ khi trời còn chưa mùng sáng.

Sáng hôm sau, đi 8 cây số bằng xe và cuộc bộ hơn 1 cây số nữa, chúng tôi gặp một gia đình đồng người đang làm cỏ mía ở một ngọn đồi bát úp rộng mênh mông. Chủ nhà phi ngựa từ trên đỉnh đồi xuống vừa kính cẩn, vừa hồ hởi chào đón ông Tam và đoàn làm phim. Ông Tam giới thiệu đó là anh Cao Thanh Mao, gia đình anh đã nhận thầu trồng mía ở ngọn đồi 36 ha này. Năm ngoái anh đã có vụ mía bội thu đầu tiên, mua được xe máy Dream, mua được ngựa để đi làm mía và chở mía đến bán cho nhà máy. Ông Tam nói thêm, anh Mao đang phấn đấu sau vụ mía năm nay sẽ mua ô tô tải. Anh Mao nghe thế, khẳng định: "Sẽ mua được thôi. Em đã lên kế hoạch, tính toán ngon lành rồi".

Anh Mao được mời trả lời phỏng vấn. Mở đầu phát biểu, anh nói: "Dạ thưa, trước hết là nhờ ơn Đảng, Bác Hồ và bác Linh (tức đồng chí Nguyễn Văn Linh) sau nữa là nhờ ơn bác Tam (ông Lê Văn Tam), gia đình tôi..."

Đạo diễn nhắc không cần phải mào đầu như thế, cứ *phát biểu* thẳng vào ý nghĩ của mình là được. Song khi nói lại, anh Mao vẫn mở đầu bằng cụm từ *trước hết*... Quay lại đúng khác, anh vẫn cứ *lỡ lời phát biểu* như thế. Để anh khỏi mất *tự nhiên*, đạo diễn tiếp tục cho phỏng vấn và chắc rồi ông sẽ khắc phục *cắt lời trước hết*... khi dựng phim sau này. Tôi chú ý thấy trong *phát biểu* của anh Mao còn có mấy lần *cảm ơn Bác Hồ, bác Linh và bác Tam* nữa.

Quay xong cảnh làm mía và phỏng vấn, chúng tôi được anh Mao mời về thăm nhà ở gần đập Bái Thượng.

Nhà anh quá giàu so với mức sống hồi đó. Trong nhà kê 4 cái giường môđéc, thành vách chạm trổ rất oai oách; ngoài sân là chú ngựa ô trông cao to như con ngựa Xích Thố của Quan Công cứ luôn gõ móng đuổi muỗi và một chiếc xe máy Dream mới cứng. Nghe có đoàn làm phim về, bà con trong thôn kéo đến *xem* rất đông. Ông Tam được bà con gặp gỡ quăn quít thân tình. Họ hỏi ông Tam về giá mía vụ tới, họ hỏi về nguồn cung ứng phân bón nhà máy sắp hỗ trợ thì bao giờ có?... Đạo diễn cho phỏng vấn một cụ bà ngoài 60 tuổi, bởi cụ có gương mặt rất *điện ảnh* và giọng nói khá truyền cảm. Mở đầu *phát biểu* cụ *khai giọng* bằng câu như anh Mao đã phát biểu ngoài đời: "Dạ thưa, trước hết là cảm ơn..."

Cuộc phỏng vấn cụ bà vừa kết thúc thì vợ con anh Mao bung lên bốn mâm cỗ khá hoành tráng. Anh Mao nói mấy lời phi lộ mời cơm và vỗ mớ đầu bằng câu: *Trước hết...*

Trong bữa cơm đông như đám tiệc liên hoan, người ngồi chen chúc nhau, anh Cao Thanh Mao kể với chúng tôi anh đã có hơn 10 năm buôn bán chạy mảnh trong Nam ngoài Bắc, trên người có vài chục vết thương bị đâm chém hằn thù nhưng tay trắng vẫn hoàn tay trắng. Ba năm nay anh về quê trồng mía cho *bác Tam*, anh đang đổi đời... Kết thúc câu chuyện, anh lại nhắc lại câu ân huệ mở đầu bằng *trước hết...* và đi đến chỗ ông Tam, nâng 2 tay chén rượu quê xin được cạn với *bác Tam*.

Do khuôn khổ của bộ phim, chúng tôi chỉ ghi hình hơn 1 ngày ở nhà máy đường Lam Sơn và một số vùng nguyên liệu tiêu biểu. Khi chúng tôi chia tay để đến địa điểm quay khác, ông Tam tiễn ra tận cổng nhà khách. Đạo diễn Hải Ninh ôm vai ông, thân mật nói: "Anh là Nguyễn Công Trứ của vùng này rồi! Dân đã thờ sống anh rồi đấy!". Ông Lê Văn Tam cười hiền lành: "Đã làm được gì đâu, anh!".

Bộ phim tài liệu *Ở nơi để đất để nước* được hoàn thành đúng thời gian và được Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa phát sóng, gây được chút tiếng vang.

Riêng tôi thì tôi vẫn cứ tiêng tiếc và cảm thấy chưa thỏa đáng ở đoạn về nhà máy đường Lam Sơn. Câu nói mở đầu bằng *Trước hết...* của anh Mao và bà cụ hôm chúng tôi ghé thăm vẫn cứ đeo đẳng tôi bằng nhân vật *bác Tam*.

Mãi đến năm 1998, tiến sỹ Lưu Trọng Hồng, lúc đó là cục trưởng cục Điện ảnh, một học trò cũ của trường cấp 3 Lam Sơn về Thanh dự hội trường và kiểm tra công tác chiếu bóng tại địa phương. Lúc trở ra Hà Nội, ông *tia* mấy nhà biên kịch cử đi Thanh Hóa viết về vùng mía đường Lam Sơn trong chương trình tài trợ sáng tác cho cuộc thi kịch bản phim truyện năm 2000. Nhờ vậy mà tôi được trở lại vùng mía đường Lam Sơn gặp *bác Tam*. Đoàn của chúng tôi có 3 người, gồm tôi, nhà văn Đoàn Trúc Quỳnh, nhà biên kịch Bành Mai Phương. Đến Thanh Hóa, được biết nhà văn Kiểu Vượng đang thai nghén tiểu thuyết *Vùng đất ngọt*, tức là vùng đất mía Lam Sơn, chúng tôi *kết nạp* ông vào đoàn.

Nhà văn Kiểu vượng là *quan thái thú* của báo *Văn nghệ* tại Bắc miền Trung và ông đặc biệt thâm canh *miến* sáng tác của mình là xứ Thanh quê hương. Ông *nắm* về vùng mía đường Lam Sơn và ông Tam rõ ràng như một pho sách đã được viết xong. Với chất giọng khô khan của người vùng biển và cách kể chuyện khá có duyên, thỉnh thoảng lại được chêm nhúng từ *đất* gây cười, suốt gần 2 tiếng đồng hồ đi từ thành phố Thanh Hóa lên nhà máy gặp ông Tam, nhà văn Kiểu Vượng cho chúng tôi biết được *trích ngang* khá hoàn chỉnh của nhà máy đường và những dẫn thân có thể gọi là sống còn của ông giám đốc Lê Văn Tam.

Nhà máy đường Lam Sơn có công suất 1500 tấn mía/ngày do Pháp tài trợ xây dựng nhưng vì nhiều nguyên nhân, người Pháp đã bỏ cuộc từ năm 1984. Cấp trên định cho chuyển cái xác nhà máy còn đang dang dở ấy đến một tỉnh vùng mía khác. Lãnh đạo tỉnh dồn đảo chạy ra Trung ương xin mãi mới giữ lại được. Lúc ông Tam lên nhận chức giám đốc, ông phải ra Hà Nội tìm mua từng cân dây đồng để mang về cho các kỹ sư ta hoàn thiện tiếp nhà máy. Đến lúc có nhà máy rồi thì lại không có mía. Cả vùng nguyên liệu mía chỉ đủ cho nhà máy ép đường 17 ngày trong một năm.

Ông Tam, sau khi đi Úc về, lại vay mượn và lặn lội vào tận miền Trung mua được bốn xe ô tô ngon mía giống mới nhưng khi phát ngọn mía cho dân trồng thì bà con vì gặp nạn thiếu đói ngày giáp tết nguyên đán năm 1989 nên họ ... giả làm mặt ăn tết hết. Ban giám đốc và các phòng ban của nhà máy hoảng cả lên. Ông Tam trấn an đồng nghiệp, bằng câu khẳng định: "Dân ăn là

minh ăn. Không gây khó dễ cho dân nữa mà phải tìm cách khắc phục".

Bốn xe ngọn mía giống mới khác lại được mua về, lần này thì chúng được giao tận tay đến từng hộ, sau khi ngọn mía đã được tẩm thuốc trừ sâu và nước vôi phòng dịch. Dân biết lòng dạ *bác Tam* nên có người sụt sùi rơi nước mắt xúc động, họ nói rằng, họ có lỗi lắm, dù số ngọn mía mới này không tẩm nước vôi thì họ cũng không dám động đến.

Giống mới vào, năng suất sản lượng tăng lên vượt bậc. Cái nhà máy lâu nay chỉ chạy được khoảng 12% công suất, nay phải làm việc cật lực để đạt công suất tối đa liên tỏ ra mệt mỏi ọc ạch và có lúc *lịm* đi cả tuần để tiểu tu, trung tu và đại tu. Người dân trồng mía hôm nào không thấy ống thoát nhà máy nhà khói là buồn như mất của. Mía là thứ *hàng hoa*, quá ngày giờ thu hoạch sẽ trở bông, trở cò, đường mất bốc hơi đi hết, trở nên nhạt thếch; mà dù có thu hoạch đúng hạn nhưng đắp lại đó không được ép thành đường thì sẽ ủng thối, giọt mật hạt đường sẽ thâm sìn và bốc mùi chua loét. Giữ lời hứa với dân, sẽ mua hết số mía dân trồng, ông Tam lặn lội đến các nhà máy bạn, thay dân bán mía. Bán chịu thời nhưng rồi sau đó ông đi vay tiền ngân hàng trả cho dân để giữ chữ *tin*. Chia sẻ chữ *tin* với ông Tam, ông tổng giám đốc ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam Phạm Văn Thực đã xuất vốn cho ông Tam vay. Ông Thực đã nhiều năm làm phó chủ tịch tỉnh Hà Nam Ninh, phụ trách khối nông nghiệp và nông thôn nên ông rất hiểu việc xây dựng một ngành công nghiệp trong nông nghiệp ở một tỉnh còn lạc hậu thuần nông khó khăn đến mức nào. *Chơi* với ông Tam và hiểu đồng đất con người vùng mía Lam Sơn, ông Phạm Văn Thực đã tự nguyện làm thành viên sáng lập của Hiệp hội mía đường Lam Sơn sau đó ít lâu.

Câu chuyện của nhà văn Kiểu Vượng còn kể về cuộc tái sinh của bốn nông trường quốc doanh cột trụ thời bao cấp của tỉnh Thanh Hóa nhờ vào cây mía, về cuộc đổi đời của bao số phận, có kể một thời kiếm ăn gian hồ như anh Cao Thanh Mao, có người hiền lành cục mịch cả đời chưa ra khỏi bản như người nông dân thiếu số ở làng Nguyệt Ấn xa xôi hẻo lánh, về cái nhà máy thứ 2, công suất ép 4000 tấn mía/ngày đang được gấp rút hoàn thành, về hàng trăm km đường rải nhựa, hàng chục ngôi trường mà nhà máy đã xây cho các làng bản trồng mía...

Nghe được nhiều chuyện như thế, chúng tôi mời nhà văn Kiểu Vượng tham gia viết kịch bản phim. Ông vui vẻ chối từ vì ông nói đó không phải là nghề của ông. *Đoàn* cần gì, ông biết gì sẽ cung cấp hết lòng vô tư. Nhà văn Kiểu Vượng nói thế nhưng sau này ông đã rất thành công trong bộ kịch bản phim tài liệu có cái tên mộc mạc *Nguyên liệu* về công ty mía đường Lam Sơn, tác phẩm đã đoạt giải Nhất thể loại phim tài liệu trong cuộc thi kịch bản năm 2009 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.

Những ngày đi thực tế ở vùng Mía đường Lam Sơn, chúng tôi chỉ được gặp ông Tam một lần. Việc tiếp đón, đưa đi *thực tế* có người của nhà máy đảm nhiệm, chỗ nào *quan trọng* thì đích thân phó tổng giám đốc Lê Văn Thanh *tháp tùng*. Tôi còn nhớ bữa cơm vô cùng thân mật mà bà con người dân tộc Mường ở xã Xuân Phú mời chúng tôi và anh Thanh. Có rất nhiều câu chuyện đầy kịch tính được bà con kể lại với tâm trạng xúc động biết ơn đối với nhà máy và không ai là không nhắc đến ông Tam vài ba lần trong lúc kể chuyện. Tư liệu đã tích góp được hòm hòm rồi, *đoàn* ngồi bàn lập đề cương. Chúng tôi đều thấy khó *gói* những hiện thực ở đây vào một bộ phim truyện màn ảnh có độ dài trên dưới 100 phút, vì vậy chúng tôi chuyển sang xây dựng đề cương của một bộ phim truyền hình nhiều tập. Hồi ấy làm phim truyền hình nhiều tập đang ở thời kỳ rón rén thể nghiệm. Dù vậy, chúng tôi cũng mạnh dạn làm đề cương 10 tập phim loại 70 phút/tập. *Lên* xong đề cương, thấy còn thừa quá nhiều chất liệu nên chúng tôi tăng lên thành 15 tập.

Lúc báo cáo với tổng giám đốc Lê Văn Tam về kết quả đợt đi thực tế và chia tay nhà máy đường, tôi nhắc lại với ông câu nói gần chục năm về trước của đạo diễn Hải Ninh: "Dân đã thờ sống anh rồi đấy!", ông Tam cười nói với anh em trong *đoàn*: "Chúng tôi đang chuẩn bị để *thờ* dân đúng với tầm hơn!". Tôi gạn hỏi, ông Tam thân tình nói: "Sắp tới chúng tôi sẽ cổ phần hóa! Rất khó khăn nhưng cũng phải cổ phần hóa để người trồng mía được làm chủ, làm giàu nhiều hơn". Chúng tôi nắm tay ông và chúc nhà máy thành công trong chương trình cổ phần hóa sắp tới.

Bộ kịch bản *Cuộc đời và những chuyến đi*, 15 tập,

vừa có nơi nhận sản xuất thì trong một chuyến công tác ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, tôi được một giám đốc đang nổi danh hồi đó cho biết ông Tam cổ phần hóa là làm ăn kiểu xạo và sắp chết rồi. Tôi bàng hoàng lo lắng, định gọi điện thoại cho ông nhưng rồi lại e ngại. Nếu đúng là ông Tam đang *chết* thật thì bộ phim của chúng tôi cũng sẽ *tơi* theo. Vì nội dung bộ phim là những hiện thực của nhà máy, có thể nói một cách to tát là một mô hình liên minh công - nông kiểu mới, nhân văn chưa có bộ phim nào để cập cả.

Tôi bỏ dở chuyến công tác, học tốc vào Thanh gặp ông Tam. Tôi đi trong lo âu và bí mật, vì không muốn các đồng nghiệp mình nghe chuyện mà hoang mang.

Tôi vào nhà máy đường đứng dịp đang cổ phần hóa. Đó là những ngày *hội*. Tôi đứng khép mình sau cây cột vuông lớn ở giữa sảnh tòa nhà chính của nhà máy đường nhìn một bác nông dân vừa mua xong số cổ phiếu trị giá 350 triệu đồng, cao nhất trong số cổ đông từ người trồng mía. Cánh báo chí vây lấy bác phỏng vấn, bác đỏ mặt xúc động và chỉ nói được mấy từ: "Vui lắm chứ, vì được góp nhiều vốn để làm ăn lớn!". Cuối đợt bán cổ phiếu, tôi nhìn vào bảng thống kê và thật ngạc nhiên trước những con số: 19.449 cổ đông, trong đó có 17.519 cổ đông là người trồng mía, họ đã mua với tổng số tiền là 186,6 tỷ đồng, vượt mức vốn điều lệ quy định ban đầu là hơn 36,6 tỷ đồng.

Tôi lại cũng được chứng kiến cảnh đại hội của 153 đại cổ đông đại biểu cho 19.449 cổ đông. Tôi đặc biệt chú ý đến các ông *đại cổ đông* từ người nông dân trồng mía. Ở họ vẫn còn cái gì đó khấp nẹp e dè của những người nhà quê lần đầu được đăng đàn trong giới *hào kiệt* đang làm cho vùng mía quê hương mỗi ngày thêm giàu có. Song, trên gương mặt lạnh hiễn chân chất của họ đã rạng rỡ niềm tin và sức mạnh. Họ đã bàn bạc và gơ tay biểu quyết xây các nhà máy vệ tinh mới có giá hàng chục triệu USD như nhà máy chế tạo cồn công nghiệp, nhà máy làm phân vi sinh từ bã mía, nhà máy bánh kẹo...

Tôi đến chào tạm biệt ông Tam khi trong phòng ông có một nhóm thanh niên nam nữ là con em nông dân trồng mía được nhà máy cấp kinh phí cho về thủ đô học kinh tế nông nghiệp, học đại học bách khoa. Ông Tam chia bàn tay, tất cả nhóm bạn trẻ cùng đặt tay vào thay cho lời hứa hẹn. Góp vui với ông tôi cũng đặt bàn tay mình vào đó để thay cho lời chúc mừng một thời kỳ làm ăn mới của nhà máy.

Bộ phim truyền hình *Cuộc đời và những chuyến đi* của chúng tôi khi hoàn thành được kéo dài thêm 2 tập nữa, là 17 tập. Nhân vật chính là Vũ Ba nhưng người xem vẫn nhận ra đó là ông Lê Văn Tam. Một lần anh bạn Hoàng Lương đồng hương tỉnh của tôi đi biệt xứ làm ăn bên Nga đã 20 năm bất ngờ gọi fone quốc tế về cho tôi kể rằng anh rất ngưỡng phục ông Lê Văn Tam. Anh đã thu đủ 17 tập phim phát trên kênh truyền hình quốc tế của Đài Truyền hình Việt Nam và nhân bản đem xuống vùng Xverlov ở Xibiri xa xôi, vừa biểu vừa kinh doanh phục vụ bà con mình ở đó hơi *bị* lãi. Anh cứ một hai dặn tôi, khi nào anh về nước, tôi kết nối cho anh được gặp ông Lê Văn Tam, nhân vật Vũ Ba mà anh rất yêu thích.

Tôi gặp lại nguyên mẫu nhân vật của bộ phim *Cuộc đời và những chuyến đi* sau hơn 10 năm xa cách. Ông Tam, thật kỳ lạ, đúng là thật kỳ lạ, vẫn mạnh khỏe, nhanh nhẹn, hồng hào, vẫn nói chuyện rủ rỉ truyền cảm mạch lạc như hơn một thập niên trước đây, trong khi đó thì cơ ngơi mía đường Lam Sơn đã có những tầng trưởng *hoành tráng*: Vùng nguyên liệu đã mở rộng trên diện tích canh tác của 9 huyện, nhà máy đường số 1 công suất ép mía được nâng lên 3000 tấn mía/ ngày, nhà máy số 2 là 8000 tấn/ ngày, Công ty Mía đường Lam Sơn và bản thân ông giám đốc Lê Văn Tam đã được Nhà nước phong danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới từ hơn mười năm trước. Ông Tam đưa tôi đến một cánh đồng mía đang được lắp đặt hệ thống tưới nước tự động bằng những ống nhựa dẻo màu đỏ. Tôi nhận ra cô gái ngày cô đến chào ông Tam để ra Hà Nội học. Cô gái ấy hiện nay đã là một kỹ sư. Cô đang kiểm tra hệ thống lắp đặt ống dẫn nước và máy hút nước. Ông Tam cười thân tình giới thiệu với tôi: Nhân vật bây giờ của các anh là cô gái này.

Tôi bắt tay cô gái và hỏi lời *phỏng vấn* về cuộc sống và công việc hiện tại. Cô vui vẻ trả lời và mở đầu bằng hai từ *Trước hết...*■

HY VỌNG HOÀ BÌNH TỪ MEDELLIN

NGUYỄN PHAN QUẾ MAI

"Tôi vượt qua nửa vòng trái đất
để vị mặn nước mắt Colombia nhuộm đỏ trái tim tôi
Nước mắt của những người đã bị nội chiến cướp
mất đất đai
đang khóc cùng tôi
trong bài thơ về ngôi làng Việt Nam bị bom thiếu
cháy."

Tiếng hát của tôi vượn vào một chiều hè Nam Mỹ rực rỡ, trong tiếng trống dập dồn và tiếng sáo du dương của Filipe Posada và Alvaro Botero Gallego, quyen cùng tiếng Tây Ban Nha vút cao của Ana Isabel. Như một giấc mơ, tôi đang ở thành phố Medellin, Colombia. Và tôi đang cùng các nghệ sĩ của nước chủ nhà trình diễn bài thơ "Màu hoà bình" mà tôi viết tặng cho xứ sở này, để mở màn cho Lễ Bế mạc Liên hoan thơ Medellin lần thứ 23. Trước mặt tôi là những gương mặt thân thương và ánh mắt triu mến của hơn 4.000 khán giả. Đây là lần thứ hai tôi đọc thơ trên sân khấu nhà hát ngoài trời Carlos Vieco – lần thứ nhất cách đây một tuần tại Lễ Khai mạc Liên hoan – và đáng lẽ tôi phải cảm thấy lo lắng, bồn chồn. Nhưng không. Khi tiếng nhạc đan vào lời thơ và ánh hoàng hôn rực lên như đang đốt cháy bầu không khí quanh tôi, tôi cảm thấy mình đang đứng trên mảnh đất quê hương. Tôi cảm thấy mình được trở về nhà, về ngôi nhà của thơ ca, tình yêu, của vẻ đẹp.

TÌNH YÊU TỪ CÁI NHÌN ĐẦU TIÊN

Tôi đặt chân đến Medellin vào đêm khuya ngày 4/7/2013, trong nụ cười triu mến của ban tổ chức Liên hoan, những người đón tôi ở sân bay và ôm hôn tôi như những người anh em. Khi xe của chúng tôi băng qua những con đường ngoằn ngoèo đang choàng tay qua một thung lũng tràn ngập ánh sáng, trái tim tôi bồi hồi, run rẩy. Khó có thể tin được rằng tôi đang thật sự ở Medellin, thành phố lớn thứ hai của đất nước Colombia, thành phố của các loài hoa, chiếc nôi của những tác phẩm điêu khắc khổng lồ của họa sĩ Botero, và ngôi nhà của liên hoan thơ lớn và uy tín nhất thế giới: Liên hoan thơ Quốc tế Medellin.

Đạo quanh Medellin trong những ngày sau đó, bất cứ khi nào rảnh rỗi, tôi được đắm chìm trong vẻ đẹp: vẻ đẹp của những người bán hàng rong khi cắt tia những loại hoa quả thành những tác phẩm nghệ thuật đa sắc màu, vẻ đẹp của những nụ cười và tiếng Tây Ban Nha thánh thót, vẻ đẹp của những rừng núi trùng điệp nhấp nhô bao quanh thành phố, vẻ đẹp của những người bạn Colombia khi họ kể cho tôi nghe những câu chuyện về đau thương và mất mát, về bạo lực, ma túy và nỗi đau.

Đến Colombia, gặp những nạn nhân chiến tranh, tôi mới thực sự thấu hiểu được giá trị của hoà bình. Tôi sẽ không bao giờ quên được sự đau đầu trong giọng nói của nhà thơ Fernando Rendón, giám đốc Liên hoan thơ quốc tế Medellin, khi ông phát biểu trong Lễ khai mạc Liên hoan: "Colombia đang trải qua một trong những bị kịch lớn nhất của nhân loại. Hơn nửa thế kỷ nay, cuộc nội chiến trên đất nước chúng tôi đã làm cho năm triệu người chết, mất tích, bị thương, tàn tật hoặc phải bỏ quê hương bản xứ ra đi. Nội chiến ở Colombia là một trong những cuộc nội chiến dài nhất trong lịch sử nhân loại, ảnh hưởng đến sự ổn định dân chủ của Nam Mỹ."

SỰ DIỆU KỲ CỦA THƠ CA

Trong khi ở nhiều nơi trên thế giới, thơ ca ngày càng bị quên lãng, thì ở Medellin, thơ ca đang đem lại sự biến đổi diệu kỳ. Hai mươi ba năm trước, Medellin bị thống trị bởi sự sợ hãi, khủng bố và hỗn chiến giữa các nhóm tội phạm. Sau 8 giờ tối, thành phố trở thành một bóng ma khi không ai dám ra đường, và những nhóm bán quân sự ngang nhiên áp đặt lệnh giới nghiêm. Lúc đó, để phản đối bạo lực chính trị và trả lại sức sống cho thành phố Medellin, nhà thơ Fernando Rendón, chủ bút tạp chí văn học Prometeo và 12 đồng nghiệp của ông đã khởi xướng ra Liên hoan thơ quốc tế Medellin, nhằm kéo người dân ra đường trở lại, để trả lại sự sống cho thành phố đang được mệnh danh là "trung tâm thuốc phiện của thế giới".

Năm 1991, chỉ với 1.000 USD trong tay, ban tổ chức Liên hoan thơ Quốc tế Medellin đã xoay sở để đưa 13 nhà thơ quốc tế đến đây. Mười tám poster quảng cáo nhỏ dán quanh thành phố đã đưa được lác đác một số người tham gia các buổi đọc thơ. "Lúc đầu, dân chúng ở đây chẳng màng đến thơ ca, họ chỉ lo đến mạng sống của mình..." bà Gloria Chvatal, giám đốc truyền thông của Liên hoan thơ chia sẻ cùng tôi. "Nhưng rồi các năm sau đó, ngày càng có nhiều người đổ ra đường để lắng nghe thơ. Ngày càng nhiều dân chúng vượt qua sự sợ hãi để đến với thơ. Để thơ đến gần hơn với tầng lớp nhân dân, chúng tôi tổ chức các buổi đọc thơ trên đường phố, công viên, trong bảo tàng, nhà sinh hoạt chung của các khu dân cư. Thơ vang lên tại các nhà hát, thư viện, trường học, đường phố, trung tâm văn hoá, nhà hàng, trung tâm mua sắm, ga tàu điện ngầm, nhà máy, nhà thờ, và cả ở những nhà tù. Người ta kéo ra đường nghe thơ ngày càng nhiều mỗi dịp Liên hoan tới, và nhịp sống của Medellin đã dần dần trở lại."

Giờ đây, sau 23 năm, Liên hoan thơ quốc tế Medellin đã trở thành Liên hoan thơ lớn nhất thế giới, trở thành biểu tượng của thành phố Medellin, và thu hút sự tham gia của hơn 100.000 người vào mỗi dịp Liên hoan. Qua 23 năm, 1.200 nhà thơ từ 160 quốc gia đã đến Medellin chia sẻ những câu chuyện về tình yêu, giấc mơ và hoà bình từ đất nước họ. Vào mỗi Liên hoan, 145 sự kiện thơ ca được tổ chức ở trung tâm thành phố và vùng ven của Medellin trong suốt một tuần. Và kỳ diệu thay, từ trung tâm thuốc phiện của thế giới, Medellin đã trở thành trung tâm thi ca thế giới. Thơ ca đang trở thành một trong những công cụ đặc biệt trong việc trả lại sự yên bình cho Colombia: trong bối cảnh chính phủ đang nỗ lực thực hiện các đối thoại hoà bình với các lực lượng du kích và bán quân sự, Liên hoan thơ Quốc tế Medellin 2013 có sứ mạng chuyển tải các thông điệp hoà bình và kêu gọi các bên ngừng bắn.

LỜI THƠ VIỆT Ở MEDELLIN

Khi nhà thơ Fernando Rendón gặp tôi lần đầu tiên, ông mở vòng tay đón tôi với nụ cười hiền triu mến như một người cha. Rồi ông vội vã hỏi: "Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Quang Thiều khoe chữ?" Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, người giới thiệu thơ tôi với Liên hoan, cũng chính là nhà thơ Việt Nam tham gia Liên hoan bốn năm về trước và để lại ấn tượng vô cùng sâu đậm trong lòng công chúng yêu thơ. Qua câu chuyện với nhà thơ Fernando Rendón hôm đó, và với một số

người yêu thơ ở Medellin những ngày hôm sau, tôi thật tự hào khi biết rằng rất nhiều người vẫn còn nhớ đến các bài thơ mà hai nhà thơ Việt Nam (Nguyễn Quang Thiều và Nguyễn Bảo Chân) đã từng đọc trong các dịp Liên hoan từ nhiều năm trước.

Trước khi tôi lên đường, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều nói rằng ông đã có buổi đọc thơ đặc biệt nhất ở Medellin: khi ông đứng trên sân khấu Nhà hát ngoài trời Carlos Vieco, trời đang đổ mưa to, rất to. Nhưng trước mặt ông, hàng ngàn người vẫn ngồi đó, những chiếc ô đủ các sắc màu xoè trên đầu họ như những bông hoa. Họ ngồi dưới mưa hàng giờ liền để lắng nghe thơ. Đôi mắt của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều ánh lên sự xúc động sâu sắc khi ông tả cho tôi về không khí diệu kỳ của buổi đọc thơ trong mưa hôm đó.

Nhưng chỉ khi đứng ở Carlos Vieco để đọc thơ trong Lễ Khai mạc với sự tham gia của 12 nhà thơ và được truyền hình trực tiếp, tôi mới chạm đến sự xúc động mà nhà thơ Nguyễn Quang Thiều đã từng trải qua: trước mặt tôi, một biển người đang hướng về sân khấu. Họ ở lên khi tôi chào họ bằng những câu Tây Ban Nha vụng về mà tôi vừa học được, rồi vỗ tay vang dội khi tôi nói về những vẻ đẹp chung của Colombia và Việt Nam. Trong tà áo dài truyền thống, tôi cảm thấy thật thiêng liêng khi tiếng Việt cất lên tiếng hát từ lồng ngực của tôi, tiếng hát kêu gọi hoà bình, tình yêu và sự đoàn kết dân tộc. Càng về đêm, trời Medellin càng lạnh và gió hun hút thổi, nhưng một hơi ấm diệu kỳ đang ngập tràn quanh tôi: hơi ấm của những vòng tay khán giả khi họ tìm đến gặp tôi, ôm chàng lấy tôi với một sự sẻ chia không thể diễn tả bằng lời.

Trước khi đến Medellin, tôi vẫn luôn tin rằng thơ ca có sức mạnh đặc biệt trong việc bắc nhịp cầu hữu nghị giữa các quốc gia và truyền nghị lực cho con người trong những giây phút khốn cùng nhất. Tôi đã có may mắn chứng kiến sức mạnh đó trong buổi đọc thơ vào ngày thứ hai của Liên hoan, cho một nhóm người mất nhà cửa vì nội chiến của Colombia.

Vào ngày 7/7, khi mặt trời bùng những tia nắng đầu tiên, tôi cùng nhà thơ Álvaro Marín (Colombia) và nhà thơ Josaphat Robert Large (Haiti) bước lên một chiếc xe buýt sắc sỡ mà người Medellin vẫn thường dùng để đi lại. Sau 1,5 giờ băng qua những con đường nhỏ vắt mình quanh triền núi cao chói vọt, chúng tôi đến một đỉnh núi nhìn xuống thung lũng áp nặng của Medellin. Trước mặt tôi là Trung tâm văn hoá của khu tái định cư La Cruz và La Honda. Một đám đông những người lớn tuổi, thanh niên và trẻ em đang xếp những dây ghế,



Nhà thơ Nguyễn Phan Quế Mai đọc thơ tại Liên hoan thơ Medellin

TẢN VĂN

HÃY ĐỂ THƠ TÔI BƯỚC RA KHỎI NGÔI LÀNG CỦA MÌNH

HOÀNG VŨ THUẬT

LÀNG tôi là một ngôi làng rất nhỏ nằm bên con đường số Một của nước tôi. Ngôi làng có tên Thạch Xá Hạ, tỉnh Quảng Bình. Nhưng nó là tên một ngôi làng ở Hà Tây. Ông cha từ thuở mang gươm đi mở nước đã lập nên, công tên làng mang theo mà có đến ngày nay. Làng chúng tôi gánh trên vai bao cuộc chiến hết đời này, qua đời khác, suốt gần bảy trăm năm.

Tôi làm thơ, bắt đầu nơi ngôi làng đó. Chẳng lẽ thơ tôi cứ đóng khung như cửa làng khép kín, không bước ra khỏi nó, để đến với các nước khác mà bạn là đại diện đang ngồi tại đây, hôm nay? Và, chẳng lẽ thơ của các bạn không thể đến được ngôi làng chúng tôi, để mỗi người dân chúng tôi được thưởng thức? Chẳng lẽ bạn và tôi không được hưởng thứ sản phẩm tâm hồn của nhau, thì làm sao cứu rỗi được bao nhiêu làng quê khác?

Quảng bá, hội nhập, giao lưu đó là những ngôn từ chúng ta thường nói với nhau nơi cửa miệng, hoặc trên giấy tờ. Thành ngữ Việt Nam có câu *Đèn nhà ai, nhà ấy rạng*. Câu thành ngữ ấy, phải chăng là định mệnh, hay là thói an phận thụ hưởng của một dân tộc. Nó là vật cản, ngáng chân vô hình, đến nỗi không nhìn, hoặc không muốn nhìn ra nơi khác nữa.

Nhân loại ngày nay đã khác, nếu không có sự kết nối, thống nhất thành một khối thì chuyện gì sẽ xảy ra. Chiến tranh hiện đại, môi trường, sự hiểu biết, đói nghèo, y tế... mỗi quốc gia không thể tự giải quyết được. Thơ cũng vậy, vì nó là thứ sản phẩm, loại hình đặc biệt, không có gì thay thế được, đó là sản phẩm tối thượng của đời sống tinh thần, không thể đóng khung biệt lập, đơn lẻ. Hơn nữa, ở Việt Nam, thơ đương đại chịu một số phận hết sức cay đắng và trái ngược. Một thời gian khá dài, hai mươi năm liền, đất nước bị chia đôi. Dòng văn học một quốc gia bỗng dưng bị xẻ nửa, với hai tư tưởng, hai quan niệm, hai ý thức hệ khác nhau. Và, ít nhiều chúng ta đã bỏ rơi nhau, không công nhận lẫn nhau, ví như cánh cửa của ngôi làng tôi đóng chặt vậy. Trong hoàn cảnh đó văn học ở thế hẫng hụt, không toàn vẹn chút nào.

Vậy thì quảng bá văn học Việt Nam bây giờ, trước hết, chúng ta phải nhìn nhận một cách khoa học các giá trị của văn học người Việt, dù đang ở đâu, vào một thời điểm nào. Thơ có sức sống, sức mạnh kỳ diệu của nó. Thơ nằm ngoài các yếu tố địa lý, tôn giáo, sắc tộc, và là sản phẩm chung của nhân loại, đúng như lời của nhà bác học Lê Quý Đôn: "Thơ là chung của thiên hạ".

Với suy nghĩ ấy, tôi luôn hy vọng, tương lai rất gần, thơ từ ngôi làng của tôi sẽ đến các ngôi làng của bạn trên thế giới, và thơ của các bạn sẽ đến ngôi làng Việt Nam của tôi. ■

chuẩn bị cho buổi đọc thơ của chúng tôi. Những đứa trẻ hồn nhiên kéo tôi ra khỏi toà nhà, về phía một khu đất rộng nơi khói bếp đang thả mình bay trên ba chiếc nồi khổng lồ. Ở đó, những người phụ nữ đón hậu đang nấu những món ăn đặc biệt của xứ sở này để thiết đãi các nhà thơ phương xa – và cả những người đến nghe thơ. Họ trao tay tôi một cốc cà phê thơm ngậy lừng danh của xứ sở Colombia và kể cho tôi nghe về những dòng đạn từ những chiếc trực thăng đã ào xuống những bản làng bình yên của họ thế nào, những dòng đạn đã giết chết biết bao người thân của họ và khiến họ phải bỏ chạy đến nơi khác. Giờ đây, mảnh đất của tổ tiên họ đang bị những nhóm du kích chiếm giữ, và không biết bao giờ họ mới có thể trở lại quê hương. Họ - những người nông dân - đã phải từ bỏ ruộng đồng và đến triển núi này để ở. Không có gì trong tay, họ phải gây dựng cuộc sống từ đầu. Họ phải bươn chải hàng ngày với đủ công việc lao động chân tay để kiếm sống: nhặt rác, quét dọn, bán hàng rong. Họ chỉ cho tôi xem những ngôi nhà đơn sơ của họ đang bám vào triển núi, những ngôi nhà đang dần được bao phủ bởi mầm xanh mát dịu của cỏ, rau và cây cối... Hôm đó, đọc thơ cho những người dân ở khu tái định cư La Cruz và La Honda, những bài thơ viết về những nạn nhân chiến tranh, những bài thơ về vẻ đẹp của những người bán hàng rong, những người nhặt rác, người làm vườn và những người lao động chân tay, tôi cảm thấy mình đang chạm đến giá trị đích thực của thơ ca. Tôi cảm thấy mình đang đọc thơ cho những nhân vật trong những bài thơ mà tôi đã viết. Thơ ca giúp tôi hiểu được sự chân thành trong những giọt nước mắt của khán giả, và tôi không ngại ngần khi khóc cùng họ: nước mắt về nỗi đau khi phải rời bỏ quê hương, nước mắt về hy vọng và cho những đứa trẻ đến nhem đang vây lấy chúng tôi. Nước mắt họ và nước mắt của tôi hoà vào nhau khi tôi đọc cho họ nghe những bài thơ tôi viết về ngôi làng của tổ tiên tôi, về lòng quả cảm vượt qua nỗi đau của người Việt Nam sau chiến tranh. Những sự sẻ chia, những cái ôm chặt của họ cho tôi biết rằng thơ ca đang tiếp cho họ sức mạnh, rằng họ không lẻ loi trong cuộc chiến vượt lên số phận...

Một trong những sự kiện để lại ấn tượng sâu sắc trong tôi là buổi đọc thơ tại thư viện Piloto. Trong một buổi tối được dành riêng cho thơ ca châu Á, tôi bước lên xe cùng các nhà thơ Satchidanandan (Ấn Độ), Marra Lanot (Philippines), Jamshid Moshkani (Iran) và Sainkho Namtchylak (Tuva - Cộng hòa Liên bang Nga). Khi đến hội trường thư viện, tất cả chúng tôi đều thắng thốt khi thời gian còn khá sớm mà gần 300 chiếc ghế trong khán phòng đã gần như kín chỗ. Càng sát giờ đọc thơ, số người đến càng nhiều, họ ngồi bệt ở hành lang, các lối đi lại, ở trước sân khấu. Phấn còn lại đứng ở ngoài cửa. Có quá nhiều người phải đứng bên ngoài cho đến nỗi chúng tôi phải mời họ lên sân khấu và ngồi xung quanh bàn của chúng tôi. Không khí ở buổi đọc thơ ấy thật thân tình và ấm áp, đầy ắp sự tĩnh lặng, những tiếng cười và những tiếng vỗ tay. Tôi sẽ nhớ mãi sự xúc động trong khán phòng khi chúng tôi cùng lắng nghe những bài thơ của Satchidanandan về tình yêu gia đình, của Marra Lanot về nữ quyền, của Jamshid Moshkani về xung đột sắc tộc. Và như một món quà đặc biệt, sau phần đọc thơ của tôi, nhà thơ Sainkho Namtchylak đã rút từ túi áo một chiếc kèn môi Việt Nam. Chỉ vừa thổi chiếc kèn ấy, vừa hát bằng tiếng Nga. Sau buổi đọc thơ hôm đó, khán giả vây kín lấy chúng tôi hàng giờ liền, kiên nhẫn đợi từng chữ ký của từng tác giả lên *Kỷ yếu Liên hoan* - một quyển sách có ảnh, tiểu sử và những bài thơ của các tác giả tham dự Liên hoan mà ban tổ chức đã dày công biên soạn, chuyển ngữ và in ấn.

Trong buổi đọc thơ và trò chuyện về thơ được tổ chức tại khán phòng của Ủy ban Thương mại Medellin vào ngày 7/11, tôi ngạc nhiên khi nhận ra rằng có một nhóm bạn đọc đã theo chân tôi trong suốt các buổi đọc thơ. Và giờ đây, họ đặt cho tôi thật nhiều câu hỏi về Việt Nam, văn học và văn hóa Việt Nam. Họ tỏ lòng ngưỡng mộ Việt Nam đã vượt qua biết bao cuộc xâm lược của ngoại bang để xây dựng hòa bình dân tộc. Thật vinh dự khi tôi có dịp sẽ chia tình yêu của mình dành cho Việt Nam, cho tiếng Việt và văn hóa, lịch sử của đất nước mình ở một nơi thật xa Tổ quốc. Vào cuối buổi tối hôm đó, tôi lặng đi khi nhận được những món quà do những bạn yêu thơ trao tặng: những chiếc vòng cổ, vòng tay truyền thống của Colombia, những thỏi kẹo sô cô la ngọt lịm có nhân là những hạt cà phê giòn tan, một chiếc túi xách bằng da và cả những bức họa tự vẽ. Giờ đây, những món quà ấy đang nằm trên bàn viết của tôi. Chúng nhắc nhở tôi từng ngày, từng giờ về sự kỳ diệu của thơ ca, và về trách nhiệm của người cầm bút.

MỘT LIÊN HOAN THƠ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Liên hoan thơ quốc tế Medellin đang làm được một điều thật kỳ diệu: đem thơ ca đến cho những người nghèo nhất, khó khăn nhất ở Medellin - những người thường không có điều kiện tham dự các sự kiện nghệ thuật. Trong khi tôi có cơ hội đọc thơ cho các nạn nhân chiến tranh và bạo lực, nhà thơ Áo, Ingrid Fichtner, nói với tôi rằng chị cảm thấy thật vui khi được chia sẻ các

bài thơ của mình với dân cư tại một khu ổ chuột. "Chỉ có ở Medellin, tôi mới thấy có cả những con chó hoang lang thang vào buổi đọc thơ, nhưng chẳng ai màng đến chúng, vì ai cũng chăm chú nghe thơ," Ingrid vừa cười vừa kể với tôi như thế.

Đến Medellin, tôi mới hiểu người dân Medellin trân trọng thơ ca, trân trọng những phút giây bình yên đến mức nào. Hàng loạt các sự kiện thơ ca mà tôi tham gia ở trung tâm thành phố hay các khu dân cư xa xôi nằm vắt mình trên các triển núi cao hẻo lánh đều có sự tham dự của rất đông khán giả. Họ đến vì muốn nghe những câu chuyện của các quốc gia khác, để lắng nghe thông điệp và nhạc điệu của các bài thơ. Một khán giả mà tôi đã gặp - một người có cha vừa bị mafia bắn chết, và chú của anh cũng bị phiến quân giết hại - nói với tôi rằng, anh tìm đến Liên hoan để lắng nghe thơ, để bỏ lại sau lưng mọi sự đau buồn, để đắm chìm trong sự tĩnh lặng của thơ.

Liên hoan thơ quốc tế Medellin "đã cho thế giới thấy rằng sự sáng tạo, vẻ đẹp, tự do ngôn luận và sức mạnh cộng đồng có thể đơm chồi nảy lộc trên sự sợ hãi sâu thẳm nhất và bạo lực khủng khiếp nhất để rồi khuấy phục được chính những sợ hãi và bạo lực đó," tiến sĩ Julianne Kronen chia sẻ cùng tôi. Năm 2006, bà là một trong những người đã trao tặng giải thưởng Right Livelihood cho Liên hoan thơ quốc tế Medellin. Giải thưởng danh giá này được coi như phiên bản khác của giải thưởng Nobel, và cũng được trao tại Stockholm, Thụy Điển.

Qua 23 năm, Liên hoan thơ Quốc tế Medellin giờ đây không chỉ dừng lại ở các hoạt động giao lưu thơ ca mà giúp các nạn nhân bạo lực cất lên tiếng nói của mình qua hàng loạt các lớp học về thơ. Ngôi trường Thơ ca (Poetry School), một phần của Liên hoan thơ, giờ đây đã tiếp cận và tổ chức các lớp học về thơ cho hàng trăm trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Trẻ em trên khắp Medellin đang cất lên tiếng hát kêu gọi hoà bình trong các bài thơ, và cùng đọc thơ trong các sự kiện thơ thiếu nhi được tổ chức vào các dịp Liên hoan. Tham dự các buổi đọc thơ đó, tôi hiểu tại sao Liên hoan thơ Quốc tế Medellin đang được xem là một dự án kiểu mẫu trong việc dùng nghệ thuật để xây dựng những giá trị nhân văn, để xóa bỏ phân biệt giai cấp, và để nâng cao quyền con người. Nhưng cũng ở Medellin, những người tổ chức Liên hoan thơ mới gặp phải những rủi ro và khó khăn to lớn đến thế. Gây dựng ra Liên hoan để phản kháng lại bạo lực và sự hoành hành của các nhóm tội

phạm, ban tổ chức Liên hoan đã phải đối mặt với những lời đe dọa tính mạng, đến các vụ tấn công vào văn phòng trụ sở của Liên hoan. Nhưng dù thế, nhà thơ Fernando Rendon và các đồng nghiệp của ông vẫn đang kiên trì theo đuổi mục đích của mình: đem hoà bình và bình yên về lại với đất nước Columbia qua thi ca và giao lưu văn hoá giữa các quốc gia.

Đến Medellin, tôi cảm phục biết bao trước tinh thần làm việc hăm hở, không ngừng nghỉ của từng thành viên ban tổ chức cũng như đội ngũ cộng tác viên và tình nguyện viên. 145 sự kiện được tổ chức đồng thời ở 145 địa điểm khác nhau đã diễn ra tốt đẹp, với chất lượng cao, nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo công chúng. Ở bất cứ sự kiện nào cũng có những phiên dịch viên giỏi sẵn sàng túc trực, và những nhà thơ nhận được sự hậu thuẫn một cách tốt nhất. Mỗi nhà thơ có 20 bài thơ được dịch sang tiếng Tây Ban Nha rất nghiêm túc và cẩn trọng. Trong toàn bộ thời gian diễn ra Liên hoan, mỗi chúng tôi được bố trí một người đọc riêng. Nhiệm vụ của người ấy là theo chân nhà thơ đến khắp các sự kiện và trình bày các bài thơ đó bằng tiếng Tây Ban Nha. Sự chuyên nghiệp của Liên hoan Thơ Quốc tế Medellin đang nhận được sự đền bù xứng đáng. Mỗi dịp Liên hoan, các sự kiện luôn đầy ắp khán giả - những người nghe thơ trung thành từ nhiều năm nay. Thêm vào đó, Liên hoan cũng đã nhận được nhiều giải thưởng quốc tế danh giá và sự tài trợ của nhiều tổ chức quốc tế bao gồm các đại sứ quán và các quỹ văn hóa quốc tế.

HY VỌNG HÒA BÌNH TỪ MEDELLIN

"Colombia ơi, từ Việt Nam tôi ulla vào vòng tay của bạn để nhận ra màu hòa bình là màu tiếng hát của trẻ em đang thành thót trên đất nước Colombia."

Khi những dòng cuối cùng trong bài thơ *Màu hòa bình* của tôi vang lên tại Lễ bế mạc Liên hoan thơ Quốc tế Medellin lần thứ 23, lòng tôi chợt trĩu nặng, vì tôi sắp phải nói lời tạm biệt Colombia. Nhưng tôi tin rằng mình sẽ trở lại, trở lại vào ngày nội chiến của Colombia kết thúc, trở lại để nhìn thấy những nụ cười nở bung như thơ trên khuôn mặt của những người dân hiền lành chân chất. Rồi Medellin, tôi đem theo những cái ôm thật chặt của những đứa trẻ tại khu tái định cư La Cruz khi chúng tôi thăm vào tại tôi rằng chúng yêu tôi. Tôi sẽ đem theo nước mắt, nụ cười của Medellin để tôi sống tốt hơn, để ngôi bút của tôi mọc rễ vào cuộc sống này, để khát vọng hòa bình của Colombia lan tỏa. ■

HỘI NGHỊ BÀN TRÒN “VAI TRÒ CÁC NHÀ VĂN Á-PHI TRONG THỜI ĐẠI TOÀN CẦU HÓA”

THƯA nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, ông từng nói với bạn bè rằng mình có duyên với Hội Nhà văn Á-Phi?

Chắc vậy. Lẽ ra, chuyến đi dự Đại hội tái thành lập Hội Nhà văn Á-Phi, tại Cairo–Ai Cập vào tháng 12 năm ngoái có nhà thơ Hữu Thỉnh. Nhưng một ngày trước khi đi, nhà thơ Hữu Thỉnh có việc đột xuất phải ở nhà. Tôi hầu như đi nước ngoài một mình quen rồi nên chẳng có gì phải băn khoăn, nhưng chuyến đi này mang ý nghĩa khác, nên khi nhà thơ Hữu Thỉnh không đi được thì tôi cũng quyết định ở lại. Nhưng nhà thơ Hữu Thỉnh yêu cầu tôi phải đi vì ông muốn có sự hiện diện của nhà văn Việt Nam tại Đại hội này. Hội Nhà văn Á-Phi được thành lập năm 1957, đó cũng là năm thành lập Hội Nhà văn Việt Nam và là năm tôi chào đời ở một làng quê nghèo bên sông Đáy. Tôi nghĩ vui vui rằng số mình đã định là phải gắn vào hai cái hội này, cho dù muốn hay không, hay hoặc dở, vui hay buồn.

- Tạp chí Hoa Sen và Giải thưởng sẽ hoạt động như thế nào thưa ông?

Tạp chí Hoa Sen sẽ xuất bản một năm 2 số, bằng ba thứ tiếng: Anh, Pháp và Ả Rập. Tiếng Anh chủ yếu dành cho các nước ở châu Á đọc, tiếng Pháp dành cho các nước châu Phi, còn tiếng Ả Rập dành cho khối các nước Ả Rập. Chúng tôi cũng đề nghị các nước thành viên, có ít người đọc được bằng ba thứ tiếng đó tiến hành dịch và in lại bằng tiếng của quốc gia họ. Tạp chí sẽ in những tác phẩm văn học đương đại về văn xuôi, thơ ca, lý luận phê bình của hai châu lục. Bên cạnh đó sẽ có một giải thưởng văn học Á-Phi, 3 năm trao một lần. Dự định sẽ mang tên là Giải thưởng văn học Hoa Sen. Đây sẽ là một giải thưởng văn học uy tín của hai châu lục, chứ không phải mang tính phong trào. Ban giám khảo là các nhà văn, nhà thơ có uy tín của hai châu lục cộng với các nhà văn, nhà thơ danh tiếng của các châu lục khác được mời cùng tham gia. Để làm sao, Giải thưởng văn học Á-

thường văn học sẽ gợi mở nhắc nhở thế giới về những nền văn học rất nhiều giá trị của hiện thực, của văn hoá trong tác phẩm của các nước rất nhỏ về mặt kinh tế, quân sự, chính trị.

- Theo ông đặc điểm của văn học Á-Phi là gì?

Theo ý kiến cá nhân của tôi nó có mấy đặc điểm như sau: Những số phận của các dân tộc Á-Phi trong thế kỉ 20 và thế kỉ 21 này đang chứa đựng những điều rất đặc biệt. Đôi khi cái sự yên bình quá, cái sự bằng phẳng quá, sự già nua của châu Âu và châu Mỹ nó ít mang lại tính bất ngờ trong tác phẩm văn học của họ. Mặc dù họ có những giá trị tư tưởng rất là đồ sộ nhưng không chứa đựng sự bất ngờ của ngôn ngữ, bất ngờ của trí tuệ, bất ngờ của trí tưởng tượng, bất ngờ của bối cảnh sống và nhiều điều khác nữa trong văn học. Một số các nhà nghiên cứu văn học Mỹ và châu Âu cũng đã từng nói đến điều này. Họ cho rằng thời hoàng kim văn học châu



BIÊN GIỚI VĂN HOÁ SỰ SỐNG CÒN CHO SÁNG TẠO

Hội Nhà văn Á-Phi được thành lập từ năm 1957. Đến năm 1987, Hội ngừng hoạt động do hệ thống Đông Âu và Liên Xô sụp đổ. Hai mươi bốn năm sau, Tổ chức nhân dân đoàn kết Á-Phi hiện có trụ sở tại Cairo, Ai Cập mà Hội Nhà văn Á-Phi trước đó là một thành viên quan trọng, muốn tái thành lập Hội Nhà văn Á-Phi. Vì thế, họ tiến hành Đại hội với các nhà văn đến từ hơn 50 nước châu Á và châu Phi. Đại diện Hội Nhà văn Việt Nam có nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, Phó chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam tham dự và được đại hội bầu làm Phó tổng thư kí thứ nhất Hội Nhà văn Á-Phi. Nhân kỉ họp Ban chấp hành lần thứ nhất của Hội Nhà văn Á-Phi, sau khi tái thành lập, diễn ra cuối tháng 8/2013 tại Việt Nam, phóng viên báo Văn nghệ có cuộc trao đổi ngắn với nhà thơ Nguyễn Quang Thiều về một số nét của Hội Nhà văn Á-Phi cũng như nền văn học Á-Phi, trước thềm kỉ họp này.

- Và đến bây giờ ông là phó của cả hai Hội đó (Phó chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Phó tổng thư kí Hội nhà văn Á-Phi).

(cười) Không biết đó có phải duyên phận không nhỉ?

- Hình như, đây không phải lần đầu tiên Ban chấp hành Hội Nhà văn Á-Phi họp tại Việt Nam?

Đúng thế. Tôi nhớ năm 1983, Ban chấp hành Hội Nhà văn Á-Phi họp ở Việt Nam và tôi được mời làm phiên dịch cho đoàn nhà văn Zimbabwe và Zambia. Ngày ấy, ngân sách hoạt động của Hội Nhà văn Á-Phi hầu như là từ Liên Xô. Chẳng thế mà Ban chấp hành Hội Nhà văn Á-Phi đến Việt Nam họp đi bằng một chuyên cơ của Liên Xô.

- Để tìm được một “mạnh thường quân” cho Hội Nhà văn Á-Phi, giống như Liên Xô trước kia, xem ra không phải dễ?

Tài chính luôn là vấn đề thiết yếu hàng đầu. Nghe nói bây giờ cũng có quốc gia muốn đứng vào vị trí như Liên Xô trước kia nhưng những người Ai-cập đã từ chối.

- Cơ cấu bộ máy của Hội Nhà văn Á-Phi, sau khi tái thành lập, như thế nào thưa ông?

Chủ tịch là một nhà văn Ấn Độ, như là đại diện tinh thần của Hội. Ban lãnh đạo để điều hành hoạt động của Hội trong nhiệm kì 3 năm, gồm: Tổng thư kí là một nhà văn Ai Cập, Phó tổng thư kí thứ nhất là tôi, hai chức Phó tổng thư kí còn lại thuộc về các nhà văn của Giordani phụ trách khu vực châu Á và Uganda phụ trách khu vực châu Phi. Bên cạnh đó còn có các uỷ ban: Xuất bản, Văn học trẻ, Giáo dục, Truyền thông, Tài chính, Đối ngoại... mỗi uỷ ban do một quốc gia điều hành. Trụ sở hoạt động của Hội Nhà văn Á-Phi được đặt tại Cai rô, Ai Cập.

- Ông có thể cho biết nội dung hoạt động chính Hội nghị Ban chấp hành lần thứ nhất của Hội Nhà văn Á-Phi họp tại Việt Nam là gì?

Hội nghị Ban chấp hành lần này chủ yếu bàn về phương hướng hoạt động bộ máy của Hội trong thời gian tới, mở rộng giao lưu, hiểu biết giữa các nền văn học trong khối. Nhiệm kì đầu tiên của Hội được xem là rất khó khăn, vì ban lãnh đạo mới phải khởi động toàn bộ khi trong tay chưa có gì cả, từ tài chính đến các mối quan hệ... rất cần cho việc tổ chức đại hội, họp hành, giải thưởng, xuất bản... và đặc biệt là xuất bản tạp chí Hoa Sen.

Phi sẽ hấp dẫn các nhà xuất bản trên thế giới, và cũng là một trong những giải thưởng văn học hấp dẫn nhất trên thế giới đối với công chúng.

- Ngoài việc tái xuất bản tạp chí Hoa Sen và Giải thưởng văn học Á-Phi, Ban chấp hành cô bản đến những hoạt động văn học quan trọng nào nữa không, thưa ông?

Chúng tôi sẽ bàn đến một sự kiện cũng khá quan trọng khác, đó là tổ chức ngày hội của các nhà văn trẻ của hai châu lục. Đại diện các nhà văn trẻ các nước sẽ cất tiếng nói về dân tộc họ, quốc gia họ, hay châu lục của họ trước các vấn đề đang phải đối đầu. Hay cũng có thể là những dự báo, dự cảm của họ về tương lai đối với châu lục, đất nước họ, cũng như về văn hoá, văn học và nhiều vấn đề khác.

- Việc thành lập Hội Nhà văn Á-Phi sẽ có tác dụng gì thưa ông?

Khi mà Tổ chức nhân dân đoàn kết Á-Phi không còn phù hợp nhiều lắm, không còn có tiếng nói mạnh mẽ, thuyết phục với thế giới thì việc kết nối con người đến với nhau, hiểu biết nhau, sống hoà bình cùng nhau một cách hiệu quả nhất đó chính là văn học nói riêng và văn hoá nói chung. Chính vì vậy mà Tổ chức nhân dân đoàn kết Á-Phi quyết định tái thành lập Hội Nhà văn Á-Phi, xem nó như là hoạt động trọng tâm của tổ chức này.

Càng ngày, sự bùng nổ của kinh tế thị trường, và cả những sự bùng nổ, xung đột khác thì nguy cơ các nước nhỏ bé, các nước chậm phát triển dễ bị chìm đắm, không có khả năng xuất hiện. Vì vậy, việc thành lập Hội Nhà văn Á-Phi sẽ góp phần tạo ra diện mạo của họ trên thế giới, bằng văn học. Nó giúp chống lại sự lãng quên đối với bản sắc của nền văn hoá, văn học dân tộc họ. Hiện nay thế giới nhìn nhận chưa được đúng mức, chưa được công bằng về những giá trị văn học nói riêng và nghệ thuật cũng như văn hoá nói chung của các nước ở hai châu lục này. Đôi khi chúng ta cảm giác sự lấn lướt của châu Âu và châu Mỹ mạnh mẽ hơn châu Á và châu Phi. Trong đại hội lần thứ nhất các nhà văn của hai châu lục đều khẳng định rằng văn học của châu Á và châu Phi chứa đựng những yếu tố rất bất ngờ. Bởi vì sự khai thác tất cả những gì thuộc về văn hoá hay số phận của hai châu lục này trước hết nó sẽ kết nối, giao lưu các nền văn học trong khối lại với nhau, đồng thời qua giải

Ấu đã qua, có người còn cho rằng văn học châu Âu như là sự buồn tẻ, văn học châu Mỹ La tinh thì đã thăng hoa hết rồi. Bây giờ văn học thế giới đang chờ đợi ở những khu vực mà lâu nay người ta không để ý đến, những vùng đất vẫn còn đầy lớp sương mù của những điều bí ẩn với những sự huyền diệu khác. Theo các nhà nghiên cứu văn học trên thế giới thì ở các nước châu Phi và châu Á là những vùng đất chứa đầy những mỏ quặng của một nền văn chương mới để chúng ta bắt đầu khai thác. Chúng ta cứ nhìn lại lịch sử của các nước châu Phi, châu Á mà xem, có biết bao biến động. Những nền văn hoá ở hai châu lục luôn có sự khác biệt, đặc biệt, khác thường một cách rõ nét về đời sống, về ngôn ngữ, về âm nhạc, về những di sản dân gian, về tôn giáo, những bi kịch đời sống, bi kịch chính trị... tất cả đã mang lại nguồn năng lượng rất cần thiết cho sự bùng nổ và sáng tạo trong văn học.

- Theo ông thì tiếng nói của văn học Á-Phi ngày hôm nay sẽ khác trước (trước khi giải thể) như thế nào?

Theo tôi, trước kia các dân tộc của châu Á châu Phi hầu hết đều trải qua sự xâm lược, trở thành thuộc địa của các đế quốc trong thời gian rất dài. Chính vì vậy tiếng nói của các nhà văn Á-Phi thời đó chủ yếu nói lên khát vọng giải phóng dân tộc. Nhưng đến bây giờ, đã sang một giai đoạn khác, các nước thuộc địa đều trở thành quốc gia độc lập, kinh tế phát triển, chính vì vậy văn học sẽ có một nghĩa vụ khác. Nó sẽ kêu gọi bảo vệ bản sắc của mỗi dân tộc và mang lại những giá trị mới cho nền văn học thế giới. Đây cũng chính là nội dung của cuộc hội thảo: “Vai trò của nhà văn Á-Phi trong thời đại toàn cầu hoá” được tổ chức trong dịp họp Ban chấp hành tại Việt Nam lần này. Toàn cầu hoá nó tạo cho thế giới đời sống khác hoàn toàn, nó thay đổi thế giới một cách ghê gớm khi biên giới về chính trị, biên giới về kinh tế... bị xoá bỏ, nhưng nó cũng có nguy cơ làm xoá nhoà đi cái biên giới về văn hoá. Mà văn hoá lại rất cần có biên giới như là tính đặc trưng của nó, tạo ra sự đa sắc tộc đa văn hoá, nó là sự sống còn của sáng tạo.

- Xin cảm ơn ông về cuộc trò chuyện này. Chúc ban lãnh đạo Hội nhà văn Á-Phi sẽ có được những kết quả tốt đẹp trong nhiệm kì đầu tiên, đầy bộn bề và khó khăn, của mình.

TUỆ ĐỨC thực hiện

CÁC NHÀ VĂN LÀ NGƯỜI SÁNG TẠO MỘT TOÀN CẦU HÓA CỦA VĂN HÓA

NGUYỄN CHÍ HOAN

Hai nhà văn đồng chủ tọa dẫn dắt cuộc Hội nghị hôm 26-8-2013 tại trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam ở Hà Nội - nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, và nhà văn, nhà viết kịch Mohamed Salmawy, Tổng Thư ký Hội Nhà văn Á - Phi, Chủ tịch Hội Nhà văn Ai-cập - cùng chia sẻ một ý tưởng chủ đạo về toàn cầu hóa. Trình bày một tham luận ngắn súc tích ngay sau diễn từ mở màn Hội nghị của vị chủ nhà Hữu Thỉnh, ông M.Salmawy nói ông tán đồng vấn đề chủ yếu về toàn cầu hóa mà nhà thơ Hữu Thỉnh vừa nêu, có một "toàn cầu hóa" khác và bị làm cho khác, trong đó sự cùng tồn tại của các nền văn hóa bị đặt thành vấn đề, quá trình "toàn cầu hóa" đối mặt với sự áp đặt và lấn át, thôn tính về văn hóa. M.Salmawy nói không nền văn hóa nào có thể coi là siêu việt với một nền văn hóa khác, mỗi nền văn hóa đơn lẻ, từ nhỏ đến lớn, đều góp phần vào sự giàu có của văn hóa chung của loài người, do vậy các nhà văn phải là những người sáng tạo ra "toàn cầu hóa" văn hóa. Hai ông nhất trí rằng các nền văn hóa phải được phổ biến một cách tự do, bình đẳng, qua đó tích cực sáng tạo nên một tiến trình "toàn cầu hóa" của tinh hữu nghị và sự bình đẳng.

Ngay sau Hội nghị, hai vị Chủ tịch đã tiến hành lễ ký kết thỏa thuận hợp tác dài hạn giữa Hội Nhà văn Việt Nam và Hội Nhà văn Ai-cập với sự chứng kiến của ngài Đại sứ Ai-cập. Nhà thơ Hữu Thỉnh đánh giá đây là một thỏa thuận quy định những nền tảng lâu dài cho một sự hợp tác sẽ đem lại gần nhau, "tiếng hát của sông Hồng với giai điệu của sông Nile"; ông cam kết phía Việt Nam sẽ làm hết sức mình để thỏa thuận hợp tác này đi vào các hành động cụ thể. Nhà văn Mohamed Salmawy nhấn mạnh ý nghĩa của thỏa thuận là từ một gặp gỡ đa phương đã dẫn đến một thỏa thuận song phương thiết thực, mở ra các hoạt động thực chất sẽ được phía Ai-cập thực thi, xem xét nghiêm túc chặt chẽ; và ông bày tỏ hy vọng, theo đó, sẽ có nhiều hơn các mối quan hệ song phương như vậy được mở ra giữa các thành viên của Hội Nhà văn Á - Phi.



Khai mạc Hội nghị bàn tròn "Vai trò các nhà văn Á - Phi trong thời đại toàn cầu hóa" tại Hà Nội.

Ảnh: HỮU ĐỒ

Hội nghị bàn tròn về "Vai trò các nhà văn Á - Phi trong thời đại toàn cầu hóa" được Hội Nhà văn Việt Nam cùng Hội Nhà văn Á - Phi tổ chức nhân mở đầu khóa họp toàn thể lần thứ nhất Ban Chấp hành Hội Nhà văn Á - Phi vừa tái thành lập hồi giữa năm 2012 tại Ai-cập với hơn năm mươi tổ chức văn học (quốc gia) thành viên. Khóa họp này diễn ra từ 25-8 đến 28-8-2013 tại Hà Nội và Quảng Ninh, với 11 (trong số 14) thành viên Ban Chấp hành tham dự. Chủ tịch Hội Nhà văn Á - Phi, nhà văn Ấn Độ Ali Javed, vắng mặt do điều kiện sức khỏe, đã gửi tới Hội nghị một bức thư xúc động và chia sẻ quan điểm về chủ đề thảo luận của Hội nghị.

Tham dự Hội nghị này về phía Việt Nam, bên cạnh nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch, có các Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam; các nhà văn Nguyễn Trí Huân, Nguyễn Quang Thiều và các nhà văn trong Ban Chấp hành cùng đồng đạo các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, các học giả từ Viện Văn học Việt Nam (trong đó, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều còn ở cương vị Phó Tổng Thư ký thứ nhất Hội Nhà văn Á - Phi).

Phần tham luận mở đầu với phát biểu của nhà văn Nguyễn Chí Trung. Nhà văn chiến sĩ lão thành này đánh giá chủ đề thảo luận là hấp dẫn, vì theo ông, ở đây là cuộc đấu tranh gian khó và phức tạp đối mặt quá trình toàn cầu hóa, để bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc, chống những ảnh hưởng có tính áp đặt trái với văn hóa bản sắc. Nhà văn Nguyễn Chí Trung cho rằng sự học tập tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác cần phải qua chọn lọc nghiêm túc; và người ta thường tính lợi ích của toàn cầu hóa theo thước đo kinh tế, mà quên rằng lợi ích chân chính nào cũng phải bao gồm lợi ích và giá trị văn hóa. Ông dẫn một báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho rằng "toàn cầu hóa" không phải hiện tượng mới, mà là một hiện tượng chu kỳ đã xuất hiện qua các thời chủ nghĩa thực dân và thời đại sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai mở ra kỷ nguyên phi - thực dân hóa.

Quan điểm này có nhiều điểm chung với quan điểm ở Ấn Độ và một vài quốc gia Nam Á, Á-rập, về sự tái lập Hội Nhà văn Á - Phi vừa qua. Tổ chức Hội Nhà văn Á - Phi đã được lập ra năm 1957 theo chuỗi sáng kiến hình thành Phong trào Không Liên kết do Jawaharlal Nehru (Ấn Độ) và Jamal Abdehl Nasser (Ai-cập) khởi xướng trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, là Phong trào đã hình thành Tổ chức Đoàn kết Nhân dân Á - Phi và Mỹ Latinh, một phong trào đã kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Phương diện văn hóa và tính toàn cầu của Phong trào đó rõ ràng nằm trong bề dày lịch sử của tiến trình tập hợp về văn học-văn hóa của các nền văn học rất đa dạng khác biệt nhưng cùng chia sẻ những vị thế tương đồng trong diễn trình thế giới đương đại.

Mối đe dọa là khá giống nhau qua các xứ sở tham gia tập hợp này, ngay cả ở những nền văn hóa có truyền thống hàng đầu trong lịch sử nhân loại. Nhà văn Iraq Fadhl Thamir (Ủy viên Ban Chấp hành, Phụ trách về Tài chính của Hội Nhà văn Á - Phi) trình bày một tham luận nhấn mạnh sứ mệnh của các nhà văn là mang thông điệp của dân tộc mình ra thế giới, do vậy thông điệp văn học đó phải mang nét đặc trưng văn hóa của dân tộc đó, và văn hóa dân tộc phải giữ được đặc trưng riêng của mình. Fadhl Thamir, Chủ tịch Hội Nhà văn Iraq, tự hào về nền văn hóa dân tộc ông với bề dày quá khứ từ thời Alibabab (Ngàn lẻ một đêm) và trước đó là văn minh Babylon, văn minh Sumer của những người phát minh ra chữ viết. Song nền văn hóa xứ sở ông giờ đây cũng đứng trước áp lực của các ảnh hưởng văn hóa "siêu cường", phải đấu tranh để gìn giữ ngôn ngữ và văn học bản địa. Theo đó, ông cho rằng các nhà văn phải xây dựng những nhân vật - tính cách mang chở và bảo

(Xem tiếp trang 43)

THƯ CỦA CHỦ TỊCH HỘI NHÀ VĂN Á - PHI gửi các nhà văn tham dự hội nghị Ban chấp hành Hội Nhà văn Á - Phi lần thứ nhất tại Hà Nội

CÁC đồng nghiệp thân mến,

Với sự trăn trở trong lòng, tôi phải thông báo tới các bạn rằng bác sỹ khuyên tôi không nên thực hiện chuyến đi xa tới Việt Nam vì những vấn đề sức khỏe mà tôi đang phải đối mặt. Có lẽ các bạn đã biết, tôi bị đột quỵ năm ngoái khi đang tham dự một hội thảo ở New Delhi. Sức khỏe tôi đã phục hồi tốt và hơn 90% bệnh tình đã được chữa trị. Để trở lại hoàn toàn bình thường, tôi phải thực hiện đúng lời khuyên của bác sỹ, điều mà các bạn sẽ đồng ý và tôi cũng không thể làm khác được. Tôi đã mua vé và chuẩn bị đáp máy bay đến Hà Nội ngày 24 tháng 8. Và việc ở lại là một quyết định đau đớn nhưng nó vượt ra ngoài mong muốn của tôi.

Đất nước Việt Nam đã quyến rũ tôi từ khi tôi còn là một cậu bé và đất nước này đã trở thành nguồn cảm hứng bởi lịch sử cách mạng của dân tộc đó. Hồ Chí Minh vẫn là một Người anh hùng đối với hàng triệu người dân Ấn Độ. Người được chúng tôi coi là một biểu tượng của hoà bình. Tôi là một người lạc quan, và tôi tin rằng tôi sẽ đến Việt Nam trong một ngày gần nhất.

Thưa các bạn, những gì chúng ta đang chứng kiến trên thế gian này là những điều chẳng mấy tốt lành đối với toàn nhân loại. Bạo lực không phải là giải pháp cho những vấn đề của thế giới hiện nay. Nền văn minh nhân loại chỉ có thể được cứu vớt dựa trên triết lý của lòng khoan dung và sự tôn trọng đối với đức tin của người khác. Triết lý của lòng hận thù và sự bá quyền phải bị chối từ ở mọi cấp độ.

Vì điều đó, tôi kêu gọi các nhà văn trong một cơ hội đầy điểm lành này hãy dùng sức mạnh ngòi bút của mình để bảo vệ hoà bình và tình anh em quốc tế. Hãy nói không với chiến tranh, hãy nói không với sự hận thù tôn giáo và sắc tộc. Tất cả chúng ta đều là một và luôn luôn là một trong mọi mặt của cuộc sống ngày ngày.

Tôi xin gửi tới các bạn tình cảm ấm áp và chúc Hội nghị thành công.

Tôi sẽ biết ơn nhiều nếu được thông báo tiến trình của Hội nghị.

Xin gửi tới các bạn lời chào cách mạng chân thành.

Thân mến

Ali Javed

Chủ tịch Liên hiệp các Hội Nhà văn
tiền bộ Ấn Độ

Chủ tịch Hội Nhà văn Á - Phi

NĂM 1978. Một buổi sáng, nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú, trưởng ban văn xuôi báo Văn nghệ, thấy một anh chàng tuổi mới lớn ngồi chờ ai đó ở hành lang tòa soạn, chờ đã khá lâu. Chị đi qua đi lại mấy lần vẫn thấy chú chàng kia ngồi ở đấy, dáng vẻ như con cháu nhà ai trong cơ quan, lại cũng như cộng tác viên. Cuối cùng chị tiến lại hỏi. Cộng tác viên thật. Chú chàng bạch diện thư sinh, chú gửi bản thảo truyện ngắn cho một nhà văn là biên tập viên, từ vài tháng trước, và bây giờ chủ đến hỏi kết quả.

- Hôm nay anh ấy không đến đâu, em đừng chờ nữa - Nhà văn danh tiếng bảo. Rồi nhìn anh chàng học trò mặt trắng rụt rè, hình như lòng thương nổi lên, chị chạy lên phòng biên tập ở tầng hai, sau khoảng mười phút thì trở xuống, chia ra tập bản thảo của chú mà chị vừa lục ra được. Anh biên tập viên đã nhận, đã bỏ đấy, mấy tháng rồi cũng chưa đọc. Thôi, tôi sẽ đọc và sẽ trả lời, yên tâm nhé.

Chú chàng rụt rè đến hỏi bản thảo ấy là tôi, năm ấy mười tám tuổi, sinh viên năm thứ nhất Đại học Ngoại giao. Nhờ sự sốt sắng ân cần của Nguyễn Thị Ngọc Tú mà những truyện đầu tay của tôi được in ra, không mất hút vào đống bài lai cáo.

Ân cần và chu đáo trong công tác biên tập là đặc điểm nổi bật của Nguyễn Thị Ngọc Tú. Sau chuyện ấy, chị đưa vị biên tập viên kia ra trước tòa soạn để góp ý. Anh ta đã xử sự như vậy với nhiều tác giả khác. Bản thảo nhận được, quảng đấy đã, có thể sẽ đọc mà cũng có thể chẳng bao giờ đọc.

Nguyễn Thị Ngọc Tú thì khác hẳn. Đọc cẩn thận, sửa cẩn thận, đặt lại tên truyện, đảm bảo không sai sót chính trị chính em mà vẫn phải khá khảm về chất lượng. Truyện ngắn đầu tay của tôi kể về một chàng sinh viên thường diễn kịch câm trong trường, lên sân khấu diễn kịch câm mới là lúc anh ta nói được nhiều nhất, còn khi anh ta dùng đến lời nói, nó lại là những lời ngô nghê sai lạc, khiến bạn bè và người yêu đều hiểu sai. Tôi đặt tên truyện là *Nói bằng lời của mình*, hàm ý ngôn ngữ nào cũng được, lời lẽ hoặc động tác hình thể đều được, nhưng phải nói bằng lời nói của chính mình. Nguyễn Thị Ngọc Tú đổi ngay cho nó cái tên khác: *Bạn cùng lớp*. Tôi vui vì truyện được in ra cùng lúc với buồn nản vì nó bị mang một cái tên quá bình thường. Nhà biên tập giải thích: người suy diễn thô thiển sẽ bảo cuộc sống có gì khó nói hay sao mà anh không nói trực tiếp bằng ngôn ngữ, phải mượn ngôn ngữ không lời, tức là kịch câm - cái tên truyện *Nói bằng lời của mình* khiến người ta suy diễn như vậy.

Không phải là tôi đã hoàn toàn đồng ý với nhà biên tập. Nhưng lại thêm vài truyện sau đó cũng bị đổi tên. Nguyễn Thị Ngọc Tú là nhà biên tập thiện nghệ và từng trải. Cái nghề dễ gây ra nhiều hệ lụy và bầm giập đã khiến chị trở nên dạn dạc và cao cường trong cất sừa và đổi tên tác phẩm.

Trước khi gặp Nguyễn Thị Ngọc Tú (1942-2013), tôi gặp nhà văn Triệu Bôn (1938-2003). Không dám trực tiếp đến tòa soạn, tôi nhờ chị văn thư của tạp chí Văn nghệ Quân đội, chị của một anh bạn cùng lớp, đưa bản thảo cho ban biên tập. Khoảng một tháng sau thì nhận được thư của nhà văn Triệu Bôn gửi về địa chỉ ở trường Ngoại giao, những dòng thư viết bằng mực tím: Kính gửi đồng chí... chúng tôi sẽ dùng truyện ngắn của đồng chí, đề nghị cho biết truyện đã in ở đâu chưa để chúng tôi tiện sử dụng, chào thân ái.

Như là thư gửi cho một nhà văn đã

ĐÁP ĐỀN TIẾP NỐI

HỒ ANH THÁI

thành danh. Lúc ấy tôi mới dám đến tòa soạn, gặp anh Triệu Bôn. Anh sang các phòng bên báo với mọi người, cứ như thông báo có một ngôi sao xuất hiện. Một lát thì toàn những nhà văn nổi tiếng Xuân Thiều, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Trọng Oánh, Hồ Phương... ghé sang. Các ông đã đọc bản thảo của tôi và đoán với nhau rằng tác giả là giáo viên, khoảng trên dưới tứ tuần. Không ngờ lại là một chú chàng mười tám tuổi đang tập viết. Từ ấy tôi thỉnh thoảng đến thăm Triệu Bôn. Có cái truyện ngắn, nhân vật tôi đặt tên toàn hai chữ: Huệ Tâm, Lê Hân... Anh Bôn bảo, em đặt tên nhân vật cứ như là câu ấm cổ chiều trong truyện của Tự lực Văn đoàn. Tôi hiểu anh không chê gì dòng văn học kia, nhưng mỗi thời mỗi khác. Tự hiểu, nhân vật sinh viên thời bao cấp mà toàn những cái tên lá ngọc cành vàng, nghe rất kiểu cách. Từ đấy, tôi hầu như thôi hẳn cách đặt tên nhân vật dài các thiếu tự nhiên.

Người mới chập chững vào nghề, được một chút trân trọng thì nhớ mãi, có khi chỉ thế mà đủ niềm động viên để theo đuổi nghiệp văn cả một đời. Nhưng cũng có khi phải thẳng thắn giáng cho vài đòn. Như việc bị Nguyễn Thị Ngọc Tú đổi tên truyện đã kể ở trên. Chưa hết, có lần tôi đem đến một truyện ngắn gửi đăng báo Văn nghệ, chị đọc rồi bảo: Truyện buồn quá. Buồn quá rồi thôi luôn, chả bao giờ thấy đăng lên. Mà tôi khi ấy mười tám tuổi, khó hiểu cái lý do truyện ngắn buồn thì không in được. Vài năm sau, chị đưa tôi đọc bản thảo của một tác giả khác, phân tích cái non yếu của nó, rồi kết luận là viết thế không thể in được. Đúng lúc ấy tác giả xuất hiện. Chị trả lại anh ta bản thảo và bảo: Truyện buồn quá.

Người thủ vị hôm ấy là tôi. Giải mã được câu nhận xét của Nguyễn Thị Ngọc Tú. "Truyện buồn quá" là một cách nói, có thể làm cho tác giả còn hy vọng,



Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú thời kỳ làm việc tại báo Văn nghệ.

không in được vì truyện của tôi buồn quá, không hợp với xu hướng lạc quan cách mạng hiện thời, không phải vì tôi viết không hay. Chẳng biết có bao nhiêu người viết ngày ấy được nghe câu "truyện buồn quá" của Nguyễn Thị Ngọc Tú? Nhưng có lẽ chỉ mình tôi biết nó có nghĩa là: truyện dở, không in được.

Không phải tôi không có lúc ảm ức với những đoạn bị chị cắt xén, không phải không so đo khi thấy trên báo vẫn in những truyện nhàng nhàng như cái truyện "buồn quá" của mình. Nhưng tôi tỉnh ra thật nhanh. Chỉ vài năm sau đã có cảm giác may quá, cảm giác thoát thân nhẹ cả người, may mà những truyện ấy không được Nguyễn Thị Ngọc Tú cho in ra.

Tôi may mắn gặp được những nhà văn danh tiếng đồng thời là biên tập viên từ tế. Nhà thơ Bùi Minh Quốc cũng ở ban Văn xuôi Văn nghệ Quân đội. Nhà thơ



Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú (đứng ngoài cùng bên trái) và các bạn văn tại hội nghị nhà văn trẻ các nước XHCN ở Matxcova 1977.

Văn Long phụ trách trang Văn nghệ báo Độc Lập, nhà thơ Phan Cung Việt trông trang Văn nghệ báo Tiến Phong... Các anh nhận bản thảo, khen, chêm chút từng tí để cho nó có thể xuất hiện trên mặt báo. Có lần tôi tình cờ chứng kiến bác Tô Hoài ngồi duyệt bài ở tòa soạn báo Người Hà Nội. Bài thơ của ai đó có một dòng đề: *Tặng XYZ*, bác lấy bút xóa cái lời đề tặng, nhẹ nhàng như tự nói với mình: In lên báo là để cho nhiều người đọc chứ không phải để tặng riêng ai, muốn tặng người ta thì mua thêm một tờ báo mà tặng. Tôi nhớ anh Bùi Minh Quốc ngày ấy mới từ miền Nam ra, dáng vẻ như một ông thầy mô phạm, sau này tôi nhắc lại nhận xét ấy, anh cười có vẻ rất thú vị, như là nhờ vậy mà phát hiện ra một nét cá tính khác của chính mình. Anh Văn Long thì đôn hậu, nhã nhặn, như một trí thức thời Pháp được lưu dụng ở thời ta. Anh Phan Cung Việt thì cư xử như thể tôi là một nhà văn đã có tiếng tăm. Tôi đưa anh truyện ngắn *Còi tàu hú gọi*, một anh lái tàu và một cô kỹ sư thủy sản đang nghiên cứu nuôi trồng rau câu chỉ vàng. Loại rau câu trông như sợi chỉ màu vàng. Tiếng còi tàu hú lên ngoài bến cảng như gọi anh đi. Khi đưa in trên báo, anh Phan Cung Việt đổi thành *Mùa rau câu chỉ vàng*, phù hợp với xu hướng văn học đi vào cuộc sống lao động sản xuất thời ấy. Hễ lần nào gặp tôi, anh lại nhắc đến *Mùa rau câu chỉ vàng*, cứ như đó là một cái đỉnh, không khỏi khiến tôi vừa vui vừa ngưỡng ngượng. Gần đây, Phan Cung Việt giải thích cho thái độ trân trọng của anh đối với một cây bút trẻ: thời ấy toàn là các nhà văn có tuổi, có được một cộng tác viên trẻ hiếm hoi như thế là mừng lắm.

Tôi có lần thấy một anh bạn ngồi bốn từng thìa cơm cho bà ngoại hơn chín chục tuổi. Ngay tức khắc tôi hình dung ra một cảnh ngược lại. Chắc chắn là hơn bốn chục năm trước, bà đã ngồi như thế mà bốn cơm cho anh. Vai trò đã đổi ngược lại. Người ta bảo nước mắt chảy xuôi, nhưng quan hệ giữa các thế hệ thì nhiều khi cũng có đảo ngược. Sau này Triệu Bôn bị tai biến mạch máu não, ốm đau, gặp tôi, anh run run nói: Em bảo anh cách viết thế nào cho phù hợp để cộng tác với báo. Các anh chị là người thấy đầu tiên của tôi, tôi đâu dám bảo ban. Nguyễn Thị Ngọc Tú thì gửi truyện ngắn để tôi đưa đi in báo. Phan Cung Việt gửi truyện, thơ, tản văn. Văn Long gửi thơ và bài báo. Càng cao tuổi, thơ Văn Long càng tinh tế, còn truyện của Phan Cung Việt càng huyền ảo hấp dẫn. Bây giờ đến lượt tôi biên tập và đưa tác phẩm của các anh chị đi in, báo này không in thì chuyển tiếp sang báo khác, rồi thế nào cũng tìm đến được với người đọc tâm đắc.

Đây là chuyện đổi ngược vai trò giữa các thế hệ, một sự đền ơn đáp nghĩa. Nhưng còn một điểm nữa tôi nghĩ mình có thể đồng điệu với các bậc đàn anh. Chắc chắn các anh chị khi mới bước chân vào làng văn cũng đã gặp những biên tập viên đôn hậu và trân trọng tác phẩm của mình như thế. Không hẳn là các thế hệ văn chương chịu ảnh hưởng tính tình của nhau, tôi vẫn nghĩ đây là sự tương đồng bẩm sinh sẵn có trong những người tử tế. Có hẳn một bộ phim Mỹ mang cái tên *Đáp đền tiếp nối* (Pay it forward). A giúp B không phải mong chờ để được B giúp lại, mà B sẽ giúp C, C sẽ giúp D. Cứ thế, một chuỗi những điều tốt được truyền đi, được nối thêm, dài ra mãi.

Cũng có thể coi như một nhược điểm, thấy ai đó viết hay thì tự trầm trồ với mình chưa đủ, tôi cứ muốn kêu lên cho mọi

SỔ TAY THƠ

CON ĐƯỜNG TỔ QUỐC

Bao điều đến rồi đi bất chợt
như gió xôn xao rồi lặng giữa trời
như một lần
tôi tuổi lên mười
sóng đôi đứng cây đa làng cổ thụ.....

Xa mẹ
bước chân dạy tôi con đường phải tới
tôi cùng đồng đội
đi con đường của mình
Lòng khát khao mơ ước
cho tôi đi trọn cuộc chiến tranh dài....

Tôi nghiêng mình vào mỗi ban mai
tưởng nhớ những người đồng đội
đường phố, cánh rừng nào
sáu tám, bảy hai...
các anh nằm lại?
Và ngọn lửa lòng tôi cháy mãi!

Mẹ tôi vào tuổi bảy mươi.
cây đa làng vẫn không nguôi
vàng quả chín bảy sao đen về đậu....
lòng tôi đau đau
con đường đi
gió rải lá đêm khuya
những ngôi sao cháy sáng....

Như gió xôn xao rồi lặng
như một lần
tôi tuổi lên mười
Sóng đôi đứng cây đa làng cổ thụ!

NGUYỄN HOA
(Báo Văn nghệ số 27 - 6/7/2013)

Lời bình của TRẦN BÁ GIAO

NHÀ thơ Nguyễn Hoa trưởng thành từ một người lính. Anh đã tham gia chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất nước. Giờ, khi sắp bước vào tuổi thất thập, anh nhớ lại con đường mình đã đi -

đó là Con đường Tổ quốc - và bài thơ Con đường Tổ quốc ra đời...

Bao điều đến rồi đi bất chợt
như gió xôn xao rồi lặng giữa trời
như một lần
tôi tuổi lên mười
sóng đôi đứng cây đa làng cổ thụ....

Câu thơ mở đầu nói về những ý nghĩ đến với nhà thơ rất bất chợt, đó là sự hoài niệm về quá khứ gần - xa. Sự so sánh liên tưởng ở khổ thơ đầu này tự nhiên mà sâu sắc. Nổi nhớ gắn với tuổi thơ, nổi nhớ gắn với cây đa làng cổ thụ. Nhà thơ nhớ về tuổi lên mười về làng quê của mình. Tuổi thơ và làng quê ấy là cái gốc để tạo nên Nguyễn Hoa như hôm nay.

Tứ thơ phát triển ở 3 khổ thơ tiếp theo được dẫn dắt theo trục thời gian: xa mẹ để lên đường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; hoà bình rồi nhưng vẫn đau đau khôn nguôi về những đồng đội đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; đau đau suy tư về Con đường đi về những ngôi sao cháy sáng.... Nhà thơ Nguyễn Hoa đã khái quát về Con đường Tổ quốc: đó là con đường của cuộc chiến tranh chính nghĩa bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc.

Hình tượng trong khổ thơ thứ hai là hình tượng của chàng trai đất Việt rời xa mẹ rời xa quê hương để "tôi cùng đồng đội/ đi con đường của mình/ con đường Tổ quốc" Hình tượng bước chân dạy tôi con đường phải tới đã khái quát được cái lẽ tự nhiên, khẳng định sự trưởng thành, lý tưởng của lớp thanh niên: con đường phải đi là con đường bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc. Ở những năm 60 - 70 của thế kỷ trước, lý tưởng sống của những chàng trai thời ấy, mới cao đẹp trong sáng biết bao khi họ: "Lòng khát khao mơ ước/ cho tôi đi trọn cuộc chiến tranh dài..."

Nhà thơ Nguyễn Hoa đã nói về nỗi nhớ đồng đội ở khổ thơ thứ 3:

Tôi nghiêng mình vào mỗi ban mai
tưởng nhớ những người đồng đội
đường phố nào, cánh rừng nào
sáu tám, bảy hai
các anh nằm lại?
Và ngọn lửa lòng tôi cháy mãi!

Nỗi lòng của Nguyễn Hoa là nỗi lòng thủy chung với đồng đội. Là được hưởng hạnh phúc sau chiến tranh, anh luôn canh cánh một nỗi nhớ thương những chiến sĩ cùng anh chiến đấu, đã hy sinh trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tình cảm chân thành của nhà thơ làm cho người đọc cùng rung động với anh, đúng như anh đã thốt lên: đường phố nào, cánh rừng nào/ sáu tám, bảy hai.../các anh nằm lại? Câu thơ gợi mở để người đọc liên tưởng đến Tết Mậu Thân 1968, đến chiến trường Quảng Trị 1972. Sự mất mát, hy sinh của những chàng trai mười tám, đôi mươi đã làm nên chiến thắng của dân tộc ta trước kẻ thù xâm lược.

Nhà thơ Nguyễn Hoa nhớ thương những người đồng đội đã hy sinh để rồi trở về với làng quê, trở về với người mẹ. Tâm hồn nhạy cảm chất chứa ưu tư của nhà thơ được gửi gắm vào khổ thơ tiếp theo với những hình ảnh: Mẹ tôi vào tuổi bảy mươi/cây đa làng vẫn không nguôi/ vàng quả chín bảy sao đen về đậu.... để rồi nhà thơ đau đau về con đường đi: lòng tôi đau đau/ con đường đi. Người đọc cảm nhận được những suy tư ấy sẽ được an ủi, bồi đắp niềm tin hy vọng bởi sự hy sinh của đồng đội là những ngôi sao cháy sáng... soi chiếu cho Con đường Tổ quốc. Hình tượng thơ giàu sức biểu cảm: Từ hình tượng người mẹ đến cây đa làng đến gió rải lá đêm khuya để rồi có những ngôi sao cháy sáng... truyền đến cho người đọc những suy tư sâu sắc về nguồn gốc của sức mạnh dân tộc: đó là sức mạnh có được từ tình yêu quê hương, gia đình....

Bài thơ được kết thúc bằng khổ thơ nhắc lại tứ thơ ở khổ thơ đầu:

Như gió xôn xao rồi lặng
như một lần
tôi tuổi lên mười
Sóng đôi đứng cây đa làng cổ thụ!

Đó là điệp khúc nhắc lại hoài niệm về tuổi thơ, về làng quê đã gắn bó với nhà thơ. Nó như những cơn gió xôn xao rồi lặng; đó là sóng lòng của một nhà thơ luôn nhớ về nguồn cội của mình; nhớ về sức mạnh từ quê hương, gia đình đã nuôi dưỡng một người con biết đi đúng: Con đường Tổ quốc. Nhà thơ Nguyễn Hoa đã đem đến cho bạn đọc một bài thơ hay trên "đường thơ còn dài" của anh. ■

người cùng biết, cùng thưởng thức. Nhu cầu tìm đọc cái mới cái hay vẫn luôn nguyên vẹn. Một ngày không đọc như một ngày phải nhịn ăn. Bàn thảo tự tác giả gửi đến qua đường thư điện tử, rất nhiều người sau đó thành danh mà đến bây giờ vẫn chưa biết mặt nhau. Đọc qua mấy trang là biết ngay như thoáng ngửi mùi bát phở là biết phở chính hiệu hay không. Cái hay lập tức được biên tập, thậm chí tỉ mỉ ngồi chữa từng cái dấu chấm dấu phẩy, từng cái lỗi đánh máy lỗi chính tả. Rồi gửi đi cho báo nào hoặc nhà xuất bản nào phù hợp. Tác phẩm được in ra, không chỉ là niềm vui của tác giả, mà còn là của chính mình. Đây nhé, một đặc sản mà các vị chưa biết, bây giờ tôi muốn giới thiệu để các vị cùng thưởng thức chia sẻ với tôi.

Khi chị Lê Minh Khuê và tôi đọc bản thảo tiểu thuyết *Tấm ván phồng dao* của Mạc Can, cả hai đều có được sự mừng vui như thế. Một món ngon. Chuyện sau đó, Mạc Can đã nhiều lần kể lại: qua điện thoại đi động, biết tin sách sẽ in được, đang đi đường ông phải xuống xe đứng cạnh gốc cây trên vỉa hè mà khóc một mình. Còn niềm vui của chị Khuê và tôi là sự đền đáp cho hai tháng trời chỉnh sửa từng trang bản thảo.

Khi chị Dư Thị Hoàn rủ tôi đi tìm bằng được Nguyễn Thế Hoàng Linh, rồi sau đó chúng tôi chăm lo bản thảo tiểu thuyết *Chuyện của thiên tài* để cho sách ra mắt và

gây được dư luận, cũng là việc làm xuất phát từ sự hăm hở khám phá và tìm tòi những món ngon mới, trước hết là cho chính mình, sau mới là chia sẻ với người đọc.

Không kể hết những món ngon mà những tác giả mới tinh đã mang đến, tự mang đến hoặc qua người giới thiệu. Những Trương Anh Quốc, Hoàng Công Danh, Nguyễn Trí, Kiều Bích Hương, Phạm Thị Thanh Mai, Hạo Nguyên... Tôi chỉ làm công việc của người biên tập tự nguyện, làm vì mình thích, làm vì mong tìm được cái mới mà thưởng thức, cuối cùng mới là làm như một nghĩa vụ. Một cây bút như Nguyễn Trí, ngồi viết trong quán net, đọc bản thảo cho các nguyên mẫu nghe trong quán cà phê, tôi hướng anh tập trung vào những truyện lí kỳ như *đãi vàng*, *tim đá quý*, *khai thác trầm hương* là những điều anh thực trải, tập hợp thành tập truyện *Bãi vàng*, *đá quý*, *trầm hương*. Trương Anh Quốc viết như có gì kể nấy, những truyện ngắn hấp dẫn nhờ chất liệu sống trên những chuyến tàu viễn dương, nhưng khi viết truyện chàng nằm trên bờ hoặc cuộc sống bươn chải ở làng quê, anh không giữ được cái duyên như trên biển. Hoàng Công Danh cũng viết hay về ngôi chùa với ba nhân vật, nhà sư, chú tiểu, chị bán vải, còn chuyển sang viết truyện cuộc sống ngoài ngôi chùa, anh tỏ ra không thông thuộc. Tôi đã góp ý với hai người hãy tập trung vào điểm mạnh của mình và các anh đã

viết ra những cuốn sách gây dư luận: Trương Anh Quốc với tập truyện *Sóng biển ri rào* và tiểu thuyết *Biển*, Hoàng Công Danh với tập truyện *Công nhau trong một cõi người*. Nói như vậy, nhưng vẫn mong rồi họ cũng sẽ thành công khi chuyển đổi đề tài.

Nguyễn Thị Ngọc Tứ và các anh chị khác từng góp ý hoặc đổi tên truyện cho tôi. Rồi khi chính mình làm biên tập, tôi cũng đổi tên cho rất nhiều truyện ngắn trong sổ hàng nghìn truyện đã biên tập. Không phải vì chính trị chính em, mà tên truyện của họ còn đơn giản hoặc chúng tôi tác giả có lúc lười, đặt bừa cho xong. Tên truyện vừa phải phù hợp với chủ đề, vừa phải hay, hơn chút nữa là cái tên ấy phải độc đáo, ngoài ta ra, không ai đặt được. Một cái tên tiểu thuyết như thế này thì ngoài nữ văn sĩ Thụy Điển Bodil Malmsten, không có người thứ hai đặt được: *Ngày cây dễ nở hoa thì tôi đã ra đi*.

Nhưng khi đổi tên truyện, tôi ít khi đi quá xa, mà thường tìm ngay chữ trong chính tác phẩm của họ, rút những chữ ấy ra mà đặt thành tên mới. Hợp hơn. Đúng hơn. Gợi hơn. Không thể kể hết cách đổi tên đặt tên cho một số lượng truyện ngắn quá lớn đã qua tay, tôi chỉ nhớ đã đặt tên cho tiểu thuyết đầu tay của Nguyễn Danh Lam. Câu chuyện xảy ra ở nhà ga xe lửa với bao cảnh đời ngổn ngang trắc trở lắm than. Tôi đặt cho nó cái tên *Bến vô thường*. Cuộc đời vô thường này có một

cái bến, và tác phẩm hiện thực bỗng nhiên mang một cái tên có tính triết luận bao quát rộng lớn hơn. Cuốn thứ hai của Nguyễn Danh Lam, kể về một hành trình vô định, dường như đi tìm mà không biết tìm cái gì, lẩn quẩn loay hoay quanh một cõi người. Tôi tìm ra cái tên *Giữa vòng vầy trần gian*. Tác giả và tôi đều cho là hợp. Một người sinh con và một người đến đặt giúp tên con. Sang đến đứa con thứ ba, Lam biết tôi bận, và anh cũng quyết chí tự mình đặt tên cho con mình. Cái tên *Giữa dòng chảy lạc* do anh tự đặt, tôi cũng thấy là hợp.

Biên tập cho nhau, đưa in cho nhau, cả người quen biết cũ, người mới quen, hoặc người chỉ biết nhau qua mạng internet mà đến bây giờ vẫn chưa gặp, thế thì rõ ràng công việc biên tập này không phụ thuộc vào sự quen biết hay không. Làm vì thích, làm vì muốn được thưởng thức, làm vì nhu cầu hàng ngày không thể thiếu, làm như một nghĩa vụ. Cái nghĩa vụ ấy nếu có thì nó là một ý tưởng chấp chờn mong manh hoặc tiềm ẩn đâu đó trong tâm và trong trí. Nó nằm trong chuỗi mắt xích đáp đến tiếp nối giữa các thế hệ.

Đến đây thì tôi nghĩ đáp đến tiếp nối không khuôn lại trong ranh giới của văn chương, nó còn rất rộng ở nhiều lĩnh vực khác, ở trong giới khoa học, giới kinh tế chính trị và trong mọi tầng lớp. Chắc chắn là vậy. ■

GÁC máy rồi mà chị vẫn choáng váng, thực hay mơ đây? Nhìn đầm đầm chiếc điện thoại, chị ngẫm nó như ngẫm một vật thể lạ. Đã bao ngày chị sử dụng nó, nhưng hôm nay sao nó lạ thế. Nhắc tập giấy post-it, chị nhìn những chữ, những số mà chính tay chị vừa viết: khách sạn, tên phố, quán cà phê, địa chỉ... Đứng rồi, mọi chuyện là có thật, chị cứ nằm thế nếu như đồng hồ báo thức không réo vang đưa chị về thực tại.

Kéo tấm drap, vỗ chiếc gối, chị nhanh tay chỉnh lại giường cho ngay ngắn rồi lẩn vào phòng tắm. Những tia nước lạnh từ vòi hoa sen xối xuống khiến chị tỉnh ngủ, nhưng trong đầu vẫn vang vọng tiếng nói. Giọng nói thân thiết yêu thương mà bao năm nay chị không được nghe. Là anh thật ư?

Ra khỏi phòng tắm, chị hồi hã chuẩn bị bữa sáng cho cả nhà. Thực ra là chỉ cho ba mẹ con. Gille, chồng chị đang đi công tác ở Ai Cập, con trai lớn Vincent Phú Cường đã vào đại học Y, ở nội trú tận Bordeaux. Hiện chỉ còn chị, con trai thứ hai - Théo Phú Hùng và con gái út - Emilie Mai Hương. Vừa làm chị vừa nghĩ tới những câu chuyện xưa, những kỷ niệm đầu đời và mà chúng vẫn luôn ẩn mình trong một góc tâm tư chị.

Làm sao có thể quên sáng hôm ấy, dù đã hơn hai chục năm trôi qua... Phương Liên, cô bạn đồng nghiệp ghé tai chị, khi ấy mới ra trường vừa được tuyển vào tạp chí, nói rằng lên sắp gặp.

Mới vào làm, chỉ nghe nói mà vẫn chưa biết mặt sếp, chị hồi hộp gõ cửa nhẹ nhẹ.

- Vào đi, - một giọng nói không mấy thiện cảm vang lên.

- Chào chú ạ, chú... chú cho gọi cháu!

- Cô là Mai ? Ngồi đi.

Anh chỉ hơi ngẩng lên, ngó qua chị đang đứng len lén, hai tay thừa thãi vịn về gấu áo, rồi cúi ngay xuống bàn thảo để trước mặt. Vừa lia cây bút theo những dòng chữ mà chị đoán anh đang đọc rất nhanh. Chị không dám ngồi mà cứ đứng chăm chú theo dõi từng chi tiết và sự chuyển biến trên mặt anh.

Đó là một người đàn ông khá đẹp trai, cao và hơi gầy. Những đường nét hơi khắc khổ bị khóa lấp bởi chiếc mũi cao gần cân đối trên khuôn mặt hơi dài. Bờ môi dưới hơi trễ, cặp mắt dài có đuôi mà người ta thường nói là đa tình... Mái tóc bóng bẩy, tự nhiên, nhũ xuống văng trăn cao vuông vức...

Bỗng chị giật bản mình.

- Viết bài thế thì có ma đọc! Bài viết không có hồn, câu văn lằng lằng nhưng nhạt thếch, thiếu tính thực tế, câu chữ lủng củng, bố cục lộn xộn, lại còn sai lỗi chính tả nữa... Viết báo thì phải khác viết tản văn, cô hiểu chứ hả? Mà trong cơ quan không có chú cháu gì hết... Chưa ai dạy cô điều này sao?...

Lúc đó, chị chỉ mong giá mà có một hố tử thần thật to mở ngay dưới chân để chị rơi tòm xuống... Nhưng động đất đã không xảy ra, nên nhà vẫn trơ lì một cách chắc chắn... chỉ có một người đàn ông đang xả vào mặt chị những câu chữ hết sức "thực tế". Thấy chị không phản ứng, anh từ từ ngẩng lên. Chị khi đó mặt đã đỏ như gấc, nước mắt vòng quanh... rồi bất ngờ chạy vụt ra khỏi phòng...

Chị tốt nghiệp khoa báo chí trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Thời sinh viên chị đã từng cộng tác với nhiều báo và các bài của chị đã được đăng khá nhiều. Vậy mà hôm nay...

Chị không về phòng mà chạy ra khu vườn cơ quan, chọn một chiếc ghế băng nằm khuất trong góc, ẩn sau một bụi cây, và bật khóc nức nở. Chưa bao giờ chị bị mắng mỏ một cách bề bàng nhường ấy. Tính tự ái và bốc đồng của chị bốc lên ngùn ngụt. Đến gần trưa thì chị đã quyết định: Làm việc dưới chướng

một người cửa quyền hống hách như vậy thì chịu sao thấu. Ông ta còn chưa biết chị là ai. Chủ đề bài viết của chị là kêu gọi tình tương thân tương ái của bạn đọc dành cho vùng vừa bị lũ lụt. Chị đã đi thực tế năm ngày tại nơi đó, gặp gỡ nhiều người, rồi cả đêm ngồi viết... Cảnh đồng trắng nước trong, ánh trăng đêm bàng bạc tãi tơi bởi trên những tán lá chuối nhấp nhô giữa cánh đồng toàn nước. Những bông lúa sắp chín nặng trĩu, bơi lượn lờ dưới làn nước sâu như loài rong biển, bà con nông dân, nước gập ngang người để mò cắt lúa, những thân chuối đóng thành bè để chở lúa, nổi chập chới trên biển nước... cái chòi vịt chỉ còn nhìn thấy mái. Trẻ em thất thểu, người già thoi thóp, ngồi đợi cứu tế... Học sinh lội bì bõm để đến trường... Vậy mà...

Phải đổi cơ quan thôi!

Tổng biên tập Trần Thế Hình hơi giật mình khi thấy cô gái trẻ không chào mà chạy biến khỏi phòng. Trước đó thì anh

ngủ việc của người dưới quyền mình.

Còn chị, hơn hai mươi năm sau, chị vẫn không lí giải nổi hành động bột phát ấy. Chị chỉ nghe theo cảm tính rằng mình phải tránh xa người đàn ông này, càng xa càng tốt!

Quê chị cách thành phố gần ba chục kilomet. Cụ tổ nhà chị làm nghề thuốc gia truyền, và đến đời bố chị vẫn tiếp tục nghề này. Quê chị nằm bên một triền sông lớn, với những bãi dâu ngút ngàn xanh mướt và cổ nghề truyền thống nuôi tằm tang. Chị thấy thích khi nhìn bà con hồi hã trồng dâu vào khoảng tháng mười, đó là khoảng thời gian tốt nhất. Bãi đất phù sa bên sông khiến dâu phát triển rất nhanh, sau sáu tháng thì đã có thể thu hoạch lá dâu. Dâu vùng bãi nhiều phù sa nên năng suất cao. Lá to và mỡ. Tằm ăn ngon, chóng lớn, kén lớn, cho sợi tơ dài chính phẩm. Khi tằm chín lên né vào lúc 5 tuổi. Loại tằm chín này theo lời ông nội nói thì để dùng làm thuốc

CHÊNH VÊNH

Truyện ngắn của Hiệu CONSTANT

cũng đã nhận ra mặt cô đỏ bừng và cặp mắt ầng ậng nước. Nhưng anh không đợi một phản ứng nhường ấy từ một phóng viên. Với anh, người phóng viên là tinh thần phải vững vàng, không để cho tình cảm xen vào công việc. Ngòi bút của người phóng viên là phải thét ra lửa, mưa ra khói, phải tạt vào mặt người đọc những ấn tượng mạnh mẽ... Còn bài của cô Nguyễn Như Thế Mai này thì ủy mị, viết bài toàn thân tử, tình tử, trạng tử... Nhưng hành động nổi loạn của nữ phóng viên trẻ đã khiến anh ngồi từ từ đọc lại bài của cô.

Và anh thấy mình đã nhầm! Bài của Mai tuy không thét ra lửa, nhưng lại gieo vào lòng người đọc một sự thương cảm, đồng cảm sâu xa. Nó không ồn ào dòn dập tấp vào mặt người đọc những lời lẽ đánh thép mà cứ ngấm dần, thấm dần để khiến ta ngẹn ngào bởi một nỗi đau và gọi lên tình tương thân tương ái...

Bao năm lần lộn trên chiến trường, là phóng viên mặt trận, anh đã quen với tiếng súng đạn, tiếng bom rơi, nên những bài báo của anh cũng sặc sụa mùi trận mạc, khí thế hào hùng, tinh thần dũng cảm bất khuất của các chiến sỹ, đồng đội. Trong chiến trường, chim không hót, hoa không nở, chỉ có những cánh tiêu điều, những hố bom sâu hoắm là mồ chôn những đồng đội vừa chia sẻ với anh thanh lương khô và tách trà chat tối hôm trước. Trong cảnh tan hoang, tung tóe những tờ thư tờ tả rách nát, bung ra từ ba lô của một đồng đội nào đó...

Anh thần thờ, chính cô gái trẻ kia đã nhắc anh rằng thời thế đổi thay, mỗi thời kỳ mỗi khác. Anh xếp gọn bản thảo và đi ra ban công. Mai đang ngồi ủ rũ nơi góc vườn, hai tay ôm mặt, vai rung lên! Anh thấy mình có lỗi...

Mấy ngày sau, anh nhận được đơn xin thôi việc của Mai. Anh ký mà chưa hiểu hết tâm tư nguyện vọng và lí do xin

chứa tề thấp rất hiệu nghiệm. Trần tằm vào nước sôi rồi đem rang khô. Mỗi bữa ăn độ 5-6 con. Hai ba hôm đã thấy chuyển bệnh. Công việc chăn nuôi tằm khiến lúc nào mẹ cũng bận túi bụi, thật đúng với câu "Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng"... Chị thích mỗi buổi chiều thứ bảy đạp xe về nhà để phụ mẹ chăn tằm...

... Chị đi tàu điện đến chỗ hẹn. Bằng qua cầu Garigliano, đi ngược về phía cầu Mirabeau, đến cầu Nghệ Thuật, rồi cầu Alma, tiến gần đến quán cà phê theo địa chỉ anh cho. Quán cà phê gần sông, nhìn thẳng sang tháp Ép Phên. Anh đã có mặt ở đó, trước li cà phê, thì thoảng ngó trước nhìn sau. "Vẫn luôn đúng hẹn nhỉ!", chị nhủ thầm. Chị không đến thẳng chỗ anh mà dừng lại trên kè, sát mé sông Seine, cạnh một cây liễu rủ đang nhú những chồi non sau một mùa đông nghiệt ngã. Hình chị lung linh chập chờn dưới làn nước rập rình do con tàu Mouche vừa lướt qua gây lên những con sóng. Trên khuôn mặt ấy hiển hiện nụ cười của niềm tiếc nuối và những dòng nước từ từ lăn xuống từ khóe mắt. Chị cứ để mặc nó mà không thêm lau đi.

... Chị nghĩ việc nơi tòa soạn và xin vào một trường cấp I trong nội thành. Bước đầu chỉ làm trợ giảng. Và do có khiếu văn nghệ và biết chơi vĩ cầm, chị kiêm luôn phần phụ trách văn nghệ của trường.

Gần một năm sau họ tình cờ gặp lại. Trường chị tổ chức văn nghệ nhằm lấy tiền gây quỹ ủng hộ một trường dân tộc nội trú trên Cao Bằng và tạp chí của anh là nhà tài trợ chính.

Trời sui khiến sao mà cả hai được mời ngồi hàng danh dự. Ghế họ cạnh nhau. Vừa nhìn thấy anh, cảm giác tức giận hôm nào trong chị tưởng đã ngủ vùi giờ lại bùng dậy! Chị lấy cớ phải điếu khiến buổi văn nghệ nên không thể, nhưng cô Hiệu tưởng bảo cứ lên "điểm

danh" đã. Chị đánh miễn cưỡng đi lên trong tiếng vỗ tay vang dội của đám học trò và đồng nghiệp, còn anh cứ nhìn sững chị. Anh nhất thời không hiểu một nữ phóng viên mà lại đi giảng dạy ở một trường cấp I... Và có lẽ anh còn lâu mới hình dung được rằng cô gái đó sẽ còn gây cho anh nhiều nỗi bất ngờ và truân chuyên trong suốt phần đời còn lại của anh... Từ một cô gái lúng túng hôm nào nay đã trở thành một phụ nữ đầy tự tin. Chị bắt tay chào anh như chào một vị khách quý của trường...

Đến phần biểu diễn văn nghệ thì anh thực sự ngạc nhiên trước tài điều khiển của chị. Một bầy chim non mùa thật uyển chuyển dưới điệu nhạc vĩ cầm réo rắt của chị. Chị chơi say sưa, mắt không rời lũ học trò. Rồi đến mục hát đồng ca, mùa tập thể. Chị đã thay bộ váy giống hệt các cháu nhỏ... Mục nào chị cũng biểu diễn hết mình, đầy nhiệt huyết như hòa hẳn vào đêm nhạc, hòa hẳn vào thế giới của những em học trò. Anh mong sau phần biểu diễn, chị sẽ lại đến ngồi trên hàng ghế đại biểu, ngay cạnh anh...

Nhưng chị đã không quay lại. Cô Hiệu trưởng thay mặt trường nhận quà của nhà tài trợ.

Anh đảo mắt kiểm tìm, chị đang đứng lẫn cùng đám học trò nhỏ bé của mình.

Tàn cuộc, anh nấn ná nhằm đợi cơ may gặp riêng chị, chỉ để nói lời xin lỗi cho buổi sáng hôm nào, nhưng vô vọng. Hình bóng chị như đã tan biến vào màn đêm thăm thẳm. Anh phóng xe về nhà. Đêm hoang vắng, con đường cạnh sông bây giờ sao mệnh mông thế! Và rất vắng người. Chiếc xe đèn tròn của anh nổ máy phành phạch. Anh ngán ngấm tắt máy, để xe trên vỉa hè và dạo bộ. Không gian giờ đây chỉ còn vang lên tiếng xào xạc của hàng cây bên đường và tiếng sóng từ sông vắng đến. Tất cả chỉ còn như một bản hòa tấu buồn của Chopin. Những tiếng thở dài của sông, những con sóng trắng lăn tăn dạt vào bãi hết như những dòng nước mắt từ đất ứa ra, đập vào bờ rồi vỡ òa trong tiếng nức nở... Tìm anh nơi đâu.

Sau bao năm mơ màng như trong cơn ác mộng, anh bỗng bừng tỉnh. Anh chợt khám phá ra điều thiếu vắng trong mình từ bấy lâu, và điều gì đã khiến tâm hồn anh trống trải và trở nên khô sảng... Trong anh bừng lên một ham muốn kỳ lạ. Anh phải gặp lại người con gái ấy.

Hai ngày sau buổi biểu diễn văn nghệ, bác trưởng trực đưa cho chị một phong bì cỡ lớn, chỉ để tên chị. "Có người gửi cho cháu cái này". "Người đó như thế nào hả bác?". "Anh ta người cao gầy, mái tóc bóng bẩy...". "Vâng, cháu biết rồi, cảm ơn bác".

Về nhà chị bóc thư. Là bản thảo bài viết về trận lũ lụt ngày nào của chị. Chị nhủ mảy. Nhưng nhìn kỹ, chị phát hiện ra nhiều chữ bị gạch chân. Chị tò mò viết lại tất cả những chữ đó. Chị giật mình và không khỏi nhòe miêng cười vì trò chơi tình nghịch mà thời sinh viên bọn chị hay sử dụng. Đó là một lá thư xin lỗi chân thành và lời cảm ơn chân tình vì chính chị đã khiến anh "mờ mắt" và nhận ra những thiếu hụt của mình. Cuối bản thảo có vài chữ viết tay mong được gặp lại.

Chị băng khuâng và nổi ý định muốn biết thêm về anh. Một con người khác khổ nhường ấy mà biết trò chơi tình nghịch này của sinh viên ư?

Tổng biên tập Trần Thế Hình từng là phóng viên mặt trận, tốt nghiệp khoa Văn trường Đại học S. Ngoài những bài phóng sự, kí sự về chiến tranh, đã từng xuất bản nhiều tiểu thuyết, có một số cuốn khá nổi tiếng, đã trở thành kinh điển về đề tài này... Đã có gia đình và một con gái. Vợ rất đẹp và hiện là giáo viên tại một trường đại học danh tiếng. Nhà gần trung tâm thành phố... Chị đọc những dòng thông tin ấy tựa như đọc một bài báo vật. Không quan tâm nữa. Chị

vui mình vào những bản nhạc của Vivaldi, Mozart... Và lại, chị chuẩn bị được nhận vào biên chế chính thức và sẽ đứng chủ nhiệm khối lớp 5.

Một buổi chiều, vừa dắt xe ra khỏi cổng trường. Chị thấy anh đứng đó. Ngỡ anh đợi ai nên chị lên lên đạp xe đi mà không chào. "Chẳng có chuyện gì để nói", - chị nghĩ bụng. Nhưng vừa đi được một đoạn thì anh nổ máy lao theo:

- Cho anh xin lỗi, - anh lúng búng nói.

Chị cứ cầm cùi đạp giữa dòng người đông đúc vào giờ tan tầm. Trời vào thu, gió mát từ sông thổi tới khiến mái tóc dài của chị tung bay lòa xòa, che ngang mặt khiến trong giây lát chị không còn nhìn thấy gì. Đùng đến ngã ba, một chiếc xe hơi vù vù phóng tới mà chị vẫn tiếp tục đạp nhanh. Anh chớp porte-bagage kéo mạnh lại phía sau... Chiếc xe hơi lướt qua mũi xe chị, phanh kết. Cả người chị lấy bối, mặt xám xanh vì sợ. Trong một quán cà phê gần đó, sau khi uống cạn ly nước lạnh mà anh kêu chủ quán đem đến, chị mới từ từ ngẩng lên cảm ơn anh. Chiều đó, anh đưa chị về nhà.

Nhà chị thuê trọ nằm trong một ngôi làng ven đô. Căn hộ một phòng đơn giản thoáng mát, trên tầng 2. Chiếc vĩ cầm treo trên tường, giá nhạc dựng trong góc, một giá sách, một chiếc tủ và một chiếc đài radio, chiếc giường đơn gọn gàng trải drap trắng tinh, phẳng lì. Bàn làm việc kê cạnh cửa sổ. Một cây soài lâu năm dưới vườn xòa lá chập chới vào tận bậu cửa. Không gian yên tĩnh...

Chị pha nước mời anh. Anh thẳng thắn bày tỏ muốn được là bạn của chị...

Chị giật phắt người nhìn thẳng vào mắt anh mà không hiểu. Anh vội vàng sửa lại:

- Là một người bạn bình thường, mong em...

Từ đó, họ thường xuyên gặp nhau. Tình cảm anh dành cho chị không ồn ào xối xả, không ầm ầm như thác lũ mà chân thành, cứ ngấm dần, thấm dần, chất chiu như những hạt phù sa bồi đắp cho bãi bờ quê chị. Để đến một lúc, chị chợt nhận ra là đã rất nhớ anh. Và anh là người đàn ông duy nhất chị mong gặp, để được

nghe anh nói chuyện. Nấp sau dáng vẻ khắc khổ kia là một tâm hồn lãng mạn, giàu tình cảm, một tâm hồn đầy những dấn vất trần trở mà anh muốn chia sẻ cùng chị. Nhưng chị cố kìm lòng...

Anh kể cho chị nghe những lần đi công tác chiến trường, những lần nằm dấn mình trong các hầm bí mật nhỏ xíu mà tai nghe rõ những tiếng chạy huỳnh huých trên đầu... Những lần ốm mà trạm xá quân đội chưa có thuốc tiếp viện, những lần được đón đoàn văn công vào biểu diễn phục vụ bộ đội nơi chiến trận...

Chị kể cho anh nghe chuyện làng quê và các trò chơi tình nghịch của lứa tuổi sinh viên ra đời trong thời bình, cảnh trồng dâu nuôi tằm quê chị...

Hai con người, hai tính cách, hai cách kể chuyện khác nhau nhưng họ có chung một niềm đam mê, muốn được chia sẻ, muốn đem lại niềm vui cho người khác, họ bù trừ cho nhau. Nhiều buổi, chị chơi vĩ cầm cho anh nghe.

Anh kể chuyện đời mình. Tốt nghiệp đại học Sư phạm, anh hớn hờ khoác ba lô về một trường cấp III vùng cao, gồm nhiều dân tộc thiểu số, để dạy học. Nơi đó còn thiếu thốn đủ thứ. Học sinh của anh rất lớn, nhất là những thiếu nữ. Họ chỉ kém anh vài tuổi và bạo dạn vô cùng. Trẻ trung và đầy nhiệt huyết, làm công tác đoàn nên ngoài giờ lên lớp, anh thường xuyên tiếp xúc với họ. Những cô gái dân tộc sẵn sàng cầm tay và tỏ tình với... thầy giáo! Nhiều lúc anh cũng... sợ! Nhân có đợt tuyển nhà báo mặt trận, anh tham gia và được toại nguyện. Rồi anh bị thương nặng, được chuyển ra Hà Nội điều trị. Lần đó, anh đã gặp Hoài Thu, người sau này trở thành vợ anh. Là một người "vừa ở trong rừng ra", anh thật sự xúc động trước tình cảm và sự tận tình của cô gái thành phố. Cứ sau giờ lên lớp, Hoài Thu lại đến thăm anh... Sau mấy tháng binh phục, anh trở lại chiến trường. Thư qua thư lại vài năm, lần đó anh về phép, họ cưới nhau.

Là phóng viên mặt trận, anh đi hết chiến trường này đến chiến trường khác, Hoài Thu học xong đại học, tiếp lên cao học, vẫn kiên nhẫn đợi anh.

Chiến tranh Tây Nam, chiến tranh phía Bắc kết thúc, anh trở về. Một bé gái xinh xắn ra đời trong niềm hân hoan của tất cả mọi người, nhất là anh. Chỉ khi ấy, cuộc sống vợ chồng mới thực sự bắt đầu và anh nhận ra bản chất thật của vợ mình. Không trắng hoa, nhưng Hoài Thu lại là một con người đầy tham vọng, cương quyết và độc đoán, luôn cho ý mình là đúng và lạnh lùng có hạn, thường xuyên vô cảm, ngay cả với người thân... Và cũng từ đó, địa ngục trần gian bắt đầu xây tổ ấm trong cuộc sống của anh. Anh không còn là chính mình nữa... Trong anh là cả một khoảng trống bất tận... Chỉ đến khi gặp chị, anh mới sống lại những tháng ngày hạnh phúc. Anh ngỡ lời yêu chị...

Chị bối rối... Nhưng không thể cưỡng lại được tình cảm của mình.

Mặc dù tất cả các lời hứa, mặc dù tất cả những tình cảm chân thành, tình yêu cuồng nhiệt anh dành cho chị nhưng trong sâu thẳm chị vẫn thấy có điều gì đó thật mong manh...

Mọi chuyện xảy đến trong cuộc đời đều đáng cho ta phải suy ngẫm. Người ta vẫn nói hình thức không quan trọng, nếu ta tha thiết với thứ mà ta yêu mến. Nhưng hình thức trong mối quan hệ của họ đó là anh đã có vợ, chị độc thân. Tương lai sẽ là bất hạnh thôi.

Trong suốt những năm tháng này, chị đã suy nghĩ rất nhiều để tìm ra một lối thoát cho cả hai. Và càng nghĩ, chị càng bế tắc... Và không ngờ, chính người đàn bà "tình địch" lại "mở mắt" cho chị để tìm ra lối thoát.

Hoài Thu là một người phụ nữ thông minh, đầy toan tính. Chị đã nghĩ được hình trong tay. Tự tin đến mức nghĩ anh chỉ là của chị, bởi trong gia đình mỗi khi chị nói gì anh đều không phản đối, hay không có quyền phản đối. Chị cho đó là món nợ anh phải trả cho những năm tháng chị chờ đợi anh. Con gái được một tuổi rưỡi, trường có suất đi làm thực sự ở nước ngoài, chị "xung phong" đi ngay. Anh phản đối thì chị cho rằng anh ngăn cản sự nghiệp của chị. Anh đành ngậm ngùi đồng ý và li cho vợ. Bàn tay nhỏ xíu

của con gái vẫy chào mẹ trên sân bay khiến lòng anh nhói buốt...

Trong những ngày ở rừng, anh đã ao ước biết bao nhiêu cái ngày được sống trong khung cảnh bình an, một ngôi nhà nho nhỏ với tiếng trẻ bi bô và người vợ hiền dịu thông minh chia sẻ mọi thứ, trong cuộc sống và cả những ý tưởng. Điều đó hình như càng ngày càng trở nên xa vời. Bé Hòa Bình là nguồn an ủi sau những giờ bận rộn bù đắp ở cơ quan. Nụ cười của bé đem lại cho anh chút cảm giác bình yên trong ngày.

Lúc đầu, khi biết mối quan hệ của chồng mình với Mai, Hoài Thu nghĩ đó là chuyện chơi, rằng anh không đời nào dám bỏ chị, một người đàn bà thành phố có bằng cấp và thông minh, trong khi Mai chỉ là một cô giáo cấp I, gốc gác nhà quê. Hơn nữa, bé Hòa Bình là cây át chủ bài của chị. Anh sẽ không bao giờ dám xa con. Những công trình nghiên cứu thu hút hết tâm trí, chị không có thời gian để chú ý đến những chuyện "vớ vẩn". Chị tiếp tục làm luận án tiến sĩ.

Anh ngày ngày chăm con, sáng đưa đến trường rồi mới đến cơ quan. Chiều tối lo cho con xong thì ra khỏi nhà, và chỉ trở về rất muộn trong đêm. Khi con được gửi về ông bà nội ngoại thì anh đi luôn không về. Linh cảm đàn bà mách bảo Hoài Thu rằng mối tình "chơi" giữa anh và Mai không còn là "chơi" nữa. Con gái lớn dần và chị thấy mình cần phải củng cố gia đình. Chị cần anh cho cái hình ảnh của chị tại trường. Chị cần một người chồng có chức vị, một gia đình hoàn hảo. Chị quyết định bỏ chút thời gian để "giữ" chồng. Chỉ vài tuần, chị biết được cách ăn mặc và sinh hoạt của Mai...

Cho đến tận lúc lia bỏ thế gian này, anh sẽ không bao giờ quên được đêm đó.

Đợt ấy, Mai đi công tác mấy tuần trên vùng cao biên giới. Hôm đó, cơ quan anh liên hoan tổng kết quý, đương nhiên là có rượu bia. Bản chất không chịu được chất men, chỉ vài li là anh đã say. Về đến nhà thì đêm đã khuya. Anh giật mình khi bước vào phòng ngủ. Trong ánh sáng lơ mơ, Mai đứng quay lưng lại, mái tóc buông lơi phủ trên bộ đồ ngủ chị vẫn mặc. Bế thốc chị lên giường và trong cơn thăng hoa mê đắm, anh không ngừng thì thầm gọi tên chị, kể cho chị nghe anh rằng đã nhớ chị phát điên, rằng tại sao về mà lại không báo trước cho anh biết...

Bỗng anh nhận được một cái tát đingđing người và tỉnh hẳn cơn say! Không phải Mai mà là Hoài Thu. Chị hiện nguyên hình là một người đàn bà lạnh lùng. Chị tuyên bố rằng anh sẽ không bao giờ được thỏa nguyện, rằng anh đã là của chị thì cả đời này, kiếp này chỉ là của chị...

Sau buổi ấy, anh xấu hổ và mặc cảm tội lỗi với Mai. Với anh, Mai mới chính là vợ anh. Việc ngủ với Hoài Thu đêm ấy, anh coi như là một vụ ngoại tình...

Mai sung sướng gặp lại anh sau mấy tuần đi công tác. Họ lao vào nhau như cặp vợ chồng sau nhiều ngày xa cách.

Mai có bầu. Chị hình dung anh sẽ vui sướng tới cỡ nào khi biết được tin này!

Vào ngày chị định nói cho anh biết, thì chiều đó đang lên lớp, cô Hiệu trưởng đến báo cho chị biết có người cần gặp. Chị ra bài Tập Chép cho học trò và bước theo chân cô Hiệu trưởng.

Một người đàn bà sang trọng đang đứng dưới tán bàng đợi chị. Chị giật mình, bởi không ai khác ngoài Hoài Thu.

Tại sao chị ta lại đến gặp mình nhỉ? Hình đã nói rằng giữa họ đã thống nhất mọi chuyện. Hoài Thu không phải là không biết mối tình từ mấy năm nay của hai người, vậy mà chưa bao giờ lên tiếng. Mai hoàn toàn tin tưởng đợi anh tiến hành xong thủ tục li dị là họ có thể làm đám cưới...

Hai người đàn bà lạnh lùng chào nhau. Hoài Thu trao cho chị một chiếc

(Xem tiếp trang 30)



Minh họa của TÔ CHIÊM

(Tiếp theo trang 29)

phòng bị, rồi nói thêm:

- Chúng tôi đã nói chuyện cùng nhau. Tôi mong cô hãy suy nghĩ kỹ và tìm tương lai cho mình...

Cả tối đó, khi xem xong nội dung các tờ giấy trong bao thư, chị không còn biết mình đang ở đâu? Hình cũng không đến, và dạo này, chị thấy anh có vẻ là lạ, nhiều lúc lúng túng như hồi lỗi...

Đó là bản photocopi những giấy tờ khám thai của Hoài Thu, cái thai đã được hơn hai tháng! Vậy là bào thai đó gần trùng với đứa con chị đang mang trong mình, giọt máu của anh ư? Lần đầu tiên chị nếm trải mùi vị đắng chát. Đắng chát nhất trong đời chị!

Chị tránh mặt anh! Anh lo lắng đến sạm người. Anh không hiểu!

Một ngày cuối tuần, chị hẹn anh về quê chị. Anh sung sướng vô cùng. Đã nhiều lần anh đề nghị cho về quê gặp bố mẹ, nhưng chị chưa muốn! Anh nghĩ đã đến lúc chị muốn làm lành. Anh muốn được đưa chị về, nhưng chị cho anh địa chỉ và nói sẽ tự về, và sẽ dành cho anh một sự bất ngờ.

Anh về đến nhà chị khi còn rất sớm. Nhà vắng tanh. Chị đang thơ thẩn giữa khu vườn mênh mông có hàng mít trĩu quả và những trái ổi thơm lừng. Tiếng chim riu rít trên cành. Ngồi nhà cổ bề thế nằm giữa khu vườn. Nghe tiếng xe mà chị không quay lại. Anh đỗ xe và bước đến bên chị. Chị giải thích bố mẹ hôm nay về quê ngoại dự đám cưới, và kể liền cho anh nghe về độ tuổi của mỗi cây, chỉ cho anh một cây mít mà chị nói có từ thời cổ nội, thân to sụ và quả mọc chi chít. Khi anh định ôm hôn thì chị toái ra và nói có điều ngạc nhiên dành cho anh đang để trên bàn trong nhà, anh vô lấy đi...

Cầm trên tay mấy tờ giấy, anh cảm tưởng như cả bầu trời bỗng sụp đổ xuống đầu, đất dưới chân anh như rung rùng chuyển động... Anh hiểu chị, vậy là anh chẳng còn gì để nói nữa rồi... Chỉ mong chị hiểu cho rằng anh đã không hề dối lừa chị... Làm sao để người con gái đã đặt hết niềm tin vào anh hiểu được rằng cái đêm hôm ấy anh đã phải chịu nhục nhã ê chề như thế nào, và kết quả lại như thế này...

Lần đầu tiên họ không hôn nhau kể từ khi yêu. Cả ngày hôm ấy, họ đi lang thang trong khu vườn và cánh đồng dâu bạt ngàn sau làng... Họ nói toàn chuyện đầu đầu. Chuyện chiến tranh, chuyện các bản làng và lũ học trò dân tộc. Giọng chị vẫn thế, trong trẻo nhưng đượm buồn, ánh mắt luôn nhìn vô định... Nhiều lần anh muốn ôm chị vào lòng, kể cho chị nghe nỗi xa xót của mình, nhưng nhìn khuôn mặt vô cảm ấy, anh sợ...

Hôm đó anh trở về thành phố một mình. Vẫn trên con đường ven sông nhưng bây giờ đối với anh chẳng còn ý nghĩa gì nữa...

Suốt khoảng thời gian chị tránh anh và sau khi được tin chị xuất ngoại theo chồng là chuỗi ngày khủng khiếp nhất đời anh! Còn khủng khiếp hơn những ngày đối ăn trên rừng, dưới làn bom đạn dữ dội, những cái chết thê thảm của đồng đội... Anh chỉ còn biết vui đầu vào công việc và chăm sóc con. Sau cái tát trời giáng đêm ấy thì hố sâu ngăn cách giữa anh và Hoài Thu không bao giờ có thể lấp đầy được nữa. Kể cả sự ra đời của đứa con gái thứ hai cũng không thể khiến họ xích lại gần nhau. Anh không còn dám để mắt đến bất kỳ một người đàn bà nào, mặc dù xung quanh anh luôn có những tấm lòng muốn chia sẻ. Anh mong gặp lại Mai, không thể cầu xin tha thứ, mà anh muốn giải thích. Nhưng vô vọng... Từ ngày ấy đến giờ. Anh đã rất sung sướng khi qua điện thoại, chị đồng ý gặp anh tại Paris.

... Từ xa, chị ngắm anh. Vẫn thế, vẫn mái tóc bóng bết như ngày xưa mà chị rất thích luồn những ngón tay mình vào

CHÈNH VÊN



đó. Những sợi tóc trơn trượt dưới những kẻ tay chị. Chỉ khác chẳng giờ đã điểm bạc rồi! Chị rùng mình và đưa tay lên vuốt tóc mình. "Anh sẽ nghĩ sao bởi tóc mình cũng có vài sợi đã đổi màu?". Cặp mắt đẹp của anh trước kia giờ đã vương chút quầng mọng. Những ngón bên tay trái hơi co quắp do lần anh bị thương, giờ hình như lại co quắp hơn. Vẫn khuôn mặt đẹp mà đã bao lần ở rất gần mặt chị, họ đã hít luồng hơi thở của nhau... "Anh không thay đổi bao nhiêu...", chị lẩm bẩm và thở dài... Còn vết thương bên sườn mà anh từng kể cho chị rằng dạo đó, chỉ cần nghe tiếng máy bay trực thăng là cả chỗ ấy cứ rung lên rần rật, và sau này mỗi khi thời tiết thay đổi hoặc trời chuyển mùa là anh lại cảm thấy đau nhức... Tự nhiên chị muốn chạy nhanh đến bên anh để xoa nhẹ lên chỗ đó như ngày xưa chị đã từng hôn biết bao lần... Nhưng chị kìm lại. Cứ đứng đó, mặt quay ra sông. Làn gió xuân phả lên mặt khiến chị cảm thấy đầu óc thông thoáng hẳn. Kéo áo choàng và đi lại sát mé sông. Dòng sông Seine đã cuốn vào mình nó bao cuộc đời nhưng cũng nuôi sống bao con người từ thời khai thủy... Chị bỗng lùi lại vài bước. Một con tàu Mousse lướt qua tạo những con sóng ập vào bờ. Hình bóng chị và những tòa nhà cao tầng chập chờn, uốn lượn bóng bết...

... Sau buổi Hinh về quê chị, chị sống lấm lũi.

Chị bỗng mong những chuyến viếng thăm của anh Chiến và Gille. Gille là kiến trúc sư, người Pháp, bạn thân của Chiến, anh trai chị. Anh Chiến là kỹ sư xây dựng. Gille công tác tại Bộ Xây dựng của Pháp, được điều sang Hà Nội để tu sửa phục hồi Nhà Hát Lớn và những công trình kiến trúc từ thời Pháp thuộc, dưới sự tài trợ của Chính phủ Pháp. Gille hình như đã mê chị ngay từ những ngày đầu được Chiến mời về thăm gia đình. Gille rất ấn tượng với khu vườn và ngôi nhà cổ. Nhiều lần Gille mời chị đi chơi, chị đồng ý nhưng bao giờ cũng phải có Chiến đi cùng, nên Gille chưa bao giờ có cơ hội thổ lộ tình yêu của mình với người con gái xinh xắn ấy. Còn Mai, bản năng phụ nữ mách bảo chị rằng người đàn ông đến từ phương trời xa kia đã phải lòng mình... Nhưng khi ấy, chân trời của chị đã đặt ở nơi khác. Với chị, Gille chỉ là một người bạn của anh trai mình mà thôi.

Còn Gille đã thầm yêu Mai, anh chờ đợi cơ hội. Những ngày gần đây, mỗi khi gặp, thấy Mai trầm tư, mắt nhìn xa vắng, anh thấy lòng mình se sắt. Và kỳ lạ, chị

đã chấp nhận lời mời ăn tối với anh mà không có mặt Chiến.

Sau những câu chuyện lan man, chị hỏi anh:

- Anh có vợ chưa?

- Chưa...

- Anh có ý định lấy vợ không?

Chàng trai Tây ngơ ngàng nhìn cô gái Việt, vốn hiền thực nhu mì, sao lại có câu hỏi thẳng thần như vậy!

Họ dời nhà hàng thì đêm đã khuya. Gió từ hồ Tây thổi lên mát rượi, phả đầy mặt họ. Mai lại trở nên trầm lắng trên đường về. Chia tay, chị hẹn anh tuần tới. Gille hạnh phúc vô cùng, lảng lảng như trên mây...

Tháng sau đó, Mai thông báo với gia đình rằng chị và Gille sẽ cưới nhau. Gille sắp hết thời hạn công tác tại Hà Nội và họ sẽ cùng về Paris!

Biết bao khó khăn! Trước tiên là phản ứng dữ dội của cả nhà... Kể đến là những dòng nước mắt của mẹ. Nhưng chị thấy chỉ còn phương cách ấy. Chị phải đi thật xa mới mong trọn vẹn đủ bề. Gille là người duy nhất được chị kể cho nghe mọi chuyện và anh đã chấp nhận.

Mấy tháng sau khi cập bến nước Pháp, chị sinh bé Vincent Phú Cường. Một thằng bé bụ bẫm, khỏe mạnh và lém lỉnh. Gille yêu nó hết lòng. Rồi lần lượt bé Théo Phú Hùng, và Emilie Mai Hương ra đời... Trong sinh hoạt, Gille không bao giờ phân biệt đối xử giữa các con. Chị rất hàm ơn anh điều đó.

Suốt những năm tháng ấy, chị tránh nhớ Hinh, tránh nhớ đến mối tình say đắm một thời của hai người. Chị dồn toàn tâm cho gia đình, trau dồi tiếng Pháp, học hồi văn hóa nhà chồng... Chị tham gia vào các hội đoàn phi chính phủ, trong đó có hội *Le petit frère des pauvres*. Những lần thăm hỏi các cụ già trong bệnh viện, trong nhà dưỡng lão đã khiến cho chị hiểu thêm nhiều về tình người. Và không phải cứ có tiền là hạnh phúc. Chị theo một khóa học để trở thành Cố vấn tâm lý trẻ em và người cao tuổi, một công việc giải đáp những thắc mắc về vấn đề xã hội và tâm lý. Đây là một công việc cần sự kiên nhẫn. Chị lắng nghe những tâm sự và trần trố của họ để tìm ra các giải pháp trợ giúp.

Thời gian rồi, chị dạy thêm đàn vĩ cầm.

Cuộc sống bình an của chị trôi đi trong tình yêu của Gille và tiếng cười của những đứa con. Một gia đình hạnh phúc! Nhưng mỗi lần về Việt Nam, chị không ngăn nổi mình đi lại những con

đường mà hai người đã từng đi. Dù không chủ ý, đôi lúc chị đi ngang qua văn phòng làm việc của anh. Trời tối từ lâu mà phòng làm việc của anh vẫn sáng đèn. Chị cứ đứng đó, nấp sau một thân cây lớn, đợi nhìn anh đi xuống cầu thang, ra sân sau lấy xe, lên xe nổ máy và lững thững chạy đi. Có lần chị phóng xe theo anh. Anh đi một cách vô định, cứ ngoằn ngoèo qua nhiều con phố rồi mới trở về nhà. Có lần chị đã muốn gặp anh, muốn kể cho anh nghe rằng chị đã nhớ anh biết bao nhiêu, trong những đêm thanh vắng, đứng một mình trên ban công ngắm ánh trăng vàng vạc và tiếng gió rì rào đưa tới từ khu vườn nhỏ trước nhà chị. Rằng chị đã rất nhớ những buổi chiều anh đến thăm, cả hai cùng hi hụi nấu cơm, anh đã nấu cho chị những món mà chị yêu thích, hương vị của chúng mà suốt đời chị sẽ không thể quên... Cả những nụ hôn dài tưởng chừng bất tận họ dành cho nhau, cảm giác lảng lảng bóng bết mỗi lần họ gần nhau. Chị muốn kể cho anh nghe về bé Vincent Phú Cường, khỏe mạnh thông minh và đẹp như tranh... Nhưng "ích gì!" chị thầm nhủ như thế, và hình ảnh Gille tận tụy chăm sóc mẹ con chị hiện ra, khiến chị quay ngoắt xe về khách sạn, hôn nựng những đứa con.

Nhiều lần có đám bạn chung của hai người sang Pháp, anh gửi thư tay. Chị đã không bao giờ mở ra mà cứ xếp gọn vào một cái hộp, cất sâu trong tủ... Chị không dám... Chị sợ...

Hiện giờ, anh đang ngồi kia, vẫn dáng ngồi thẳng và đầu hơi nghiêng nghiêng hệt như khi anh nhìn chị, hai bàn tay đan chéo, vắn xoắn, môi hơi mím như mỗi khi anh suy nghĩ rất lung. Vẫn mái tóc ấy, vành môi ấy, cả cặp mày và ánh mắt đắm chiều... Anh ngó đồng hồ.

Chị những muốn sải những bước chân dài để chạy đến bên anh, nhưng sững lại. Lục túi lấy điện thoại...

Chị gọi cho Gille. Chồng chị hơi bất ngờ khi vợ gọi điện vào buổi sáng như thế. "Anh về nhà ngay đi, em cần anh!" rồi cúp máy.

"- Có người gửi cho ông cái này!" Anh giật mình khi người bồi bàn đưa cho một chiếc phong bì dày.

Hồi hộp giờ ra xem. Đó là những tấm hình. Đầu tiên là một đứa trẻ sơ sinh. Lật mặt sau anh thấy ghi ngày 2 tháng 11 năm... Anh sững sờ, bởi gần trùng khít với ngày sinh đứa con gái thứ hai của anh. Nhìn tiếp những bức hình khác. Một thằng bé bốn tuổi, cười trơ hàm răng sứ rất ngộ nghĩnh. Tiếp đến là một cậu thiếu niên trong trang phục Judo, đai nâu, đang tươi cười đứng trên bục, tay giơ cao tấm huân chương... Lật nhanh vài tấm khác, và đến một tấm có lẽ là mới nhất, chụp một gia đình Pháp - Việt, gồm bố mẹ và ba đứa con. Ảnh chụp trước một cổng trường Trung học tại Paris. Mặt sau đề: "Ngày Vincent Phú Cường tốt nghiệp cấp III!"

Anh nhìn đắm đắm chàng trai trẻ Vincent Phú Cường. Nó đúng là phiên bản của anh mấy chục năm về trước. Từ mái tóc đen nhánh, bóng bết, khuôn miệng, vầng trán và nhất là cặp mắt...

Anh rút điện thoại gọi vào máy di động của chị. Nhưng chỉ rơi vào lời mời để lại tin nhắn tự động, giọng của chị: "Xin hãy để lại lời nhắn, tôi sẽ gọi lại cho quý vị ngay khi có thể..."

Anh tắt máy, tâm trạng bối rối khó tả. Tiết xuân mơn man, ngẩng nhìn đám lá trên cành, gió nhẹ nhàng khiến vài chồi non đung đưa. Trên vĩa hè, vô số các bồn hoa đủ màu, rực rỡ lung linh dưới ánh nắng. ■

H.C

CHUYỆN VĂN CHUYỆN ĐỜI

KỂ MANG GƯƠNG MẶT
ĐỜI ĐƯỜNG

NGUYỄN QUANG THIỂU

Có một ngày, hình như đang đi rất thông thả, tôi chợt thấy một gương mặt chậm chậm lướt qua. Mà hình như không phải lúc đang đi. Có lẽ lúc nâng chén rượu ngang mày. Mà hình như cũng không phải thế mà là lúc chợt nghe một giọng cười. Nhưng có lẽ là tất cả những khoảng khắc như thế. Vẫn gương mặt ấy. Gương Mặt Đời Đường.

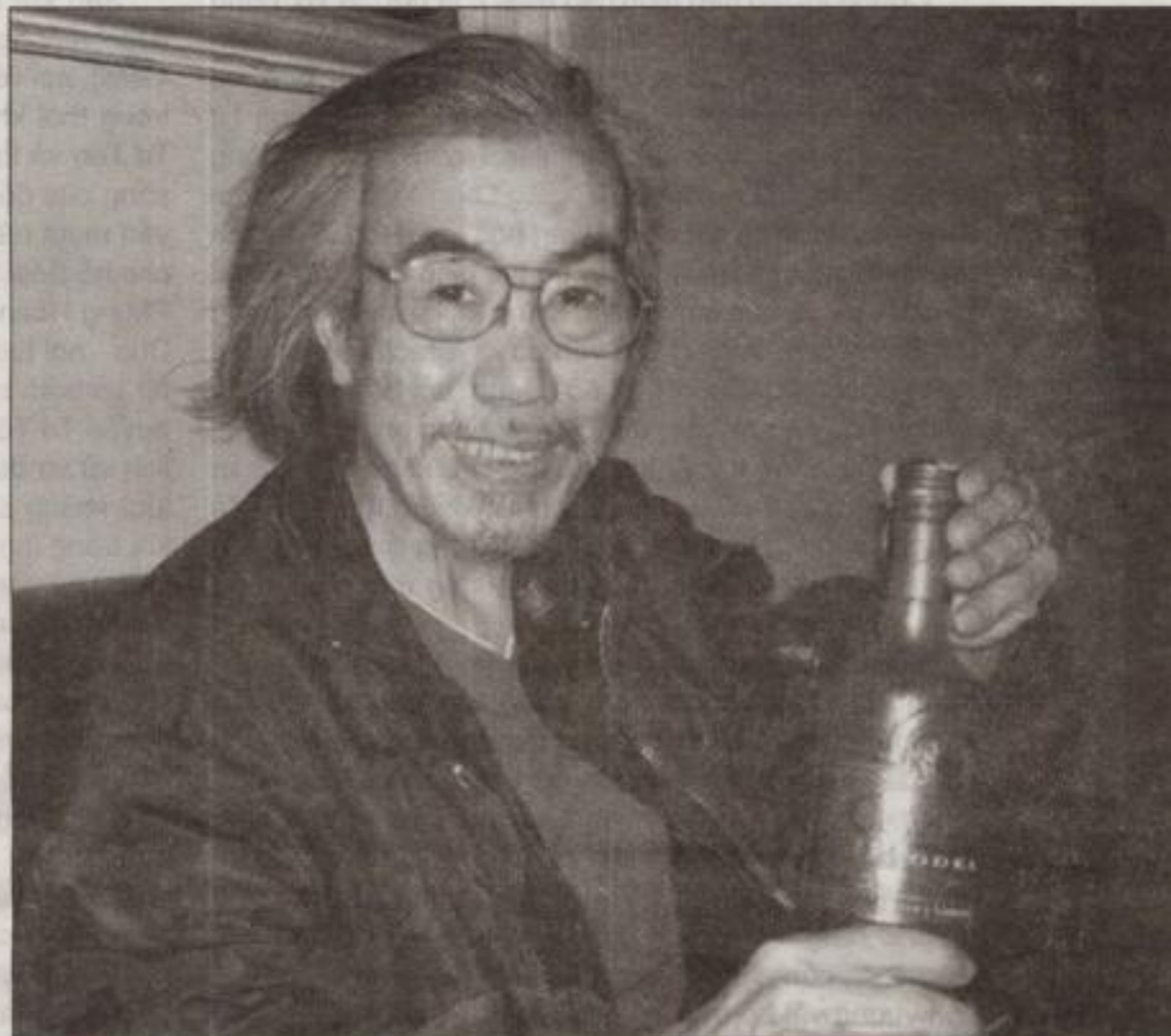
Tôi đã thốt lên như vậy.

Người mang gương mặt ấy là nhà văn Hoà Vang. Sẽ có không ít người sẽ tranh luận với tôi về cái tên gọi ấy. Gọi thế thì sang cho ông quá. Nhưng ông là một kẻ rất biết thế nào là cái sang và có không ít cái sang. Gọi thế thì ngang tàng quá. Ông vốn là một kẻ ngang tàng. Gọi thế thì phong trần quá. Ông là một kẻ phong trần. Gọi thế thì sâu vụn nổi. Ông là kẻ sâu nhiều nổi. Một mái tóc màu bàng bạc, những chòm râu bàng bạc. Bàng bạc chứ không phải bạc. Râu tóc ấy ánh lên màu sáng của chỉ. Vừa bay và vừa nặng. Tôi không rõ ông đã bao nhiêu tuổi. Có lẽ gần sáu mươi thì phải. Nhưng khi ông mang gương mặt ấy thì bốn mươi, sáu mươi hay bảy mươi cũng chỉ là một.

Tôi biết ông đã lâu lắm rồi. Lâu như đọc một cuốn sách Tàu thời niên thiếu thấy một gương mặt như thế. Tôi biết ông nhưng ít gần ông. Ông thế nào một cách rành mạch nhiều khi tôi không dám xác nhận. Tên ông bắt đầu vang lên trong đầu tôi khi tôi đọc truyện ngắn *Sự tích ngày đẹp trời*. Truyện ngắn ấy được giải thưởng báo Văn nghệ có lẽ đã mười năm có lẽ. Ngày ấy, đọc xong truyện ngắn đó, tôi muốn được nhìn mặt ông. Một câu chuyện viết về sự thất bại của cả hai người anh hùng trong tình yêu: Sơn Tinh và Thủy Tinh. Đến bây giờ tôi vẫn nghĩ về câu chuyện ấy như thế. Mà tôi ngắm thấy cuộc đời là như thế. Tình yêu mãi mãi là một bí ẩn. Ông đã viết tác phẩm đó với một ngôn ngữ quyến rũ lạ thường: buồn và lòng lầy. Ngày nay văn chương tung hoành ngang dọc, nhiều trò lăm chiêu nhưng lại ít thấy vẻ đẹp và buồn thảm thâm ái.

Tôi muốn nhìn mặt ông không phải để xem cái người sinh ra triết lý: Tình yêu không bao giờ là tài sản của bạo lực và mưu mô mà là để ngắm nhìn gương mặt của người đã viết ra những câu văn đẹp. Rồi tôi gặp ông và ông làm tôi bối rối. Sau này tôi mới hiểu cái đẹp sinh ra từ một tâm hồn đẹp chứ không phải từ một khuôn mặt đẹp. Nói vậy không có nghĩa là ông xấu giai mà ngược lại. Nhưng gương mặt ông mãi mãi là gương mặt bất ổn. Sau này Hoà Vang viết *Nhân Sự* và hàng chục cái khác sâu sắc hơn, lạnh lùng hơn, nghiệt ngã hơn nhưng lòng lầy thì không hơn được *Sự tích ngày đẹp trời*. Nhận xét này có lẽ hơi cảm tính chăng? Nhưng tôi đang viết những dòng này không phải để lý giải hay phân tích tác phẩm. Tôi đang viết mơ hồ về một người cũng rất mơ hồ. Mơ hồ ở đây không phải là sự không hiểu biết về người mình đang viết. Tôi muốn nghĩ về ông như nghĩ về bao thân phận tôi thấy thấp thoáng đâu đó trên cõi thế này mà cụ thể ở cái thành phố thủ đô này. Có những người, có những cái chỉ thấp thoáng đâu đó mà lại ám ảnh ta, lại làm ta phải suy ngẫm

Tháng bảy năm nay mưa nhiều. Một chiều ngồi uống cà phê nhìn phố xá ngập nước trong mưa lại nhớ đến nhà văn Hoà Vang. Nhớ bởi truyện ngắn Sự tích ngày đẹp trời của ông. Nhớ và quả thực lúc đó chỉ muốn ông hiện ra, ngồi xuống cà phê cho đến lúc tưởng mình chìm mãi vào cơn mưa... Về nhà lục lại bài viết về ông cách đây trên dưới mười năm khi Hoà Vang vẫn còn sống và gửi cho Văn nghệ.



Nhà văn Hòa Vang

không phải về phía tốt, phía chưa tốt mà là nghĩ về sự hiện diện của một cuộc đời. Bởi nhiều lúc, chính tôi cũng thấy tôi thấp thoáng đâu đó rồi lại biến mất mà lục tìm mãi cũng không thấy chính mình. Cuộc đời nhiều lúc thật kỳ lạ. Một cái thìa uống cafe bằng nhôm hơi xỉn màu nằm đâu đó trên mặt bàn loang lổ bóng tối trong một quán cafe cũ Hà Nội vào một chiều mùa đông mưa phùn xa xưa lại hiện lên lấp lánh và đẹp và thân thuộc lạ kỳ đến mức bây giờ ngồi uống cafe với cốc thìa sang trọng vẫn thấy cafe thiếu một cái gì đó thật quan trọng.

Cách đây để đến mười năm, ông và nhà thơ người xứ Đoài Nguyễn Lương Ngọc đã làm một cuộc đi bộ dọc đất nước. Chính Hoà Vang nói với tôi làng Chùa quê tôi là lý do thôi thúc hai ông thực hiện chuyến đi ấy. Họ về làng Chùa và nghe câu chuyện về những người đã đứng lên chỉ đạo phá khu chùa cổ làng tôi. Một người sau này tuyệt tự. Ông ta nuôi mấy đứa con nuôi nhưng chúng cứ đến nhà ông phá nát nhà ông rồi lại bỏ đi. Một người bị bệnh chữa bấp chân đau đớn cho đến khi chết. Ngày tiền ông ở báo Văn nghệ tôi cũng có mặt. Ông khoác ba lô chào tạm biệt mọi người ra đi. Chiếc ba lô to trùm kín lưng ông. Lưng ông cong xuống. Ông vốn là một người hơi thấp và hơi gù nên lúc đó nhìn ông cong hơn, như bị lún sâu trên đường giống như cái cọc bê tông bị đóng chìm dần xuống đất. Sau này gặp ông, tôi lại nhớ lại hình ảnh ngày ấy. Ông bước đi như một trong những kẻ nhàn nhai của thế gian. Hai người đi bộ thì bây giờ một

người đã thiên thu. Hoà Vang vẫn còn đây. Tôi không hỏi ông nhưng tôi tin đôi lúc ông vẫn nằm mộng thấy mình đi bộ. Không hiểu sao, tôi cứ nghĩ người như Hoà Vang sinh ra chỉ có thể đi bộ mà thôi. Hoà Vang đi xe máy thì trông thế nào nhỉ và ngồi ở to Nhật thời nay thì hết sức đối nghịch. Có lẽ ông chỉ hợp với đi bộ hoặc cưỡi la. Hoà Vang mà cưỡi la với cái lưng hơi gù và râu tóc màu sáng của chỉ thì tuyệt đẹp. Nhất là từ khi tôi thấy ông mang một gương mặt cổ xưa. Cho dù ông là kẻ hào hoa, người Hà Nội chính gốc và sống với những tiện nghi của thời văn minh. Nhưng cổ xưa không phải là cái mà nhiều người hình dung. Tôi đã có một lần ngồi ăn trưa với ông trong một nhà hàng và tôi nhận thấy gương mặt Hoà Vang làm cho cả bữa tiệc ở nhà hàng đen sáng tung bùng với các cô tiếp viên mặc váy lung đùi và toả mùi mỹ phẩm cao cấp cũng như bị lui về xa xưa. Tôi không bảo là tôi thích và cũng không bảo là tôi ghét gương mặt ấy mà là tôi bị ám ảnh về gương mặt mang cảm giác hoang hoang, bất ổn và đôi lúc xa xôi đến tận chân trời...

Quả thực khi viết những dòng này, tôi đã bấm máy gọi cho nhà văn Hoà Vang hai lần nhưng máy đang khoá. Ông tự khoá máy hay hết tiền quá lâu bị bưu điện khoá tôi cũng chẳng rõ. Tôi gọi để hỏi vài điều cho bài viết. Bởi tôi lại bị rơi vào cái mà tôi không muốn ngay từ đầu là viết về ông với sự mơ hồ của tôi và của chính ông. Nhưng cũng may là máy khoá. Bởi tôi không muốn viết rằng Hoà Vang đã từng chiến đấu ở chiến trường

Nam bộ, từng làm việc ở Hãng phim truyện, từng đoạt nhiều giải thưởng văn chương vv... Và thế là tôi được viết về ông như chẳng viết về một kẻ hiện ra trong giấc mộng của mình. Những kẻ hiện ra trong giấc mộng lúc nào cũng ám ảnh đôi lúc đến hoang hốt những lại chẳng bao giờ cụ thể từng nét. Nhiều lúc đang viết, tôi mơ hồ đến phải tự hỏi: "Có một người là Hoà Vang như thế này thật không? Vì sao mi lại viết về một người mà có lúc mi nghĩ là không có thực, một người cứ như là mi tưởng tượng ra". Vừa dứt câu hỏi thì Hoà Vang lại hiện ra quá rõ ràng với ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp từng làm, nơi ở, ẩm thực, cá tính... Và ngay lúc đó tôi kêu lên: Thế mới là Hoà Vang. Hoà Vang là người mà khi tôi nghĩ ông mơ hồ thì ông vụt hiện thực có lúc đến khó chịu và khi tôi nghĩ ông hiện thực thì ông bỗng mơ hồ như không có.

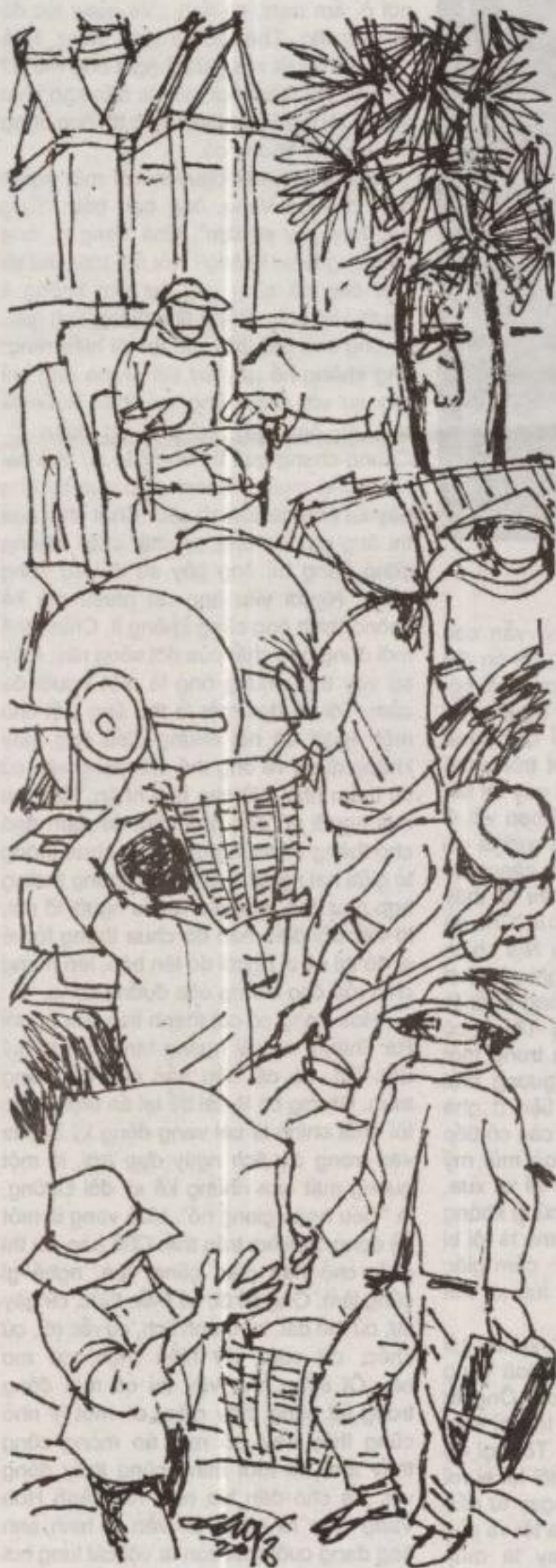
Có lần tôi nói chuyện với một người bạn về Hoà Vang, ông bạn bảo: "Ông này hay gây sự lắm". Hoà Vang ơi, ông có hay gây sự không? Hỏi thế thôi chứ tôi biết ông đã từng gây sự làm không ít người khó chịu. Bởi vì ông thẳng tính quá. Nhưng cho đến bây giờ thì tôi hiểu rằng: ông không hề gây sự với ai mà ông chỉ gây sự với chính ông mà thôi. Buồn tẻ quá thì ông gây sự phá sự buồn tẻ. Chung chung quá thì ông gây sự phá cái sự chung chung. Khách sáo quá thì ông gây sự phá cái khách sáo. Chặt chẽ quá thì ông gây sự phá sự chặt chẽ. Không công bằng thì ông gây sự đòi sự công bằng. Người yêu ông rất nhiều mà kẻ không thích ông cũng không ít. Chính thế mới đúng bản chất của đời sống này. Gây sự vậy thôi nhưng ông là một người đa cảm. Tôi có đọc một lá thư ông viết cho một người đã nói những điều ông thấy không đúng về ông thế mà giọng văn cứ thì thầm như viết cho tình nhân. Rồi còn mời người đó đến nhà chơi để đàm đạo cho thông tỏ những điều còn chưa thông tỏ giữa hai người. Tôi ít thấy những trường hợp như thế. Bởi quá nhiều người lỡ nói, lỡ viết đôi điều nào đó chưa thông tỏ về ai đó thì sẽ bị người đó lên báo, lên mạng chửi rủa cho chẳng còn đường sống.

Hoà Vang có cái thanh lịch của người Hà Thành, có cái ngang tàng của kẻ sỹ Bắc Hà, có cái sâu sắc của kẻ thăng trầm. Nhưng có lẽ cái để lại ấn tượng cho tôi nhất chính là cái vang động kỳ lạ của văn trong *Sự tích ngày đẹp trời*, là một gương mặt của những kẻ sỹ đời Đường, là "Tiểu ngạo giang hồ". Hoà Vang là một kẻ dong chơi nơi trần thế. Chỗ nào vui thì ghé, chỗ nào giận cũng qua, nghề gì cũng làm. Ông cứ đi, cứ thẩn thức, cứ gây sự, cứ thờ dãi, cứ thanh lịch, cứ rắc rối, cứ khóc, cứ cười, cứ hiện thực, cứ mơ hồ...Ồi sống như vậy thì có một đồng trong túi cũng thấy giàu, có một ly nhỏ cũng thấy say, có một áo mỏng cũng thấy ấm, có một mình cũng thấy đồng vui. Và cho đến lúc này, hình ảnh Hoà Vang hiện ra trong tôi vẫn là hình ảnh ông đang cười một con la với cái lưng hơi gù đi qua thành Cửa Bắc.

Còn ông đi đâu thì tôi không biết. ■

KHI ĐẤT ĐÁP LỜI

Bút ký của NGUYỄN LẬP EM



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

1.

Lần đầu tôi đến núi Cô Tô ở Tri Tôn (An Giang), cách đây hơn ba mươi năm, đó là vào những năm đầu 80 của thế kỷ 20. Lúc ấy, Tri Tôn vẫn còn quen một tên gọi khác: Xà Tón. Thật ra, đó là tên gọi chợ trung tâm ở thị trấn miền núi này: Chợ Xà Tón. Sau đó, tìm hiểu sâu và rộng hơn, tôi được biết, ở khu vực thị trấn miền núi này, có một ngôi chùa lớn của người dân tộc Khơ - me là chùa Xvay-ton; có lẽ, từ tên ngôi chùa này, người dân gọi tên chợ trại đi thành địa danh trên.

Núi Cô Tô còn có tên gọi rất đẹp là Phụng Hoàng Sơn, là núi cao nhất nhì trong dãy Thất Sơn ở An Giang, cao hơn sáu trăm mét so với mực nước biển. Huyền thoại kể rằng: Vào thuở hồng hoang, ở núi này, thường có loài phụng hoàng đến trú ngụ, theo đó mà người đặt thành tên núi; nhưng người ta lại vẽ nên một cảnh quan đẹp, rằng: Nếu đứng nhìn từ xa, Cô Tô giống như con chim phụng hoàng nằm rải cánh giữa đồng Tứ giác Long Xuyên.

Chúng tôi leo đến đỉnh cao nhất của núi Cô Tô, đứng ở Vồ Lớn, nghe gió từ bốn phương vi vút thổi, cảm nhận đầy đủ độ cao của một trong những đỉnh Thất Sơn; và nhìn bao la mới thấy sự mệnh mông của cánh đồng Tứ Giác trải ra ngút ngàn đến tận biển Tây. Theo như thông tin mà chúng tôi có được: Tứ giác Long Xuyên vào thời điểm này, mức độ đất còn hoang hóa là rất lớn. Diện tích mà người nông dân vùng này có thể gieo trồng được trải ra như tấm da beo lam nham, loang lổ, lại cho sản lượng lúa không cao, thường là ở ven bờ kinh rạch và các xóm làng. Đồng sâu vẫn còn bị bỏ hoang, bởi hệ thống thủy lợi chưa đủ để tưới tiêu; đất còn bị nhiễm phèn rất nặng, không thể trồng trọt gì trên đó được. Lúc này, tổng sản lượng lúa của An Giang vẫn còn rất khiêm tốn, chưa đủ cung cấp lương thực cho người dân trong tỉnh; An Giang còn phải nhận điều tiết của trung ương mỗi năm hàng trăm tấn gạo.

Núi Cô Tô, lúc này, vừa thoát khỏi bom đạn chiến tranh chưa được mười năm; rừng cây trên núi đã lên xanh tốt nhưng dấu tích của sự tàn phá do bom đạn vẫn còn đầy rẫy trên những thân cổ thụ bị phạt đứt nhánh, lia cành và còn đó cả những vách đá núi bị đạn bom đánh bể. Người du kích địa phương đi cùng chúng tôi nhắc nhở: Chỉ nên đi theo lối mòn, đừng tràn lan vào rừng, e rằng ở trên mặt đất đá và trên tàn cây, dọt cỏ, mà đơn vị công binh của ta chưa kịp rà tìm, dọn dẹp, sẽ còn vương vãi bom, mìn và lựu đạn... Chúng tôi nhìn từ trên độ cao xuống, về phía ngọn đồi Tức Dụp ở phía Tây chân núi Cô Tô - ngọn đồi có cái tên huyền thoại: Ngọn đồi hai triệu đô la! Đó là một huyền thoại bi hùng từ cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của Cách mạng An Giang trong thời kháng chiến. Vì sao quân đội Mỹ - ngụy đã dành nhiều bom đạn đến như vậy để đánh vào Tức Dụp, là một lò ăng có chu vi chưa đến hai ki lô mét ấy? Vì Cô Tô và Tức Dụp là nơi, mà theo nguồn tin của phía bên kia biết được: Đây là căn cứ Cách mạng lớn nhất của Tỉnh ủy An Giang - nơi là đầu não của cuộc cách mạng An Giang trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, lại là cầu nối của Trung ương cục miền Nam về chiến trường miền Tây Nam bộ. Có một thời, vào những năm trước 30 tháng 4 năm 1975, Cô Tô - Tức Dụp là trọng điểm đánh phá của quân đội Mỹ - ngụy với rất nhiều bom pháo. Tọa độ đỏ thường xuyên trên bản đồ quân sự của Mỹ - ngụy ở tỉnh Châu Đốc là Cô Tô - Tri Tôn. Máy bay của họ đi đánh phá ở đâu, trên đường về ngang đây, cánh bay còn dư bao nhiêu bom pháo đều trút cả vào Cô Tô và Tức Dụp; và thậm chí, có những quả bom, từ nơi xuất phát còn ghi cả địa danh đem đến: FOR TO THE TRI TON; những người du kích của lực lượng Cách mạng ở vùng này đã đọc thấy chúng trên những quả bom lép còn nằm chỏng chơ ở núi Cô Tô.

Trường đài truyền thanh huyện Tri Tôn, lúc này, Nguyễn Huệ Hưng, bảo với chúng tôi: Dân ở các xã quanh chân núi Cô Tô như An Tức, Ô Lãm, Cô Tô... phần đông là dân tộc Khơ - me còn rất nghèo, ngoài việc trồng lúa ruộng trên và chăn nuôi heo, bò, gà, vịt thì không có việc làm gì khác; hồi chiến tranh, họ lại phải bỏ phum sóc, ruộng vườn mà ra đi trong các cuộc dồn dân lập ấp của quân đội Mỹ - ngụy. Sau khi đất nước được thống nhất, bà con được trở về làng cũ, dựng lại nhà; cuộc sống ở phum sóc dần được phục hồi; bà con lại gieo trồng và chăn nuôi gia súc nhưng đầu dễ thoát khỏi đói nghèo trong một sớm, một chiều. Chúng tôi đứng ở đỉnh cao của Phụng Hoàng Sơn, nhìn bao quát:

Cánh đồng Tứ giác Long Xuyên đầy phèn chua vẫn cứ mệnh mông trải đến ngút ngàn xa và Tri Tôn ở một phía này với các xóm làng, phum sóc ở vùng núi Cô Tô, núi Cẩm, núi Dài, núi Tà Bạ, núi Nam Di... Tất cả đều vừa trải qua một thời tan tác dưới bom đạn chiến tranh; ngẫm nghĩ sẽ không biết còn đến bao lâu nữa cuộc sống của người dân nơi đây mới thoát khỏi cảnh khổ của đói nghèo.

Chúng tôi lại theo lối mòn xuống núi, cầm cùi mà đi, chợt nhận ra những bông hoa ré đồ rực nhú đầy mặt đất ở ven bờ rừng - đó là những bông hoa dại của núi rừng Cô Tô nằm ủ suốt mùa khô trong lòng đất, bật lên sinh sôi khi mùa mưa hàng năm vừa mới bắt đầu. Sự sống là vậy, dù chỉ là những bông hoa dại, lực sinh tồn vẫn cứ ẩn tàng trong lòng đất, chờ đợi và bật lên một sắc đỏ mạnh mẽ, nồng nàn. Tôi không nói thành lời nhưng trong tâm cảm cứ mãi niềm hy vọng ở người và đất Tri Tôn vào những mùa sau.

2.

Sau khi hoàn thành tiểu thuyết *Ở lại đời Tức Dụp* (Hội văn học - nghệ thuật An Giang xuất bản năm 1995), nói về cuộc chiến đấu bảo vệ căn cứ Cách mạng trong thời kháng chiến chống Mỹ của quân dân huyện Tri Tôn và tỉnh An Giang, tôi có dịp trở lại, đã thấy cuộc sống của đồng bào ở đây có nhiều khởi sắc. Núi Cô Tô vẫn mượt mà xanh. Suối Vàng đã mang lại nguồn nước cho hồ Soài So - một địa chỉ du lịch sinh thái dưới chân Phụng Hoàng Sơn; và cả cánh đồng dưới chân đồi Tức Dụp - nơi từng là bãi chiến trường với bao lớp rào gai và tất cả bom mìn, đạn, pháo... đã được tỉnh An Giang và huyện Tri Tôn đầu tư xây dựng nên Khu bảo tồn di tích lịch sử và danh thắng - hằng năm đón chào hàng triệu lượt khách du lịch đến tham quan và tận hưởng không khí trong lành của một vùng núi non xanh tươi, trù phú. Quà khứ của thời chiến tranh đã lắng xuống, trở thành bài học về sự kiên cường bất khuất bảo vệ Tổ quốc của bao lớp người yêu chuộng hòa bình trên đất nước này. Giờ đây, con đường vòng quanh chân núi Cô Tô đã được tráng nhựa, nối liền các đường ô, rộng mở, quang đãng cho đồng bào phum sóc An Tức, Ô Lãm, Cô Tô trở về xây dựng lại cuộc sống yên bình, ấm no và hạnh phúc.

Lại nói về cánh đồng Tứ giác Long Xuyên. Từ những năm 80, các chuyên gia khoa học nước ngoài và trong nước đã đến khảo sát vùng Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên. Các nhà khoa học Việt nam đã khẳng định: "Cây lúa sẽ sống khỏe trên vùng đất phèn nặng này bằng kỹ thuật ếm phèn và né lủ". Cùng với chính sách di dân của các địa phương và áp dụng kỹ thuật đặc biệt cho vùng đất nhiễm phèn nặng, chính phủ đã khai hoang vùng Đồng Tháp Mười thành công; tiếp đến là vùng Tứ Giác Long Xuyên. Cuộc vận động toàn lực với quy mô lớn của tỉnh An Giang được thực hiện từ những năm cuối 80 của thế kỷ 20, đến suốt mười năm mới hoàn thành. Đến lúc này, cánh đồng Tứ Giác Long Xuyên, trong tầm nhìn bao quát khi đứng trên đỉnh Cô Tô, đã trải thảm xanh - màu xanh cây lúa chứ không phải là đồng hoang, cỏ lác nữa. Ông Nguyễn Minh Nhị, hiện nay là Phó chủ tịch phụ trách nông nghiệp của tỉnh An Giang, cho biết: Đến năm 1995 này, tỉnh An Giang đã cơ bản đào xong kênh cấp 2 trên cánh đồng Tứ giác Long Xuyên (khu vực thuộc địa phận An Giang) và giống lúa thần nông IR 50404 đã được đưa vào gieo trồng thay cho lúa mùa một vụ, đánh dấu một khởi đầu mới trên vùng đất phèn chua.

Sau này, trên một tờ báo, trong bài viết *Nhớ ơn ông Sáu*, tôi đọc được ý kiến của ông Nguyễn Minh Nhị có liên quan đến sự kiện lịch sử về phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long, như sau: "Khai thác Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên và Bán đảo Cà Mau do cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt khởi xướng từ những năm 1987, 1989, khi ông còn là Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng bộ trưởng, rồi Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng - Thủ tướng chính phủ, cả khi là cố vấn BCH Trung ương Đảng... Thực hiện những chủ trương của ông, đồng bằng sông Cửu Long đã đưa sản lượng lúa tăng gấp đôi (đạt hai mươi triệu tấn); riêng ba tỉnh An Giang - Kiên Giang - Đồng Tháp có sản lượng bằng phân nửa sản lượng của cả đồng bằng sông Cửu Long (mười triệu tấn); cả đồng bằng sông Cửu Long không chỉ là vựa lúa số một của cả nước mà còn là nguồn cung cấp chủ yếu để Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới...". Tôi nhớ, vào đầu những năm 80, khi ông Sáu Dân (tức ông Võ Văn Kiệt, Bí thư thành ủy

thành phố Hồ Chí Minh, sau này là Thủ tướng – xuất bản tập sách *Kinh chào thế hệ thứ tư*, lớp trẻ chúng tôi đã rùng rùng lên tiếng, lao vào cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước sau 30-4-1975, khi đất nước được thống nhất và hoàn toàn độc lập; và sau đó suốt hai mươi năm, ông đã cùng hàng trăm nghìn nông dân đồng bằng sông Cửu Long gọi đất thức dậy - Đất đã đáp lời, dù là những cánh đồng đã hàng trăm năm chìm đắm trong phen chua, lũ lụt và ngập mặn như Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, Bán đảo Cà Mau... Người gọi - Đất đã thức dậy, mang đến lúa gạo, ấm no và hạnh phúc cho cuộc sống sung túc của cả vùng nông thôn đổi mới ở mảnh đất tận cùng của Tổ quốc phía ở Tây Nam.

3.

Lần thứ hai trong năm 2012, tôi về lại Tri Tôn và đến ngắm lại dòng kênh mang tên cổ Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Bây giờ đã là mùa mưa, thời tiết đang tháng 5 nhuần. Mưa đã tắm tã trút xuống nơi này nhiều ngày qua nên cây lá ven bờ đầy vẻ xanh tươi; còn nước trong lòng kênh đã đục ngầu màu của phù sa. Ở phía bờ này, đầu nguồn, chỗ hợp lưu với dòng kênh Vĩnh Tế, chính quyền và nhân dân An Giang đã khánh thành một đài tưởng niệm cổ Thủ tướng Võ Văn Kiệt, người đã từng đến đây, từng lội bùn đất, xem xét để quyết định cho khai mở dòng kinh này, xẽ đồng Tứ giác Long Xuyên, thoát nước đến tận biển Tây. Tôi nghiệm rằng: Trong cuộc sống, có những người đã làm nên kỳ tích, ra quyết định mang tính lịch sử mà trăm nghìn năm sau vẫn còn ghi dấu, ta phải kể đến quyết định này của bác Sáu Dân; đó là dấu ấn của tầm nhìn, khái quát và tầm lòng của một con - người - lịch - sử đã vì cuộc sống của bao người mà tìm kiếm một lối thoát, một hướng phát triển, một lối đi... Sau này, có thể đời đời các thế hệ cư dân ở đồng bằng Sông Cửu Long khi ăn hạt gạo, củ khoai sẽ thấy bình thường thôi, như ăn mọi hạt gạo, củ khoai khác trên đời. Nhưng, nếu có khoảnh khắc nào đó họ chợt nghĩ lại, từ trong tận cùng chiều sâu lịch sử của một vùng đất, sẽ nhận ra một giá trị hết sức lớn lao mà tiền nhân đã để lại cho mình; khi ấy, người ta sẽ biết trân trọng thế nào hai tiếng *tiền nhân*.

Hiện tại, hàng trăm nghìn héc ta đất ở vùng Tứ giác Long Xuyên đã và đang sinh sôi, phát triển; sự sống nẩy mầm ở đây như là một cuộc thay da đổi thịt, như đất đai ở đây không từng hoang hóa, không từng đắm chìm trong lũ lụt và phen chua. Chúng tôi, những người bộ hành lãng du, đi theo sự tò mò của mình để khám phá cảnh quan, môi trường, ung dung ngồi xe hơi đời mới có gắn máy lạnh lướt đi trên đường tráng nhựa, sẽ không biết thế nào là sự đổi thay có ý nghĩa của cuộc sống người dân ở các xã vùng sâu Lương Phi, Ba Chúc, Vĩnh Gia, Vĩnh Diệu... này. Người dân ở xã Lương An Trà nói với chúng tôi: "Cách đây ba mươi năm, dân ở xã này muốn ra chợ Xà Tón phải ngồi đò dọc theo dòng kinh Vĩnh Tế mất cả ngày trời; nếu người ta sốt ruột, leo lên đường bộ mà đi thì cũng chỉ có lối mòn cặp bờ kinh; đường đất sét, gặp mưa trơn trượt còn chẳng nhích chân được nữa!". Bây giờ, tất cả đã khác! Con đường tráng nhựa thông thoáng, rộng mở cho hai làn xe hai chiều đã nối giao thông đến tận vùng sâu xa nhất của huyện Tri Tôn, ra đến Hà Tiên, đến tận bờ biển Tây. Cuộc sống của các cư dân vùng này cũng đã khác: Không như trước đây phải bị đắm chìm trong lũ lụt nặng mưa; người dân ở vùng này đã có thể làm chủ quy trình gieo trồng với các giống cây trồng cao sản và tăng một năm đến hai, ba vụ lúa; ở đây, mùa lụt không còn mênh mông như cách đây vài mươi năm nữa - mùa lụt giờ đã chỉ là mùa nước nổi đầm thắm, êm dịu mang lại sự tươi mới của phù sa nồng nàn cho đất rửa phen và thêm mầu mỡ mà thôi. Nguồn nước lụt dâng từ Mê Kông đổ về thoát theo các dòng kênh xả lũ, như kênh Vĩnh Tế, kênh Võ Văn Kiệt (T5), kênh T4, T3...ra biển Tây, chỉ tràn bờ loang loáng mặt đồng, một thời gian nào đó, đủ để đem lại nguồn lợi cho cuộc sống người dân trong vùng như tôm cá và phù sa, mà thôi! Chất lượng cuộc sống đang dần được nâng lên ở đây, tôi cảm nhận được điều đó, dù chỉ là trên chặng đường vừa mới lướt qua. Tôi đã lướt qua... gió, núi, mây trời, nhà cửa ở các xóm làng ven đường... và kia là cánh đồng bao la cùng những dòng kênh êm ả chảy xuôi. Tôi đã lướt qua và cảm kích, ngắm nhìn những dòng chảy đang miệt mài đổ ra biển Tây; đó là những dòng kênh đã đi vào lịch sử mở đất của vùng này!■

NGUYỄN HẠNH HIẾU

Một ngày lặng lẽ

Anh hiểu thu này sao lại buồn đến thế
Khi anh trở về một ngày lặng lẽ
Đêm châu thổ tìm em như thời trai trẻ
Đắm đắm sông Trà xuôi ra phía bể

Mùa gió heo may, mùa là khô rầm rì
Mùa lúa khoai, mùa hoa quả miến quế
Ký ức tha hương để lại những gì
Thao thức trong anh, năm tháng đi về

Em là đóa hoa lung linh đồng nội
Rời quê nơi đâu, biệt xa vời vợi
Nắng mưa dài dẫu sớm tối
Bèo dạt giữa dòng đời trôi nổi

Trăng hạ tuần gầy guộc lẻ loi
Cuối sông xa gió thổi xứ người
Cánh đồng ai gặt cả trăng rồi
Vắng tiếng chim gọi nhau về kiếm nhặt mồi.

Ly cốc tai và ly cà phê

Gặp lại nhau tình cờ
Người của thời xưa cũ
Ngồi chung bàn quán nhỏ
Em và tôi
Một ly cốc tai, một ly cà phê.

Chập chờn bóng nhớ đường quê
Nơi tiếm thức hiện về kỷ niệm
Áo trắng sân trường ước hẹn
Em và tôi
Phận duyên không thành đôi.

Một ly cốc tai, một ly cà phê
Người lầu son phố xá xuân thì
Phấn hoa đầm hàng mi ánh mắt
Người bụi bặm lang thang gương mặt
Con đường chìm nổi dãi dầy.

Hai phía tình cờ gặp nhau
Hương vị sẽ chia ngọt đắng
Âm thầm hưởng niềm riêng năm tháng
Tôi và em
Một ly cốc tai, một ly cà phê...

ĐÀO NGỌC PHONG

Cảng chân trái anh đâu?
Sao anh chưa lấp chân giả?

Ngực anh đạn còn lỗ - chỗ
Trời đang trở gió, anh về đâu ?

Hai cựu chiến binh từ hai phía
Người ở Đồng Hà,
Người ở San Francisco,
Ba mươi năm đang khép lại dần quá khứ...

Nỗi đau cuộc chiến vẫn chưa nguôi,
Đồng Hà còn mìn nổ,

NGUYỄN HỒNG VINH

Mộ chí chưa có tên

Tháng 7
Điện Biên chợt mưa tuôn
Chị lấm lũi dọc ngang
Từ Nghĩa trang Him Lam đến Đồi A1...
Mong manh tìm mộ Cha!

Tháng 7
Nghĩa trang Trường Sơn đổ lửa
Nước mắt cạn khô
Em trai Đường 9 năm nào
Chưa thấy tên mộ chí!

Cuộc kiếm tìm dang dở
59 năm gập ghềnh Điện Biên
38 năm điệp trùng Trường Sơn
Đồng đội của cha, của em
bao người chưa tìm ra hài cốt

Trong biển trời Tổ quốc
Những dòng tên chìm khuất âm thầm.

Sau cơn áp thấp

Sân ga bao lần đi - đến
Bữa nay áp thấp ập về
Mưa đuổi theo tàu sầm sập
Hồng Hà nước cuộn lưng đê

Bánh xe bập bênh, gập gáp
Bình yên nứt rạn hồn ta
Mùa thu trăng, sao trốn biệt
Cánh rừng nghiêng ngã, trắng mưa!

Đèn tàu thức cùng trang sách
Hàng chữ gieo mầm ngày mai
Niềm vui gửi theo ánh mắt
Chèo rệu thượng nguồn đợi ai...

Cuối thu cù lao sẽ hiện
Màu xanh ngút ngát đất trời
Áo em tìm chiều bờ bãi
Nhành hồng như cũng vợ gai?...

Sau ba mươi năm

San Francisco còn run sợ
Khi ngắm lại bức tường
còn khắc tên hàng chục vạn sinh linh...

Tôi ở tiểu đoàn Trường Sơn,
Anh ở sư đoàn Bạch Hổ...
Mười ơi!
Chúng ta đã giáp mặt nhau
bao lần trong đạn lửa?

Sau ba mươi năm
Đồng Hà còn mìn nổ...
San Francisco còn đổ bức tường đen.

Hàng quá đắt

Một ngày chủ nhật, tôi đi sắm hàng,
gặp ngay cô chủ
Ngồi sau ô cửa, miệng không ngớt lời rao.
Dầu tuổi trăng thể quá đắt
Mà vẫn ngày thơ, ngọt sốt mời chào...

"Xin anh mua hàng tươi mát
Giá chẳng bao giờ cao
Anh mua hàng em đi nào
Về mãi còn nhớ mồi!"

Tôi sững sờ bước ra cửa trước,
Ngắm mình quá đắt từ lâu
Chỉ sợ hàng quá đắt
Như cuộc đời quá đắt, chẳng chịu xếp vào tủ nâu.

Sau cửa hàng, quầy gương lấp lánh
Cô chủ hàng mắt sắc như dao,
Hàng hết đắt hãy còn rao bán.
Sữa da, son phấn hết đắt từ lâu...

Không ai cần biết
Cô chủ hàng cười tình khó
Chỉ trách mùa thu chưa hết đắt
Áo mùa đông cô đã vội chào.

Mùi son phấn tỏa hương ngậy ngát
Vào tận những ngõ sâu
Trời kia chừng không còn đất
Nên để đắm đuối mưa ngâu.

DIỄN ĐÀN LÝ LUẬN PHÊ BÌNH VĂN HỌC

NỘI LỰC VĂN HÓA Ở NHÀ VĂN

PHẠM QUANG TRUNG

Đọc hồi ký Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương (Nxb Hội Nhà văn, 2009) của Ma Văn Kháng, ý tưởng ấn tượng hơn cả đối với tôi có lẽ ẩn ở câu văn này: "Văn chương là chuyện tàng ư danh sơn, truyện ư vạn thế chứ đâu có phải là chuyện chốc lát, nhất thời" (tr.316). Nhà văn chắc có nhiều dụng tâm khi nhấn mạnh tới vẻ sau - truyện ư vạn thế. Tôi thì lại nghĩ, nếu không tàng ư danh sơn thì văn chương không thể truyện ư vạn thế được. Sự tiềm ẩn đối dào tạo nên nội lực của văn bản phải bắt nguồn từ sự tiềm ẩn đa dạng làm nên nội lực ở người làm văn.

TIẾP xúc với những ý nghĩ chân thật về nghề của nhiều nhà văn, đôi lúc tôi rất thú vị trước sự lúng túng của họ khi cần giải đáp những câu hỏi tưởng như giản đơn. Chẳng hạn, câu hỏi sau với Ma Văn Kháng: "Gần hết một đời viết rồi... bỗng dung muốn đặt ra một câu hỏi: vậy thì nhà văn viết bằng cái gì?" Chưa hết, lại đi cùng với sự thú nhận này nữa: "...và để trả lời tự nhiên tôi thấy lúng túng như sa vào đám mù sương khói hư vô vậy". Có lẽ những câu thơ cổ gợi ra một cách lý giải nào đó: *Quan hải nan vi thủy* (Nhìn mặt bể khó thấy gợn nước), và: *Thiên thủy hữu thâm nguyên* (Nước nông cũng có nguồn mạch sâu). Nhà văn tiếp tục giải bày với giọng điệu tâm tình: "Ừ thì ai chả biết và các giáo trình giảng dạy, các kinh nghiệm được phổ biến từ các bậc cao thủ... viết bằng nhận thức, bằng cảm xúc, bằng kỷ niệm chứ còn bằng cái gì nữa. Nhưng mà, ngoài những cái ấy ra? Còn cái gì nữa hình như chưa được nói tới và rất khó diễn đạt nó thành lời? Vì sự bí ẩn của nó, vì mới chỉ cảm nhận được nó mơ hồ?"

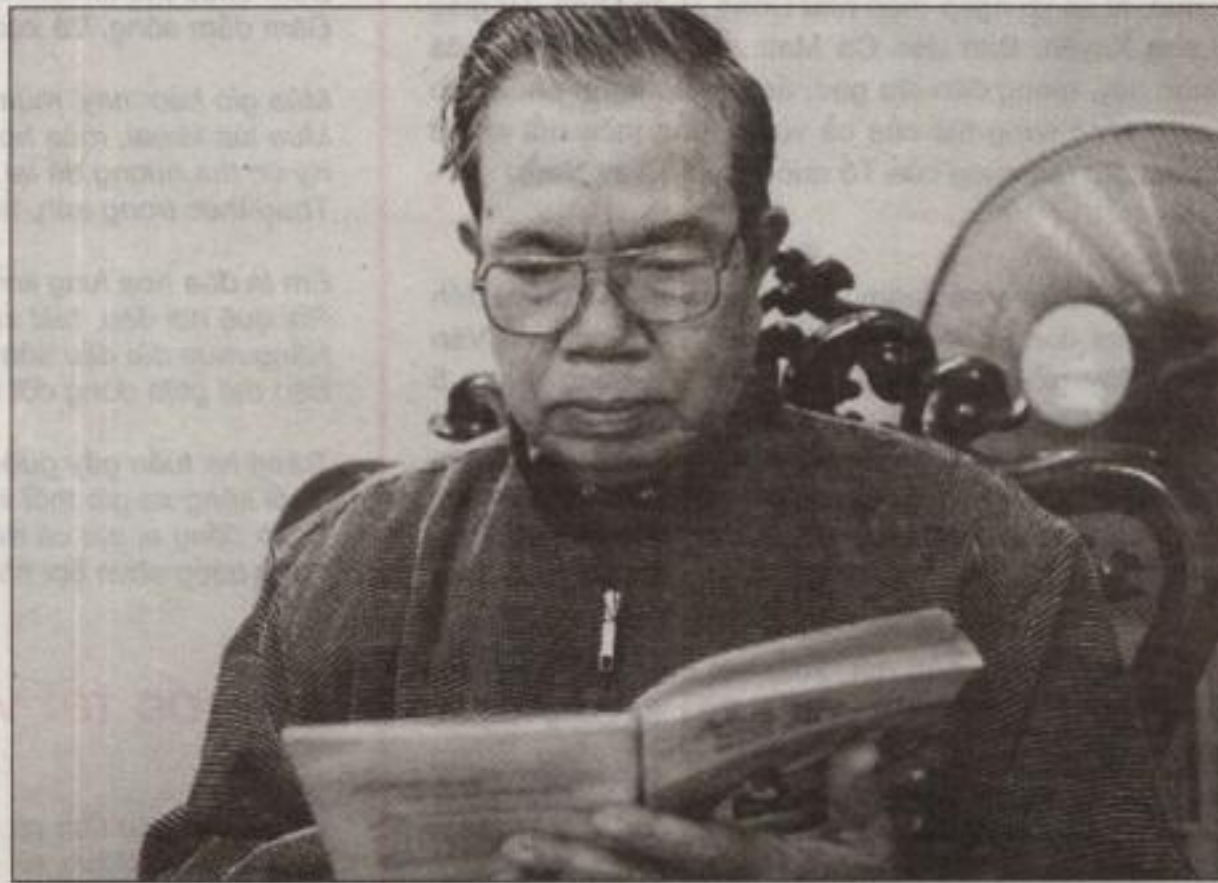
Lời giải dẫn hé lộ ra những điều vi tế mà mới nhìn thì chưa thể tỏ tường hết được. Đọc nhà mỹ học Tây Ban Nha Ortega y Gasset, anh thấm thía với câu nói, đại ý, nhà văn viết không chỉ bằng cảm hứng thôi đâu. Nhà văn viết bằng chất liệu. Không có chất liệu thì tài năng cũng vô nghĩa. Cũng giống như bác tiểu phu giới ở giữa sa mạc vậy! (tr.145). Bảo là hoàn toàn mới mẻ như một phát hiện động trời thì có lẽ không phải. Nền xem đây chỉ là một cách nhấn nhá khi bàn tới vốn liếng nhiều mặt ở nhà văn. Lại như một cuộc đối thoại ngầm ngầm. Với mình nhiều hơn là với người. Cái đích cần đạt là tạo nên sự cảm thông rộng rãi cần thiết nơi bạn đọc. Nên, Ma Văn Kháng như mang cả cuộc đời và những thành tựu sáng tạo được nhiều người thừa nhận của chính mình ra làm minh chứng.

Hồi ức đối với một nhà văn giàu ý thức nghề nghiệp như Ma Văn Kháng không chỉ là nhớ lại mà trên hết là kiểm duyệt lại. Một cách nghiêm cẩn nhất có thể. Những bài học về nghề vi tế thường được đúc kết trong một dạng thức sinh động. Kèm theo những lời dẫn giải nhìn chung là thấu lý thấu tình. Tôi nghĩ anh hoàn toàn có cơ sở để dành cho nhà trường vai trò đào luyện mang tính quyết định khi nhìn lại chặng đường viết văn dài lâu và cực nhọc của mình: "Và nếu hôm nay tôi có được bạn đọc công nhận là nhà văn thì công lao tạo nên tôi, trước hết là thuộc về nhà trường" (tr.39). Bởi, theo anh, "nhà trường thuở thiếu niên bao giờ cũng vẫn là cái vườn ươm gây mầm các tài năng văn chương", "vì ít nhất nó cũng góp phần làm cho nhà văn có được khái niệm kiến thức văn hóa của mười nghìn năm trước mình, như Garcia Marquez đã có lần nói" (tr.42). Câu nói lưu truyền rộng rãi của văn hào Mỹ Latinh này được nêu ra đầy đủ như sau: "Những người biết cách kể có thể trở thành nhà văn, sau khi đi một con đường dài để học hỏi kỹ thuật và một cái gì đó vô cùng quan trọng, đó là văn hóa cơ bản" (PQT nhấn mạnh). Anh hiểu "văn hóa cơ bản" với nhà văn trước hết là hàng nghìn năm văn chương dân tộc và nhân loại kết tinh trong những tác phẩm được xem là cổ điển đã vượt thoát khỏi bao thử thách khắc nghiệt của thời gian. Tuy nhiên, anh rất nhớ, G.

Marquez còn lưu tâm tới con đường "nhất thiết phải là đặc thù", và, điều này còn đáng nhớ hơn, nhất thiết phải "không chính quy". Văn hào này đã từng thực thi đúng như vậy tại trường điện ảnh San Antonio de Los Baños ở Cuba, trong một lớp huấn luyện mang tên *Kể chuyện như thế nào?* (tr.189).

Điều này không hề mâu thuẫn với những lớp truyền nghề tập trung. *Ấm hà dương tự ngộ* (Khi uống nước sông tự ta phải tỉnh ngộ). Ma Văn Kháng từng tu luyện về nghề viết suốt chín tháng trời ở Trường Bồi dưỡng những người viết văn trẻ của Hội Nhà văn, tại Quảng Bá từ 1973 đến 1974. Anh diễn tả ấn tượng có được từ lớp học nghề thực thụ lần đầu tiên này: "Có cảm giác mình từ con ngòi nhỏ bé bức bối, giờ ra sông ra bể, đứng trước một thế giới mở bao la, bộn bề, mới mẻ, tôi như kẻ khát được uống, đói được ăn, như tờ giấy thấm tiếp nhận một cách tham lam tất cả" (tr.188). Cuối tháng Tư năm 1974, khóa học kết thúc. Như không kim nén được dòng cảm xúc mới lạ dâng trào, anh bồi hồi nhớ lại: "Một vùng trời mới đã mở ra trước mắt tôi. Trong tôi, một sức sống mới đang nảy mầm, cửa động... tôi muốn đoạn tuyệt, đoạn tuyệt hẳn với những trang viết trước đây của mình" (tr.193). Một sự rạn vỡ của nhận thức cũ đi cùng với một sự soi sáng bởi nhận thức mới: "Với tôi, lớp học là một cuộc khai sáng". Có thể một ai đó xem đây đơn thuần chỉ là một cách nói nhằm tôn vinh những cách nhìn mới cùng lối tư duy mới về nghề viết. Nếu đặt vào hoàn cảnh riêng của nhà văn Ma Văn Kháng khi đó và hoàn cảnh chung của các cây bút trẻ thời ấy thì sẽ thấy tin hơn vào những gì anh bộc bạch là chân thực. Tôi không lấy làm ngạc nhiên khi biết những tư liệu văn chương mới mẻ mà anh được tiếp xúc qua lớp học: "Tôi thường được các bạn truyền tay cho đọc những tác phẩm không được phổ biến lúc bấy giờ. Một ít ấn phẩm từ Sài Gòn gửi ra... Đặc biệt là bài phát biểu của Xôngienitxun trong lễ trao giải Nôben, trong đó ông nói: cuộc sống có nhiều chứ không phải có một bậc thang giá trị (- PQT lưu ý). Đây là một ý tưởng đơn giản nhưng hết sức sâu sắc với tôi mà lần đầu tiên tôi được tiếp nhận và nhớ mãi" (tr.192). Từ đó, những lời nói mang tính quan niệm hiện đại của các nhà văn đến từ những chân trời khác đều được anh chủ tâm ghi nhớ. Như câu nói L. Borges, nhà văn lớn Argentina: "Văn chương bắt đầu bằng huyền thoại và kết thúc cũng chính bằng điều đó" (tr.257). Dòng chủ lưu tả thực xã hội được điều chỉnh nếu không muốn nói là được bổ sung. Từ quan niệm uyển chuyển sẽ đưa tới một cách viết uyển chuyển. Mục tiêu khám phá cuộc sống và biểu hiện tư tưởng của nhà văn đã tìm thấy nhiều con đường thể hiện. Không còn độc tôn một cách thức như trước nữa.

Cũng cần hiểu việc trau dồi vốn văn hoá không hề tách biệt với việc trau dồi các vốn liếng khác ở nhà văn, như vốn sống. Ma Văn Kháng viết: "Tôi đã lắng nghe, đã dõi theo cuộc đời, đã sống cuộc sống với các cung bậc, cùng là những huyền thoại của nó, như G. Marquez có lần nói" (tr.238). Đã có những phát hiện trong những ý kiến tưởng như quen thuộc, chẳng hạn "các cung bậc" của cuộc đời. Ý thơ sâu sắc của Nguyễn Trãi



lại đem tới một sự khai mở khác: *Tổ kiến nhờ sục toang để vỡ!* gợi ý cho tôi một cách đánh giá cuộc sống" (tr.255). Không phải người cầm bút nào khi đi vào cuộc sống cũng chú tâm tới "cách đánh giá" như thế đâu! Phải tinh táo và bản lĩnh lắm mới thấu được cái lẽ lớn lao ấy của cuộc đời để nâng tầm các trang viết. Rồi vốn văn hoá trong quan hệ mật thiết với vốn nghề nghiệp nữa, bởi như Ma Văn Kháng xác định: "Nhà văn làm việc với từng từ một" (tr.490).

Theo lời khuyên của Ortega y Gasset - "tiểu thuyết là một thể loại đùng đùng", cuốn sách *Ngược dòng nước lũ* được Ma Văn Kháng viết trong tinh thần "Hãy vội vàng một cách chậm rãi". Điều này được anh giải thích: "Trước hết đó là một cuộc chuẩn bị thật kỹ lưỡng, tỷ mỉ về mặt tư liệu. Và sau đó triển khai bằng một lối viết nhấn nhá" (tr.427). Với một định hướng nhất quán, anh tìm đến quan niệm tiểu thuyết hiện đại của M. Kundera, nhà văn Pháp gốc Tiệp Khắc, ứng cử viên nhiều năm của Giải Nobel Văn chương. Bàn về tiểu thuyết, M. Kundera cho rằng, "nó là một thiết bị có khả năng sáp nhập tới đa mọi diễn từ nhằm đạt tới một hiệu quả chân lý mà không một phương tiện nào có thể đạt được". Mở rộng ý tưởng này của nhà văn bậc thầy, anh nghĩ: "Văn chương cũng chính là vậy, nó là một kiểu hình tượng diễn đạt một chân lý mà không có một kiểu cách nào đạt được như nó". Bởi vậy, giữa ngồn ngộn các trào lưu, anh quyết định "chọn kiểu viết mới" của tác giả *Sự bất tử* vốn để lại trong anh "nhiều ám ảnh và hứng thú nhất". Hơn thế, Ma Văn Kháng còn thừa nhận: "Tôi bắt chước ông, tất nhiên chỉ là về hình thức cấu trúc và theo cái tạng của tôi, ở chỗ mở rộng trường phản ánh khi miêu tả và tăng cường thêm các diễn ngôn ở những chỗ có thể và cần thiết!" (tr.426).

"Tôi vốn là người rất thích, rất chăm đọc lý luận và luôn cố gắng tìm ở đó những tia sáng có khả năng soi đường" - Ma Văn Kháng đã khởi đi một mạch khác trong tâm sự nghề nghiệp của mình như vậy. Có thể xem lý thuyết, và cả phê bình văn chương, là một trong những nền tảng bồi đắp nền tảng cao của tiểu thuyết Ma Văn Kháng. Anh bộc bạch: "Tôi có thiện cảm với các nhà lý luận, phê bình văn học"; rồi: "Tôi rất chịu khó đọc lý luận phê bình. Thứ khoa học văn chương này giúp ích cho tôi rất nhiều trong quá trình sáng tác. Nó là người bạn thông tuệ của tôi". Hiếm có nhà văn Việt Nam đương đại nào lại có những lời đánh giá cao mà thật đến thế dành cho lĩnh vực thường "bị" giới sáng tác "ghẻ lạnh" là lý luận-phê bình. Có hơi hợt và đôi

bôi? Tôi không may may thấy gợi lên điều đó.

Những lời nói sau được các nhà lý luận, phê bình văn chương thuộc mọi thế hệ đón nhận nồng nhiệt: "Với tôi, họ luôn luôn là những người bạn đồng hành rất đáng trọng, đều là những người học hành có bài bản, am tường nghề nghiệp và từng trải lẽ đời". Rồi khi nghe Ma Văn Kháng lên tiếng đòi hỏi nghiêm khắc đối với lĩnh vực mà anh gọi là "chuyên ngành xã hội - thẩm mỹ lớn" này thì dường như không một ai cảm thấy chạnh lòng: "Gánh vác việc này không thể là những người làm nghề nghiệp dư. Càng không phải chỉ là mấy người theo dõi, viết bài điểm sách văn nghệ trên báo chí... Viết lý luận, phê bình khó lắm! Phải có học. Phải hiểu đời. Sức nghĩ phải dài rộng. Lại phải có năng khiếu, có duyên thì mới có thể đóng trọn vai được" (tr.422 và 423).

Từ ngày xem việc nghiền ngẫm lý luận như là một trong những đường hướng nghề nghiệp của mình, tôi thường xem trọng những ý kiến bàn về văn chương của các nhà văn. Tại sao ư? Tôi nhớ tới câu nói của K. Marx được nhà văn Ma Văn Kháng hoàn toàn chủ tâm khi nhắc lại: "Vật vả gì thì cũng từ hoàn cảnh cụ thể mà vượt lên!" (tr.266). Để đi đến thành công trong lĩnh vực chống chất thử thách khó khăn này, có mấy ai không trải qua nhiều trăn trở về nghề. Mỗi người mỗi vẻ, mỗi người mỗi khác. Có điều, nói và làm ở những nhà văn trung thực thường đi đôi với nhau, nên những lời bàn về nghề của họ cứ tự nhiên như chính sự sống văn chương lên tiếng vậy.

Đọc tới trang cuối cùng của cuốn sách, ý nghĩa thâm trầm của câu chuyện ngụ ngôn Ba Tư được nhà văn Ma Văn Kháng nhắc tới cứ trở đi trở lại trong tâm trí tôi. Ở một nước nọ có một nhà vua trẻ tuổi vừa lên ngôi đã ra lệnh tập hợp tất cả các nhà bác học trong nước để viết một bộ lịch sử nhân loại. Mục đích là nhằm rút ra các kinh nghiệm lịch sử để tránh sa vào vết xe đổ của người đi trước. Hai mươi năm sau, các nhà bác học hoàn thành và trước tác của họ phải dùng một trăm năm mươi con lạc đà mới thõ hết. Lúc này nhà vua bốn mươi tuổi. "Ta không còn nhiều thì giờ nữa, hãy tóm tắt lại cho ta!" - Vua ra lệnh. Lại hai mươi năm nữa trôi qua. Và lần này công trình tóm tắt cũng phải một con lạc đà oằn lưng chở mới nổi. Bấy giờ nhà vua đã sáu mươi tuổi, mắt đã mờ và ngài đã không còn sức để đọc nữa (tr.353).

Thì ra, những câu chuyện về nghề trong tập hồi ký của Ma Văn Kháng đâu chỉ mang ý nghĩa đối với những người trong giới... ■

TÁC PHẨM VÀ DƯ LUẬN

LUẬN bình văn chương của Nguyễn Hữu Sơn vừa là một cuộc trở về thoáng qua, nhưng cần thiết, đối với một thời đại trong thi ca Việt Nam, cho thấy nhu cầu nhận thức lại, đánh giá lại, bổ sung và làm sáng rõ hơn của tác giả trước những bước đi quan trọng và diện mạo sinh động của một số thể loại, thể tài văn học đầu thế kỉ XX; vừa là một nhập cuộc mới, phần lớn đi vào các sự kiện cá nhân – các tác phẩm, công trình mới công bố, nhằm khắc họa chân dung, miêu tả cá tính, ghi nhận những đóng góp, cất nhắc những tìm tòi, thành công và chỉ ra giới hạn của đám bầy người làm thơ, viết văn, viết phê bình văn học quen thuộc trên văn đàn. Luận bình văn chương thể hiện tinh thần luận chiến, phản biện nghiêm túc, nghiêm khắc...

Trong công trình *Văn học trung đại Việt Nam - quan niệm con người và tiến trình phát triển* (2005), nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Sơn cho biết, ông bám trụ với công việc nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam đã hơn hai mươi năm. Ông cảm nhận sâu sắc rằng, "bên cạnh yêu cầu tiếp nhận nguồn tri thức lý luận, công việc nghiên cứu đòi hỏi phải nắm chắc lịch sử vấn đề để thấy rõ thể hệ đi trước đã thực hiện đến đâu và xác định nhiệm vụ học thuật tiếp theo cho cá nhân". Nghĩa là, đối với ông, phải biết được những giới hạn, những con đường mà người khác đã đi và đã có thành tựu, lại phải dò được một cánh cửa, một lối đi, một địa chỉ mới phù hợp với mình. Cái khó đầu tiên đối với người nghiên cứu là tìm đường, chọn đường, nhận đường. Chọn được đúng con đường cần đi tức là anh đã có một địa chỉ đến và gần bỏ lâu dài, hay có cơ hội "sống sót" trong nghề viết. Vấn đề còn lại là phương tiện, cách đi, cách cấu trúc, cách sử dụng... Người viết nào cũng muốn có được một mảnh đất riêng, một "địa chỉ riêng" thuộc về mình. Chọn được địa chỉ đặc địa, có điểm tựa - hướng nhìn tốt, lại phù hợp với "bản mệnh" của mình, cái tạng của mình thì ăn nên làm ra, giữ được của (tác phẩm/ công trình) theo năm tháng.

Nhưng Nguyễn Hữu Sơn còn là một nhà phê bình văn học xông xáo, cơ động và đa dạng. Nói xông xáo bởi đọc ông chúng ta có cảm tưởng khu vực nào còn ít được chú ý, vấn đề nào còn có cái để nói, hoặc hiện tượng nào còn nhiều ý kiến khác nhau và đang mới gọi người viết tham gia lý giải thì ông đều có mặt, góp bàn rất nhiệt tình, thậm chí còn tập hợp các bài viết xung quanh hiện tượng mà dư luận đang quan tâm thành sách in, bất chấp khó khăn, trở ngại. Nói ngồi bút của ông cơ động vì ông thay đổi đề tài, khu vực, thể loại, cách viết nhanh chóng, thậm chí liên tục. Đúng hơn, phải nói là nhiều khi nhảy cóc, người đọc không dễ tìm thấy điểm chung nào để giáp nối các bài viết lại với nhau thành chỉnh thể thống nhất. Tập *Luận bình văn chương* tập hợp 26 bài viết vừa được công bố gần đây là một thí dụ đích đáng cho trường hợp "nhảy cóc" ấy. Cũng bởi ngồi bút cơ động và xông xáo, chủ động dự phần vào nhiều hiện tượng văn học đã và đang diễn ra, cho nên sản phẩm phê bình văn học của ông phong phú, đa dạng. Ít người làm nghiên cứu văn học trung đại nào lại có phạm vi hoạt động phê bình rộng như Nguyễn Hữu Sơn. "Mâm cỗ" phê bình mà Nguyễn Hữu Sơn bày ra chiều dài đọc giả luôn có nhiều món, nhưng mỗi món chỉ có một ít làm mỗi, nếu nhắm nháp một cách thông thả và chỉ cốt thưởng cái hương cái hoa thì cũng tạm gọi là đủ dùng. Đọc văn phê bình Nguyễn Hữu Sơn ta phải chuẩn bị tâm lý sẵn sàng cho một chuyến phiêu lưu vô định, vô hướng - đi hết chuyện này đến chuyện khác. Phê bình là kể cho độc giả nghe một câu chuyện mà ta góp nhặt dọc đường đi. Có ai đó băn khoăn mà kêu rằng, Nguyễn Hữu Sơn muốn choán hết chỗ phê bình của chúng ta rồi, kể cũng thông cảm với người ấy được lắm phần. Ngoài *Về một "hiện tượng" phê bình* (Viết chung - biên soạn, giới thiệu. Nxb Hải Phòng, 1998), *Điểm tựa phê bình văn học* (Tiểu luận - phê bình. Nxb Lao động, 2000) và *Luận bình văn chương* (2012), tác giả Nguyễn Hữu Sơn còn viết hàng trăm tiểu luận, phê bình và biên soạn hàng chục đầu sách về văn học nhà trường khác. Một nhà phê bình văn học, theo nghĩa mà Kiều Thanh Quế (1914-1947) hình dung, trước hết phải là nhà văn học sử; và chúng nào đạt được như thế, thì anh ta mới có thẩm quyền tham gia đánh giá các sự kiện, hiện tượng văn học đương thời. Nhà phê bình phải nhìn các sáng tác mới, nhà văn mới bằng "con mắt lịch

PHÊ BÌNH XÔNG XÁO, CƠ ĐỘNG VÀ ĐA DẠNG

Đọc Luận bình văn chương, tiểu luận - phê bình của Nguyễn Hữu Sơn,

Nxb Văn học, 2012

TRẦN THIỆN KHANH



sử" của người trải nghề lịch lãm để nhận chân giá trị; cần nhìn văn học như một tiến trình, chủ động trang bị tri thức văn học sử vững chắc, nắm vững văn học trung đại, văn học cận đại, hiện đại để đi đến cái đương đại.

Trong Lời dẫn *Luận bình văn chương*, Nguyễn Hữu Sơn chia sẻ trải nghiệm: "Câu chuyện phê bình và người viết phê bình văn chương không hiếm niềm vui mà cũng thật nhiều hệ lụy. Trước hết anh ta phải có nội lực đào sâu nhận thức và mở rộng miền suy tưởng, có năng lực độc lập trong phân tích và đánh giá các hiện tượng văn học, đủ bản lĩnh để tự vượt qua mọi ảo tưởng và biết phản biện lại chính mình. Trước sự phán xét của công chúng và thời gian, anh ta cần thể hiện bản lĩnh người cầm bút, biết trước rằng thiên hạ rồi đây sẽ chỉ vào từng trang chữ mà bảo rằng: "Mồ này trắng! Mồ này đen! Mồ này nhờ nhờ! Mồ này vừa trắng vừa đen vừa nhờ nhờ!"... ở đây, tác giả bộc lộ sự từng trải, để cao phẩm chất chuyên môn trong phê bình, khẳng định người cầm bút phải thực sự có trách nhiệm, cẩn trọng, khắt khe với trang viết, đồng thời cũng cần trau dồi được bản lĩnh sẵn sàng đối thoại, chấp nhận những bài "phê bình sự phê bình", lại cần hiểu rõ cơ chế thử thách của thời gian và công chúng đối với sản phẩm mình làm ra, để có thể tự tin, bình tĩnh, thoải mái khi theo đuổi công việc này.

Nhận định về các chủ thể tham gia hoạt động phê bình và con đường hình thành tính chuyên nghiệp trong phê bình văn học hôm nay, nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Sơn có lý khi cho rằng: "Tôi vẫn nghĩ trong thiên hạ vốn không có nhà phê bình chuyên nghiệp, không có sẵn nhà phê bình chuyên nghiệp và điều này thật khác xa so với các ngành kỹ thuật. Trên thực tế, mỗi người trong giới chúng ta đã từ những công việc và ngành nghề khác nhau mà trở về hội tụ dưới mái nhà "phê bình". Trong số đó có kẻ mới người cũ, có kẻ gần người xa, kẻ thân người sơ, kẻ học nhiều người học ít nhưng vốn đều làm những công việc chuyên môn khác nhau; chẳng hạn là nhà nghiên cứu chuyên nghiệp, nhà giáo dạy văn, nhà báo trông coi mục phê bình, nhà biên tập ăn lương xuất bản, ông công tác đoàn thể chuyển sang lãnh đạo văn nghệ, v.v... Họ viết phê bình, nhập cuộc làng phê bình và tự nâng cấp thành nhà phê bình chuyên nghiệp, đạt tới tính chuyên nghiệp trong phê bình và nhiều người được học giới thừa nhận". Chính tác giả Nguyễn Hữu Sơn trở thành nhà phê bình chuyên nghiệp theo một trong những con đường như thế. Công việc chính của ông, cho đến nay, vẫn là nghiên cứu văn học Việt Nam giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX, ông đi sâu khảo sát thơ văn Lý - Trần, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tú Xương...

Luận bình văn chương gồm các bài được Nguyễn Hữu Sơn viết và công bố trên báo chí trong khoảng mười năm gần đây. Tập tiểu luận này "không chia thành từng phần riêng rẽ nhưng được trình bày theo ba chủ điểm chính: Hình dung về đời sống phê bình và một vài vấn đề văn học sử thế kỉ XX – Đọc và điểm sách – Trao đổi với Trần Mạnh Hào". Chùm bài phê bình về Thơ mới, ký, thể tài du ký (chiếm 1/3 dung lượng) cung cấp cho độc giả nhiều tư liệu, cách nhìn có tính phát hiện và mới mẻ, giúp chúng ta hình dung được ngày càng đầy đủ hơn, sinh động hơn về Thơ mới, tránh những ngộ nhận và đánh giá lặp lại về giai đoạn thơ này; người viết cho thấy một bức phác thảo vẫn đang chờ đợi những khám phá sâu hơn, những nét vẽ chi tiết hơn nữa về thể ký, thể tài du ký. Những bài về *Đế cương văn hóa Việt Nam*, thực trạng phê bình thơ, tính phản biện – tranh luận trong nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam hiện đại trong tầm nhìn các nhà Việt học, thơ Mai Quỳnh Nam, thơ Trương Đăng Dung, *Ba người khác* của Tô Hoài, các trang phê bình, phác vẽ chân dung của Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn Hoàng Sơn, Văn Long, Đông La... nêu nhiều ý kiến đáng suy ngẫm, và có thể tham khảo, bàn bạc tiếp. Chùm bài trao đổi với Trần Mạnh Hào đặt ra các vấn đề về đọc hiểu các văn bản văn học nhà trường, cách đánh giá một công trình lý luận văn học và việc viết sách giáo khoa, bản chất hỗn cốt của "lời phê bình Trần Mạnh Hào"... *Luận bình văn chương* của Nguyễn Hữu Sơn vừa là một cuộc trở về thoáng qua, nhưng cần thiết, đối với một thời đại trong thi ca Việt Nam, cho thấy nhu cầu nhận thức lại, đánh giá lại, bổ sung và làm sáng rõ hơn của tác giả trước những bước đi quan trọng và diện mạo sinh động của một số thể loại, thể tài văn học đầu thế kỉ XX; vừa là một nhập cuộc mới, phần lớn đi vào các sự kiện cá nhân – các tác phẩm, công trình mới công bố, nhằm khắc họa chân dung, miêu tả cá tính, ghi nhận những đóng góp, cất nhắc những tìm tòi, thành công và chỉ ra giới hạn của đám bầy người làm thơ, viết văn, viết phê bình văn học quen thuộc trên văn đàn. *Luận bình văn chương* thể hiện tinh thần luận chiến, phản biện nghiêm túc, nghiêm khắc, đồng thời là một lời kết về một "hiện tượng" phê bình (Trần Mạnh Hào) mà đến nay chủ yếu "tự diễn biến" ở trên mạng internet và hầu như không còn những độc giả tinh tế, đích thực quan tâm đọc nữa.

Nguyễn Hữu Sơn từng phát biểu quan niệm: thực chất của công việc nghiên cứu văn học sử là "tìm đến những cách hình dung mới, cách thức tiếp cận mới về quy luật, các tác gia, tác phẩm, giai đoạn và tiến trình văn học". Ông đã mang tư duy và vốn liếng dày dạn đó vào công việc phê bình của mình.

Bàn về vị trí, chức năng của phê bình văn học, tác giả Kiều Thanh Quế trên tạp chí *Tri tân* (số 111, tháng 9 – 1943) cho rằng, phê bình văn học nằm ở chặng thứ hai, sau văn học sử, "chỗ mà văn học sử chấm dứt hết là chỗ phê bình văn học bắt đầu"; "Văn học sử là địa hạt của quá khứ, trong đó các nhà văn tên tuổi vững chãi hay thường thường là các nhà văn đã qua đời được nói đến. Phê bình văn học là địa hạt của hiện tại, trong đó không những các nhà văn hiện đại còn sống được nói đến mà cả đến một vài nhà văn quá cố bị bỏ quên, nếu có dịp, cũng được nhắc nhở đến". Có thể nói, trong phạm vi phê bình văn học, không có điều gì đã xong xuôi, không cần nhắc lại nữa; ngược lại, tất cả đều cần nghĩ tiếp, bàn lại trên cơ sở tư liệu mới, cách tiếp cận mới, nhất thiết phải nhìn lại quá khứ để trực vớt những hiện tượng bị lãng quên, người viết cần nói lại một cách mới mẻ, có lí, có hệ thống tất cả những gì thuộc về di sản văn học của dân tộc. Quan niệm, cách làm ấy thực hợp với con đường phê bình hiện nay của Nguyễn Hữu Sơn...■

LÊ HÀO

Đàn cá kình bên bãi đá Gạc Ma

Đàn cá kình không sợ sóng to
cứ bơi quanh bãi đá
Gạc Ma ơi!
ngày ngày biển gọi
đã hai mươi mấy năm rồi
câu chuyện kể ra trong tiếng rì rào của biển

Chạm tay vào gió, tưởng nhớ người xưa
nhỏ ngày các anh đi
từ Gạc Ma, mười bốn tháng ba năm ấy
tâm hồn các anh hòa thành những chú cá kình yêu biển?

Yêu đảo nhỏ, đảo to
yêu bãi chim, bãi nổi
san hô nở sáng lòng biển biếc
các anh không nhớ đi xa

Gió mang ước mơ về bên mẹ
bình minh hương về quê nhà
nắng vàng lấp lánh
cá quẫy nước tung màu trắng bạc

Biển ngồi ngồi xanh
bầy ngựa hồng từ lưng trời hí mãi
gió cất tiếng từ và
sóng hung dữ không thể nào bẻ cong biển cả

Biển rì rào ngày đêm muôn thuở
ôm đàn cá vào lòng ...
tâm hồn các anh hòa vào đại dương xanh thẳm.

Tắm lòng của cây

Hàng cây mỗi ngày trò chuyện
rì rào, rì rào ... bằng tiếng lá

Xung quanh mọi thứ ồn ào
bụi và khói bủa vây
đường nhòe nhoẹt dấu chân người
lẹm lốc vết xe qua
cây vẫn hồn nhiên
lá vẫn ngây thơ như ngàn năm trước

Ngày cây mới chào đời
lừa thưa vài chiếc lá ...
những chiếc lá dịu dàng
mỏng manh
xanh màu biêng biếc

Cây ơi!
cây nép mình bên con đường bụi khói
mà sao sinh ra muôn ngàn chiếc lá xinh tươi
xanh ngan ngát

Có phải lá là tấm lòng của cây?
hoa là niềm tin?
trái là hạnh phúc bao mùa cây còp nhặt

một ngày lá vàng rụng xuống
về với cội nguồn
thấm vào đất vào thân
lại sinh ra vô vàn lá khác
tấm lòng của cây cứ còn
dấu đến ngày cây mất...

Phố mòn lối rẽ

Con đường không còn là con đường đúng nghĩa
nhặt nhòa bụi phố hoen gỉ màu rắng chiếu
con dốc quanh quanh bờ hư ảo

Tôi thường mong
một ngày trở về sống nơi cô tịch
ngày động lại trong tiếng chuông chùa
đêm động lại trong những giấc mơ
vài lối mòn men theo sườn đồi xanh mát

Tôi thường mơ về con đường
nặng về khi mọi thứ còn đắm sương
cô non ve vuốt vào nỗi nhớ
nỗi nhớ thành cánh rừng hai bên
cánh rừng ...
một thời đã có những cánh rừng xanh như thế!

Con đường không còn là con đường đúng nghĩa
bụi đã phủ đầy kí ức ngọt ngào phố
vết chân đã mờ như đêm
không còn nữa mặt hiền xưa ngắm chiếu
phố cũng già như hoài niệm kia
không bao giờ trở lại ...

Mưa mòn phố
phố mòn lối rẽ ven chiếu
lạc tiếng ve ngân
lạc mùa xưa cũ ...

NGUYỄN VĂN HIẾU

Giấc mơ rừng

Những giọt mưa tí tách
Gõ lên chổi tơ non
Trong mắt chú chim con
Mơ rừng giăng mỗi cánh

Dường như bấy đom đóm
Bay thành chùm sao xa
Có một con suối nhỏ
Mơ dòng sông Ngân Hà

Có một người lính trận
Mơ một chiều yên lành
Cùng người yêu đắm đuối
Nơi trăng vàng cỏ xanh

Rối người lính ngã xuống
Ngực thanh xuân đạn rền
Giấc mơ thành hoa nở
Nơi cánh rừng không tên.

Đứng giữa đời mà xanh

Có một cây bồ đề
Rễ sù sì bám đất
Thẳng năm lặn vào cây
Bóng tròn lên che mát

Trải nắng mưa gió giạt
Vẫn sinh sôi lá cành
Cây như người lặng lẽ
Đứng giữa đời mà xanh.

Phố khuya

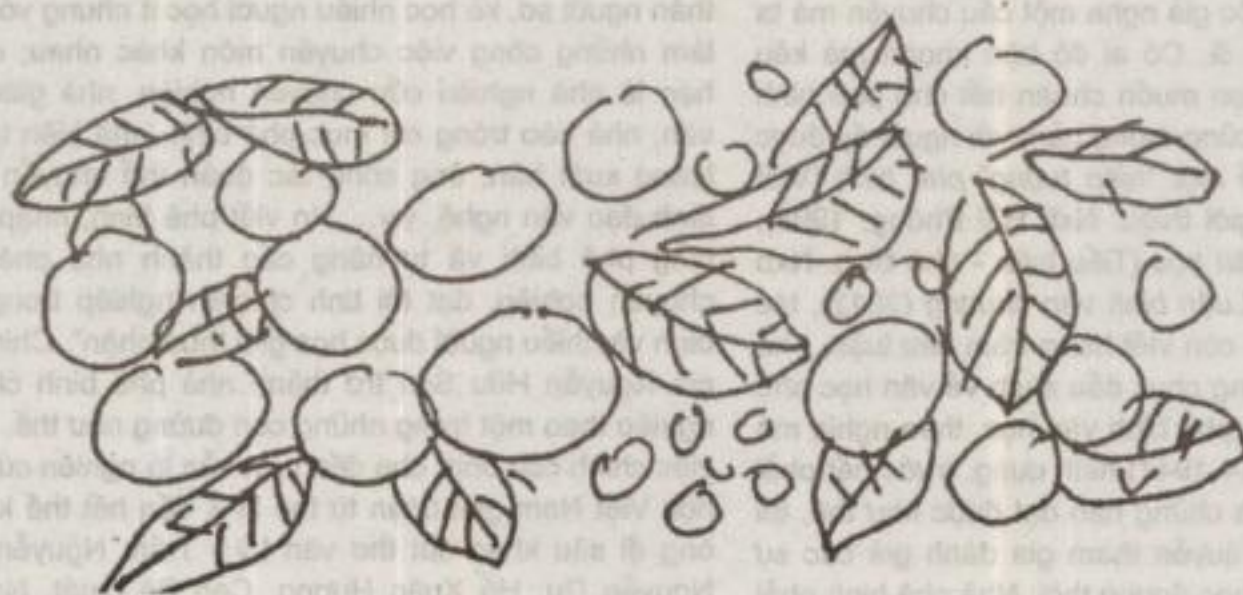
Phố khuya
Những ngọn đèn thao thức từng góc phố
Tiếng động cơ thưa dần chìm vào xa ngái
Con đường như dài rộng thêm ra

Vía hè khuya thơm mùi khoai nướng
Người bán ngô non góp nhặt từng đồng
Lầm lũi bước chân người bán dạo
Tiếng rao nhòa sương đêm mùa đông

Xanh đỏ ánh đèn
Cặp tình nhân góc mờ âu yếm
Ly cà phê nhỏ giọt thời gian

Gấp gáp cuồng say nhịp lác
Cô chiều cậu ấm thức thâu đêm
Những con nghiện vật vờ trên hè đường, ghé đá
Mái nhà ai rên rĩ tiếng mèo đêm

Xáo xạc trong sương
Tiếng chổi quét đường
Cuốn đi bao rác rưởi
Thành phố lại bắt đầu ngày mới.



QUANG KHẢI

Khúc giữa sông Hồng

...Đầu nguồn sông đổ lũ chưa?
Sông Hồng khúc giữa cũng vừa nước lên
Em ngồi đếm nhịp Long Biên
Phóng tầm Bãi Giữa mà xem lũ, bồi
Sà lan đứng giữa dòng trôi
Gặp khi bãi cạn nghẹn lời khúc sông

Người về chạm khúc đê cong
Mới hay con nước thả dòng lững lờ.

Đàn chim sẻ

Không biết hót
Ham nhảy nhót
Đám se se đồng đàn di trú
ù té bay đi một làng quê nào
Túa lên trời xanh từ mái phố
Từ nóc cây phượng già
Dạn dĩ giữa con người và xe cộ
Và mèo hoang
Và chó...
Những chú chim sẻ bé xiu,
khoác áo màu thơ ngây nhảy tung tung dọc hành lang
chiếu nghỉ

Nơi sớm sớm cụ bà tung vãi từng hạt cơm rơi
Nơi chiếu chiếu cậu bé gõ bát chờ chim tới
ở khu nhà bên có những kẻ đang lặng lẽ giăng lưới.

Chiếu

Lại lúi húi bữa cơm bận rộn
Lửa nhen cổ uớt khói cay xè
Ngang tầm sông vỗ bờ nhoi nhói
Vai tròn thanh mảnh gió se se

Sông thường ngày bỗng xa vợ nhường kia
Chiếu lằng đằng. Chuyển phà xao xác lạ
Bãi chim lìm. Tre già như bèn lửa
trong ràng chiếu. Đổ tựa bếp hừng lên

Nổi cơm sôi bể bọt nổi niêm
Gà tao tác lên chuồng nường bóng mẹ
Ngõ trống vắng bỗng reo đầy tiếng trẻ
Vai rung lên, phấp phồng, ngóng mơ hồ.

NẾU ANH KHÔNG ĐỐT LỬA...

LÊ HUY QUANG

Lưu Quang Vũ là một hiện tượng sân khấu của những năm 80, thế kỷ XX. Vào sáng ngày 9 tháng 9 năm 2013, nhân dịp Tưởng niệm 25 năm ngày mất của Lưu Quang Vũ (29-8-1988), Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam khai mạc Liên hoan các vở diễn sân khấu của anh, đúng vào dịp Kỷ niệm "Ngày Sân khấu Việt Nam" lần thứ IV và ngày Giỗ Tổ Sân khấu dân tộc (12 tháng 8 Âm lịch năm Quý Tỵ tức ngày 16 tháng 9 năm 2013). NSND Lê Tiến Thọ, Chủ tịch Hội cho biết, đây là cơ hội để tập hợp một số tác phẩm đã được biểu diễn thành công trước kia (hoặc dàn dựng lại), góp phần tạo nên không khí nghệ nghiệp, đồng thời tôn vinh giá trị nghệ thuật các tác phẩm sân khấu của nhà viết kịch tâm huyết, tài năng Lưu Quang Vũ, đối với sự phát triển của nghệ thuật sân khấu. Sau đợt Liên hoan này, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam sẽ tổ chức hội thảo với nhan đề "Những đóng góp của tác giả Lưu Quang Vũ với sân khấu Việt Nam". Được biết, hiện nay đã có 13 vở diễn của các Nhà hát Trung ương, Quân đội, Hà Nội và một số đơn vị nghệ thuật các tỉnh thành trên cả nước đang ký tham dự, với những tác phẩm như *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Nhà hát Kịch Việt Nam); *Nàng Si Ta* (Nhà hát Chèo Hà Nội); *Điều không thể mất* (Nhà hát Kịch Quân đội); *Trái tim trong trắng* (Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang); *Ái là thủ phạm* (Đoàn Kịch Nam Định); *Vụ án 2.000 ngày oan trái*, *Ông không phải bố tôi* (Nhà hát Kịch Hà Nội); *Vụ án 2.000 ngày oan trái* (Đoàn Cải lương Hải Phòng); *Ông Vua hóa hổ* (Đoàn Chèo Hải Phòng); *Điều không thể mất* (Nhà hát Nghệ thuật Ca kịch Huế) và ba vở diễn *Mùa hạ cuối cùng*, *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, *Lời thề thứ 9* của Nhà hát Tuổi trẻ...

Nhớ lại cuối những năm 70 của thế kỷ XX, từ khi trở thành phóng viên của *Tạp chí Sân khấu* - Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Lưu Quang Vũ đã bắt đầu khởi nghiệp với những bài viết về chân dung nghệ sĩ và các vở diễn mới. Là một nhà thơ, lại có gen di truyền của bố (tác giả sân khấu, nhà thơ Lưu Quang Thuận), anh bắt đầu viết kịch. Tại Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc 1980, đợt 1 được tổ chức ở Hà Nội, Lưu Quang Vũ đã chính thức ra mắt vở kịch nói đầu tay *Người cộng sản trẻ tuổi* (đồng tác giả với Đào Duy Kỳ), do NSND, đạo diễn Phạm Thị Thành dựng cho Nhà hát Tuổi trẻ, đã đạt Huy chương Vàng. Đây chính là tấm giấy thông hành để Lưu Quang Vũ bắt đầu đi vào con đường sáng tác kịch bản sân khấu... Mùa đông năm 1982, đạo diễn Phạm Thị Thành mời tôi thiết kế mỹ thuật vở cải lương *Thủ*

phạm là ai (Ngọc Thụ chuyển thể từ kịch nói của Lưu Quang Vũ), cho Đoàn Cải lương Thanh Hóa. Chị Thành đã vào làm việc với diễn viên từ mấy hôm trước, nên tôi và Lưu Quang Vũ hẹn nhau cùng đi tàu hỏa vào sau để dự lễ khởi công. Vậy mà buổi tối ngày lên đường, tôi chờ Vũ ở cửa Ga Hàng Cỏ, cho đến lúc tàu sắp chuyển bánh, mới thấy anh hốt hải đạp xe đến và ủ ề thông báo là bận đột xuất nên không đi cùng được. Sợ nhỡ tàu, tôi bắt tay Vũ và chạy vội vào sân ga, cũng không kịp hỏi lý do "đột xuất" đó là gì nữa... Hai năm sau, cho đến Hội diễn sân khấu năm 1985, tôi lại thiết kế mỹ thuật vở *Vách đá nóng bỏng* của Lưu Quang Vũ cho Đoàn Dân ca Thuận Hải (Ninh Thuận và Bình Thuận ngày nay). Hai tháng trời, rất nhiều lần đi vào làm việc với đoàn cùng đạo diễn Vũ Minh và nhạc sĩ Phó Đức Phương; nhưng chúng tôi không làm thế nào để rủ Vũ đi cùng được vì lúc nào anh cũng kêu là lại bận "đột xuất", khi mà ngày ngày, các đoàn kịch trong cả nước cứ đến tận nhà tìm anh để "đòi nợ" kịch bản...

Sau *Vách đá nóng bỏng*, Lưu Quang Vũ lại thay ghen một vở mới, với tên gọi *Cô gái đội mũ nổi xam*. Vở *Cô gái đội mũ nổi xam* (trước đây là của Đoàn Kịch Hà Nội - do đạo diễn, NSND Nguyễn Đình Nghi dàn dựng rất thành công) ra đời khi cả đất nước ta đang nằm trong thời kỳ quan liêu bao cấp; với bao nhiêu khó khăn, bộn bề của cuộc sống thường nhật; với một thế hệ trẻ cũng có những băn khoăn, trăn trở trong những bước đi để tìm lấy một chỗ đứng trong xã hội cho mình. Chính trong những năm tám mươi đầy vất vả đó, bằng cách nhìn và sự quan sát tinh tế, đầy nhân bản của một nghệ sĩ, Lưu Quang Vũ đã tìm đến với thế hệ trẻ, lắng nghe những nỗi niềm tâm sự, những khát vọng cháy bỏng và cả những hoài nghi của họ nữa, để viết nên khá nhiều tác phẩm về lớp thanh, thiếu niên trước ngưỡng cửa của thời kỳ Đổi mới như *Vụ án 2.000 ngày oan trái*, *Bông cúc xanh trên đầm lầy*, *Cô gái đội mũ nổi xam*, *Lời thề thứ 9*, *Nếu anh không đốt lửa*, *Tôi và chúng ta*, *Vách đá nóng bỏng*... đã để lại những dấu ấn về nghệ thuật cũng như cả nội dung tư tưởng. Nhưng điều thành công lớn nhất của Lưu Quang Vũ, chính là anh đã đưa ngôn ngữ của kịch nói đến với đông đảo công chúng, được công chúng đón nhận một cách nồng nhiệt, bởi anh đã nói giúp họ nhiều điều về chính bản thân họ, cũng như chính cuộc sống đang hết sức khó khăn mà mỗi một con người đều phải gồng mình lên mới vượt qua được, như ý một lời thoại trong kịch của anh: nếu anh không đốt lửa,

nếu tôi không đốt lửa, nếu chúng ta không đốt lửa... thì cuộc sống này sẽ chẳng còn ý nghĩa gì nữa...

Nhưng phải đến vở *Đôi dòng sữa mẹ* dựng cho Đoàn kịch Bắc Thái năm 1986, một kỷ niệm nhớ đời mà Vũ và tôi không thể nào quên được. Đó là sau khi vở diễn đã tổng duyệt và công diễn thắng lợi, được bà con Thái Nguyên ngợi khen. Lúc 9 giờ sáng, sau khi liên hoan nhẹ nhàng tiễn ề kịp chúng tôi về Hà Nội (tất nhiên là lần này, Lưu Quang Vũ cũng bận nên không lên Thái Nguyên ngày nào), cả Đoàn Kịch đã tổ chức đi tham quan hồ Núi Cốc. Nhưng rồi, do đứng vào ngày nước lớn đầu tháng 7 âm lịch, chiếc ca nô đã bị lật và chìm xuống hồ. Thật là đau đớn, cả Đoàn Kịch Bắc Thái đã bị một cái tang lớn: 19 cán bộ, diễn viên và 4 cháu bé đã bị tử nạn, một số bơi được vào bờ, số anh em khác thì chờ đi chuyển sau nên không sao... Chiều tối ở Hà Nội nghe được tin dữ, tôi đến báo với Lưu Quang Vũ. Anh ngồi lặng đi một lúc rồi nói, giá như lên Bắc Thái cùng với tôi vài ba ngày, thì được gặp mặt cả đoàn, có lẽ cũng sẽ vội bớt đi nỗi buồn quá bất ngờ đó. Nhưng rồi, không ai ngờ được, tròn hai năm sau, Lưu Quang Vũ cũng bất ngờ đi xa mãi mãi...

Đã 27 mùa thu trôi qua, kể từ ngày *Đôi dòng sữa mẹ*, vở diễn cuối cùng của Lưu Quang Vũ mà tôi thiết kế mỹ thuật, và cũng đã tới ngày giỗ lần thứ 25 của Lưu Quang Vũ. Tôi chợt nhớ một vài kỷ niệm xưa. Lưu Quang Vũ ơi. Tất cả rồi sẽ qua đi. Cả công và việc. Cả làm và ăn. Cả thọ và yếu. Cả danh và lợi hào nhoáng, hão huyền. Cả lòng tốt đẹp và điều đố kỵ muôn thuở của con người. Duy nhất, chỉ còn lại nghĩa bạn hữu và những gì là giá trị nghệ thuật đích thực giữa cuộc đời này là mãi mãi tươi xanh...

Nhà thơ, Nhà viết kịch Lưu Quang Vũ (1948- 1988), qua đời cách đây tròn 25 năm. Với khoảng 50 tác phẩm sân khấu, Lưu Quang Vũ là một trong những gương mặt xuất sắc nhất của sân khấu đương đại Việt Nam. Anh đã được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật. 25 năm đã trôi qua kể từ ngày Lưu Quang Vũ đi vào cõi vĩnh hằng, nhưng những tác phẩm của anh vẫn được các Nhà hát Trung ương và một số tỉnh, thành phố trong cả nước dàn dựng, biểu diễn. Công chúng yêu sân khấu vẫn tìm đến những vở kịch hấp dẫn và mang tính xã hội hết sức nóng bỏng, sâu sắc một thời của Lưu Quang Vũ. Và như thế, có lẽ đó là niềm vui, là niềm hạnh phúc lớn nhất của một người nghệ sĩ!



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đến thưởng thức và chúc mừng thành công của vở diễn Ông vua hóa hổ năm 1986



Pa-nô quảng cáo vở kịch Tôi và chúng ta.



Minh họa của VŨ ĐÌNH TUẤN

Vân tường y thường hoa tường dung
Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng
(Lý Bạch- Thanh Bình điệu)

NÀNG lặng người ngắm pho tượng mỹ nhân bạch ngọc. Quang cảnh Hoa Thanh Cung thật náo nhiệt. Du khách nườm nượp thăm thú. Song có cảm giác, mọi người đều dồn tụ cả về quanh pho tượng Dương Quý Phi này. Không ai lại không lưu chân, nấn ná chẳng muốn rời đi. Nam thanh nữ tú, quý ông quý bà. Họ đưa nhau chụp ảnh. Ảnh pho tượng từ các góc độ, ảnh chụp một mình hay cả tốp người trước pho tượng. Có người còn leo hẳn vào bên trong, nép người dưới chân pho tượng để chụp. Nàng giờ chiếc Canon kỹ thuật số chụp một pô. Đang lưỡng lự định chọn góc độ khác để chụp tiếp thì chợt nghe tiếng Việt đọc thơ nho nhỏ ngay sau lưng mình song vẫn đủ nghe rõ từng lời "Vân tường y thường hoa tường dung". Nàng ngạc nhiên, đứng máy, ngoảnh lại. Một người đàn ông đeo kính dày cộp đứng gần nàng đọc nốt câu thơ đang dở "Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng". Đôi bên nhìn nhau trong chốc lát, người đàn ông dè dặt:

- Chị có muốn chụp với pho tượng làm kỷ niệm không? Nếu không phiền, tôi có thể bấm giúp mấy kiểu?

- Vâng... - Nàng lưỡng lự - Cảm phiền anh giúp vậy. Nàng đưa máy ảnh cho người đàn ông. Vì ngỡ, nàng không dám tạo dáng, người cứng đơ trong bộ váy và áo thun. Người đàn ông nhỏ nhẹ:

- Chị... thư giãn... thả mái đi.

Rồi mọi chuyện cũng xong. Trả lại máy ảnh cho nàng, người đàn ông bắt chuyện:

- Xin lỗi. Chị là khách du lịch? Chắc lần đầu đến đây?

- Vâng. Lần đầu tiên. Cảnh sắc ở đây đẹp quá, anh nhỉ?

- Vâng... Tôi đến đây nhiều lần rồi... Vậy mà... lần nào cũng ngỡ ngàng như lần đầu vậy... Chị à.

- Vậy, hẳn là anh công tác, hay học tập ở đây?

- Chỉ đoán đúng đó... Tôi học tập ở Đại học Tây An. Đúng ra là tôi đang làm luận án tiến sĩ... về lịch sử tư tưởng phương Đông.

- Thảo nào... Anh thuộc cả thơ chữ Hán.

- Vâng- Người đàn ông cười nhẹ - Có gì đâu... Đây là câu thơ đầu bài thơ Thanh Bình điệu của Lý Bạch, nhà thơ nổi tiếng nhất đời Đường, vịnh Dương Quý Phi... Chắc chị cũng biết vậy rồi.

Vừa nói, người đàn ông vừa quả quyết bảo nàng cùng quay trở lại, chỉ cách pho tượng chừng vài chục thước. Đến trước bức vẽ mỹ nhân trong trang phục xiêm y diễm lệ tựa người vào khóm hoa thược dược, bên cạnh chủa mấy dòng thơ chữ Hán, giảng giải:

- Chắc chị cũng biết... Đây là tranh họa Dương Quý Phi. Còn đây là bốn câu thơ trong khổ thơ đầu bài Thanh Bình điệu của Lý Bạch. Xin đọc hầu chị nghe: "Vân tường y thường hoa tường dung. Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng. Nhược phi Quân ngọc sơn đầu kiến. Hội hương Dao đài nguyệt hạ phùng"... Chị ạ, dịch sang tiếng Việt mình thì có nhiều người đã dịch. Riêng tôi... Tôi chỉ thích bản dịch của cụ Ngô Tất Tố... Lại xin đọc chị nghe: "Thoáng bóng mây hoa nở bóng hồng. Gió xuân dhu dật giọt sương trong. Vì chàng non Ngọc không nhìn thấy. Dưới nguyệt đài Dao thử ngóng trông"... Dịch thoát ý mà vẫn giữ được phong vị Đường thi...

Nàng nghe người đàn ông, nhìn bức họa, loảng thoảng hiểu. Nàng không biết chữ Hán. Vừa nãy thôi, nàng cũng đã đi ngang bức họa này, đoán là tranh họa Dương Quý Phi, song nàng cũng chỉ nhìn lướt cho qua, không thấy thú vị gì ở đấy. Giờ cùng ngắm bức họa, lại nghe người đàn ông lạ này đọc thơ và giảng giải, nàng cảm nhận được thú vị, lại thấy mình thì nông cạn, mà người đàn ông kia sao mà hiểu biết đến vậy. Mải nghĩ, nàng thoáng giật mình khi người đàn ông à lên khe khẽ.

- Thôi chết... Tôi rướm lời quá... Có khi còn làm phiền chị... Lại múa riu qua mắt thợ cũng nên... Có khi chị giỏi Hán ngữ... Tai hại... chỉ tại cái miệng này...

Vừa nói, người đàn ông vừa vờ nhẹ bàn tay lên miệng mình mấy cái liến. Mực sở thị, nàng bật cười nhẹ, và can:

- Thôi thôi... Anh không phải tự trách mình như vậy đâu. Một chữ Hán bẻ làm đôi tôi cũng không biết. Thật may là có anh giảng giải cho... Tôi tuy làm công tác tư

liệu ở một cơ quan khoa học, nhưng mà...tôi cũng chỉ biết sơ những kiến thức trong phạm vi chuyên môn hẹp thôi...

- Thật thế ư?... Vậy là tôi không đến nỗi quá vô duyên rồi... Thú thực là... tôi đã có đôi lần vô duyên như thế...Vậy mà vẫn không chữa... Chúng nào tạt ấy... Hồi nhỏ còn đi học, cứ mỗi lần thấy tôi đọc sách được điều gì thú vị là mang khoe rồi huyền thuyên kể lại, bất kể người khác có nghe mình không... là mẹ tôi lại mắng...Chị biết mẹ tôi mắng thế nào không?... Mẹ tôi mắng là "Con mà cử vô duyên như vậy... thì sau này ế vợ mất thôi"... Đấy, mẹ tôi mắng mô thế đấy...

Người đàn ông cười. Cái cười bên lên, triu mến. Nàng khẽ rung mình, cười theo, cảm động:

- Là bà cụ... mắng yêu anh đấy. Phụ nữ chúng tôi là vậy...- Nàng ngưng vội chữa lại - Các bà mẹ thường vậy... mà anh.

- À quên...mãi chuyện... mà chẳng biết gọi nhau là gì. Tôi tên là Thi. Lê Hữu Thi... Còn chị? Tôi có được phép gọi...

- Tôi là Mỹ...Hạnh Mỹ - Nàng mạnh bạo, chia bàn tay ra - Rất vui được làm quen với anh... anh Thi ạ.

- Hân hạnh, hân hạnh - Thi nắm nhẹ bàn tay nàng đủ độ tin cậy - Tên tôi là do ông nội tôi đặt cho đấy. Ông cụ giỏi thi thư, luận ngữ. Ngày trước cũng từng lều chõng đi thi mấy khoa cuối triều Nguyễn, nhưng chỉ đỗ đến tú tài thôi. Cụ đặt tên cho tôi như vậy, chẳng biết có phải vì mong sau này tôi làm thơ và trở thành thi sĩ không? Thật đáng tiếc là... tôi chẳng làm nổi lấy nửa câu thơ... Chỉ được mỗi cái... là chịu khó học vẹt, nên cũng thuộc được ít nhiều thơ thiên hạ...

Thi phân trần mà như ngầm khoe gia thế và kiến văn của mình. Nàng nảy ý định trêu người, cười bảo:

- Có gì đâu anh...Thi cũng như tôi đây. Tên là bà ngoại đặt cho. Nghe nói, hồi còn xuân sắc, bà ngoại tôi đẹp lắm, đẹp nổi tiếng một vùng. Nhưng mà thân phận đa đoan...Lúc tôi còn nhỏ xíu, bà ngoại tôi đã già lắm rồi, nhưng mà vẫn còn giữ được nét đẹp ngày xưa. Bà cụ đặt tên cho tôi cũng là mong tôi sau này, dù không sắc nước hương trời, thì chí ít cũng có được một phần nhan sắc của cụ... Ấy vậy mà... tôi đã làm bà ngoại mình phải thất vọng... bởi cái ngoại hình... kém cỏi của mình... Hình dong thì thô kệch và cái mặt thì... khó coi...Anh thấy rồi đấy!...

- Không, không... Là tôi đâu có ý ấy...- Thi kêu lên, vội vàng xua tay lia lịa - Đúng là tôi không hề có ý nghĩ ấy trong đầu... Chị đừng nói thế...làm tôi á ngại quá đi thôi... Là tôi mang chuyện cái tên của mình ra nói chị nghe là để... - Thi ăng giọng giầy lát - Nào ngờ chị lại mang vận vào mình, làm tôi... chẳng biết nói năng sao đây?...-

- Không hề chi - Nàng cười, thấy vui vui- Không sao thật mà. Anh chẳng thấy tôi đang vui đấy sao?...-

- Thật vậy chứ? - Anh chàng thấy chẳng cần phải nuốt mất lưỡi vì sợ nàng phạt ý, lại huyền thuyên - Nãy bấm hộ chị mấy kiểu ảnh... Tôi còn định nài chị chịu khó ra đứng sát bên và nép người vào chân tượng mỹ nhân. Chụp như vậy, theo lời đồn thì... người bình thường rồi sẽ đẹp ra... còn người đã xinh như chị... lại càng xinh thêm...

- Vậy a - Nàng ồ lên bật cười thành tiếng - Thế là tôi bỏ lỡ một cơ hội rồi. Tôi không ước xinh thêm đâu... mà tôi chỉ cần bớt vô duyên là được... Với lại anh cũng không cần phải nịnh đầm như vậy đâu.

Giờ thì nàng cười thoải mái. Bởi nàng biết, nếu không, nàng sẽ lại chìm đắm vào suy tư, mặc cảm tự đáy lòng, vì sự vô duyên hiện thực của mình. Song quả tình nàng vui. Vui vì không ngờ câu đùa của mình lại mang đến hiệu quả tức thì, khiến anh chàng đang thao thao pho diễn mở kiến thức lịch sử của mình bỗng nhiên lúng túng như cậu bé con bị bắt lỗi. Và mình từ thế bị động bỗng chuyển thành chủ động trong câu chuyện giữa hai người. Từ lúc làm quen đến giờ, nàng chỉ là người lắng nghe mà thôi.

Nàng cũng bắt ngờ về khả năng bịa chuyện của mình. Chuyện bà ngoại mình nhan sắc chim sa cá lặn thì nàng bịa ra để trêu người anh chàng, riêng hình dáng và nhan sắc của nàng thì nàng đâu có bịa. Tất thấy lộ ra đấy, có giấu hay cố tình nói tránh đi thì chàng ta cũng thấy rồi. Song le, quả là nàng cũng tự biếm hơi quá. Hình dáng nàng tuy to lớn hơn tầm vóc trung bình thường thấy của đàn bà Việt, song nó đầy đặn, và cũng đâu có thô kệch. Thi mỹ nhân Dương Quý

ÂM THANH KỶ LẠ

Truyện ngắn của NGUYỄN CHU NHẠC

Phi kia cũng to lớn đầy đủ khác thường đấy sao? Vậy mà, nàng ta được tôn sùng thành một trong *Tứ đại mỹ nhân* cổ kim Trung Hoa. Nghĩ thế, nàng bật cười thành tiếng, khiến anh chàng Thi để ý. Khi đó, hai người đã đi đến nơi tắm của mỹ nhân Dương Quý Phi tự lúc nào không hay.

Khi ghé xem cái hồ tắm lộ thiên trong số năm hồ tắm của Hoàng gia triều Đường còn lại, Thi đứng lại lâu hơn, ngẫm nghĩ, bảo:

- Chị trông này. Hồ tắm này có tên là Tinh Đầu. Nó mang dáng hình của bông hoa hải đường. Đây là hồ tắm của Dương Quý Phi. Nước suối nóng được dẫn ngầm phun từ dưới lên. Mỹ nhân xưa vốn nàng niu tấm thân ngọc ngà của mình, song cũng không ngại phô ra cho đám cung nữ và cây cỏ hoa lá, chim muông, trời đất được chiêm ngưỡng. Thế nên, hồ tắm mới lộ thiên, khác hẳn các hồ tắm còn lại của Hoàng gia tại Hoa Thanh Trì, kể cả hồ tắm Liên Hoa dành riêng cho vua Đường Minh Hoàng, vốn đều kín đáo. Tương truyền, hồ tắm Tinh Đầu là quà sinh nhật nhà vua tặng mỹ nhân.

Mắt lướt qua các bức họa trên tường những hồ tắm, toàn là cảnh Dương Quý Phi tắm, hay mỹ nhân gầy đàn cho Đường Minh Hoàng nghe, hay khi ngả ngốn trong lòng nhà vua say đắm đám cung nữ múa ca, song đâu óc nàng cứ lớn vồn những ý nghĩ về anh chàng tên Thi mà nàng vừa làm quen. Tại sao nàng lại có thể dễ dàng nói ra những câu nói và thường ngày nàng dị ứng, hoặc lảng tránh, thậm chí dù chỉ là ý nghĩ trong đầu thôi cũng cảm thấy khó chịu. Trong gia đình, nơi công sở, chốn bạn bè đồng người, hễ ai đó nói chuyện nhắc đến đàn bà cao to, tướng đàn ông, hay gái muộn chồng là nàng cảm thấy động chạm, như ám chỉ mình? Vậy mà, những ngôn từ ấy, nàng lại nói ra một cách trơn tru, thoải mái, thêm nữa, nói với một người đàn ông xa lạ mà mình mới chỉ tình cờ quen nơi đất khách quê người? Đành rằng, ở xứ xa lạ ngoại quốc này, hai người là đồng hương dân tộc với nhau, có thể tin cậy mà dựa vào nhau, nhưng thế thôi thì chưa đủ. Vậy còn vì cái gì nữa, thì nàng chịu. Đứng ra, nàng chẳng thêm nhọc công mà suy xét nữa. Nàng đã chẳng giữ gìn, cẩn trọng trong ứng xử, trong các mối quan hệ nam nữ hơn chục năm nay, mà vẫn tay trắng đó sao? Đám chúng bạn nàng, sống thoải mái, yêu đương dễ dãi, mà đứa nào đứa ấy cũng gia đình đổ vỡ cả. Không những thế, có đứa vẫn bỏ bịch túa xua. Hễ nàng động chạm gì đến chuyện bỏ bịch của chúng, thì chúng lại viện dẫn cái câu cửa miệng "*chơi xuân kéo hết xuân đi*". Đến là ghét. Còn nàng thì sao? Giữ giá làm nộm, người đời thường bảo vậy. Điều đó thật đúng với nàng. Giờ thì nàng chán sự thận trọng, suy xét lắm rồi. Song sống dễ dãi ư, buông thả ư? Nàng còn chưa dám, và lại cũng chưa quen...

Hai người cứ lần lần theo đám đông du khách. Đã đến bên dưới lầu hong tóc. Tường lầu rêu phong cổ kính, dây leo quấn quýt, toát vẻ u tịch ngay giữa chốn đông người. Ngày xưa, mỗi khi tắm gội xong, người ngọc lại lên đây buông xả tóc để mặc cho gió trời vuốt ve làn tóc hong khô. Nàng chợt đưa tay sờ lên mái đầu mình. Mái tóc búi cao kiểu đàn ông. Ôi sao mình ngộ nghĩnh thế nhỉ? Ngày trước, nàng cũng có một mái tóc đen nhánh, dài và dài mượt. Nàng bật cười trong đầu và liếc nhanh về phía anh chàng. Thì ra chàng ta cũng đâu có để ý đến nàng. Chàng ta đang ghéch đầu ngược cặp mắt kính dày cộp hướng lên lầu hong tóc, miệng lầm bầm gì đó như thằng dở hơi. Nàng xuyt phi cười thành tiếng. Chắc lại đọc thơ đấy. Nàng tự lự. Thực ra con người này như thế nào nhỉ? Để gần song lại có gì đó xa lạ. Có vẻ hiểu biết mà như kẻ rỗng tuếch. Thường trực bộc tuệch bộc toạch nhưng thoáng chốc bí ẩn. Để tin đấy song cũng đáng ngờ đấy. Nghĩ ngợi một hồi, nàng thoáng giật mình. Anh chàng tên Thi này? ... Hay là... bóng hình bí ẩn từng nhiều ngày tháng nay ám ảnh nàng? ... Nàng so người, chợt hoảng...Thôi đúng rồi!... Song vô lý. Anh chàng này làm sao có thể là... bóng hình ấy được?! Đây

là xứ khác cơ mà ... Nhưng thế giới ngày nay đâu có còn cách trở. Tâm linh và giờ đây thêm internet, đã làm cho cái trái đất này trở nên bé nhỏ, chật hẹp lại...

Nàng giữ chân thủ thư, làm công tác tư liệu của một cơ quan cấp bộ. Một suất công việc nhàn hạ, mưa không đến mặt nắng không đến đầu, song lại dễ sinh nhàm chán. Biên chế thuộc phòng hành chính, song lại ngồi riêng mình một phòng lớn với bốn bể sách báo, tư liệu. Mỗi sáng, cánh nhân viên hành chính chuyện gẫu đầu giờ kéo nhau vào phòng Tư liệu mượn báo đọc, buôn chuyện làm quà, thậm chí tranh thủ bỏ xôi hay bánh trái ra ăn sáng, rồi xin chén trà trắng miệng. Lao xao một hồi, chừng tám rưỡi là sạch bóng, bỏ nàng lại một mình. Thực lòng, có họ ghé vào nàng cũng vui được chốc lát, song bù lại nàng phải nghe đủ thứ chuyện trên đời, từ chuyện giá cả chợ sáng đến thị trường chứng khoán, nhà đất; từ chuyện đối chổng giện vợ, chuyện yêu đương ghen tuông đến chuyện xích mích đồng nghiệp, nói xấu sếp đều có cả. Nếu nàng không phải là người biết giữ miệng, thì không biết sẽ xảy ra những chuyện gì nữa. Có chuyện nàng nghe chối tai, ngứa miệng chọc "này không sợ tôi đưa chuyện hay sao", lúc ấy người nói mới giật mình. Cũng từng xảy ra chuyện đôi co mách lẻo mà nguồn gốc từ các câu chuyện phiếm tại phòng làm việc của nàng. Sau đấy người ta mới bớt chuyện, nên nàng cũng được nhờ, bớt phải nghe chuyện đôi mách.

Tiếng là cơ quan cấp bộ, nhưng có mấy ai mượn sách hoặc tài liệu xem đâu. Bận bịu, đồn đáo, rào rác kiếm ăn, lên quan tước, lại thêm điện thoại di động, internet với thế giới ảo choán hết thời gian của người ta rồi, nên mấy ai còn ngó ngang đến sách vở kinh điển đâu. Song thực lòng, nàng cũng đâu có quan tâm đến cái việc họ có hay mượn sách hoặc tài liệu đọc không. Đây là việc của họ. Nàng ngồi đấy đã hơn chục năm qua, từ khi còn trẻ trung cầm tấm bằng cử nhân đến giờ đã ngoài ba chục xuân xanh, vẫn phòng không lẻ bóng, điều nàng bận tâm là tìm cho ra một người đàn ông của đời mình. Dầu không phải là đấng nam nhi quân tử thì cũng phải ra dáng mày râu, mà nàng có thể tin cậy gửi gắm cuộc đời mình. Hằng ngày, nàng đã nhàm tai những câu chào cửa miệng của cánh nam giới cơ quan mỗi khi họ ghé vào phòng nàng, đại loại như "*chào em Mỹ xinh đẹp*", "*chào người đẹp*", "*chào mỹ nhân*"... Quả là hồi đầu, mỗi khi nghe những câu chào như thế, nàng mỉm cười đáp lễ hoặc trả lời "*cảm ơn anh quá khen*", nhưng rồi năm tháng qua đi, nàng không những nhàm tai, thậm chí còn cảm nhận như một câu nói khấy, hay mỉa khéo.

Nhàn rồi, nhàm chán, nàng bắt đầu tìm đến thế giới ảo. Thực lòng, thoát đầu, nàng không thích hết thấy những ai có cái thói quen suốt ngày cầm mặt vào máy tính rồi biện luận rằng "*lang thang trên internet*". Thế rồi, ngày một ngày hai, sự nhàm chán của công việc và sau vài ba thất bại trên tình trường, nàng lại tìm thấy sự hấp dẫn từ thế giới ảo trên mạng. Lúc đầu chỉ là những trang web, với những thông tin về mỹ phẩm, thời trang, sức khỏe, dẫn đến những bí ẩn về giới tính, sức khỏe sinh sản được diễn giải một cách khéo léo có vẻ khoa học song đầy gợi cảm, khiến nàng thích thú. Cứ thế, nàng sa đà vào mê cung ảo lúc nào không hay. Và khi dính vào *chat chit* thì nàng ham mê chẳng kém gì đám ô mai chóm lớn. Chat với bạn bè, người quen chán chê, nàng tò mò vào *phòng chat*, cũng thử làm quen như ai. Hồi đầu, nàng bị kích thích bởi các nick-name lạ, song không dám, chỉ mon men với đám *ô mai, sô-cô-la, gấu bông, ba-bi-e*... Nhưng quả là, chỉ đám phút hội thoại là nàng sinh chán bởi ngôn ngữ, sở thích của đám choai choai ấy, thật không mấy hợp với nàng. Rồi nàng làm quen với nick *Sở kiến xứ*. Thực lòng, thấy cái nick lạ thì thử làm quen, chứ nàng đâu có hiểu nghĩa lý ra làm sao. Mà ở trong thế giới ảo này, con người ta khá tự do, ít bị kiểm soát bởi định kiến này nọ, nên cũng đâu cần hiểu tường tận hoặc phân định rạch ròi ngộ khoai thế nào. Thậm chí, có tán tình quá trốn cũng chẳng sợ ai thấy mình đồ

mặt. Trò chuyện với *Sở kiến xứ*, nàng thấy khá thú vị. Người ẩn dưới cái nick này hẳn phải là một người hiểu biết, nhã nhặn, và còn đọc đáo nữa cũng nên. Nàng nghĩ vậy. Rồi một hôm, nàng có thư. Mở email, nàng nhận được câu thơ âm Hán Việt là "*Nhân diện bất tri hà xứ khứ Đào hoa y cựu tiếu đông phong*". Không hiểu thật rõ nghĩa, nhưng nàng biết câu thơ này quen thuộc, bởi hơn một lần trong lúc trà dư tửu hậu với bạn tri kỷ, cha nàng đã mang ra đàm đạo. Nàng lục tìm sách về thơ Đường, hỏi người này người nọ, rồi thì nàng cũng biết được, đó là hai câu kết bài thơ "*Đề tích sở kiến xứ*" của Thôi Hộ, nhà thơ đời Đường, ngữ nghĩa là, *để ở chỗ đã trông thấy năm trước*. Không những vậy, thú vị ở chỗ, hoàn cảnh ra đời bài thơ ấy từ hơn ngàn năm trước khá ly kỳ. Giờ thì nàng có thể kiến giải được cái nick lạ *Sở kiến xứ*. Chẳng hiểu, người đó có hoàn cảnh, tính nết na ná nhà thơ Thôi Hộ xưa kia không, hay chỉ là một cách chơi ngông, một cách tạo sự lạ gây chú ý? Nàng cũng hiểu, thế giới ảo phức tạp không kém gì cuộc sống thực bên ngoài; rằng ở đấy cũng có đấu đá, tranh giành sự ảnh hưởng, có cãi cọ, giận dỗi, ghen tuông ... Biết thế, song rõ ràng, nàng đã có thêm một cuộc sống khác, song hành với dòng đời tuôn chảy... Quan trọng nữa là, hằng đêm, nàng đã có việc để làm, để bận tâm, tránh được nỗi phiền hà từ cha mẹ và gia đình cậu em trai nàng, hay quan tâm đến chuyện chồng con của nàng....

Giang sơn của nàng là một căn phòng nhỏ trên tầng 3, có vệ sinh riêng tiện cho sinh hoạt tắm táp, ngay cạnh căn phòng của vợ chồng cậu em trai, mà nàng quen gọi là tổ kén. Nàng bài trí trang nhã theo sở thích của mình. Hằng ngày, sau bữa cơm tối, trò chuyện với bố mẹ và gia đình cậu em, làm những công việc vặt vãnh xong, ngó chừng 9 giờ là nàng rút lên tổ kén của mình, đóng kín cửa với cuộc sống riêng tư. Thường thì nàng ngả ngốn ngó ti vi, chán thì nghe nhạc và đọc sách. Song giờ thì nàng vào mạng bằng chiếc laptop nhỏ xinh của mình. Nàng xem đủ thứ linh tinh, thời trang, mỹ phẩm, chuyện tình của các ngôi sao... Và dường như, hôm nào cũng vậy, tầm 11 giờ đêm, nick *Sở kiến xứ* xuất hiện. Nàng chỉ đợi có vậy. Những hội thoại không đầu không cuối, những câu chuyện tình cờ nảy sinh. Ấng chừng nửa giờ đồng hồ thì *Sở kiến xứ* byebye, không quên chúc nàng ngủ ngon và mơ giấc mơ đẹp. Có hôm, nàng say chuyện không muốn dứt, khiến chàng cũng nấn ná, bịn rịn hồi lâu, cứ như hai người yêu nhau thắm thiết... Những hôm như vậy, tắt điện nằm mãi không ngủ được. Nàng trở dậy, vào buồng tắm, bật đèn tự ngắm mình trong gương. Nàng thấy mình đầu đến nỗi, làn môi khô khan, sống mũi gò má hài hòa, cần cổ bờ vai nuột nà, này nữa, vồng ngực, eo lưng, bắp đùi... Rồi nàng mạnh dạn nuy trước gương, đi lại ngắm vuốt mình trong ánh sáng... Nàng say đắm thân thể mình... Chán chê, nàng pha nước ấm tắm khăn lau nhẹ khắp thân thể trong cảm giác khoan khoái dễ chịu. Rồi nàng đi nằm... Và nàng mơ... Chàng xuất hiện, nhẹ nhàng đến bên nàng, từ từ ngả xuống, đặt nhẹ nụ hôn lên trán, lên gò má, rồi lên làn mỏng căng mọng đầy ham muốn của nàng... Nàng mê man, rên xiết bật song lên như cánh cung nập tên nén mình bắn đi dục vọng chất chứa bao ngày qua...

- Đây rồi! Ba cây thạch lựu đấy rồi - Chàng Thi reo lên như trẻ con. Nàng khẽ giật mình tỉnh mộng. Từ này, thì ra, nàng cứ theo chân Thi mà bước đi như kẻ mộng du, cũng chẳng nghe chàng ta ba hoa những gì. Nàng mộng giữa ban ngày. Nàng nghĩ về những mộng mị của nàng với anh chàng ảo *Sở kiến xứ* nào đó mà đôi khi nàng gặp trong giấc ngủ đêm đêm... Nàng lúng túng, mặt đỏ bừng, như người bị bắt quả tang khi làm việc gì xấu.

- Sao vậy, Hạnh Mỹ? Chàng Thi gương cặp mắt kính dày cộm nhìn nàng dò hỏi?

- Không, không... Tôi không sao. Tôi mãi ngẫm cảnh

(Xem tiếp trang 40)

ÂM THANH KỶ LẠ

(Tiếp theo trang 39)

và vẫn nghe anh thuyết minh đầy chú... Cảnh ở đây thật tuyệt vời – Nàng chống chế, và cũng nhận ra, trong câu hỏi vừa rồi, chàng Thi ta đã cắt bỏ cái đại từ “chị” khách sáo, gọi tên nàng trống không. Nghĩ thế, nàng lấy lại ngay sự tự tin.

- Hạnh Mỹ, đây là ba cây thạch lưu từ ngày xưa, do tự tay vua Đường Minh Hoàng, mỹ nhân Dương Quý Phi và hoạn quan Cao Lực Sĩ trồng đấy. Là tương truyền vậy, chứ tôi chẳng dám chắc, ba cây thạch lưu này có từ thuở đó, nếu đúng thì chúng phải hơn một nghìn hai trăm năm tuổi rồi. Đồn rằng, nếu ai chạm tay vào hai cây thạch lưu do vua Đường và Dương Quý Phi trồng thì chú có chạm tay, bởi hân bị người đời coi là kẻ xảo trá phản phúc. Hạnh Mỹ ơi, chạm tay vào cây của Dương Quý Phi đi.

Giục nàng, rồi chàng ta đưa tay vuốt lên thân cành cây thạch lưu của vua Đường. Nàng cũng làm theo, dụi dề chạm nhẹ vào thân vỏ xù xì cây thạch lưu của Dương Quý Phi, rồi mạnh bạo hơn, vuốt lên đám lá xanh tươi lấp phất ngang mặt...

Rồi cũng đến giờ phải chia tay. Nàng cho anh chàng biết ngày giờ nàng ra sân bay về nước. Anh chàng hẹn sẽ ra sân bay tiễn nàng. Hai bên hỏi han địa chỉ, trao đổi số điện thoại. Nàng vẫy một chiếc taxi, chia chiếc các khách sạn nơi nàng ở trong thành Tây An cho tài xế. Yên vị trong xe, nàng hạ kính, chia tay ra cho anh chàng. Nàng cảm nhận được vẻ lưu luyến trong cái bắt tay hơi lâu của chàng Thi... Xe chạy, anh chàng vẫn đứng đó, lẻ loi trong đám đông, đưa tay lên vẫy vẫy, đôi mắt kính lấp loáng trong ánh hoàng hôn Ly Sơn...

Đêm ấy, nàng khó ngủ. Nàng điểm lại cuộc đi chơi Hoa Thanh Cung, thấy thú vị về sự làm quen với anh chàng tên Thi. Anh chàng hẳn đã có gia đình riêng rồi. Thấy kệ, có gì ghê gớm đâu, chỉ là nàng thấy mê mẩn. Sau này, chắc gì gặp lại, nhưng cuộc đời này, dù chỉ gặp nhau một lần thôi, thì hẳn cũng phải có duyên kỳ ngộ? Nàng lại nghĩ đến *Sở kiến xứ*, và tự nhiên, nàng khao khát... Sau lần mộng mị đầu tiên, nàng tự thấy ngược, thậm chí thấy sợ. Những giấc mộng mị đêm cô đơn khao khát của nàng thì thoảng đến, song có gì đó Liêu Trai gợn gợn... Nhưng rồi, những câu chuyện với *Sở kiến xứ*, nhất là cái cảm giác rên xiết trong mộng mị mới quyến rũ làm sao, khiến nàng thêm muốn lập lại... Lường lự, đắn đo, rồi ma lực nâng bật nàng dậy, và chẳng phải giấu giếm trốn mình như ở nhà nữa, nàng trút bỏ áo quần, ngay giữa phòng, ngắm mình trước gương... Rồi nàng chìm vào giấc ngủ. Cái cảm giác khó tả ấy lại đến với nàng. Những lần trước, người đàn ông trong mộng mị đều không rõ mặt, song lần này thì nàng đã thấy rõ. Nàng tò mò nhìn kỹ và cố tìm kiếm xem giống ai. *Sở kiến xứ* hay anh chàng Thi? Hay ai nữa? Chịu. Chỉ thấy có gì đó quen quen...

Nàng bừng tỉnh. Minh đang ở đâu đây. Nàng quờ tay sang bên, chỉ thấy chiếc gối, mà nàng đã ghi xiết trong giấc mơ. Nhìn đồng hồ thì mới hơn ba giờ sáng. Không phải lần đầu thấy, vậy mà nàng cứ bồn thần. Có lẽ bởi nó xảy ra ở xứ người, lại ngay sau chuyện gặp gỡ với người đàn ông lạ trong buổi đi thăm nơi ghi dấu mỗi tình bất hủ của lịch sử cổ kim xứ sở này.

Nàng trở dậy, đến bên cửa sổ, khẽ hé bức rèm che. Thành phố mờ ảo trong ánh đèn lồng. Khách sạn bốn sao nơi nàng ở gần thành cổ Tây An. Nàng nhận thấy bức tường thành sừng sững trong đêm như con trăn thần khổng lồ đang trườn bò giữa thành phố gần một ngàn năm trăm năm tuổi này. Nàng chợt nhớ đến cuốn tiểu thuyết *Phế đô* của Giả Bình Ao, mà nàng yêu thích đọc những mấy lần. Nhớ đến mỗi tình trớ trêu của nhân vật chính, nhớ giấc mơ của chú bò, nhớ tiếng tù và đất nung cổ chỉ riêng có ở xứ sở này, được tả trong cuốn sách...

Kia, đúng rồi... Đúng là người ấy, người đàn ông mộng mị của nàng cổ độc trên mặt thành cổ, chàng thổi chiếc tù và đất nung. Nàng cảm nhận được những thanh âm kỳ lạ của nó... ■

BÚT KÝ - PHỎNG SỰ

Đầu tháng ba năm 1980, tôi được cơ quan cử lên vùng núi cao dọc biên giới Việt - Lào ở huyện Hiền lấy tài liệu để viết về đồn Biên phòng 603 đóng ở xã Tr'hy (nay là đồn 649 thuộc đất xã Axan, huyện Tây Giang). Hồi ấy, đồn Biên phòng 603 của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Quảng Nam-Đà Nẵng là hình mẫu của lực lượng vũ trang khu vực Nam miền Trung - Tây Nguyên trong phong trào xây dựng thế trận nhân dân vùng biên giới, lập được nhiều thành tích chặn đứng mọi âm mưu, hành vi xâm nhập gây rối, chống phá đất nước của tàn quân Phunrô đang từ Tây Nguyên mò ra và bọn người Việt phản động lưu vong từ Thái Lan mò về qua ngã Hạ Lào. Ở đồn Biên phòng 603 còn có một anh lính trẻ: quân y sĩ Trần Văn Thọ đã dám bạo gan "xâm phạm" tục lệ truyền thống ghê rợn của người Cốtu để cứu sống hai mẹ con ở thôn Ganin khi sinh nở ngoài rừng nhưng lại dễ ngược.

Bấy giờ cùng đường từ ngã ba Túy Loan - Hòa Vang lên thị trấn P'rao, trung tâm huyện lỵ Hiền dài khoảng 60km mới được thông tuyến; xe khách, loại xe Đốt chạy bằng than mới tới được nông trường Quyết Thắng và mỗi ngày chỉ có một chuyến đi - về. Ai có việc cần thiết lên P'rao, tránh cuộc bộ thêm hơn một ngày đường thì chỉ tìm cách bám theo xe "bò vàng", xe GMC, Zin "ba cầu" hay Uát (Yaz) loại xịn. Bởi đoạn đường từ Túy Loan lên P'rao rất hẹp, lổn nhổn đá cục, đá tảng, hục to, hục nhỏ nham nhở, lở loét; các sông, suối lại chưa có ngàm, cầu; xe lại phải bò ngược qua những dốc cao ngoằn ngoèo, dựng đứng, mấp mấp là vực sâu hun hút, rợn người. Rất nhiều đoạn muốn vượt được dốc hay sông suối, đất lầy, cảnh lái xe phải hợp sức, dùng tới để diu nhau. Đạo ấy, tôi bám theo đoàn Zin "ba cầu" của bộ đội Biên phòng Quảng Nam - Đà Nẵng chở lương thực, thực phẩm, các nhu yếu phẩm khác lên cho trạm Biên phòng Azút và đồn Biên phòng 603. Xuất phát từ Đà Nẵng bằng xe tải quân sự hạng nhất, vậy mà trưa ngày thứ ba mới tới được Azút, nghĩa là tốc độ chỉ nhỉnh hơn người đi bộ chút ít, vì đoạn đường này chỉ hơn trăm cây số. Nghỉ đêm ở Azút, sáng hôm sau tôi theo đoàn chiến sĩ trẻ Biên phòng công hàng ngược dốc Adzốc, dốc Pazĩ (còn gọi là dốc Biên phòng), rồi trượt xuống dốc Cháy, rồi lại ngược dốc Axan - những đỉnh dốc cao từ 1.000 mét đến trên 1.500 mét và nhập nhoạng chiều ngày thứ ba thì chúng tôi cũng đến được đồn 603.

Những năm tháng ấy, đất nước ta vừa thoát ra khỏi một cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhưng lại phải chống trả với bọn giặc diệt chủng Pôn Pốt quấy phá ở biên giới Tây Nam và sự xâm lấn của bọn giặc bành trướng ở biên giới phía Bắc. Đất nước chưa kịp thở, chưa kịp hồi sức sau cuộc chiến tranh hủy diệt của đế quốc Mỹ, đang phải gồng mình chống chọi với bọn giặc láng giềng nên đời sống của dân cả nước cơ cực trăm bề; bà con Cốtu và cán bộ, công chức ở Hiền cũng phải chịu chung nỗi khổ khăn cùng ấy, nhưng bị đắt hơn các nơi khác nhiều lần.

Mãi tới bây giờ, đã hơn 30 năm trôi qua, khi người Quảng Nam nhớ lại thời ấy, không một ai có thể quên câu thơ:

Bao giờ xe khách tới Trao (P'rao)

C'đáp có điện thì tao mới về.

Ngâm thầm, day dứt trước nỗi khổ của Hiền, ông Phạm Đức Nam - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lúc đó đã tự thán, bật lên câu thơ chứa chan khát vọng như thế.

Với tôi, sau chuyến ngược Hiền ấy, cái chuyến đi mới là "cưỡi ngựa, xem hoa", nhưng khi về tới được Đà Nẵng vẫn bị cảm giác ớn lạnh ám ảnh và tôi thầm ước ao làm sao có ngay được một con đường bằng bện, rộng thoáng để xe khách, xe hàng tới được P'rao; để xe đạp, xe máy thồ đưa muối, thuốc men, quần áo v.v... lên tới vùng núi cao dọc biên cho dân Hiền bớt cực, bớt khổ.

Mười hai năm sau, tháng Sáu, năm 1992, tôi lên Hiền lần thứ hai. Lần này anh Hồ Văn Điều - người B'h'noong, là Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, đại biểu Quốc hội khóa IX rủ tôi cùng đi. Anh Điều bảo, chuyến này anh phải rào khắp các xã biên giới ở hai huyện Hiền, Giàng để tận mắt thấy, tận tai nghe lời nói của dân, thực trạng đời sống của dân; từ đó anh sẽ có đề án trình bày với Quốc hội trong kỳ họp này để Quốc hội bàn bạc, để ra những chủ trương, chính sách sát sườn, cụ thể, nhằm giảm bớt phần nào nỗi khổ của bà con vùng núi cao cách trở, heo hút này. Như để thuyết phục tôi, anh giải bày thêm: "Ai cũng biết đồng bào các dân tộc Quảng Nam - Đà Nẵng luôn một lòng theo Đảng, theo Bác. Suốt 21

năm chống Mỹ, cứu nước, họ đã có những cống hiến vô cùng to lớn cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Bây giờ đã gần 20 năm đất nước hòa bình, Đảng, Nhà nước ta cần phải thực hiện lời hứa với họ rồi vận động họ dốc người, dốc của cho cách mạng. Với bà con dân tộc, lời hứa là lời thề. Nếu hứa mà không làm, hứa một đằng, làm một nẻo thì đổ anh lẫn sau có mỗi mồm ngon ngọt, thậm chí biểu tượng họ vật lạ, của hiếm, họ vẫn nghi ngờ, không tin. Ra họp Quốc hội lần này, tôi sẽ có ý kiến quyết liệt về vấn đề này, dứt khoát phải có một quyết sách thỏa đáng, chứ không thể để họ khổ hoài, khổ mãi".

Đi với anh Điều và tôi chuyến ấy còn có A Lăng Tia - quê ở Hiền, có Nguyễn Tri Hùng - một sinh viên từng sống với đồng bào Cốtu để lấy tư liệu làm luận văn tốt nghiệp bằng cử nhân về văn hóa Cốtu, cả hai anh đều là chuyên viên Ban Dân tộc tỉnh và một phóng viên báo Công an Quảng Nam - Đà Nẵng.

Vào năm 1992, đoạn đường từ Túy Loan lên P'rao hầu hết đã được san ủi và rải đá cấp phối, các loại xe đã tới được thị trấn P'rao. Tại thị trấn đã có vài ki-lô-mét đường được rải nhựa, nhà làm việc của các cơ quan huyện, nhà ở của dân phần lớn không còn tạm bợ, xập xệ như hồi năm "tám mươi", đêm xuống, đầy đó đã lập lòe ánh điện; nhiều hàng quán cũng mọc lên. Một thị trấn cho Hiền thực sự đã hiện hình, đang khởi sắc. Nhưng đoạn đường gần 30 cây số từ thị trấn P'rao lên Azút - thuộc tuyến đường mòn Hồ Chí Minh thì vẫn loang lổ, lổn nhổn đá to, đá nhỏ. Còn con đường công vụ lên các xã dọc vùng biên mới vỡ vạc chừng chưa tới chục cây số, ngay cả xe Uát hay xe Jép vẫn chưa thể đi được. Xe Uát của Ban Dân tộc chở 5 anh em chúng tôi tới Azút rồi quay về. Chúng tôi ngủ lại thôn Adzốc và lại ngược nguồn sông AVương, theo con đường quanh co, nhỏ hẹp mà hồi năm "tám mươi" tôi và các anh chiến sĩ Biên phòng đã đi để lên các xã vùng cao ven biên giới.

Hơn nửa tháng trời cuộc bộ, vượt qua các dãy núi cao trên dưới 1.500 mét, chúng tôi đã đến được 30 làng của 9 xã vùng biên giới Hiền - Giàng. Cứ mỗi trưa, mỗi chiều, khi tới thôn nào, làng nào cũng vậy, đầu vắng chủ nhà, việc đầu tiên của anh là xộc ngay vào bếp lửa, lục lọi soong nồi, gửi, chum ché rất kỹ. Sau mỗi lần như thế, anh Điều lại kêu lên: "Chỉ toàn rau rừng với sắn, sao họ lại sống được như thế nhỉ". Có hôm, sau khi tỉ mỉ kiểm tra cái việc kiểm tra ấy, anh về ngồi trên sàn *gươl* im lặng, sắc mặt trĩu nặng, nước mắt lưng tròng. Chắc lúc đó anh đang nhớ về những năm ác liệt của chiến tranh. Bom đạn, hỏa chất độc của Mỹ - Ngụy cũng từng đầy bà con miền núi Quảng Nam lâm vào cảnh sống bị đất tương tự. Đêm trên sàn *gươl* gặp mặt dân làng, câu mở đầu chào hỏi bà con, giọng anh như tắc nghẹn. Biết anh là người đầu tiên to nhất của Đảng đến với làng nên từ những cụ già lụm khum đến trẻ con đỏ hỏn đang nằm trên lưng mẹ đều đổ tới *gươl* vòng trong, vòng ngoài chật cứng. Nhiều làng anh phải đứng dậy, chấp hai tay như vái lạy trước những tiếng kêu đói, đau, dịch bệnh, kêu rách rưới, thiếu muối, thiếu thuốc chữa bệnh, thiếu thầy dạy chữ, thiếu dầu thắp sáng, không có đường tốt đi lại giữa các làng v.v...

Ròng rã nửa tháng trời lội suối, leo dốc, xuyên rừng, chúng tôi đã qua được 30 làng của 9 xã dọc biên giới Việt - Lào ở hai huyện Hiền - Giàng. Ngay sau chuyến đi ấy, anh Điều ra Hà Nội họp Quốc hội. Nhưng mãi 3 năm sau - năm 1995, Chương trình 135 của Chính phủ dành cho các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để xóa đói, giảm nghèo mới ra đời. Và từ ngày "nhận được tình thương của Đảng và Nhà nước" - như lời bà con các dân tộc thiểu số Quảng Nam nói, các xã vùng núi cao ở Hiền bắt đầu thực sự đổi đời.

10 năm sau, vào tháng 8 năm 2004, tôi lên vùng cao huyện Hiền lần thứ ba. Vào thời điểm này tên huyện Hiền không còn tồn tại trên bản đồ Quảng Nam. Vì từ tháng 6 năm 2003, theo Nghị định 72 của Chính phủ, huyện Hiền đã được tách làm hai huyện và trở về với tên gọi và địa giới cũ được hình thành trong những năm chống Mỹ, cứu nước. Vùng thấp của Hiền, nằm ở mạn Đông sông AVương, giáp với các huyện: Nam Đông (tỉnh Thừa Thiên-Huế), Hòa Vang (thành phố Đà Nẵng) và Đại Lộc, là đất của huyện Đông Giang. Vùng cao của Hiền, nằm ở mạn Tây nguồn sông Bung và sông AVương, giáp với các huyện: ALưới (tỉnh Thừa Thiên-Huế), Kạ Lùm, Đák Chưng (tỉnh SêKoong của nước bạn Lào), là đất của huyện Tây Giang.

Lên vùng cao của huyện Hiền - Tây Giang cùng tôi chuyến ấy còn có các nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ của Quảng Nam và Đà Nẵng. Chúng tôi xuất phát từ Đà Nẵng lúc 7 giờ sáng bằng xe Mercedes loại 16 chỗ

ngồi, sau 3 tiếng đồng hồ thì tới Azút - nơi có lối rẽ lên vùng cao Tây Giang từ tuyến đường Hồ Chí Minh. Khi xe dừng ở Azút, nhạc sĩ Thanh Anh và nhà thơ Ngân Vịnh đã không ghim nổi xúc động, nét mặt cứ ngơ ngơ, bần thần như đang tìm kiếm, như đang nhớ về một điều gì đó. Cách đây hơn 40 năm, vào những năm đầu "sáu mươi" (thế kỷ XX), các anh đã đến với chiến trường Khu 5 qua ngã Atép, Azút. Bấy giờ, đế quốc Mỹ chưa đổ quân vào xâm lược miền Nam, chưa tung quân, chưa đánh phá ác liệt miền Tây Quảng Đà, Quảng Nam thì Atép, Azút là cửa ngõ của tuyến hành lang vận chuyển huyết mạch nổi chiến trường Khu 5, Tây Nguyên với miền Bắc qua ngã ALưới và Hạ Lào. Nhạc sĩ Thanh Anh

đến nhà máy thủy điện sông Pút và trung tâm xã Ch'ôm, xã Gari. 10 năm mới có 40km đường nhựa, tính ra mỗi năm Tây Giang có thêm được 4km đường tốt để đi lại dễ dàng trong hai mùa mưa nắng. Vậy còn khoảng 80km đường lên 3 xã biên giới bao giờ thì làm xong? Gặp bà con Côtu ở Axan, ở Ch'ôm, ở Gari, trong lúc chuyện trò quanh bếp lửa sần sần, các già làng nói vui theo kiểu nói lý của người Côtu: "Con đường đang mở lên chỗ tui tao là con đường của Đảng cho con Côtu. Nhờ có con đường "ngon" mà mấy năm ni con Côtu đã được no cái bụng, được biết thêm nhiều cái chữ, cái đau yếu, cái con bệnh cũng mất dần. Con Côtu cảm ơn Đảng nhiều. Còn khúc đường chỉ đổi vài tay rửa, Đảng cố làm cho xong

nước bậc thang, phía sau là những vườn rừng trồng cây ăn quả, trồng cao su, keo v.v... Đêm về giữa rừng núi mờ mịt điệp trùng, đầy đó búng lên ánh điện lấp lánh cứ ngỡ như sao trời treo lơ lửng. Nhưng hấp dẫn và quyến rũ tôi nhất vẫn là những cánh rừng nguyên sinh chưa bị con người đụng tới. Tôi và nhiều anh em làm thơ, làm nhạc, nhiếp ảnh đã phải mê mẩn và như bị thôi miên với cảnh mây trời bằng lăng, quắn quýt quanh những núi non xanh ngắt, trắng muốt lúc mặt trời lên, rừng vàng khi hoàng hôn xuống. Chúng tôi cũng phải mê mẩn bởi vẻ đẹp mượt mà, mềm mại, uyển chuyển của các cô gái Côtu trong điệu múa *Da'da*; bị cuốn hút, phấn khích trước vẻ đẹp cường tráng, mạnh mẽ, oai hùng của các

TÂY GIANG MIỀN ĐẤT QUYẾN RŨ

Bút ký của NGUYỄN BÁ THÂM

và nhà thơ Ngân Vịnh để nghị nghỉ lại Azút, sáng hôm sau mới lên xã Lăng - nơi đóng đại bản doanh tạm thời của các cơ quan, ban ngành huyện Tây Giang. Có lẽ anh Thanh Anh, anh Ngân Vịnh muốn tìm về một thời trai trẻ của mình. Nhiều anh em trong đoàn cũng muốn được ở lại Azút. Có lẽ đoàn đường Hồ Chí Minh qua thung lũng Azút lúc ẩn, lúc hiện, uốn lượn quanh co theo dòng sông AVương, theo những dãy núi đối xanh ngắt và những ngôi nhà sàn, những khung dệt thổ cẩm, những thôn nữ Côtu chắc khỏe, duyên dáng đã mê hoặc, níu giữ tâm hồn các nghệ sĩ. Riêng tôi, hơn 10 năm trở lại vùng cao của Hiên - Tây Giang, khi dừng lại Azút, tôi cũng bị bất ngờ trước những đổi thay nhanh chóng của vùng đất này. Hơn 10 năm trước, sau chuyến "đi dọc đường biên" cùng anh Điều và các cán bộ của Ban Dân tộc Quảng Nam - Đà Nẵng, chúng tôi đã phải dậm dất với nỗi khổ cùng cực của bà con Côtu dọc biên và đã khát khao mong ước làm sao có được con đường - một con đường cho xe máy, xe đạp thổ cũng được, để đưa muối, gạo, vải, thuốc chữa bệnh; làm sao có trường, trạm, điện chiếu sáng để bà con nơi đây bớt đói, bớt rách, bớt chết yếu, chết oan, bớt tối tăm, lạc hậu v.v... Bấy giờ đường lên vùng cao đang được khai mở, trường học, trạm xá đang được xây dựng, điện nước quốc gia đang đang kéo lên v.v... Tất cả những gì thuộc Chương trình 135 của Chính phủ dành cho các vùng đặc biệt khó khăn đang từng bước hé lộ, khởi sắc trên từng gương mặt, trong mỗi ngôi nhà, mỗi làng xã người Côtu ở Tây Giang.

Sau lần thứ ba lên vùng cao của Hiên - Tây Giang, trong 10 năm qua, năm nào tôi cũng tìm cách lên lại Tây Giang, có chuyến tôi đi với nhạc sĩ Phan Huỳnh Điều, nhà văn Hồ Duy Lệ bằng xe con, có chuyến tôi đi xe máy với nhà thơ Thanh Quế hay các nhạc sĩ, các nghệ sĩ nhiếp ảnh; cứ thế la cà từ BhaLê qua các xã Anông, Tiêng, Lăng. Lúc trời nắng ráo, đường khô, ít mây mù, chúng tôi lại ngược lên các xã Tr'hy, Axan, đồn Biên phòng 649, đồn Biên phòng 651; đến tận thôn Ch'nốc xã Ch'ôm - nơi có cửa khẩu Tây Giang - Ka Lùm hay bát qua Pút, Aroi của xã Gari - những làng ven biên mà 21 năm trước tôi và anh Điều đã đến. Hiện thời, vào cuối tháng Tư năm 2013, cung đường từ ngã ba đường Hồ Chí Minh - AZút rẽ lên cửa khẩu dài hơn 80km đi theo dọc các đỉnh của dãy Trường Sơn đã rải nhựa được 40km. Đây là con đường do ông CLâu Blao, một y tá ở làng Voòng - xã Tr'hy cùng dân các làng trong xã tìm ra để tránh tuyến đường muối phải leo dốc PaZi, trượt dốc Cháy, treo dốc Axan của cha ông xưa để lại. Còn 40km từ suối Abanh lên các xã Axan, Ch'ôm, Gari vẫn là đường đất, chỉ đi được trong mùa khô hay lúc trời tạnh ráo kéo dài; về mùa mưa hầu như tắc nghẽn, nếu có việc hệ trọng, cần kíp phải xuống trung tâm huyện lỵ thì xe Uát, xe gắn máy phải quấn thêm dây xích vào quanh vỏ xe mới hòng vượt qua những con dốc trơn trượt, những vùng lầy ngập bùn.

Mười năm tái lập huyện Tây Giang, Tây Giang mới có được 40km đường tốt lên vùng cao. Còn 40km nữa phải bạt thấp, mở rộng, rải nhựa mới tới được cửa khẩu; và cũng còn 40km như thế để đến đồn Biên phòng 651,



Minh họa của KHÁNH TOÀN

đi (...). Có đường tốt, có làng mới, có điện sáng, có cái trường, cái trạm tốt rồi con Côtu sẽ yêu cái núi, cái rừng hơn, biết làm theo cái hay, cái tốt nhanh hơn. Rứa là con Côtu sẽ hết đói, hết nghèo. Được rứa, con Côtu sẽ cảm ơn Đảng nhiều". Mơ ước này của những già làng "đất sắp ăn" - nói theo cách của người Cadong ở Nam - Bắc Trà My, cũng là mơ ước chung của bà con các dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn của miền núi cao miền Tây Quảng Nam.

10 năm nay, tôi siêng lên Tây Giang không chỉ để biết, để hiểu sâu, hiểu kỹ hơn về cuộc sống của những người dân đã một thời dám hy sinh tính mạng để chớ che, nuôi giấu những cán bộ cách mạng "ở lại, nằm vùng, nhẩy núi" khi Mỹ - Ngụy ruồng bỏ, truy sát ráo riết ở đồng bằng sau Hiệp định Giơnevơ. Họ đã dành từng củ sắn, trái bắp, lon gạo để nuôi cán bộ, bộ đội trong những năm chiến trường Quảng Đà, Quảng Nam bị địch đánh phá ác liệt. Họ đã ra tận đường dây 559 để tải đạn về chiến trường Khu 5; tiêu biểu là Anh hùng ALăng Bút - người thanh niên Côtu của Tây Giang, dù hai mắt bị mù, nhưng đã dùng cây gậy dò đường, trong hơn 10 năm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ALăng Bút đã vượt dốc cao, suối sâu công hàng chục tấn vũ khí ra mặt trận...

Cứ mỗi lần lên Tây Giang, tôi lại phát hiện thêm những điều mới lạ. Một con đường đang được rải bê tông nhựa về trung tâm xã, một con đường được láng bê tông về làng, một khu tái định cư, định canh với những ngôi nhà sàn lợp tôn trắng lóa, trước mặt là cánh đồng lúa

chàng trai Côtu trong điệu múa *Tântung*. Hòa với điệu múa *Da'da*, *Tântung* là nhịp trống chiêng khi khoan thai, trầm lắng, khi thoai thúc, dập dồn. Rồi tiếng kèn *Aben* lạnh lốt, rẻo rất như rú rú, như trách móc bạn tình. Rồi giọng điệu đối đáp hùng hồn của nói lý hay khúc bông trầm lắng đặc không dứt của bài hát lý. Đặc biệt điệu kỳ lạ, huyền bí nhất ở đất Tây Giang - một vùng núi cao hiểm trở như thế lại là nơi lưu giữ trống đồng Đông Sơn, những dòng chữ Chăm cổ khắc trên vách đá và còn nhiều loài thực vật quý hiếm, nhiều di vật kỳ bí khác nhưng chưa được giải mã, khám phá v.v...

Là một người may mắn được đi đường như khắp mọi nẻo đường đất nước, đến đâu tôi cũng tiếp xúc với con người, văn hóa, được ngắm nhìn, chiêm ngưỡng các di tích lịch sử - văn hóa, các danh thắng của vùng đất ấy, nhưng mỗi lần lên Tây Giang, lên dọc dãy Trường Sơn nằm ven biên giới Việt - Lào này, tôi chợt nhận ra tộc người Côtu, văn hóa Côtu nơi đây còn ẩn chứa biết bao điều huyền diệu. Còn con đường lên vùng cao Tây Giang là một trong những con đường đẹp, quyến rũ đặc biệt nhất Việt Nam.

Mong ước của tôi mỗi bận ở Tây Giang trở về xuôi là làm sao để Tây Giang sớm thoát nghèo và chống giàu, để Tây Giang trở thành một vùng đất du ngoạn có sức cuốn hút bè bạn bốn phương. ■

(*) Đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam xưa kia tính đoạn đường gần hay xa bằng cách: lúc nào tay cầm rựa đã mỏi thì đổi sang tay khác. Nếu đổi tay cầm rựa nhiều thì là đường dài, xa.

“VỤ KIẾN NÀY SẼ LÀ CỔNG HIẾN CUỐI CÙNG CỦA ĐỜI TÔI”

DƯƠNG KIM THOA

Đó là chia sẻ của bà Trần Tố Nga, một nạn nhân chất độc da cam/di-ô-xin, người mang hai quốc tịch Việt – Pháp, khi nói về vụ kiện các công ty hóa chất của Mỹ mà bà đã và đang cùng các luật sư Pháp chuẩn bị hồ sơ đưa ra trước tòa án lương tâm quốc tế.

ĐẾN VỚI NGƯỜI ĐỂ TÌM RA MÌNH

NGUỒI phụ nữ đã ngoài 70 tuổi tiếp chuyện tôi sáng sớm có gương mặt đẹp và phúc hậu. Thật khó hình dung khi ở cái tuổi cổ lai hy, bà vẫn được trời cho làn da thật nhẵn, sáng và khỏe mạnh, hàm răng đều đặn, răng rõ và ánh mắt thì vẫn rất tinh anh. Khó hình dung hơn nữa nếu người ta biết bà đã từng bị đế quốc Mỹ bỏ tù năm 1974 lúc đang mang thai, sau đó lại phải sinh và nuôi con ngay trong nhà giam đế quốc. La lùng hơn khi tôi biết, chỉ cách đây vài năm, trong kết quả xét nghiệm máu của phòng khám bên Đức gửi về, hàm lượng di-ô-xin trong máu của bà vẫn đang ở cao hơn mức cho phép trung bình của người Việt.

Căn nhà của bà Tố Nga giờ đã là xưởng thiết kế của nhà tạo mẫu Mai Kiều Liên, người con gái thứ ba. Trừ khi người phụ nữ hồng nhan này đặc ân về sắc đẹp thì cũng lại đây cho bà biết bao nhiêu điều có thể gắn vào hai chữ “bạc mệnh”. Người chồng vốn là bạn đồng môn sau hơn mười năm chung sống, có với nhau tới ba mặt con, giờ đã là chồng của người khác. Cô con gái đầu lòng qua đời lúc mới hơn một tuổi vì bệnh tim bẩm sinh mà mãi sau này bà mới biết do di hại của chất độc da cam/di-ô-xin. Cô con gái thứ hai sinh ra đã gặp nhiều trục trặc về sức khỏe, hiện giờ đang mắc phải tất cả những chứng bệnh của bà cũng vì di hại di-ô-xin. Chỉ có Mai Kiều Liên là người may mắn thoát khỏi tấm lưới thảm kịch bủa vây của loại chất độc do đế quốc Mỹ rải xuống miền Nam Việt Nam những năm 70 của thế kỷ trước.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua tính từ thời điểm đế quốc Mỹ lần đầu tiên rải các chất hóa học kinh hoàng da cam/di-ô-xin xuống miền Nam Việt Nam (10/8/1961 – 10/8/2013), nỗi đau do nó gây ra vẫn không thôi nhức buốt. Chúng ta đã 3 lần khởi kiện các công ty hóa chất của Mỹ song bất thành. Với gần 5 triệu người bị nhiễm và phơi nhiễm loại hóa chất độc hại này vẫn đang khổ sở đối mặt với cuộc sống và bệnh tật, có thể nói, gánh nặng của quá khứ sau nửa thế kỷ vẫn còn rất bộn bề. Nhưng gần 5 triệu người đó chỉ là con số rất ước lượng, rất hành chính. Bị kịch hơn, còn rất rất nhiều người khác không hề biết mình đã và đang chịu ảnh hưởng của loại chất độc có khả năng “hủy diệt cả gia tộc” như cụm từ bà Tố Nga dùng để nói về chất độc da cam/di-ô-xin. Chính bà Nga cũng đã từng như thế.

Chỉ mãi sau này, khi đã có kết quả xét nghiệm máu, bà mới thực sự khẳng định nỗi hồ nghi ám ảnh ngày đó của mình. Bà nhớ lại hai sự kiện đã dẫn tới việc mình nhiễm chất độc da cam. Lần đầu tiên là khoảng năm 1966, sau khi trở lại miền Nam chiến đấu, bà ở chiến trường Củ Chi. Trong một lần đang ở dưới hầm, nghe tiếng máy bay rì rì trên mặt đất, phần nhiều do tò mò, bà chui ra khỏi hầm xem xét thì bị một đám bột dính nước nhờn nhớt phủ đầy lên người. Mặc dù khi đó làm phóng viên cho Thông tấn xã, bà thường xuyên phải đưa những bản tin về việc rải chất độc da cam/di-ô-xin của Mỹ ở nhiều khu vực chiến đấu, nhưng vào lúc đó, bà không hề nghĩ mình cũng đang bị ngấm vào người loại chất độc này. Mọi chuyện cứ thế trôi qua, bà xuống hầm tắm rửa cho sạch lớp bột dính lên người rồi cũng quên luôn về nó. Hai năm sau, trong chuyến đi dự Đại hội anh hùng lực lượng vũ trang lần thứ 2 tại Bù Đốp, hành trình đoàn công tác phải đi qua những cánh rừng đã từng bị rải chất độc da cam/di-ô-xin, có những đoạn không có đường ô tô, mọi người phải xuống lội bộ, chân ngập sâu trong những thảm lá mục và bùn lầy do nước mưa lâu này lắng đọng. Lần thứ hai này bà cũng không hay mình đã “tích” thêm vào người loại hóa chất diệt chủng kinh hoàng có tên da cam/di-ô-xin.

TRỞ THÀNH CÔNG DÂN PHÁP...

Cũng giống như rất nhiều người con miền Nam được sinh ra hoặc lớn lên trên đất Bắc, trong tìm mình, bà Nga luôn dành một tình cảm thật sâu nặng với đồng bào nơi đây. Cái ân tình đó không dễ báo đáp cho hết, nhưng trong khi hoạt động công tác xã hội, bà Nga luôn có ý thức chăm chú, vun đắp. Chẳng thế mà ngay trong lần đầu tiên tham gia công tác xã hội, bà đã xin được bảo trợ cho một trường trẻ em mồ côi ở miền Bắc. Sau này, nhờ có vốn liếng ngoại ngữ cùng các mối quan hệ cá nhân rất tốt, bà đã vận động được nhiều nguồn tài trợ của Pháp đưa về xây dựng trường học cho các tỉnh còn nhiều khó khăn ở miền Bắc, đặc biệt là những nơi đã từng bị thực dân Pháp tàn phá trong chiến tranh như

Điện Biên, Cao Bằng, Nam Định, Tuyên Quang, Phú Thọ, v.v...

Cũng vì những đóng góp tích cực, say sưa trong công tác xã hội và góp phần tăng cường mối quan hệ hữu nghị giữa hai dân tộc Việt – Pháp mà năm 2005, bà đã được chính phủ Pháp trao tặng huân chương Bắc đẩu bội tinh. Nhờ có huân chương này, bà được tạo điều kiện để trở thành công dân mang quốc tịch Pháp. Thời điểm đó, có lẽ bà Nga cũng chưa thể ngờ, sự ghi nhận đóng góp của chính phủ Pháp sẽ còn mở ra cho bà một cơ hội lớn hơn nữa để giúp đỡ hàng triệu người Việt chịu ảnh hưởng chất độc da cam/di-ô-xin trong chiến tranh chống Mỹ.

... VÀ HÀNH TRÌNH ĐÒI CÔNG LÝ CHO NẠN NHÂN DA CAM

Vị luật sư nổi tiếng thế giới người Pháp La William Bourdon có lần gặp gỡ thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã nói, nếu ông tìm được một công dân Pháp bị ảnh hưởng chất độc da cam/di-ô-xin do Mỹ rải xuống Việt Nam trong chiến tranh, ông sẽ giúp giải quyết đến cùng vụ kiện đòi công lý cho hàng triệu nạn nhân đang phải gánh chịu nỗi đau này. Và ông La William Bourdon đã giữ đúng lời hứa khi gặp được bà Trần Tố Nga.

Để tham gia vụ kiện lần này, bà Nga đã phải gửi 100ml máu sang phòng xét nghiệm ở Đức và khắc khoải chờ đợi trong 2 tuần. Có lẽ chẳng bao giờ lại có chuyện “tréo ngoe” như việc bà đã mừng đến rơi nước mắt khi nhận được kết quả cho biết nồng độ di-ô-xin trong máu mình đang cao hơn mức cho phép khá nhiều. Bà thực sự mừng vì bà biết, bệnh tình mình đã mang trong người bao lâu nay rồi, giờ biết thêm cũng đâu có gì khác. Nhưng điều vô cùng quan trọng, với kết quả xét nghiệm, bà đã có được bằng chứng khoa học để làm căn cứ khởi kiện các công ty hóa chất Mỹ. Đáng sau bà là cả triệu nạn nhân đang chờ sự thành công của vụ kiện. Bà sẽ là tiền lệ cho những cuộc khởi kiện sau này theo cách đó.

Đã hơn 70 tuổi, bà Nga hiểu rằng, quỹ thời gian của bà còn lại với cuộc đời không nhiều nữa. Bà cũng không mong, vụ kiện lần này sẽ đem lại cho bà thêm khoản tiền nào, dù nhỏ hay lớn. Nhưng bà tâm niệm, trong cuộc đời làm một người chiến sỹ cách mạng, đây sẽ là cuộc chiến đấu cuối cùng bà muốn cống hiến cho Tổ quốc, nhân dân. Với bà, trong cuộc đời này, mỗi người chỉ là một hạt bụi vô cùng nhỏ bé, Trần Tố Nga không là gì cả, ai cũng biết vậy, bà càng biết vậy, nhưng đứng sau bà là cả triệu nạn nhân cần phải được bù đắp những đau đớn, thiệt thòi của chiến tranh, cần được đòi quyền lợi cả về lương tâm và công lý. Dấn thân vào vụ kiện, bà chỉ có một mục đích duy nhất, có một bản án tòa kháng định tính đúng đắn và hợp pháp của việc khởi kiện, và bản án đó trở thành tiền lệ để các nạn nhân khác có cơ sở làm tiếp các vụ kiện đúng đắn khác.

Lẽ dĩ nhiên, ngay cả khi đã có đủ trong tay những chứng cứ khoa học và pháp lý để khởi kiện, cuộc đấu tranh đòi công lý của bà Tố Nga sẽ còn là một hành trình dài và nhọc nhằn trước mắt. Thực may, trên hành trình ấy, bà nhận được sự ủng hộ vô tư và nhiệt tình của không ít bạn bè quốc tế, nhất là những người bạn Pháp. Đó là anh Andre Bouny, một công dân bình thường của Pháp, bị liệt hai chân, phải đi lại bằng nạng, nhưng đã viết những cuốn sách rất sâu sắc về chất độc da cam/di-ô-xin. Và bây giờ, rất nhiều người sử dụng sách anh viết vì nó đã phân tích rất khoa học và đầy đủ về loại chất độc Mỹ rải xuống Việt Nam trong chiến tranh. Chính Andre Bouny cũng đang ra sức giúp đỡ bà Tố Nga trong vụ kiện lần này. Còn nữa là chị Hồ Thủy Tiên, một người Pháp gốc Việt đã bị gây cả hai chân mà vẫn đi, về Việt Nam trên đôi nạng để quay phim tài liệu, đó là một bộ phim sắp tới đây sẽ có tên là “Da cam - một quả bom nổ chậm”. Lại càng không thể không nhắc tới vị luật sư nổi tiếng thế giới người Pháp La William Bourdon, người đã từng tới gặp thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng chúng tôi nhắc đến ở trên. Hiện nay, không chỉ có ông La William Bourdon, trong văn phòng luật của ông, còn có thêm hai nữ luật sư nữa cùng tham gia cho hồ sơ của Trần Tố Nga.

TRẦN TRỞ VỚI NỖI ĐAU DA CAM

Gần nửa thế kỷ mang trong mình chất độc da cam/di-ô-xin, gần ba chục năm sau cái chết của đứa con đầu lòng, bà Nga vẫn không ngừng nỗ lực đấu tranh và tự trách mình về cái chết đó. Bà không thể quên cảm giác của người mẹ trẻ lần đầu được bế trên tay giọt máu dứa ruột đẻ ra mà không dám một lần áp con vào ngực hát hì hụi, nựng nịu như bao bà mẹ khác. Chỉ vì con bị bệnh tim bẩm sinh rất nặng, không thể hít thở bình thường, làm vậy có thể khiến bé ngạt thở. Cũng vì thế, bà càng hiểu hơn nỗi đau của những gia đình đã và đang hàng ngày, hàng giờ phải đối mặt với những dẫn vật, đau khổ



Bà Trần Tố Nga sinh năm 1942 tại Sóc Trăng. Từ năm lên 8, bà đã tham gia công tác giao liên cho lực lượng cách mạng ở nội thành Sài Gòn. 13 tuổi, bà ra Bắc học tập ở trường học sinh miền Nam. Ngay trong ngày nhận được bằng tốt nghiệp đại học Tổng hợp khoa Hóa, bà đã khoác ba lô lên đường vượt Trường Sơn vào lại Sài Gòn tham gia chiến đấu. Trong chiến tranh, bà làm phóng viên cho Thông tấn xã, sau đó trở về hoạt động trong nội thành Sài Gòn. Ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, bà trở lại với sự nghiệp giáo dục, kinh qua các cương vị là hiệu trưởng các trường THPT Lê Thị Hồng Gấm, THPT Marie Curie và trường Sư phạm kỹ thuật TP Hồ Chí Minh. Nhiều năm làm công tác xã hội, bà đã vận động các nguồn tài trợ nhân đạo của Pháp đầu tư xây trường học ở rất nhiều tỉnh, thành ngoài Bắc như Điện Biên, Cao Bằng, Tuyên Quang, Nam Định, Phú Thọ, v.v... Chính vì những đóng góp này, bà là một trong những phụ nữ Việt Nam hiếm hoi được chính phủ Pháp tặng huân chương Bắc đẩu bội tinh năm 2005.

còn lớn hơn nhiều lần nỗi đau của bà. Nghĩ về hoàn cảnh riêng, bà Nga luôn tự nhủ, mình còn may mắn hơn rất nhiều nạn nhân khác, vì ngoài những tổn thương, tật bệnh bên trong, bà và con gái không bị khuyết tật hay dị dạng cơ thể.

Nhiều năm làm công tác xã hội, đặc biệt các công tác chăm lo, giúp đỡ các nạn nhân chịu ảnh hưởng chất độc da cam/di-ô-xin, điều khiến bà Nga day dứt khôn nguôi chính là sự bơ vơ của những đứa trẻ sinh ra không được làm một con người hoàn chỉnh. Còn bao đứa trẻ sẽ sống ra sao khi thế hệ nạn nhân da cam thứ nhất mất đi? Đứng trước những người chung cảnh ngộ nhưng bất hạnh hơn mình, bà luôn thấy mình cảm phục sự đứng đắn vươn lên của họ. Đã không ít lần bà chứng kiến các em nhỏ bị dị dạng do ảnh hưởng chất độc da cam, với bàn tay, bàn chân không được lành lặn, các em vẫn nỗ lực vượt lên số phận, cố gắng hết sức để lao động, để sống được phần nào nhờ vào thành quả công việc của chính mình. Có rất nhiều nạn nhân da cam đang âm thầm gánh chịu nỗi đau và cứng cỏi vươn lên, vượt qua số phận. Họ không hề kêu rên hay cầu xin lòng thương hại của xã hội hay các tổ chức từ thiện, nhưng họ vẫn cần lắm những tấm lòng cảm thông, chia sẻ và sự giúp đỡ tận tình.

Là một nhà giáo, bà Nga càng hiểu sâu sắc tầm quan trọng của việc giúp các nạn nhân da cam, nhất là các em nhỏ, có một vốn tri thức nhất định, một nghề nghiệp cụ thể để các em có thể sống tự lập một cách đàng hoàng. Bà vẫn ấp ủ dự định, sau khi làng Cam ở huyện Hóc Môn đi vào hoạt động, nếu có một dự án dành cho hoạt động giáo dục dạy nghề, bà sẽ tự nguyện “xách túi đi ăn xin” (cách nói của bà) các nguồn tài trợ để tổ chức việc dạy dỗ và đào tạo nghề cho các em. Sở dĩ trong suốt những năm bà làm công tác xã hội, thực hiện các dự án xây dựng trường học tặng cho một số tỉnh miền Bắc, người ta trao gửi cho bà rất nhiều tiền là vì họ biết, một xu họ gửi cho bà cũng đến được tay người cần giúp đỡ. Và lần này cũng thế, bà tin, nếu có một dự án đàng hoàng cho hoạt động dạy học và dạy nghề cho các nạn nhân chịu ảnh hưởng chất độc da cam/di-ô-xin, bà cũng sẽ tự nguyện tiếp tục công việc đó với tinh thần say sưa, nhiệt tình nhất. “Các em cần phải đứng được trên đôi chân mình, và cần phải truyền cho các em ngọn lửa nhiệt tình, truyền cho các em lý tưởng, mình phải sống sao cho đàng hoàng với tư cách là những người Việt Nam kiên cường, dũng cảm”, đó là những chia sẻ tâm huyết của một bà giáo đã ngoài bảy mươi về một kế hoạch đầy ắp tình nhân văn đang ấp ủ trong lòng. ■

CHUYỆN LÀNG VĂN NGHỆ

MỘT NHÀ CÓ HAI ANH EM

TRƯƠNG PHƯƠNG HUY

Nơi xóm Điều Khê, xã Bùi Xá (Đức Thọ - Hà Tĩnh) có nhà kia làm nghề thủ công sinh hạ được 4 người con, ba trai một gái, thì ngoài người em gái gả bỏ với ruộng vườn, ba người con trai còn lại, một người sau này trở thành nhà khoa học nông nghiệp, hai người còn lại đều theo nghiệp văn chương, đều cầm bút và đều có những thành công. Người anh là Đại tá nhà văn Xuân Thiều, nhà văn mặc áo lính nổi tiếng với nhiều tập truyện ngắn, tiểu thuyết như Xin đừng gõ cửa, Huế mùa mai đỏ... và từng được các giải thưởng văn học quốc gia như Giải thưởng Bộ Quốc phòng, Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, Giải thưởng Nhà nước về văn học - nghệ thuật... Còn người em là nhà thơ Cù Thâm, nổi tiếng một thời với những bài thơ của một thế loại văn học gần như đã mai một, đó là thể thơ ngụ ngôn...



Nhà văn Xuân Thiều.



Nhà văn Cù Thâm.

Cù Thâm tên thật là Nguyễn Minh Cẩm, sinh năm 1934. Là em ruột của nhà văn Xuân Thiều, nhưng khác với người anh tính tình mạnh mẽ, quyết đoán, Cù Thâm lại là người tính tình bay bổng, lãng mạn. Sau khi học xong đại học ở Hà Nội, ông tình nguyện mang ánh sáng văn hóa lên vùng cao theo yêu cầu của Đảng lúc bấy giờ. Đến với vùng rừng núi Sơn La từ những năm của thập niên 60 thế kỷ trước, khi ấy nơi này còn là nơi heo hút, thưa vắng, Cù Thâm đã thực sự sống, làm việc và gắn bó với nơi này và trở thành cán bộ Phòng Quy hoạch Đô thị, Sở Xây dựng Sơn La.

Phàm là người Hà Tĩnh, quê hương đã sinh ra những bậc đại thi hào như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, thì bên cạnh sự cần cù chịu khó thường thấy, hầu như ai cũng có sẵn trong mình một tâm hồn lãng mạn, nhiều bay bổng, và dường như ai cũng ôm mộng thơ phú. Cù Thâm cũng vậy, Gắn bó với miền sơn cước Sơn La này, ngoài những giờ làm việc, người ta lại

thấy ông Minh Cẩm lùi hủi sáng tác thơ ca. Nhưng khác với anh mình là Xuân Thiều, cũng là người từng làm thơ, nhưng sau chuyển sang chuyên tâm viết truyện, thì ông Minh Cẩm chỉ làm thơ và làm rất nhiều thơ, đặc biệt là thơ ngụ ngôn với bút danh Cù Thâm. Có thể đây thuần túy chỉ là một cách ký thác những cảm xúc, những suy nghĩ về sự đời, về thế thái nhân tình của một người hóm hỉnh, giàu nghị ngời, một người yêu thơ ca... nhưng từ một góc độ khác, cũng có thể đó là do ông ý thức đeo đuổi một cách sáng tác theo dòng này, như một cách gìn giữ thể loại văn học có tính giáo dục cao nhưng đang dần bị mai một. Một số bài của ông đã được in báo, được bạn đọc tỏ ra rất thú vị và tâm đắc, nhưng đáng tiếc là còn nhiều bài khác đã thất lạc do thiên tai, nay chỉ còn sót lại tập bản thảo 15 bài thơ ngụ ngôn ông viết tay chép gửi cho người con gái lúc đó đang là sinh viên khoa Ngữ Văn trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Cù Thâm ra đi bất ngờ trong một trận lũ quét kinh hoàng năm 1991 đã cướp đi

sinh mạng nhiều bà con Sơn La, trong đó có nhà thơ ngụ ngôn của chúng ta...

Tôi đã từng gặp những người con của nhà văn Xuân Thiều như Nguyễn Thiều Quang, Nguyễn Thiều Nam, và những người con của nhà thơ Cù Thâm - Nguyễn Minh Cẩm như Nguyễn Quỳnh Lâm, Nguyễn Quỳnh Vân... họ đều là những doanh nhân thành đạt, và đều rất tự hào về sự nghiệp thơ ca của cha anh mình. Nói về nhà thơ Cù Thâm, anh Nguyễn Thiều Quang tâm sự: "Ngày còn ở Ucraina, tôi rất muốn đón chú sang đây chơi. Nhưng chưa kịp thì ông đã ra đi... Với sự nghiệp văn chương, ba tôi và chú tôi mỗi người theo đuổi một con đường, nhưng ai cũng có những thành công..."

Dù Cù Thâm đã ra đi khi còn đang dở nhiều ý đồ cũng như nhiều khát vọng văn chương, nhưng chỉ với 15 bài thơ ngụ ngôn còn lại, ai cũng thấy ông có một vị trí riêng trong dòng văn học này... Cũng xin nói thêm rằng cách đây một thời gian, tạp chí Nhà văn trong một bài giới thiệu về nhà thơ Cù Thâm đã bình luận: "Trong

số 15 bài thơ ngụ ngôn của nhà thơ Cù Thâm để lại, nhúc nhối và nổi trội là những bài khẩn thiết cảnh báo về thảm họa môi sinh, môi trường. Đọc ngụ ngôn môi trường của Cù Thâm, có gì đó thật ngiệt ngất! Như một tiên cảm chẳng lành về số phận. Như "một lời là một vận vào..." với riêng nhà thơ tài năng này..."

Nhân đây xin được giới thiệu một bài thơ của nhà thơ Cù Thâm:

Giếng và gấu

Từ ngày có cái giếng khơi
 Ấm trà được nước, nổi khoai thơm lừng
 Mạch ngầm, nước đến là trong
 Trưa hè mát dịu, sáng đông hiền hòa
 Nghĩa tình trang trải bao la
 Gấu thẳm, giếng gửi đầy quả lên theo
 Giếng vui đón bóng mây chiều
 Ánh vàng in đầy bao nhiêu trăng rằm...

Chiều nay gấu lại xuống thăm
 Miệng khô, lòng những ước thầm quả xưa
 Tôi nơi chín ngần mười ngơ
 Thành khô se lạnh, đây trơ đá tròn
 Ngại ngừng, nổi những thổ than
 "Đang cơn khô hạn nắng chan thân gấu
 Tinh xưa sao sớm đổi màu
 Cửa chim của nổi giếng đâu hết rồi?"
 Tủi buồn, giếng những sụt sùi:
 Gấu ơi! Sao nỗ nặng lời với em?
 Tinh ta máu chảy ruột mềm
 Tơ dù có cạn, lòng tâm còn vương!
 Chì nghèo, em xuống sao đang
 Lại đây em kể đoạn trăng chị nghe:
 Cuộc tình non nước sơn khê
 Em hằng thu vén trần trề, chứa chan
 Rừng nay chúng đã lui tàn
 Nhạc mưa ỉ nhíp, suối đàn còn đâu?
 Tháng ba mây vắng, trời cao
 Lửa rừng cháy một màu hồng hoang
 Suối khe nằm thỏ khô khan
 Bụi đường xe quẩn khăn tang trắng đầu
 Mưa về, núi lở rừng đầu
 Phù sa lút biển ghi màu tang thương
 Còn đâu mạch nước thủy chung
 Gương vàng ai ghé soi cùng tuần trăng?
 Bàn nghèo nghĩa nặng tình thâm
 Lấy gì tô đậm chữ tâm bằng vàng?"

Ái di, trả lại cho rừng
 Tán xanh bát ngát, chim mừng hót ca
 Mạch ngầm chảy bốn mùa hoa
 Gấu thẳm, giếng gửi đầy quả
 nước trong...

CÁC NHÀ VĂN LÀ NGƯỜI...

(Tiếp theo trang 25)

tôn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, và cũng trên hướng đó, ông đề nghị mở đường, tạo điều kiện cho những người viết trẻ mang truyền thống văn hóa-văn học quốc gia ra khu vực và thế giới... Những việc như thế, ông nói, chúng ta không làm một mình, mà phải cùng nhau; thông qua Hội Nhà văn Á - Phi, chúng ta tìm những con đường và cách thức đương đầu với những vấn đề mà toàn cầu hóa đặt ra.

Chia sẻ với quan điểm của các đồng nghiệp Á - Phi, nhà văn Lê Minh Khuê phát biểu một cách cảm động với tư cách một người viết đã trải qua những khốc liệt của chiến tranh, ý thức một cách đặc biệt về việc gìn giữ nền văn hóa độc lập của dân tộc mình. Chị nói, để có được hòa bình như ngày hôm nay, dân tộc Việt Nam cũng đã phải trải qua những thời kháng chiến trường kỳ, gian khổ. Từ trải nghiệm cá nhân và văn học đó, chị bày tỏ "nhân dân Việt Nam hiểu hơn ai hết giá trị của độc lập, tự do. Với tư cách là người cầm bút, các nhà văn cần đi sâu khai thác và thể hiện sinh động khát vọng tự do của con người".

Nữ nhà văn người Uganda, Hilda Twongyeirwe, Phó Tổng Thư ký phụ trách Châu Phi của Hội Nhà văn Á - Phi, trình bày một tham luận ngắn đầy nhiệt tình, nhấn mạnh đến đặc thù xứ sở của chị - "Ở Sahara, chúng tôi không có nhiều người..."

Hilda Twongyeirwe cho biết điều thường gặp ở khu vực bị loạn lạc, HIV/AIDS và nghèo đói tàn phá lâu năm ở Nam Sahara của Phi châu, là khi bạn nói đến những chủ đề văn hóa người ta sẽ bảo bạn rằng văn hóa không quan trọng. Với một số không ít người, quan niệm "Uganda là một sa mạc về văn học" vẫn dường như là đúng. Nhưng có một thực tế là văn học ở đây tìm được

lối phát triển khác qua con đường truyền thống của hình thức thông tin được gọi là "trình diễn" (performing community), theo lối những dân bản địa từ ngàn xưa dùng âm nhạc đa dạng độc đáo của trống để truyền tin qua vượt những khoảng cách xa xôi.

Nữ nhà văn này là tác giả nhiều truyện thiếu nhi đặc sắc, trong đó có truyện đã được đưa vào sách giáo khoa cho trẻ em tiểu học. Chị còn nổi bật với công việc biên tập, cho ra đời những tập truyện in chung, những cuốn sách phi hư cấu nói lên thực trạng văn hóa bản địa bị ức chế, thông qua chuyện con người rất đặc trưng của nỗi đau khổ châu Phi, như cuốn *I dare to say...* (2006; tạm dịch: *Tôi lên tiếng...*) về những cảnh đầy đau và lòng can đảm của người phụ nữ vùng tây - nam châu Phi.

Bởi những điều như thế, Hilda Twongyeirwe nhắc đi nhắc lại trong tham luận rằng chúng ta, những nhà văn, phải đặt mình vào hoàn cảnh của những con người ở tất cả các tầng lớp, giúp họ nói với các chính phủ hãy tập trung đủ nguồn lực cho việc phát triển văn hóa, giúp họ tập dượt và tập trung phổ biến và bảo vệ nền văn hóa đặc sắc của họ.

Vai trò của nhà văn trong việc đấu tranh chống bạo lực xã hội, như được đề cập trong tham luận nói trên, là một trong mấy vấn đề nổi bật qua các thảo luận tại hội nghị. Vấn đề bạo lực như vậy đã hiện lên trên bình diện bao quát, trên phạm vi mối quan hệ giữa các nền văn hóa, một thứ "quyền lực mềm" nhưng thô bạo theo cách khác. Đó cũng là mối quan tâm mà nhà thơ Hữu Thỉnh đã trình bày: thế kỷ hai mươi đã là thế kỷ của Châu Á và Châu Phi, gắn liền với những cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đồng thời định hình bức tranh văn hóa của mỗi quốc gia... Bước sang thế kỷ mới này, xu thế toàn cầu

hóa đặt ra yêu cầu giữ gìn bản sắc thông qua văn học và văn hóa càng trở nên cấp thiết hơn. Do vậy, Hội Nhà văn Á - Phi là tổ chức đoàn kết, góp phần thực hiện mục tiêu này trong lĩnh vực văn học. Trong đó, mỗi quốc gia - với bản sắc văn hóa của mình là một mắt xích không thể thiếu trong sự hội nhập chung. Ông nhấn mạnh: "Toàn cầu hóa không phải là một buổi chợ phiên, trong đó xuất hiện các gánh hát, chỉ một số nước lớn đứng trên sân diễn, các quốc gia còn lại đóng vai trò người xem và vỗ tay cổ vũ. Chúng tôi không quan niệm toàn cầu hóa như vậy..." "Bởi vì điều đó sẽ dẫn đến những cuộc xâm lăng văn hóa - cái mà chúng tôi kiên quyết phản đối. Chúng tôi cho rằng, toàn cầu hóa phải là sự phổ biến tự do và bình đẳng của các nền văn hóa, cùng giao tiếp, cùng bổ sung cho nhau. Lương tâm các nhà văn sẽ làm cho mọi tiềm năng được hiện hữu và hi vọng nở hoa trong vòng tay của chúng ta."

Hội nghị bàn tròn nhân kỳ họp đầu tiên Ban Chấp hành của Hội Nhà văn Á - Phi mới đã khẳng định những bước tiến của văn hóa, văn học gắn liền với sự giao lưu, học hỏi và làm giàu lẫn nhau. Bên cạnh việc tìm ra tiếng nói chung, các nhà văn từ các khu vực rộng lớn và đa dạng văn hóa hàng đầu thế giới này cho rằng tổ chức của mình cần có những chiến lược cụ thể hơn, như giao lưu thường xuyên, hợp tác bằng những dự án phát triển và không thể không kể đến sự hỗ trợ về đường lối văn hóa của mỗi nhà nước, mỗi quốc gia.

Nhằm xây dựng vị thế mới và gắn kết các nền văn học Châu Á và Châu Phi, trong tương lai trước mắt, Hội Nhà văn Á - Phi sẽ xuất bản tạp chí văn học Á - Phi, xuất bản có thể với ba ngôn ngữ Anh - Pháp - Ả-rập đồng thời với ngôn ngữ bản địa tại mỗi nước thành viên, lấy tên *Tạp chí Hoa Sen*, giới thiệu những tác phẩm xuất sắc, những gương mặt nhà văn đương đại. Đồng thời, Hội nhà văn Á - Phi dự định xây dựng giải thưởng văn học "Hoa Sen" theo định kỳ ba năm một lần nhằm phát hiện, tôn vinh những tác phẩm xuất sắc, để giới thiệu ra thế giới. ■

NCH

ĐỌC SÁCH

“SỐNG lặng lẽ, đi và viết...” Nguyễn Thanh đã nói như vậy trong cuốn *Kỷ yếu nhà văn*. Và chỉ có bấy nhiêu, một câu, con người anh là như vậy. Hơn năm mươi năm lăn lộn với vùng đất Mũi Cà Mau, trong đó có mười lăm năm trong chiến tranh chống Mỹ. Từng ấy năm sống và chiến đấu, cũng từng ấy năm cầm bút.

Cà Mau là vùng đất sản sinh ra nhiều nhà văn tài năng. Chỉ tính văn chương cùng thời, ta đã có Phúc Văn và Phi Văn, Sơn Nam và Lê Vĩnh Hòa... Chuyện kể Bác Ba Phi là ở đây. Cánh đồng *Nọc Nạn* là ở đây. *Hương rừng Cà Mau* mãi mãi sáng chói trên văn đàn. Nguyễn Thanh tiếp nối dòng chảy ấy. Và tiếp nữa là Lê Đình Trường, Nguyễn Ngọc Tư, Bích Ngân, Phan Trung Nghĩa, Đỗ Tuyết Mai, Quang Thắng, Lê Minh Nhật, Huỳnh Thúy Kiều, Lê Minh Hiền, Nguyễn Thị Việt Hà... Dòng chảy dường như là bất tận. “Mảnh đất cuối cùng của Tổ quốc”, câu nói khuôn sáo ta cứ nghe nhắc lại mãi, nhưng vẫn cứ nhắc, bởi nó luôn mang ý nghĩa không chỉ vị trí địa lý, còn là quá trình khai phá, chinh phục từ Bắc xuống Nam của cha ông, là nơi cha ông đã dừng lại ở đó, công cuộc vô hoang còn in dấu trong rừng U Minh, rừng đước, rừng mắm. Chỉ riêng điều đó thôi cũng là đề tài lớn cho các nhà văn khai thác.

Nguyễn Thanh đã viết hơn mười quyển sách: Tiểu thuyết, Truyện ngắn, Truyện vừa, Bút ký... Đã miệt mài cày xới, giờ ở tuổi thất thập quý giá bỗng có ý muốn tuyển chọn một tập bài viết về người thật việc thật, vốn rất đặc trưng trong chiến tranh, thời bình cũng rất được ưa chuộng. Với một người đã một thời máu lửa, sống chết với mảnh đất thân yêu của mình, những bài viết về người thật, việc thật của anh không chỉ là những trang văn, mà còn là máu thịt, nghĩ tới là dạt dào yêu thương, là chảy nước mắt.

Tập ký *Đau đầu sông quê* gồm hai phần: Phần một viết về thời bình (sau năm 75). Phần hai viết trong chiến tranh chống Mỹ (1960-1975). Đó là những vùng đất anh từng đi qua, ngay tên bài ta đã đọc thấy: *Hòn Khoai, Cầu Tắc Thủ, Đổng Phong Thạnh, Lung Trích, Xóm Địa, Bến tập kết Sông Đốc*... Đó là những con người thân yêu, bạn bè, đồng chí, có tên và không tên, văn nhân và anh hùng, ta đọc thấy vị Chủ tịch huyện, nhà báo, nghệ sĩ sân khấu Nguyễn Hải Tùng, nhà văn Nguyễn Đình Thi, anh hùng Phan Ngọc Hiền, anh hùng Nguyễn Việt Khái, chị Ba Bay, ông già Bá Đồ...

Xin được điểm qua một số bài của anh:

GHI THẬT CHUYỆN CẦN GHI

(Đọc *Đau đầu sông quê*, tập ký của Nguyễn Thanh, Nxb Hội Nhà văn 2013)

LÊ VĂN THẢO



Đau đầu sông quê, (một bài bút ký được lấy tên cho tập sách): Thật đặc sắc, chân tình, giản dị, viết về chính quê anh, về con sông trước cửa nhà anh, về người mẹ của anh. Đó cũng là quê, con sông, người mẹ của tất cả chúng ta. Cả không khí chiến tranh “bom đạn đầy trời”, chiếc xuồng chèo đẩy gia đình cha mẹ, con cái đi tản cư: *Ba tôi uể oải cầm cây sào, giọng khô khốc: “Ta dùng thôi! Đi tới ắt gặp biển”. Mẹ tôi nghe theo...* Cuộc tản cư đó dường như ta cũng đã trải qua. Đó là vùng quê y như mọi cùng quê: *Từ nhà tôi ở, thả ra vòm rạch, phải qua cái miễu Ông Tà dưới tán cây mắm, cây cui, gặp ngay con sông Ông Đốc rộng rinh, dân thường gọi là sông Cái...*

Hãy nghe một đoạn văn tuyệt hay tả về con sông: *Sông Cái nước ròng không bỏ bãi. Vực sông sâu hoắm được dựng lên hai bờ là đũa nước bịt khù, sừng sững. Mùa sa mưa, nước đầy tràn từ rừng U Minh Hạ đổ ra thay màu sông xanh biếc thành màu đỏ bầm, ngầu đục. Sông bỏ nhào thành ngàn con sông luồn búa, trắng dã. Ngược lại, mùa khô hạn, sông nhàn nhá, vương vất làn sương mỏng tanh, thơ mộng lúc chiều tàn.*

Nhưng trang hay nhất vẫn là viết về người mẹ, như dòng sông nuôi nấng, vỗ về, ôm ấp chúng ta. Thật xúc động biết chừng nào, và cũng đau đớn biết chừng nào, cảnh người mẹ ở quê ra thăm con, sau bao nhiêu năm đi kháng chiến, trở về thành phố vẫn bận bịu với bao việc ở cơ

quan, mà chúng ta tưởng là lớn lắm, người mẹ chỉ nhìn con từ xa rồi lên đường trở về, người con lại tiếp tục ra đi, và từ chiến trường xa hay tin mẹ mình đã mất, cũng trên dòng sông trong cuộc sống tảo tần...

Mỗi chúng ta đều có lỗi với mẹ mình! *Vùng biển ấy*, viết về vùng ven biển Cà Mau, xóm Kinh Năm – Rạch Gốc. Bài viết có nhiều tư liệu quý giá về nơi nương náu của đồng chí Lê Duẩn năm 1956, trước khi ra Bắc, chuyển đi làm chuyển hướng đường lối cách mạng miền Nam. Đó là nhà ông Ba Pháo, qua lời kể của ông ta thấy hiện lên cả một thời gian khổ, cảnh dân tình chèo từng chiếc ghe nhỏ lầy nước ngọt từ Hòn Khoai đem về phân phát cho cả vùng, cảnh đồng chí Lê Duẩn đêm đêm chong đèn ngồi viết cương lĩnh “Đường lối Cách mạng miền Nam”. Và thật bất ngờ, tuy biết là chuyện thật, nhưng ta vẫn ngỡ ngàng. Ấy là khi sau khi nghe chuyện, mọi người kéo đi xem nền nhà di tích quý giá ấy, thì thấy không còn gì cả, chỉ là một biển nước mênh mông. Chuyện thường tình thôi, vật đổi sao dời, đất lở hết vậy thôi. Nhưng ta vẫn thấy ngậm ngùi. Nhưng rồi ta hiểu ra là điều tất nhiên. Bao nhiêu năm trôi qua, dấu tích bên ngoài nào có đáng gì, cái chính là cái được lưu giữ bên trong, trong tâm hồn con người.

Có một bài viết chỉ hơn trang, nhân vật chính không phải là con người mà là một *Cây me già*, nhưng từng câu, từng chữ thấm đẫm những kỷ niệm cả một thời gian khổ, không thể phai mờ: *“Cây me già đã gần tám mươi tuổi. Đứng chống đỡ với thời gian năm tháng, mưa dầm, gió bão, qua mấy đợt B52 rải bom, đường đầu với hàng nghìn lần càn quét, bắn phá, cây me già đã ngã xuống nhưng không chết. Gốc me xù xì giương ra đến ba chồi non, được con người nuôi dưỡng, ba chồi non lớn nhanh thành ba cây me già... đứng hiên ngang màu nâu sẫm, giữa rừng đước, rừng mắm bạt ngàn...”*

Có một người ở cạnh cây me già, xưa là cán bộ lãnh đạo, giờ là ông già canh giữ, cả hai nhiệm vụ đều làm với nhiệt tình, mẫn cán như nhau. Như một bức tranh thủy mặc mộc mạc đơn sơ, nhưng đạt dào tình yêu thương.

Rừng cháy và những người đi qua rừng là bút ký viết về công việc bảo vệ rừng của những đội Thanh niên xung phong. Ta đang nói về những bài viết trong thời bình, bài này cũng vậy. Nhưng

tác giả đã một thời sống trong chiến tranh, những trang viết không thể không thấp thoáng những hồi ức về bom đạn khói lửa. Có một chi tiết cực hay: một đội thanh niên xung phong còn lưu giữ được một cây đàn ghi-ta làm bằng thân cây mốp, dây đàn bằng dây chổi. Đó là cây đàn tự chế của một thanh niên trẻ, con của người giữ rừng năm xưa, đã hy sinh trong chiến dịch “Nhỏ cổ U Minh” của Mỹ. Chi tiết đó không ai nghĩ ra được, chỉ có thể có trong chiến tranh, và chỉ có ở rừng U Minh.

Tập sách có những bài viết về những người thân, bạn bè đồng đội rất đáng quý. Như bài viết về Nguyễn Hải Tùng. Nhiều người trong chúng ta đã trải qua chiến tranh, và cũng nhiều người chúng ta có quen biết anh út Nghệ (Nguyễn Hải Tùng). Nhưng sống là một chuyện, viết lại là chuyện khác. Giờ đây đọc lại những chuyện về anh út Nghệ thời còn thiếu nhi, thanh niên, sống gian khổ trong rừng U Minh, ở trong những căn chòi lợp bằng vỏ tràm, chùi ứ đi bắt con *chủ ụ* về rang ăn trong những ngày mang thai, ta không khỏi bồi hồi xúc động.

Phần hai của tập sách được viết trong những năm chiến tranh, có lẽ đây là đất địa thành thạo nhứt của tác giả. Như bản thân tôi cũng tham gia chiến tranh, tôi đọc thấy lại như in những khung cảnh ấy, những sự việc ấy, những con người ấy. Ví như chuyện về Ông già bá đồ, tôi gặp không dưới năm bảy ông già như vậy. Và chuyện bầm đường vượt lộ trong đêm hôm ấy, “củ bép cộng tròn năm”, tôi trải qua không ít hơn vài trăm lần. Những chuyện như thế cần phải được ghi lại.

Nhất là những tội ác được kể trong *Nhật ký về những con đường mòn* thì phải khắc vào đá, ghi vào tâm khảm đời đời của nhiều thế hệ, những tội ác trời không dung đất không tha của một bọn người ác độc không phải thời nào cũng có. Chúng ta từng biết những chuyện như vậy, nhưng giờ đây đọc lại không khỏi rùng mình, không chịu nổi...

Người đọc ngày càng có xu hướng chuộng truyện viết về người thật việc thật. Thế giới cần có niềm tin, những chuyện thật có tên đất tên người cụ thể khiến người ta tin hơn. Tập bút ký của Nguyễn Thanh ra đời thật đúng lúc, cuộc sống xưa và nay vùng bán đảo Cà Mau được dịp sống lại trong lòng bạn đọc. ■

MỘT MẪU HÌNH NHÀ TRƯỜNG LỊCH SỬ

NGUYỄN KHẮC PHÊ

TRƯỜNG Quốc học Huế nổi tiếng là một ngôi trường có truyền thống lâu đời, là cái nôi đào tạo nên rất nhiều nhân tài của đất nước. *Quốc học Huế xưa & nay* gồm hai tập, dày 1612 trang khổ lớn, là công trình đồ sộ và công phu nhất từ trước đến nay giới thiệu về ngôi trường có lịch sử hơn trăm năm này do các tác giả Trần Phương Trà (chủ biên), Nguyễn Khắc Mai, Nguyễn Xuân Hoa, Phạm Khắc Lâm, Tấn Hoài Dạ Vũ, Trần Hữu Lục biên soạn (NXB Văn hoá Thông tin, 2013).

Chỉ kể đến số lượng tư liệu mà các soạn giả cung cấp cho bạn đọc đã thấy đây là một công trình lớn: Qua 1612 trang sách, trong đó có 24 trang ảnh màu, độc giả sẽ tiếp cận 850 mục từ với tiểu sử và hình ảnh thấy rõ cũ - đặc biệt, có 100 cặp vợ chồng “Trường Anh” - “Trường Em” (Quốc học - Đổng Khánh) - 1460 ảnh, 133 bài viết, hồi ký, 155 bài thơ, 20 bản nhạc, 15 bức tranh, tượng, ảnh (trong đó có những tác phẩm nổi tiếng của họa sĩ Lê Văn Miến, Nguyễn Phan Chánh, Mai Trung Thứ, Diễm Phùng Thị, Bửu Chỉ...), 40 bìa sách, đặc san đã được in trong những dịp kỷ niệm ngày thành lập trường

từ nhiều năm trước; cuốn sách còn giới thiệu một số tư liệu cá nhân của các cựu học sinh Quốc học như bút tích, bản sao học bạ, giấy giá thú, lệnh bắt... Với một khối lượng phong phú như thế, các mục từ được sắp xếp theo vần A, B, C..., có thể nói bộ sách gần như là một cuốn từ điển sinh động về Trường Quốc học Huế trong hơn 120 năm.

Do vị trí của Huế trong lịch sử đất nước, Trường Quốc học Huế trở thành nơi hội tụ danh tài cả ba miền Bắc - Trung - Nam, những thầy giáo ưu tú nhất đã dành, mà còn rất nhiều học sinh từ Trường Quốc học Huế ra đi đã trở thành nhân tài đất Việt. Vì thế, có thể nói, hầu hết những tên tuổi lớn của đất nước trong hơn một thế kỷ qua đều hiện diện trong bộ sách quý này: từ Hồ Chí Minh (tức Nguyễn Sinh Cung) đến Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Đặng Văn Ngữ, Diễm Phùng Thị, Nguyễn Đình Tứ, Nguyễn Tài Cẩn, Nguyễn Lân, Nguyễn Khánh Toàn, Xuân Diệu, Huy Cận, Tôn Thất Tùng... Một danh sách dài khó có thể kể hết, những con người đã làm rạng danh đất Việt.

Mảng hồi ký, tư liệu và những tác phẩm văn học, nghệ thuật in trong bộ sách lại có giá trị góp phần dựng lại đời sống cụ thể và bộ mặt tinh thần của nhiều thế hệ qua những khúc quanh của lịch sử đất nước. Chỉ qua vài dòng trong hồi ký *Khóa bản lễ Trường Trung học Khải Định Huế* của bác sĩ Bùi Minh Đức viết về giai đoạn sau ngày “Nhật đảo chính” (9/3/1945) đã thấy ngôi trường danh tiếng này cũng vượt qua lắm nỗi gian nan để có ngày lớn mạnh như hôm nay:

“... Vài tháng sau, quả nhiên thấy linh Tàu “gồng gánh qua giải giới quân Nhật, lúc nhúc như trôi, đem theo “gái ngựa” cùng chí rận, lặn theo bạc Quan Kim “vô giá” rồi lại chiếm là cả ngôi trường Khải Định của chúng tôi, bắt buộc chúng tôi phải nhường chỗ để vào học trong Đại Nội, chỗ vua chúa ở ngày xưa. Thiệt là đại họa nhân tiến! Cái “khóa bản lễ” của chúng tôi quả thật lao đao. Lên thầu lớp *Đệ nhị niên* (tức *Đệ lục* bây giờ) thì trường số lại dời về Trường Việt Anh. Học được vài tháng thì có lệnh tản cư...”

Hình ảnh hơn một trăm cặp vợ chồng “Trường Anh - Trường Em” (trong đó có



những “cặp đôi hoàn hảo” lừng danh như nhà sử học Đào Duy Anh - bà Trần Thị Như Mẫn, tướng Cao Văn Khánh - Giáo sư, bác sĩ Nguyễn Phước Ngọc Toàn, rồi nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh - nhà văn Nguyễn Thị Cẩm Thanh...) cùng nhiều gia đình “toàn gia” xuất thân từ Quốc học Huế đều là những con người thành đạt không chỉ gợi nhắc những kỷ niệm êm đẹp “thời học trò” của rất nhiều người nổi tiếng mà còn chứng tỏ ngôi trường đã tạo ra một môi trường văn hoá - giáo dục đáng là một mẫu mực ngay cả với các trường học ngày nay. ■

VĂN HÓA MƯỜNG NHƯ TÔI BIẾT

BÙI MINH CHÚC

NGƯỜI Mường ở Hòa Bình chiếm hơn 60% dân số toàn tỉnh. Ở nước ta, theo chỗ tôi biết thì có 4 tỉnh có một dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao. Đó là người Khơ-me ở hai tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng chiếm tới hơn 30% dân số của mỗi tỉnh. Người Chăm ở Ninh Thuận cũng chiếm tới hơn 30% dân số của tỉnh này. Như vậy chỉ có người Mường ở Hòa Bình là chiếm tỷ lệ cao như vậy thôi. Cũng như mọi nền văn hóa khác trong thời buổi kinh tế thị trường, văn hóa Mường cũng bị giằng co rất mạnh giữa bảo tồn và phát triển. Đã thế, văn hóa Mường lại có đặc điểm có tính chất khu biệt là một nền văn hóa khá đồ sộ nhưng lại không có chữ viết.

Theo những giả thuyết được biết đến rộng rãi nhất hiện nay, thì người Mường cùng chung một nguồn gốc với người Kinh (hay còn gọi là người Việt cổ); chỉ mới tách ra thành một dân tộc riêng biệt hoặc là từ thời kỳ An Dương Vương dời đô về Cổ Loa, hoặc là từ thời Đinh Bộ Lĩnh dẹp xong loạn mười hai xứ quân. Giả thuyết được nhiều người tìm cách chứng minh nhất là thời kỳ An Dương Vương dời đô về Cổ Loa. Cũng từ giả thuyết này có người đã định nghĩa "Văn hóa Mường chính là Văn hóa Việt trước khi (Văn hóa Việt) chịu ảnh hưởng Văn hóa Hán."

Mặc dù không có chữ viết riêng, nhưng Văn hóa Mường đã bảo lưu được một di sản đồ sộ và ở một trình độ phát triển khá cao. Nếu chỉ xét riêng *Mo Mường* và trường ca sáng thể *Đề đất đề nước* đã có thể thấy người Mường đã có một hệ tư tưởng riêng và hệ tư tưởng này đã phát triển đến một mức độ tương đối cao. Đó là nhân sinh quan và vũ trụ luận Mường. Vậy trong quá khứ Văn hóa Mường đã được bảo tồn bằng cách nào? Có một thi pháp nào đặc biệt không? Và cũng chỉ riêng *Mo Mường* và trường ca *Đề đất đề nước* cũng đã thấy một phần nào về cách bảo tồn là trình diễn, tức là làm cho nó sống với đời sống thường nhật của cộng đồng. Nói cụ thể hơn là mỗi khi có người chết, ông mo lại diễn kể mo trong đám tang với mục đích làm siêu thoát cho linh hồn người chết.

Số phận của chuyện cổ tích Mường cũng vậy, nó tồn tại theo những buổi kể chuyện của người già bên bếp lửa mùa đông và con trẻ quay quần nghe chuyện rồi đến lượt mình, các con trẻ lớn lên và già đi, họ lại kể những câu chuyện đã nghe được trong cuộc đời mình cho lớp con trẻ mới nghe... Và đến nay kho tàng chuyện cổ Mường còn bảo lưu được cũng rất đồ sộ. Truyện thơ Mường cũng đã đạt một sự phát triển khá cao. Tuy vậy do người Mường không có chữ viết riêng, nên ngôn ngữ không ổn định và không thống nhất giữa các vùng. Cho nên việc bảo tồn truyện thơ cho đúng là "đậm đà bản sắc Mường" cũng đang đặt ra rất gay gắt.

Phong tục, đạo lý Mường cũng đang đặt ra những vấn đề rất bức xúc về bảo tồn. Ai cũng biết đạo lý Mường có rất nhiều ưu việt trong việc duy trì và phát triển đời sống cộng đồng cũng như quan hệ với các cộng đồng khác. Người Mường



Trong văn hóa Mường, Cồng chiêng chỉ được sử dụng trong những dịp quan trọng. Người Mường thường treo chiêng la lừng để không bất cứ vật nào hay lực nào có thể ảnh hưởng đến tới tiếng chiêng. Và họ chỉ đánh chiêng khi chiêng ở tư thế như vậy.

Anh: Đánh chiêng trong lễ khai hội Mường Bì.

không chỉ "thương người như thể thương thân", mà còn thương người hơn cả thương thân. Nhưng những tình thương ấy được hình thành một cách hỗn nhiên và cũng được duy trì một cách hỗn nhiên, trong một xã hội cổ truyền, tự cấp tự túc khép kín. Đứng trước một hoàn cảnh xã hội mới, những động lực phát triển mới, những cái tốt hỗn nhiên ấy nếu không được lý luận hóa thì sẽ mai một không phương cứu chữa.

Một trong những biện pháp quan trọng nhất để bảo tồn và phát huy văn hóa Mường là xây dựng bộ chữ Mường. Kể từ khi tái lập tỉnh năm 1991 đến nay đã có rất nhiều bộ chữ Mường được các chuyên gia ngôn ngữ học xây dựng và đề xuất, nhưng việc xây dựng bộ chữ vẫn chưa xong. Nguyên nhân chủ yếu làm cho việc xây dựng bộ chữ khó hoàn thành là vì các chuyên gia còn suy nghĩ đơn giản trong lao động khoa học và vì những mục đích ngoài khoa học. Theo tôi, việc dùng chữ cái theo hệ La tinh A B C... là hoàn toàn khả thi. Vấn đề khó khăn nhất đặt ra là xây dựng bộ dấu thống nhất cho bộ chữ Mường. Hiện nay đa số các chuyên gia (là người Kinh) đều đề nghị bộ dấu như bộ dấu chữ quốc ngữ, thế thì không giải quyết gì cả mà chỉ là một cách để giải ngân mà thôi! Còn một vài cộng tác viên người Mường thì đề nghị lấy bộ dấu theo chuẩn phát âm Mường Bì. Nhưng phát âm Mường Bì có bộ dấu giống như tiếng Kinh. Trong khi đó Mường Bì tuy lớn nhưng chỉ là một trong bốn trung tâm lớn của người Mường. Và một lẽ đơn giản là nếu chữ cái là hệ A B C... mà dấu là dấu tiếng Kinh thì hoàn toàn không thể gọi là chữ Mường được và thực tế là người Mường sẽ không thừa nhận.

Nghị Quyết Trung ương 5 khóa VIII xác định văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển xã hội. Đem tinh thần nghị quyết này soi vào vùng văn hóa Mường sẽ thấy một số vấn đề nổi lên. Từ

trước đến nay người Mường vẫn sống bình yên với đời sống tinh thần vốn có của mình. Nhưng bây giờ người Mường đã tự nhận thấy những gì mình vốn có không đủ làm hành trang để hội nhập với quốc tế chứ chưa nói gì đến văn hóa là động lực phát triển xã hội Mường trong thời kỳ hiện tại. Muốn văn hóa trở thành động lực cho sự phát triển của cộng đồng Mường, trước hết văn hóa phải lĩnh sự mệnh nâng cao dân trí. Mà muốn lĩnh được và hoàn thành sứ mệnh này thì trước hết văn hóa Mường phải giữ được thăng bằng. Như trên đã nói, một trong những nguyên nhân làm cho văn hóa Mường mất thăng bằng trong thời hiện tại là không có chữ viết. Đến đây, ta lại rơi vào vòng luẩn quẩn. Vậy có thể mượn chữ viết của dân tộc khác mà vẫn phát triển được văn hóa của dân tộc mình hay không? (như người Ấn Độ dùng tiếng Anh là tiếng phổ thông nhưng vẫn duy trì và phát triển được văn hóa Ấn Độ chẳng hạn). Cũng đã có hiện tượng, các nhà văn Mường viết bằng tiếng Kinh, nhưng họ có ý thức hết sức tránh dùng các từ Hán-Việt.

Quá trình Việt hóa trong mọi mặt đời sống của người Mường đã được tiến sĩ Dân tộc học người Pháp J.Quyliner đề cập khá chi tiết trong công trình nghiên cứu *Les muong* của bà từ những năm đầu của thế kỷ XX. Hiện nay thì tốc độ Việt hóa đã cao hơn rất nhiều. Việc Việt hóa của văn hóa Mường có tốc độ nhanh hơn các nền văn hóa khác, một mặt do tiếng Mường và tiếng Kinh cùng một ngữ hệ, đó là ngữ hệ Việt - Mường. Mặt khác, do cùng một nguồn gốc nên văn hóa Mường có xu hướng trở về cội nguồn chăng?

Có những vấn đề đang đặt ra gay gắt cho văn hóa gia đình Mường. Chúng ta vẫn biết rằng, bây giờ đang là thời kỳ tan rã của gia đình trên toàn thế giới. Gia đình Mường cũng không phải là ngoại lệ. Người Mường coi đời sống gia đình là một

đạo, Đạo thờ Tổ Tiên. Ở đây có cái gì đó giống với Nho giáo, nhưng lại không phải Nho giáo, vì tính chất gia trưởng của nó chỉ có rất nhẹ trong gia đình Nhà Lang, sau khi họ học đòi theo người Kinh; còn gia đình bình dân thì không có gia trưởng. Người chủ gia đình không bao giờ quyết định một việc gì mà lại không hỏi ý kiến vợ và con dâu, nếu những người này không đồng ý thì việc đó cũng sẽ không được làm nữa. Gia đình bình dân Mường có cuộc sống rất bình đẳng và trách nhiệm rất cao giữa các thành viên. Trong công việc tư pháp cổ truyền của xứ Mường có quy định một điều rất đặc biệt: Trách nhiệm của gia đình đối với tội phạm nặng hơn trách nhiệm cá nhân của kẻ phạm tội; Gia đình của kẻ trộm - cắp chứ không phải chính kẻ trộm - cắp phải trả lại đồ ăn cắp. Ngay cả khi bị tội tử hình thì cũng chính gia đình của kẻ phạm tội phải chuộc tội. Việc bảo tồn và phát huy văn hóa gia đình Mường cũng là một vấn đề rất quan trọng để biến văn hóa thành động lực xây dựng cộng đồng Mường.

Trong cổ truyền, người Mường vốn không có tôn giáo. Mọi tư tưởng của họ về nhân sinh quan và vũ trụ quan đều nằm trong trường ca sử thi sáng thể *Đề đất đề nước*. Cả tỉnh Hòa Bình có hai họ Đạo Thiên Chúa thì mới chỉ xuất hiện trong thời kỳ Pháp thuộc. Trong đó họ Đạo Mường Riêng thì không đạo ngay khi Miền Bắc được giải phóng. Chỉ mới vài năm gần đây, họ đạo Lạc Thủy cử cha cố về dạy đạo lại. Còn họ đạo Lạc Thủy thì ở nơi chỉ có 40% người Mường sinh sống, là nơi có tỷ lệ người Mường thấp nhất trong tỉnh Hòa Bình. Còn Đạo Phật đến với xứ Mường chậm và mờ nhạt hơn nữa, mới chỉ có một ngôi chùa duy nhất tại thành phố Hòa Bình. Như vậy nếu nói về truyền thống thì người Mường coi *văn hóa dân tộc mình chính là đạo*; những điểm nhấn trong văn hóa đó có trong sử thi *Đề đất đề nước*, trong những truyện thơ đầy tính nhân văn như *Huyền Nga - Hai mối, Út Lót - Hồ Liễu, Vườn hoa Núi Cối*...

Nhưng tất cả những giá trị truyền thống ấy đang mai một rất nhanh. Hiện nay chúng ta đang tìm cách bảo tồn nhưng lại bảo tồn như một hiện vật chết, vì những hoàn cảnh thực tế cho những giá trị văn hóa ấy sống trong cộng đồng cũng biến mất rất nhanh. Tạo lại những hoàn cảnh như cũ là chuyện không thể, vậy phải làm thế nào? Những câu trả lời cho câu hỏi này hiện nay còn lúng túng. Trong văn hóa Mường, tình trạng này còn mong lung hơn rất nhiều. Trong nền kinh tế thị trường hình như văn hóa có một quy luật đặc thù nào đó và văn hóa Mường lại càng đặc thù hơn. Hoặc là thị trường cũng là văn hóa và khi đi hết giá trị của văn hóa thị trường sẽ gặp văn hóa truyền thống. Thị trường của chúng ta hiện nay còn sơ khai, những giá trị văn hóa của nó còn chưa biểu lộ rõ. Hay nói như một số học giả nước ngoài gọi tình trạng thị trường tương tự thời kỳ đầu là "Chủ nghĩa tư bản dã man". Thị trường phát triển đến một trình độ nào đó nó sẽ hình thành bản sắc văn hóa của nó. Lúc đó các giá trị của nền văn hóa đó nó sẽ hội nhập và phát triển cùng dòng với văn hóa truyền thống. Và như vậy cũng đúng với nghị quyết TƯ 5 khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiến tiến, *đậm đà bản sắc dân tộc*. Vấn đề đặt ra cho văn hóa Mường hiện nay không phải là xác định tầm quan trọng của nó mà là cách nhìn và hành động mà tựu trung là trả lời câu hỏi: Làm thế nào để tạo ra điều kiện và môi trường cho nó tồn tại và phát triển?■

THÔNG TIN - QUẢNG CÁO



BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM - VEFAC

THÔNG BÁO TUYỂN NHÂN SỰ

Căn cứ Công văn số 773/TTg-ĐMDN, ngày 31/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2355/QĐ-BVHTTDL ngày 1/7/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc cổ phần hóa VEFAC gắn với thực hiện Dự án. Hiện nay, VEFAC đang tiến hành các bước để thực hiện cổ phần hóa gắn với thực hiện dự án. Vì vậy, VEFAC CẦN TUYỂN nhân sự là chuyên gia hoặc quản lý cấp cao trong các lĩnh vực sau:

1. Phát triển Dự án
2. Đầu tư Dự án
3. Tài chính Dự án
4. Luật Kinh tế
5. Quy hoạch
6. Cổ phần hóa.

Tiêu chuẩn:

1. Tốt nghiệp Đại học trở lên
2. Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc
3. Không hạn chế tuổi tác

Ưu tiên:

1. Các ứng viên có kinh nghiệm làm việc từ 03 năm trở lên tại các công ty, tập đoàn lớn của Việt Nam, Liên doanh hoặc nước ngoài.
2. Các ứng viên từng là chuyên gia ở các lĩnh vực trên, đã làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước, tương đương Cục, Vụ.

Thu nhập và điều kiện làm việc: Thỏa thuận

Thời gian nhận Hồ sơ: Trong vòng 01 tháng kể từ ngày.....tháng.....năm 2013 đến ngày.....tháng.....năm 2013

Thông tin liên hệ và nhận Hồ sơ:

Mr. Vy Trọng Quang - Trợ lý Ban Tổng giám đốc

Tầng 3 nhà A1 Công ty TNHH MTV Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

Số 148 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 01222666246



XỔ SỐ KIẾN THIẾT MIỀN BẮC

VÉ 10.000 đ - 15 KÝ HIỆU

Hàng ngày, Hội đồng Xổ số kiến thiết Miền Bắc tổ chức phát hành 15 ký hiệu vé 10.000 đ

MỞ THUỞNG VÀO TẤT CẢ CÁC NGÀY TRONG TUẦN

CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG NHƯ SAU

Tổng số có: 81.150 giải thưởng

BỘ GIẢI ĐẶC BIỆT

Mỗi giải 200 Triệu đồng

3 TỶ ĐỒNG



15.000 GIẢI KHUYẾN KHÍCH CỦA GIẢI ĐẶC BIỆT - MỖI GIẢI 40.000 Đ

Cho các vé có 2 số cuối (Hàng chục, hàng đơn vị) trùng với 2 số cuối của Giải Đặc biệt

BỘ GIẢI NHẤT: 300 TRIỆU ĐỒNG

MỖI GIẢI 20 TRIỆU ĐỒNG

Quay 1 lần 5 số

30 GIẢI NHÌ	- Mỗi giải 5.000.000 đ	(Quay 2 lần 5 số)
90 GIẢI BA	- Mỗi giải 2.000.000 đ	(Quay 6 lần 5 số)
600 GIẢI TƯ	- Mỗi giải 400.000 đ	(Quay 4 lần 4 số)
900 GIẢI NĂM	- Mỗi giải 200.000 đ	(Quay 6 lần 4 số)
4.500 GIẢI SÁU	- Mỗi giải 100.000 đ	(Quay 3 lần 3 số)
60.000 GIẢI BẢY	- Mỗi giải 40.000 đ	(Quay 4 lần 2 số)

Vé trùng nhiều giải được lĩnh đủ giá trị các giải

Đồng thời, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thủ Đô phát hành các loại hình:

- **LÔ TÔ 2 SỐ, 3 SỐ, 4 SỐ**
- **LÔ TÔ TỰ CHỌN CÁC CẶP SỐ**
- **ĐẶC BIỆT, XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN:**
 - Có hầu hết các loại hình xổ số
 - Xổ số Điện toán 1-2-3 và 6x36 có cơ hội trúng thưởng 6 tỷ đồng
 - Có thể tự do lựa chọn số

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ

Số tin:

XS gửi đến 8297

HOẶC 8197, HOẶC 8597, HOẶC 8797

Chúc Các bạn May mắn !

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ**

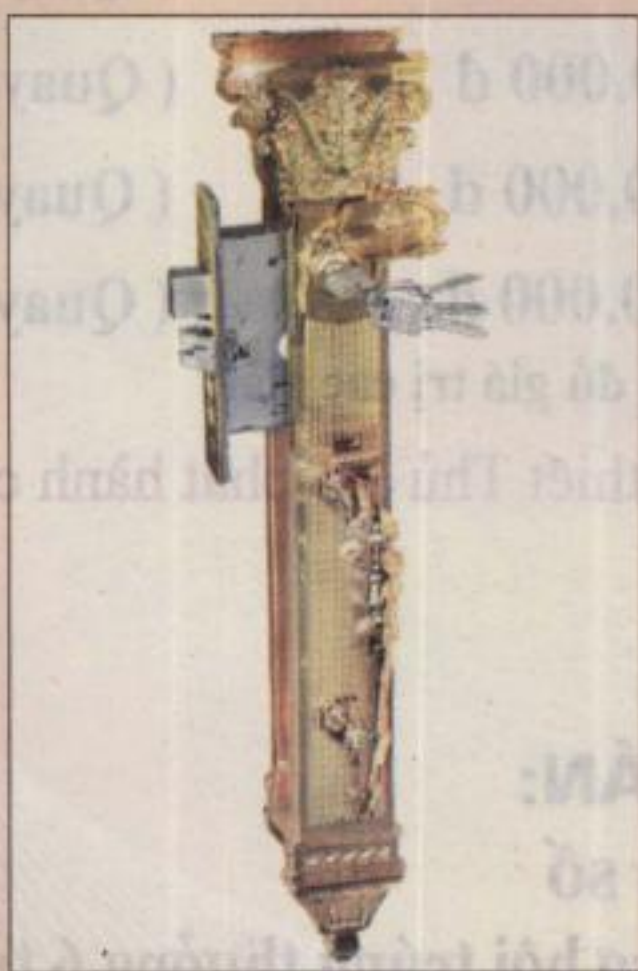
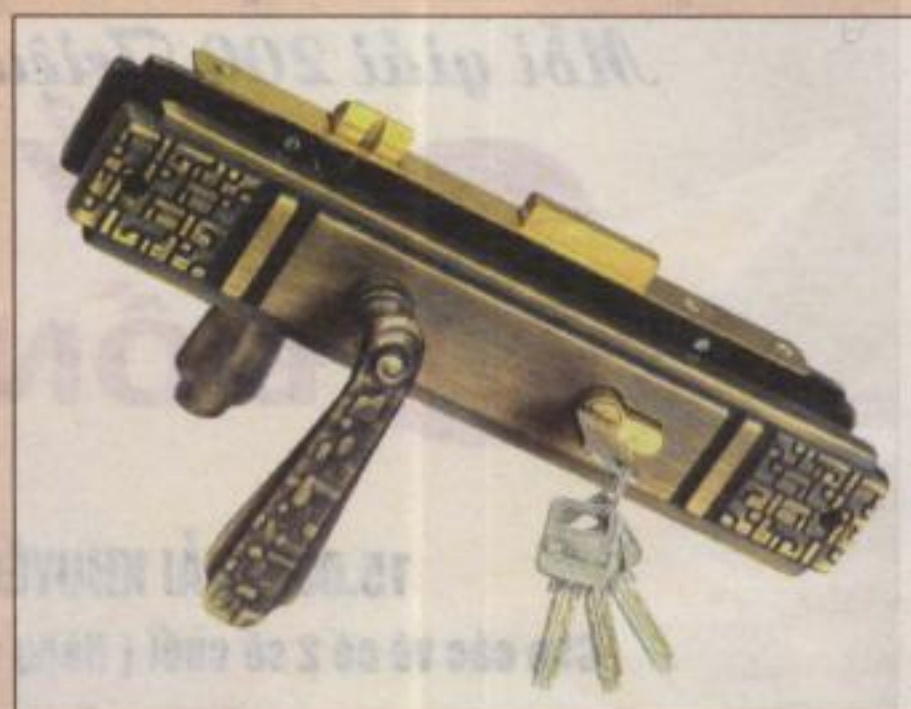
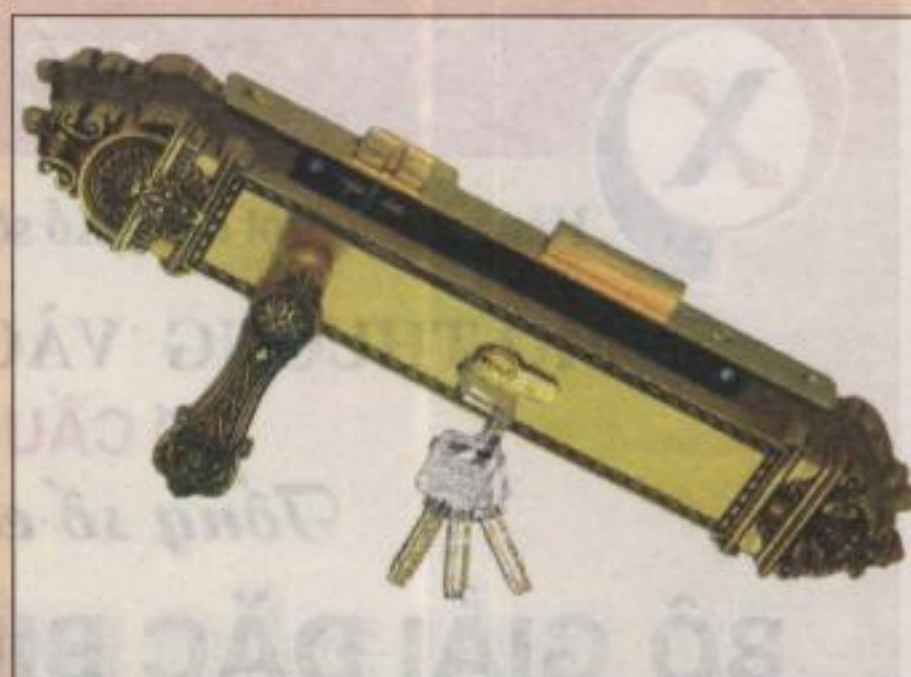
KHÓA VIỆT - TIỆP

Công ty Cổ phần Khóa Việt - Tiếp là doanh nghiệp lớn nhất và hiện đại nhất Việt Nam với các sản phẩm khóa và các mặt hàng kim khí tiêu dùng cao cấp, được sản xuất trên các dây chuyền, thiết bị hiện đại của Nhật Bản, Hàn Quốc, Cộng hòa Séc và Đài Loan. Khóa Việt - Tiếp là sản phẩm của hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001 - 2008.

Trải qua 38 năm hình thành và phát triển, Khóa Việt - Tiếp đã trở thành một thương hiệu mạnh, nhiều năm liền được người tiêu dùng bình chọn là "Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao".

Khóa Việt - Tiếp hiện có mặt rộng khắp tại các tỉnh thành trong cả nước với trên 200 đại lý phân phối và 2 chi nhánh tại Đà Nẵng, TP HCM.

Đến với Khóa Việt - Tiếp, Quý khách sẽ có nhiều sự lựa chọn như: Khóa cửa, Khóa Tay Nắm Tròn, Khóa Clemon đồng, Khóa chống cắt chìa thay đổi góc, Khóa cửa cao cấp đa dạng về mẫu mã với ổ khóa chống dò chìa, chống khoan phá và hệ thống ổ chìa Marsterkey rất an toàn, sang trọng, thuận tiện khi sử dụng và phù hợp với các công trình nhà ở, khách sạn, biệt thự.



Một số mẫu sản phẩm mới

KHÓA VIỆT - TIỆP NIỀM TIN CỦA MỌI NHÀ!

Mọi chi tiết xin liên hệ tại các đại lý hoặc Công ty CP Khóa Việt - Tiếp để được tư vấn và hướng dẫn.

CÔNG TY CP KHÓA VIỆT - TIỆP

Địa chỉ: Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội.

Điện thoại tại Hà Nội: 04 38832442.

Tại Đà Nẵng: 0511 3629919.

Tại TP Hồ Chí Minh: 08 62931773.

Email: info@khoaviettiep.com.vn.

Website: <http://www.khoaviettiep.com.vn>

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Phó tổng biên tập phụ trách : KHUẤT QUANG THUY ● Phó tổng biên tập : THÀNH ĐỨC TRINH BẢO

● Tòa soạn, Trại sự : 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội. ● Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

● Email: thukybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghehthuathvn@gmail.com.

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, TP Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa -

Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. ● In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

● ISSN 0866 - 0815 ● MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội ● Trình bày: PHẠM MINH HẢI

● Giá: 28.000 đồng.